

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

SIN THONE KEOKHAMPHENG

THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI)  
VÀO NGÀNH DU LỊCH Ở NƯỚC CỘNG HÒA  
DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

LUẬN ÁN TIẾN SĨ  
NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ



HÀ NỘI - 2025

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

**SIN THONE KEOKHAMPHENG**

**THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI)  
VÀO NGÀNH DU LỊCH Ở NƯỚC CỘNG HÒA  
DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

**NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ**

**Mã số: 931 01 02**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:**

**1. PGS.TS NGUYỄN KHẮC THANH**



**2. TS NGUYỄN THANH SƠN**



**HÀ NỘI - 2025**

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là luận án nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu được đưa ra trong luận án đều trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

**Tác giả**

A handwritten signature in black ink on a light yellow background. The signature is stylized and appears to read 'Sin Thone Keokhamheng'.

**SIN THONE KEOKHAMPHENG**

## MỤC LỤC

MỞ ĐẦU .....	1
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN VỀ THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO NGÀNH DU LỊCH Ở NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO .....	8
1.1. Những nghiên cứu có liên quan về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch ở ngoài nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.....	8
1.2. Những nghiên cứu có liên quan về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch ở nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào .....	17
1.3. Khái quát kết quả về tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài .....	25
Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO NGÀNH DU LỊCH Ở NƯỚC TIẾP NHẬN ĐẦU TƯ .....	29
2.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch .....	29
2.2. Nội dung, tiêu chí và các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch ở nước tiếp nhận đầu tư .....	56
2.3. Kinh nghiệm thu hút và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch của một số nước và bài học rút ra cho Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào .....	85
Chương 3. THỰC TRẠNG THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO NGÀNH DU LỊCH Ở CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO GIAI ĐOẠN 2010 – 2023 .....	91
3.1. Những thuận lợi, khó khăn đối với thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào .....	91
3.2. Tình hình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào giai đoạn 2010 - 2022.....	105
3.3. Đánh giá tình hình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.....	123

Chương 4. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO NGÀNH DU LỊCH Ở CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO ĐẾN NĂM 2030 .....	134
4.1. Phương hướng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào du lịch ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đến năm 2030 .....	134
4.2. Các giải pháp đẩy mạnh thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào .....	145
KẾT LUẬN .....	172
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN .....	175
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	176
PHỤ LỤC .....	186

## BẢNG DANH MỤC CÁC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

<b>Chữ viết tắt</b>	<b>Chữ hoàn chỉnh</b>
AEC	Cộng đồng Kinh tế ASEAN
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam á
CHDCND	Cộng hòa dân chủ nhân dân
CNH, HĐH	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
ĐTNN	Đầu tư nước ngoài
FDI	Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài
FTA	Hiệp định thương mại tự do
NDCM	Nhân dân cách mạng
NSNN	Ngân sách Nhà nước
WTO	Tổ chức thương mại thế giới

## DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU ĐỒ

Bảng 3.1: Số lượng dự án FDI đầu tư nước CHDCND qua các năm từ 2013 - 2023 .....	97
Bảng 3.2: Cơ cấu FDI vào du lịch so với các ngành khác ở nước CHDCND Lào 2010 - 2023 .....	106
Bảng 3.3. Sự phát triển hệ thống giao thông vận tải ở nước CHDCND Lào (2010 - 2023).....	109
Bảng 3.4: Số khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, khu vui chơi nhằm đáp ứng sự phát triển kinh tế du lịch ở nước CHDCND Lào từ năm 2011 - 2020 .....	110
Bảng 3.5: Nguồn nhân lực trong phát triển du lịch ở nước CHDCND Lào 2010 - 2023.....	114
Bảng 3.6. Kế hoạch dự báo phát triển nhân lực ngành Thông tin, Văn hóa và Du lịch giai đoạn 2020 - 2025.....	115
Bảng 3.7: FDI vào ngành du lịch theo địa bàn Lào phân theo các vùng giai đoạn 2012 - 2023 .....	118
Bảng 3.8: Tổng vốn đầu tư FDI vào phát triển kinh tế - xã hội Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào giai đoạn 2010 - 2023 .....	120
Bảng 3.9: Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm của Lào 2012 - 2023 .....	125
Bảng 3.10: Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào 2010 - 2023 .....	127
Biểu đồ 3.1: Số địa điểm du lịch tính đến năm 2023 ở nước CHDCND Lào .....	108

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI - Foreign Direct Investment) nói chung và thu hút FDI vào du lịch nói riêng là vấn đề có ý nghĩa cực kỳ quan trọng, là xu thế của các quốc gia trong khu vực và trên thế giới hiện nay. Thu hút FDI vào ngành du lịch đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế, tạo việc làm và nâng cao vị thế của quốc gia trên bản đồ du lịch thế giới. FDI vào ngành du lịch giúp đầu tư vào các cơ sở hạ tầng du lịch như khách sạn, khu nghỉ dưỡng, sân bay, cảng biển, hệ thống giao thông, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách, đồng thời thúc đẩy đầu tư vào việc khai thác và phát triển các điểm du lịch mới, tạo ra các điểm đến hấp dẫn và thu hút du khách quốc tế; giúp nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, mạng lưới internet, hệ thống thanh toán điện tử, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và cung cấp dịch vụ du lịch; tạo ra nhiều cơ hội việc làm trực tiếp và gián tiếp trong ngành du lịch, từ khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch, đến sản xuất, vận chuyển, và nhiều lĩnh vực khác, đồng thời thúc đẩy phát triển các ngành nghề liên quan đến du lịch, tạo ra nhiều cơ hội kinh doanh và tăng thu nhập cho người dân địa phương; giải quyết vấn đề thất nghiệp, đặc biệt ở những vùng kinh tế khó khăn, góp phần cải thiện đời sống của người dân; giúp chuyển giao công nghệ, kỹ thuật quản lý, và tiêu chuẩn dịch vụ quốc tế, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch và nâng cao năng lực cạnh tranh, đồng thời thu hút các công ty du lịch nước ngoài có kinh nghiệm và năng lực, thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong sản phẩm, dịch vụ, và mô hình kinh doanh du lịch. FDI vào du lịch đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy du lịch bền vững, bảo vệ môi trường, và phát triển cộng đồng địa phương, tạo điều kiện để quốc gia thu hút du khách quốc tế, giới thiệu văn hóa, lịch sử, và các điểm du lịch đặc sắc, góp phần nâng cao hình ảnh của đất



nước trên bản đồ du lịch thế giới, đồng thời thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cải thiện cán cân thương mại, và thu hút đầu tư vào các lĩnh vực khác của nền kinh tế. FDI vào du lịch tạo điều kiện để quốc gia hợp tác với các đối tác quốc tế trong lĩnh vực du lịch, chia sẻ kinh nghiệm, và nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành du lịch.

CHDCND Lào là một nước đang phát triển, nhiều nguồn lực về tài nguyên thiên nhiên và con người nhưng chưa được khai thác một cách hiệu quả. Nguyên nhân vì trình độ phát triển vẫn còn thấp, thiếu các nguồn lực khác cho phát triển, nhất là về vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý. Vì vậy, quy mô sản xuất và tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước và mở rộng hợp tác quốc tế. Du lịch được xem là một trong những lĩnh vực có vai trò quan trọng đối với sự phát triển nền kinh tế, giúp cho CHDCND Lào có thêm nguồn ngoại tệ, tạo công ăn việc làm, hỗ trợ tốt chính sách giảm nghèo. Với nhiều điểm du lịch đặc sắc, hấp dẫn, thời gian qua, CHDCND Lào đã và đang là sự lựa chọn của không ít của du khách trong nước và quốc tế. Ngành công nghiệp “không khói” của đất nước Triệu Voi đã mang lại những kết quả tích cực cho nền kinh tế, giúp thúc đẩy các ngành nghề kinh doanh liên quan đến du lịch, tạo nhiều việc làm cho người dân, kích thích phát triển cơ sở hạ tầng. Trong những năm qua, CHDCND Lào triển khai nhiều hoạt động phong phú liên quan tới phát triển du lịch như: Phát triển du lịch thiên nhiên, văn hóa và lịch sử; nâng cao nhận thức xã hội về vai trò và tầm quan trọng của du lịch; lấy khuyến khích du lịch làm chìa khóa tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau và tình hữu nghị của các quốc gia, giúp thúc đẩy kết nối giữa CHDCND Lào với các nước trong khu vực và trên thế giới; Nhiều hội chợ hàng hóa, du lịch với các gian hàng trưng bày sản phẩm thủ công, mỹ nghệ của CHDCND Lào và nhiều nước như Việt Nam, Thái Lan, Malaysia... đã được tổ chức.

Đầu tư FDI đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của ngành du lịch ở CHDCND Lào. FDI cung cấp nguồn vốn để xây dựng khách sạn, khu nghỉ dưỡng, cơ sở hạ tầng giao thông và giải trí, giúp nâng cao tiêu chuẩn dịch vụ và đa dạng hóa lựa chọn lưu trú. Đồng thời, FDI góp phần cải thiện chất lượng dịch vụ thông qua đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao công nghệ và đưa các tiêu chuẩn quốc tế vào ngành du lịch Lào. FDI cũng thúc đẩy sự phát triển các loại hình du lịch mới như du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm, và du lịch cộng đồng, làm phong phú thêm trải nghiệm du lịch. Các nhà đầu tư nước ngoài mang theo mạng lưới tiếp thị toàn cầu và ứng dụng công nghệ, giúp quảng bá hình ảnh du lịch CHDCND Lào đến với du khách quốc tế. FDI tạo ra nhiều cơ hội việc làm và tăng thu nhập cho người dân địa phương, đóng góp vào GDP và thu hút ngoại tệ, thúc đẩy phát triển kinh tế. Tuy nhiên, chính phủ CHDCND Lào cần có chính sách quản lý chặt chẽ để đảm bảo các dự án FDI tuân thủ pháp luật, bảo vệ môi trường và văn hóa, hướng tới sự phát triển bền vững của ngành du lịch. FDI đóng vai trò then chốt trong việc khai thác tiềm năng du lịch ở CHDCND Lào, nhưng cần có sự quản lý và định hướng đúng đắn để mang lại lợi ích cho tất cả các bên liên quan.

Đối với CHDCND Lào, việc thu hút vốn FDI vào ngành du lịch đã trải qua một quá trình phát triển từ cuối thế kỷ XX đến nay và những thành tựu đạt được góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội. Trải qua 20 năm kể từ khi Luật Đầu tư nước ngoài được áp dụng, hoạt động FDI vào ngành du lịch đã có những đóng góp tích cực vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội ở CHDCND Lào. Tuy nhiên việc thu hút FDI vào ngành du lịch ở CHDCND Lào hiện nay vẫn còn những hạn chế nhất định: Tác động của vốn FDI chưa tạo ra một tăng trưởng ổn định và bền vững cho nền kinh tế ở CHDCND Lào; tỷ lệ thu hút FDI vào du lịch không đồng đều, phần lớn các dự án có quy mô nhỏ, thậm chí có dự án chỉ vài chục nghìn USD. Thiếu kinh nghiệm và kỹ năng quản lý có thể dẫn đến việc CHDCND Lào mất kiểm soát

về quy hoạch và phát triển du lịch; sự thiếu đồng bộ giữa các kế hoạch phát triển của các nhà đầu tư nước ngoài có thể dẫn đến sự cạnh tranh không lành mạnh và ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của du lịch. Các dự án du lịch quy mô lớn có thể tác động tiêu cực đến môi trường, gây ô nhiễm, phá hủy cảnh quan và làm suy giảm nguồn tài nguyên thiên nhiên; du lịch đại trà có thể làm mất đi bản sắc văn hóa địa phương, dẫn đến sự đồng hóa văn hóa và mất đi giá trị truyền thống. CHDCND Lào thiếu nhân lực có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý du lịch; sự thiếu hụt năng lực quản lý có thể dẫn đến việc không thể quản lý hiệu quả các dự án đầu tư nước ngoài và đảm bảo lợi ích quốc gia. Cơ sở hạ tầng du lịch ở CHDCND Lào vẫn còn hạn chế, đặc biệt là ở các vùng nông thôn; thiếu dịch vụ hỗ trợ như hướng dẫn viên du lịch, dịch vụ lễ hành, dịch vụ y tế,... có thể làm giảm chất lượng dịch vụ du lịch.

Cho đến nay, việc nghiên cứu về thu hút FDI vào du lịch ở CHDCND Lào vẫn còn nhiều hạn chế: Hầu hết các nghiên cứu hiện nay tập trung vào việc phân tích số lượng FDI và các yếu tố thu hút FDI vào du lịch, nhưng thiếu đi những phân tích sâu về tác động của FDI đến các khía cạnh khác nhau của du lịch CHDCND Lào; cần có thêm nghiên cứu về tác động của FDI đến tăng trưởng kinh tế, việc làm, thu nhập, mức sống của người dân địa phương, cũng như tác động đến môi trường và văn hóa. Cần nghiên cứu về hiệu quả của cơ chế quản lý FDI trong du lịch CHDCND Lào, đánh giá vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước, khả năng giám sát và kiểm soát các hoạt động đầu tư nước ngoài; nghiên cứu về hiệu quả của các chính sách thu hút FDI, đánh giá mức độ phù hợp và hiệu quả của các ưu đãi, chính sách hỗ trợ và quy định pháp lý liên quan đến FDI vào du lịch, nghiên cứu về tác động của FDI đến môi trường, văn hóa, xã hội và sự phát triển bền vững của ngành du lịch; nghiên cứu về việc thực hiện các tiêu chuẩn du lịch bền vững trong các dự án đầu tư nước ngoài và các biện pháp bảo vệ môi trường và văn hóa địa phương còn ít... Việc lấp đầy

những khoảng trống nghiên cứu này sẽ giúp CHDCND Lào có cái nhìn toàn diện hơn về tác động của FDI vào ngành du lịch, đưa ra những chính sách hiệu quả hơn để thu hút đầu tư, phát triển du lịch bền vững và nâng cao vị thế của CHDCND Lào trên bản đồ du lịch thế giới.

Với những lý do trên, nghiên cứu sinh chọn: ***“Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào ngành du lịch ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào”*** làm đề tài luận án tiến sĩ kinh tế, chuyên ngành kinh tế chính trị.

## **2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án**

### **2.1. Mục đích nghiên cứu**

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về thu hút FDI vào ngành du lịch, phân tích và đánh giá thực trạng thu hút FDI vào ngành du lịch ở CHDCND Lào, luận án đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm thu hút FDI vào ngành du lịch ở CHDCND Lào hiện nay.

### **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Hệ thống hóa, làm rõ những vấn đề lý luận về thu hút FDI vào ngành du lịch và vai trò của FDI vào ngành du lịch với nước tiếp nhận đầu tư.
- Phân tích, đánh giá thực trạng thu hút FDI vào ngành du lịch ở CHDCND Lào.
- Đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm thu hút FDI vào ngành du lịch, phát huy vai trò của FDI vào ngành du lịch ở CHDCND Lào.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Luận án nghiên cứu thu hút FDI vào ngành du lịch ở nước CHDCND Lào hiện nay.

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Về không gian, luận án nghiên cứu trên phạm vi nước CHDCND Lào.
- Thời gian nghiên cứu, từ khi ban hành Luật khuyến khích và quản lý thu hút đầu tư ở CHDCND Lào (20/06/1994), nhưng chủ yếu tập trung nghiên cứu từ năm 2010 đến năm 2023.

## **4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận án**

### **4.1. Cơ sở lý luận**

Luận án nghiên cứu trên cơ sở vận dụng tư duy kinh tế chủ nghĩa Mác - Lênin, các học thuyết kinh tế hiện đại và quan điểm của Đảng NDCM Lào, chính sách của Nhà nước CHDCND Lào về quản lý và huy động vốn thu hút FDI vào ngành du lịch và các vấn đề liên quan đến việc thực hiện thu hút FDI ở CHDCND Lào. Kế thừa những kết quả, nghiên cứu của các công trình nghiên cứu đã được công bố có liên quan đến đề tài.

### **4.2. Phương pháp nghiên cứu**

Ngoài những phương pháp thông thường và phổ biến trong việc nghiên cứu lý luận như phương pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử và lôgic..., luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu như:

Phương pháp phân tích thống kê, sử dụng dữ liệu thống kê về FDI, du lịch, kinh tế xã hội để phân tích xu hướng, mối quan hệ và tác động của FDI vào ngành du lịch ở CHDCND Lào sử dụng ở chương tổng quan của luận án.

Phương pháp thu thập và phân tích các tài liệu liên quan đến chính sách, quy định, báo cáo, nghiên cứu về FDI và du lịch ở CHDCND Lào để tìm hiểu bối cảnh, các vấn đề và giải pháp sử dụng trong các chương 2, chương 3 và chương 4 của luận án.

Phương pháp trừu tượng hóa khoa học, logic, nhận định để đánh giá về tác động của FDI vào du lịch ở CHDCND Lào nhằm rút ra những kết luận mới nhất và có cơ sở khoa học rõ ràng, hỗ trợ cho mục tiêu nghiên cứu của đề tài luận án, sử dụng chương 3, chương 4 của luận án.

## **5. Những đóng góp của luận án**

Luận án bổ sung thêm kiến thức về mối quan hệ giữa FDI và du lịch, phân tích tác động của FDI đến các khía cạnh khác nhau của ngành du lịch ở CHDCND Lào.

Cung cấp những kiến thức, dữ liệu và phân tích khoa học để hỗ trợ các cơ quan quản lý nhà nước xây dựng và thực hiện các chính sách thu hút FDI hiệu

qua, đánh giá tác động của FDI đến ngành du lịch ở CHDCND Lào, giúp các bên liên quan nắm bắt được những lợi ích, hạn chế và các vấn đề cần giải quyết. Góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng về vai trò của FDI trong phát triển du lịch ở CHDCND Lào, góp phần thúc đẩy phát triển du lịch bền vững ở CHDCND Lào, bảo vệ môi trường, văn hóa và lợi ích của cộng đồng địa phương.

Luận án góp phần xác định xu hướng thu hút FDI vào du lịch ở CHDCND Lào tới năm 2030, những quan điểm đóng góp một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thu hút và sử dụng FDI ở CHDCND Lào đúng hướng, quy luật khách quan để thực hiện. Đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường thu hút và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn FDI cho ngành du lịch ở CHDCND Lào.

Luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo đối với việc giảng dạy nghiên cứu về thu hút FDI cũng như đối với cơ quan hoạch định chính sách đối ngoại, các cơ quan ban ngành du lịch ở CHDCND Lào.

## **6. Kết cấu luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận án gồm có 4 chương.

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch ở nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

Chương 2: Cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch ở nước tiếp nhận đầu tư.

Chương 3: Thực trạng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào giai đoạn 2010 - 2022.

Chương 4: Phương hướng và giải pháp tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đến năm 2030.

## Chương 1

# TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN VỀ THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO NGÀNH DU LỊCH Ở NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

## 1.1. NHỮNG NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN VỀ THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO NGÀNH DU LỊCH Ở NGOÀI NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

### 1.1.1. Một số công trình nghiên cứu về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong ngành du lịch ở Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Trang (2016), “*Các giải pháp nhằm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển ngành du lịch Việt Nam*” [33]. Qua nghiên cứu, tác giả khẳng định nhu cầu vốn đầu tư cho phát triển du lịch rất cao và trong các nguồn vốn đầu tư bên ngoài, FDI đóng vai trò chủ đạo, FDI không chỉ đưa vốn vào nước tiếp nhận mà đi kèm với vốn là kỹ thuật, công nghệ, bí quyết kinh doanh, năng lực marketing. Từ đó, tác giả đã đi vào phân tích thực trạng thu hút vốn FDI vào ngành du lịch Việt Nam dựa trên các nội dung như: Nhịp độ thu hút vốn đăng ký; Quy mô bình quân một dự án; Phân bổ vốn đăng ký theo chủ đầu tư; Phân bổ vốn đăng ký theo vùng lãnh thổ. Đề xuất một số biện pháp nhằm thu hút FDI vào lĩnh vực du lịch ở Việt Nam bao gồm việc tăng cường hoạt động xúc tiến đầu tư và quảng bá du lịch; xây dựng kế hoạch phát triển du lịch; cải thiện hệ thống pháp luật và chính sách khuyến khích đầu tư trong ngành du lịch; thiết lập cơ chế hợp tác hiệu quả giữa các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực du lịch; cung cấp hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp; và tăng cường đào tạo nguồn nhân lực cho ngành du lịch.

Lê Tuấn Anh (2016), “*Hoàn thiện chiến lược phát triển ngành du lịch Việt Nam trong bối cảnh Cộng đồng kinh tế ASEAN được thành lập*” [2]. Tác

giả khẳng định trải qua gần ba thập kỷ tiến hành công cuộc đổi mới ngành du lịch Việt Nam đã có bước phát triển vượt bậc; tuy nhiên vẫn còn nhiều tiềm năng, nguồn lực chưa được sử dụng, khai thác hết. Công trình của tác giả đã khái quát thực trạng phát triển ngành du lịch Việt Nam những năm qua, chỉ rõ một trong những điểm yếu của du lịch Việt Nam là vấn đề cơ sở hạ tầng. Tác giả cho rằng:

“Cơ sở hạ tầng đã được quan tâm đầu tư nâng cấp; tuy nhiên, vẫn còn phát triển chậm, thiếu đồng bộ, tính kết nối liên quốc gia còn hạn chế. Sự quá tải của hệ thống đường bộ, cảng hàng không, sự lạc hậu, xuống cấp của ngành đường sắt là điểm yếu dễ nhận thấy trong chiến lược phát triển du lịch. Cùng với sự quá tải của hạ tầng là tình trạng ô nhiễm môi trường cũng ngày càng nghiêm trọng sẽ tác động xấu đến sự phát triển của du lịch trong tương lai” [2, tr.75].

Từ việc phân tích trên, tác giả đề xuất đẩy mạnh triển khai kế hoạch thu hút FDI từ các quốc gia thuộc khu vực AEC vào phát triển dịch vụ du lịch. Chú trọng kêu gọi đầu tư đến các tập đoàn du lịch đã đứng chân thành công tại các quốc gia trong khu vực, từ đó tạo thành các chuỗi điểm du lịch kết nối chặt chẽ giữa Việt Nam với ngành du lịch tại các quốc gia AEC theo mô hình chuỗi giá trị. Phát huy thế mạnh là sức hút của một nền kinh tế năng động, tăng trưởng nhanh, dân số trẻ, thu nhập đang tăng để thu hút vốn đầu tư vào lĩnh vực du lịch bởi vì sự phát triển kinh tế luôn là điều kiện cần để phát triển các loại hình du lịch. Tranh thủ triệt để nguồn vốn, kỹ năng quản trị, nguồn nhân lực chất lượng cao, thương hiệu uy tín để xây dựng được cho Việt Nam các khu du lịch có đẳng cấp thế giới.

Nguyễn Hồ Minh Trang (2017), “*Thu hút vốn đầu tư để phát triển du lịch ở tỉnh Thừa Thiên - Huế*” [32]. Từ việc tìm hiểu về thực trạng, tác giả đi đến phân tích một số giải pháp nhằm thu hút đầu tư phát triển du lịch ở Thừa Thiên - Huế. Theo tác giả, để có đủ nguồn vốn đáp ứng nhu cầu phát



triển ngành du lịch tất yếu phải tạo môi trường đầu tư thông thoáng và thu hút vốn từ nhiều nguồn và nhiều thành phần kinh tế khác nhau. Đặc biệt là xây dựng cơ chế khuyến khích các nguồn vốn trong xã hội đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng. Chẳng hạn như huy động các nguồn vốn khác như BOT, BT, đổi đất lấy hạ tầng, kêu gọi các nguồn viện trợ từ các nước phát triển. Tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ của các tổ chức quốc tế như: Viện trợ không hoàn lại, vốn đầu tư phát triển của Ngân hàng Thế giới... Mặt khác, huy động vốn FDI trên cơ sở tạo môi trường đầu tư thông thoáng để kêu gọi đầu tư từ nước ngoài vào phát triển ngành du lịch Thừa Thiên - Huế.

Nguyễn Chí Dũng (2018), *“Tầm nhìn mới, cơ hội mới cho đầu tư nước ngoài tại Việt Nam”* [5], tác giả đã khẳng định chặng đường 30 năm thu hút FDI, Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. 30 năm qua, khu vực đầu tư nước ngoài ngày càng phát triển, trở thành một trong những khu vực năng động nhất của nền kinh tế. Đồng thời khẳng định FDI đã góp phần phát triển nhiều ngành dịch vụ chất lượng cao như tài chính - ngân hàng, bảo hiểm, kiểm toán, tư vấn luật, vận tải biển, logistics, giáo dục - đào tạo, y tế, siêu thị, khách sạn, du lịch... Trước những bối cảnh mới theo tác giả tới đây cần định hướng chiến lược về thu hút FDI cần được điều chỉnh theo định hướng như sau: Về ngành, lĩnh vực, ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài vào các ngành, lĩnh vực công nghệ cao, tiên tiến, công nghệ thân thiện với môi trường, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; sản xuất thiết bị y tế, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, giáo dục và đào tạo, du lịch chất lượng cao.

Phạm Xuân Hùng (2018), *“Nghiên cứu các giải pháp thu hút đầu tư vào lĩnh vực du lịch tại tỉnh Quảng Bình”* [7]. Tác giả đã phân tích thực trạng thu hút đầu tư vào lĩnh vực du lịch tại Quảng Bình - một trong những địa phương có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch ở khu vực miền Trung Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, ngành du lịch Quảng Bình đã có sự phát

triển mạnh mẽ trong những năm gần đây nhờ vào các tiềm năng về du lịch, đầu tư cơ sở hạ tầng và sự ủng hộ của chính quyền địa phương. Tác giả cũng chỉ rõ trong điều kiện tiềm lực của nhà đầu tư trong nước còn nhiều hạn chế, việc huy động nguồn vốn FDI là vấn đề hết sức cần thiết. Do vậy, việc tăng cường giới thiệu, quảng bá và ban hành các cơ chế hợp lý để tạo những điều kiện tối ưu, nhằm thu hút nguồn vốn FDI là cấp thiết và mang tính chiến lược lâu dài đối với tỉnh Quảng Bình.

Vũ Tuấn Hưng (2021), *“Tác động của phát triển du lịch và tăng trưởng kinh tế lên thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Đông Nam Á”* [11]. Qua nghiên cứu công trình, tác giả đi đến khẳng định những điều kiện thuận lợi ở nước tiếp nhận đầu tư có vai trò quan trọng trong việc thu hút FDI vào du lịch đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở nước tiếp nhận đầu tư. Theo tác giả:

“Việt Nam có nhiều lợi thế về điều kiện tự nhiên, có đường bờ biển dài và có sự kết hợp với rừng núi hùng vĩ. Tuy nhiên, chưa có nhiều dòng vốn FDI thực hiện đầu tư trong ngành du lịch, các sản phẩm du lịch và điểm đến chủ yếu được thực hiện bởi các nhà đầu tư trong nước, điều đó dẫn đến chưa tạo sự đa dạng trong sản phẩm du lịch, có sự trùng lặp nhau giữa các địa phương, đầu tư manh mún và chưa tạo được sức bật trong nền kinh tế” [11, tr.25-26].

Phùng Thị Lan Phương (2021), *“Báo cáo nghiên cứu đầu tư trực tiếp của Australia tại Việt Nam: Đánh giá hiệu quả thực tế và những giải pháp chính sách”* [20]. Công trình nghiên cứu của tác giả đã đánh giá tổng quát về đầu tư FDI của Việt Nam và chỉ ra những tác động FDI vào du lịch ở Việt Nam. Tác giả cho biết “cơ cấu vốn đăng ký và số dự án đầu tư FDI vào Việt Nam ở các ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống chiếm 3,1% tổng lượng vốn đăng ký” [20, tr.19]. Đồng thời, FDI vào du lịch cùng với bất động sản, bán buôn, bán lẻ và thông tin truyền thông là những ngành dịch vụ thu hút lượng FDI lớn nhất của Việt Nam trong những năm gần đây [20, tr.18].

Lê Trí Thanh (2022), “*Một số kinh nghiệm của tỉnh Quảng Nam trong thu hút đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh*” [31] đã khẳng định sau 25 năm tái lập tỉnh (1997 - 2022), hoạt động thu hút đầu tư của tỉnh Quảng Nam đạt nhiều kết quả nổi bật trên các lĩnh vực du lịch đặc biệt là du lịch nghỉ dưỡng. Qua đó, tác giả chỉ ra một số kinh nghiệm trọng trong thu hút đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh: *Thứ nhất*, đẩy mạnh cải cách hành chính, hoàn thiện thể chế để cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh; *Thứ hai*, chú trọng công tác quy hoạch tổng thể để thu hút đầu tư; *Thứ ba*, đồng hành, hỗ trợ, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư, doanh nghiệp.

### **1.1.2. Một số công trình nghiên cứu về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào phát triển kinh tế và ngành du lịch ở Thái Lan**

Chu-pha-thip Yemchitmetta (1991), “*Đầu tư trực tiếp của nước ngoài tại Thái Lan*” [92]. Trong luận án, tác giả tập trung phân tích hai khía cạnh quan trọng. Trước hết, tác giả tìm hiểu về hệ thống công chức, nêu rõ rằng nó đang đối diện với nhiều thách thức. Thứ hai, nghiên cứu tình hình thu hút vốn FDI từ Nhật Bản đối với Thái Lan. Trong phần nghiên cứu về rào cản đối với đầu tư của Nhật Bản tại Thái Lan, tác giả đã chỉ ra rằng sự trì trệ và sự thiếu hụt các tiện ích cần thiết, cùng với các vấn đề liên quan đến quy định tạm trú cho người nước ngoài tại Thái Lan, đóng một vai trò quan trọng trong việc ngăn chặn đầu tư từ Nhật Bản. Ngoài ra, tìm hiểu về các khó khăn trong đầu tư, tác giả cũng xác định rõ quan điểm của nhà đầu tư Nhật Bản về việc cần cải thiện chính sách đầu tư tại Thái Lan. Kết quả cho thấy việc xử lý sự chậm trễ và cải thiện các quy định là nguyên nhân chính gây trở ngại cho đầu tư, và sau đó là cần cải thiện hệ thống cơ sở vật chất cũng như nâng cao chất lượng lao động và nguyên liệu nội địa.

Lê Nết (2014), “*Thu hút FDI bài học từ Thái Lan*” [94]. Tác giả đã trình bày mô hình phát triển quốc gia của Thái Lan, đánh giá rằng mô hình

này được xác định thông qua bốn lĩnh vực quan trọng. Đầu tiên, là sự phát triển của nông nghiệp và sản xuất hiện đại, trong đó tập trung vào việc sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Thứ hai, là việc thúc đẩy công nghiệp nhẹ và dịch vụ gia công cho thị trường quốc tế, cũng như đầu tư vào các dự án công nghiệp nặng như sản xuất ô tô, lọc hóa dầu và nghiên cứu phát triển (R&D) trong các xưởng sản xuất để tạo ra các sản phẩm có thể cạnh tranh trên thị trường toàn cầu. Thứ ba, là sự phát triển của kinh tế tri thức và kinh tế dịch vụ. Từ các lĩnh vực này, tác giả đã đề xuất một số phương pháp cụ thể để thực hiện mô hình phát triển quốc gia tham vọng mà họ đã nêu.

Vũ Ngọc Tú (2021) trong bài viết “*Nguồn vốn hỗ trợ phát triển du lịch - kinh nghiệm từ Thái Lan*” [34]. Tác giả đã đưa ra kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư phát triển du lịch của Thái Lan. Theo đó, Thái Lan đã có chiến lược quốc gia về vốn cho phát triển du lịch được xác định là một trong các ngành kinh tế mũi nhọn, Chính phủ Thái Lan đã quan tâm đầu tư, đề ra nhiều chiến lược phát triển ngành Du lịch. Gần đây nhất, Kế hoạch quốc gia về phát triển du lịch lần 2 (Second National Tourism Development Plan (2017 - 2021) đã vạch ra chiến lược phát triển và lộ trình phát triển du lịch của Thái Lan trong 5 năm tới. Dựa trên kế hoạch phát triển du lịch trước đó, kế hoạch mới xác định năm chiến lược cơ bản, với mục tiêu giải quyết các thách thức với ngành Du lịch Thái Lan, cũng như giúp đưa ngành Du lịch Thái Lan lên một tầm cao mới, cụ thể như sau: Phát triển các địa điểm du lịch, sản phẩm và dịch vụ, bao gồm khuyến khích phát triển bền vững và thân thiện với môi trường. Phát triển và cải thiện các cơ sở hạ tầng và tiện nghi hỗ trợ, đảm bảo không gây ra tác động tiêu cực đến cộng đồng và môi trường địa phương. Tạo sự cân bằng giữa các nhóm mục tiêu du lịch thông qua việc quảng cáo có mục tiêu. Tổ chức hợp tác và hội nhập giữa khu vực công, khu vực tư và công chúng nói chung trong phát triển và quản lý du lịch, bao gồm cả hợp tác quốc tế.

Bùi Kiều Anh (2022), “*Đầu tư trực tiếp nước ngoài: kinh nghiệm của Trung quốc, Thái Lan, Singapore và bài học cho Việt Nam*” [1]. Tác giả khẳng định chỉ sau vài thập kỷ tập trung phát triển kinh tế, Thái Lan đã vượt lên trở thành nhóm dẫn đầu về phát triển kinh tế trong các nước ASEAN. Kết quả này có được một phần là do Chính phủ Thái Lan đã tận dụng tối đa cơ hội để thu hút vốn FDI vào nền kinh tế. Ở Thái Lan, việc thu hút FDI luôn được xem là một trong những yếu tố quan trọng kích thích tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là đối với việc đầu tư vào phát triển ngành du lịch. Mặc dù dòng vốn nước ngoài đã giảm do ảnh hưởng của không ổn chính trị, nhưng nhờ vào việc tập trung vào các lĩnh vực quan trọng và sự linh hoạt trong chính sách, Thái Lan vẫn được coi là một điểm sáng trong việc thu hút FDI tại khu vực ASEAN.

Nguyễn Hồng Quang (2022), “*Một số đặc điểm nổi bật của kinh tế Thái Lan từ năm 2014 đến nay (2021)*” [21]. Từ việc nghiên cứu, tác giả đánh giá những tác động của tình hình thế giới và trong nước ảnh hưởng đến việc thu hút FDI vào du lịch tại Thái Lan song vẫn đạt được những kết quả to lớn. tác giả khẳng định: Về du lịch, chỉ tính riêng trong tháng 12/2013 các cuộc biểu tình kéo dài tại Thái Lan đã khiến rất nhiều du khách huỷ phòng khách sạn, gây thiệt hại cho ngành du lịch khoảng 16 tỷ Bạt. Lượng du khách quốc tế đến Thái Lan đã giảm mạnh từ 26,5 triệu người năm 2013 xuống 24,7 triệu người năm 2014. Mặc dù vậy, ngành du lịch của Thái Lan đã phục hồi nhanh chóng sau đó, đạt đỉnh 39,9 triệu du khách vào năm 2019 [21, tr.34]. Qua đó, tác giả nhận diện các thách thức đối với kinh tế Thái Lan trong đó “có vốn FDI giảm mạnh kể từ năm 2019 đến nay cho thấy sức hấp dẫn của thị trường Thái Lan đang thua kém nhiều nước trong khu vực; việc phụ thuộc quá nhiều vào ngành du lịch cũng bộc lộ những yếu điểm, đặc biệt là giai đoạn dịch bệnh bùng phát tại Thái Lan và các quốc gia khác phải thực hiện các biện pháp phong tỏa kinh tế” [21, tr.35]

Nguyễn Thanh Huyền (2023), “*Kinh nghiệm quốc tế về huy động vốn đầu tư phát triển du lịch và hàm ý đối với Nghệ An*” [8]. Tác giả khẳng định

thời gian qua Thái Lan đã có những chính sách huy động vốn đầu tư phù hợp nhằm thúc đẩy phát triển du lịch. Cụ thể: Thứ nhất, coi trọng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đảm bảo cho phát triển du lịch, đặc biệt là xây dựng đường giao thông hiện đại. Từ rất sớm, Thái Lan đã tận dụng tốt lợi thế với vị trí là cửa ngõ vào khu vực sông Mê Kông để phát triển giao thông, như sân bay, bến cảng, đường thủy... Giai đoạn 2016 - 2020, nguồn vốn NSNN cho đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển du lịch chiếm hơn 30% trong tổng chi NSNN của Thái Lan. Hệ thống giao thông đồng bộ đã thu hút lượng lớn các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào du lịch Thái Lan. Thứ hai, dành sự quan tâm lớn đến nguồn nhân lực du lịch. Thái Lan chú trọng dành nguồn lực đầu tư cho đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên một cách bài bản, toàn diện. Đối với các hướng dẫn viên du lịch ở Thái Lan, yêu cầu đầu tiên là phải biết 3 ngoại ngữ, phục vụ tốt du khách quốc tế đến từ các nước khác nhau... Thứ ba, tăng cường nguồn vốn cho hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch nước nhà. Thái Lan đặc biệt coi trọng hoạt động xúc tiến, quảng bá thông qua hàng loạt chiến dịch với nguồn kinh phí trung bình hàng năm từ 80 triệu đến 150 triệu USD.

### **1.1.3. Một số công trình nghiên cứu về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch ở Trung Quốc**

Fei Chen Fei (2009), "*A research on the Position Factors Guangdong Province Attracting Agriculture FDI*" (Nghiên cứu các yếu tố vị thế tỉnh Quảng Đông thu hút FDI vào nông nghiệp) [96]. Tác giả đã phân tích dựa trên dữ liệu sơ cấp thu được từ phản hồi của các công ty FDI trong lĩnh vực nông nghiệp hoạt động tại tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc - địa phương có số vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp lớn nhất Trung Quốc. Theo tác giả, quy mô thị trường lớn là yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến quy mô FDI trong nông nghiệp ở Quảng Đông. Các yếu tố tiếp theo là cơ sở hạ tầng, chi phí lao động, chất lượng lao động. Chính sách ưu đãi ĐTNN cũng là một lý do quan trọng khác thu hút các nhà ĐTNN bên cạnh chi phí lao động và lợi nhuận đầu tư

cao. Tác giả đã có đóng góp quan trọng trong việc nghiên cứu mức độ mở cửa với thế giới bên ngoài cũng là yếu tố ảnh hưởng đối với quyết định của một số công ty nước ngoài đầu tư vào Quảng Đông, Trung Quốc.

Fetscherin M. Voss H.etal. (2010), “*30 Years of Foreign Direct Investment to China: An Interdisciplinary Literature Review*” (30 năm đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Trung Quốc: Tạp chí tài liệu liên ngành) [95]. Tác giả đã tổng hợp xu hướng FDI ở Trung Quốc hơn 30 năm thông qua việc kiểm tra 422 bài báo của 625 tác giả đã được xuất bản trong 151 tạp chí từ năm 1979 đến năm 2008. Theo các tác giả, những thay đổi về kinh tế và cải cách đã cải thiện lợi thế vị trí của Trung Quốc. Các đặc khu kinh tế bị ràng buộc bởi nguồn lực địa phương, phát triển cơ sở hạ tầng và các cơ sở công nghiệp. Ngoài ra, phát triển kinh tế, trình độ giáo dục, chi phí tiền lương, môi trường thể chế và hỗ trợ tại các tỉnh ở Trung Quốc là những yếu tố quan trọng trong gia tăng quy mô vốn FDI.

Aviral Kumar Tiwari (2011) đã tiến hành nghiên cứu về “*Du lịch, Xuất khẩu và FDI như Một Phương Tiện Tăng Trưởng: Bằng Chứng Từ Bốn Quốc Gia Châu Á*” [97]. Tác giả phân tích tác động của các nguồn thu nhập từ du lịch, xuất khẩu và đầu tư trực tiếp nước ngoài đến sự phát triển kinh tế của bốn quốc gia: Ấn Độ, Trung Quốc, Pakistan và Nga. Bằng cách sử dụng các phương pháp ước lượng trong mô hình tuyến tính, nghiên cứu chỉ ra rằng trong bốn nước trên, du lịch có tác động tích cực và FDI lại có tác động tiêu cực đối với tăng trưởng kinh tế, trong khi tác động của xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tới sự tăng trưởng kinh tế không được chứng minh thuyết phục. Đồng thời, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng nguồn nhân lực và vốn vật chất có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế của các quốc gia này.

Nguyễn Thanh Huyền (2022), “*Kinh nghiệm quốc tế về huy động vốn đầu tư phát triển du lịch và hàm ý đối với Nghệ An*” [8]. Tác giả cho biết thời gian qua, ngành Du lịch Trung Quốc nỗ lực đưa ra những chính sách và giải

pháp huy động vốn đầu tư nhằm thúc đẩy phát triển lĩnh vực du lịch. Thứ nhất, Chính phủ đóng vai trò trụ cột trong dẫn dắt phát triển du lịch bao gồm các chính sách huy động vốn đầu tư cho phát triển du lịch. Trung Quốc luôn tạo điều kiện tài chính cho đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng, kỹ thuật nhằm hiện đại hóa ngành du lịch, đảm bảo những điều kiện vật chất nhất định nhằm phục vụ tốt nhất cho du khách, đồng thời tạo môi trường đầu tư thông thoáng để thu hút đầu tư. Hàng tỷ nhân dân tệ từ nguồn NSNN được chính phủ Trung Quốc chi ra đã giúp cho cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ du lịch ngày càng hiện đại, thu hút lượng lớn khách du lịch nội địa cũng như khách quốc tế. Thứ hai, đầu tư đào tạo nguồn nhân lực chuyên nghiệp. Trung Quốc đã thiết lập được mạng lưới các cơ sở đào tạo du lịch rộng khắp cả nước, chương trình đào tạo đa dạng, phương pháp giảng dạy hiện đại kết hợp với nền tảng cơ sở hạ tầng chất lượng, phù hợp với thực tế. Nguồn nhân lực được đào tạo bài bản đóng vai trò chủ chốt trong thiết kế, thực hiện các chương trình xúc tiến du lịch hiệu quả.

## **1.2. NHỮNG NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN VỀ THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO NGÀNH DU LỊCH Ở NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO**

### **1.2.1. Một số công trình nghiên cứu về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Lào**

Bua Khăm Thíp Pha Vông (2001), “*Đầu tư trực tiếp nước ngoài trong phát triển kinh tế ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*” [56]. Luận án đã đề cập đến việc phân tích tác động của các yếu tố liên quan đến hình thức FDI đối với sự phát triển kinh tế của các quốc gia hiện nay. Tác giả đã nghiên cứu và rút ra các bài học từ kinh nghiệm thu hút và tận dụng nguồn vốn FDI một cách hiệu quả từ các nước thuộc nhóm Các Nền Kinh Tế Mới Nổi (NICs), các thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), và cụ thể là CHDCND Lào trong thời gian gần đây. Từ các phân tích trên, luận án đã xác



định các điều kiện và giải pháp quan trọng để thúc đẩy việc thu hút nguồn FDI trong quá trình phát triển kinh tế của CHDCND Lào, tìm hiểu mối liên hệ chặt chẽ giữa phát triển kinh tế và việc thu hút vốn FDI. Cuối cùng, luận án tổng hợp tác động của FDI đối với sự phát triển kinh tế của CHDCND Lào và trình bày các phương hướng và giải pháp cụ thể nhằm thu hút nguồn vốn FDI một cách hiệu quả tại đất nước này.

Xụ Phăn Kẹo My Xay (2003), *“Vài ý kiến về phát triển Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trở thành được giao lưu trong khu vực”* [66]. Tác giả đã thảo luận về sự cần thiết của việc hoàn thiện môi trường và chính sách thúc đẩy FDI, đánh giá tình hình hiện tại của hệ thống chính sách và tổ chức thu hút FDI ở CHDCND Lào. Điều này đòi hỏi một sự nỗ lực toàn diện và triển khai trong nhiều lĩnh vực, bao gồm kinh tế, chính trị, và kỹ năng quản lý, và phải tuân theo các yêu cầu kỹ thuật, pháp luật, và cơ chế hoạt động. Môi trường này được xác định bằng cách thực hiện một loạt các biện pháp và giải pháp phù hợp. Từ những nỗ lực này, đã đưa ra một số ý kiến về việc phát triển CHDCND Lào nhằm thúc đẩy giao lưu và hợp tác trong khu vực.

Xôm Xạ Ất Un Xi Đa (2005), *“Hoàn thiện các giải pháp tài chính trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đến năm 2010”* [86]. Tác giả cung cấp một cách cấu trúc thông tin về các công cụ tài chính và vai trò của chúng trong việc thu hút FDI ở CHDCND Lào. Tác giả cũng đánh giá hệ thống pháp luật và chính sách thực hiện các công cụ này để thu hút FDI ở CHDCND Lào, cùng với việc xem xét những hạn chế hiện đang tồn tại và nguyên nhân của chúng. Thông qua việc phân tích này, tác giả đề xuất một số giải pháp tài chính để thu hút vốn FDI tới CHDCND Lào đến năm 2010, và đã trình bày các điều kiện cần thiết để thực hiện các giải pháp này. Luận án đã tập trung vào việc tạo ra môi trường đầu tư thuận lợi ở CHDCND Lào, bằng cách xem xét các yếu tố như chính sách thuế, chính sách tín dụng, và các ưu đãi đầu tư, đặc biệt đối với các doanh

nghiệp nước ngoài khi họ thực hiện dự án tại đây. Tuy nhiên, luận án mới tập trung chủ yếu vào các giải pháp tài chính để thu hút FDI và chưa bàn đến các giải pháp tổng thể để thu hút FDI nói chung ở CHDCND Lào.

Khăm Xay Năn Thạ Vông (2009), “*Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong phát triển kinh tế ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*” [73]. Tác giả dựa vào việc phân tích tác động của các yếu tố liên quan đến FDI đối với sự phát triển kinh tế của các quốc gia ngày nay. Từ đó tổng kết và rút ra một số bài học quý báu về việc thu hút và tận dụng hiệu quả nguồn vốn FDI từ một số quốc gia, bao gồm cả CHDCND Lào trong thời gian gần đây. Nội dung nghiên cứu cũng xác định các điều kiện và giải pháp quan trọng nhằm thúc đẩy việc thu hút FDI để phát triển kinh tế của CHDCND Lào. Nghiên cứu cũng đã khảo sát một số vấn đề lý thuyết liên quan đến FDI và tìm hiểu mối quan hệ khách quan giữa sự phát triển kinh tế và thu hút FDI trong ngữ cảnh phát triển kinh tế của CHDCND Lào. Đồng thời tổng hợp những thành tựu đã đạt được và những khó khăn còn tồn tại trong việc thu hút FDI. Trên cơ sở này, nghiên cứu đã phân tích tình hình thực tế và đề xuất các hướng đi và giải pháp cơ bản nhằm tăng cường thu hút hiệu quả nguồn vốn FDI cho CHDCND Lào; phân tích các đặc điểm của dòng vốn FDI ở một số quốc gia và tác động của FDI đối với sự phát triển kinh tế của CHDCND Lào. Cuối cùng, tác giả rút ra các bài học từ kinh nghiệm thu hút FDI của các quốc gia khác và hiện trạng đầu tư trực tiếp của CHDCND Lào, với mục tiêu trình bày quan điểm về hướng đi và các biện pháp cơ bản để thúc đẩy việc thu hút FDI nhằm đạt được mục tiêu phát triển kinh tế và xã hội của CHDCND Lào.

Phon Xay Vi Lay Suc (2009), “*Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*” [81]. Tác giả đã tiến hành một nghiên cứu chi tiết về việc thu hút FDI vào CHDCND Lào. Dựa trên nghiên cứu này, tác giả đã phân tích tổng quan về tình hình thu hút FDI hiện tại của CHDCND Lào và đề xuất một loạt phương hướng và giải pháp quan trọng nhằm tăng cường

quá trình thu hút FDI vào việc phát triển kinh tế và xã hội, đồng thời phù hợp với tình hình thực tế của CHDCND Lào trong những năm tới.

Vi Lạ Vông But Đa Khăm (2011), *“Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài nhằm phát triển kinh tế - xã hội của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào”* [67]. Tác giả đã chi tiết trình bày lý luận liên quan đến đầu tư và vốn đầu tư, cũng như phân tích cơ chế thu hút vốn FDI vào CHDCND Lào. Trong đó, tác giả đề cập đến các giải pháp và biện pháp, đặc biệt là những cách để tăng cường khả năng thu hút FDI vào CHDCND Lào trong tương lai. Ngoài ra, tác giả cũng phân tích các đặc điểm đặc trưng của dòng vốn FDI, cũng như hiệu quả của FDI đối với sự phát triển kinh tế của CHDCND Lào. Tác giả đã đi sâu vào việc nghiên cứu những bài học kinh nghiệm từ việc thu hút FDI và thực trạng của FDI tại CHDCND Lào. Cuối cùng, tác giả đã trình bày quan điểm và các biện pháp cơ bản nhằm thúc đẩy quá trình thu hút FDI, để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế và xã hội ở CHDCND Lào một cách hiệu quả.

Seng Phai Vãn Seng A-Phon (2012), Luận án *“Quản lý nhà nước về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào”* [78]. Tác giả đã tiến hành việc tổ chức hệ thống và làm sáng tỏ một số vấn đề quan trọng liên quan đến đầu tư FDI và cách mà quản lý nhà nước thực hiện để thu hút FDI trong một quốc gia. Trong khảo sát này, tác giả đã giới thiệu và thâm nhập vào khái niệm về quản lý nhà nước trong việc thu hút FDI, cung cấp một cái nhìn tổng quan về nó dựa trên tài liệu nghiên cứu. Tác giả đã dành thời gian để phân tích và đánh giá các yếu tố liên quan đến quản lý nhà nước trong việc thu hút FDI ở CHDCND Lào, đánh giá kết quả và hiệu quả của các biện pháp quản lý nhà nước đã thực hiện để đạt được các mục tiêu về FDI ở CHDCND Lào. Từ những nhận định này, tác giả đã tổng hợp cả những thành công và những hạn chế của quản lý nhà nước trong việc thu hút FDI ở CHDCND Lào. Cuối cùng, tác giả đã đề xuất một loạt giải pháp mới nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước liên quan đến việc thu hút FDI vào CHDCND Lào.

Văn Xay Sen Nhot (2015), “*Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các tỉnh miền núi phía Bắc ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*” [77]. Tác giả đã tổng kết cơ sở khoa học liên quan đến việc thu hút FDI và tiến hành một phân tích chi tiết về các khía cạnh của FDI, bao gồm hình thức, đặc điểm và tác động của nó. Đồng thời, tác giả đã thực hiện một cuộc phân tích sâu về các yếu tố ảnh hưởng đến việc thu hút FDI. Trong nghiên cứu, đã có sự khảo sát toàn diện về tình hình thu hút FDI tại các tỉnh Miền núi phía Bắc của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trong thời kỳ hiện tại. Từ đó, đã được đưa ra các kết quả, bao gồm thành tựu đã đạt được, những hạn chế đang tồn tại và nguyên nhân gây ra những hạn chế này.

Phon Xay Chăn Thạ Văn (2015), “*Quản lý vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong lĩnh vực công nghiệp mỏ ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*” [74]. Tác giả trình bày về quản lý đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp mỏ, và tập trung vào việc hệ thống hóa sự phát triển của cơ chế và chính sách quản lý nhà nước đối với vốn FDI trong lĩnh vực công nghiệp mỏ ở CHDCND Lào. Sự phát triển này đã diễn ra từ khi luật khuyến khích đầu tư được ban hành vào năm 2004 cho đến thời điểm hiện tại, với mục tiêu tận dụng một cách hiệu quả vốn FDI trong ngành này.

Vilayvone Phommachanh (2016), “*Giải pháp tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*” [91]. Các hình thức thu hút FDI của CHDCND Lào vẫn chưa đa dạng, khoảng cách giữa vốn đăng ký và vốn thực hiện ngày càng lớn; cơ cấu thu hút FDI theo ngành và lĩnh vực kinh tế nhìn chung chưa phù hợp, chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực, địa phương có điều kiện thuận lợi; chính sách thu hút của CHDCND Lào mặc dù được thay đổi, bổ sung thường xuyên, song vẫn còn nhiều bất cập và gây phiền hà cho nhà đầu tư. Từ đó tác giả đã đề xuất một số giải pháp khắc phục những hạn chế nhằm tăng cường thu hút FDI vào CHDCND Lào.

Sỉ Sạ Vạt King Da La (2017), “*Chính sách huy động các nguồn vốn nước ngoài để cho phát triển kinh tế - xã hội*” [69]. Tác giả đã trình bày một

loạt các nhận thức mới về việc FDI tại CHDCND Lào sau khi Luật Khuyến khích Đầu tư (được sửa đổi và bổ sung vào năm 2016) được áp dụng. Từ đó, tác giả đã tiến hành đánh giá quá trình thực hiện chính sách huy động vốn FDI của CHDCND Lào. Dựa trên những điều này, tác giả đã đưa ra một số đề xuất quan trọng liên quan đến việc thực hiện chính sách huy động vốn FDI ở CHDCND Lào. Tác giả đã bàn đến nhiều vấn đề quan trọng như cải cách thủ tục hành chính, việc phân cấp quản lý dự án, các hoạt động hỗ trợ và xúc tiến đầu tư, nhằm mục đích thu hút FDI để góp phần vào sự phát triển kinh tế và xã hội của đất nước.

Syphonexay Thipdala (2022), *“Giải pháp thu hút đầu tư của Trung Quốc vào Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trong giai đoạn hiện nay”* [68]. Tác giả khẳng định FDI tại CHDCND Lào đã, đang và sẽ tiếp tục tác động tích cực đến quá trình phát triển nền kinh tế - xã hội của nước tiếp nhận đầu tư. Trong số các nước có đầu tư trực tiếp vào CHDCND Lào, Trung Quốc là nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất hiện nay. Thực tiễn cho thấy, FDI của Trung Quốc vào CHDCND Lào trong giai đoạn hiện nay ngày một gia tăng. Các khoản đầu tư của Trung Quốc đã và sẽ có những tác động tích cực, tạo những chuyển đổi mạnh mẽ đối với CHDCND Lào. Để thu hút dòng vốn FDI từ Trung Quốc trong thời gian tới, Chính phủ CHDCND Lào cần hoàn thiện việc tổ chức và chính sách nhằm thu hút nguồn vốn FDI từ Trung Quốc.

### **1.2.2. Một số công trình nghiên cứu về thu hút đầu tư vào ngành du lịch ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào**

Bun Lươn Văn Na Hắc (2010), *“Lợi thế du lịch ở tỉnh Xiêng Khoảng đang chờ đợi sự đầu tư phát triển”* [55]. Tác giả đề cập đến vai trò của đầu tư phát triển du lịch theo lợi thế của tỉnh Xiêng Khoảng. Trong đó, đánh giá thực trạng các cơ chế, chính sách của Đảng và chính quyền địa phương cấp tỉnh trong khu vực đầu tư phát triển kinh tế du lịch. Tác giả đã đề xuất một loạt các biện pháp cơ bản để cải thiện hoạt động đầu tư phát triển du

lịch ở tỉnh Xiêng Khoảng. Các giải pháp này bao gồm việc cải thiện cơ chế và chính sách tài chính, thuế liên quan đến việc đầu tư phát triển các khu du lịch; Tăng cường công tác tổ chức và quản lý du lịch; Cải cách thủ tục hành chính; xây dựng, quản lý và thực hiện quy hoạch cho các khu du lịch; Đẩy mạnh hoạt động đầu tư phát triển du lịch; Tối ưu quyền sử dụng đất đai tại các khu du lịch; Hỗ trợ và khuyến khích cộng đồng tham gia vào việc phát triển du lịch; Thu hút nguồn vốn đầu tư cho lĩnh vực này; Đầu tư và bảo tồn các giá trị tài nguyên du lịch và bảo vệ môi trường; cùng việc phối hợp và hợp tác giữa các ngành, khu vực khác nhau trong việc khai thác tài nguyên du lịch.

Chăn Tha Sôn Phun Súc (2011), “*Chuyển hóa đất đai thành vốn trong sự phát triển khu du lịch ở tỉnh Xiêng Khoảng*” [80]. Tác giả đã đưa ra vấn đề về việc thu hút vốn từ việc chuyển hóa đất đai để phát triển du lịch thông qua nhiều hình thức khác nhau. Đề xuất tăng cường việc thu hút nguồn vốn xã hội hóa dựa trên việc mở rộng hợp tác giữa công và tư, đặc biệt là tập trung và ưu tiên cho việc phát triển cơ sở hạ tầng hỗ trợ kinh tế - xã hội và ngành du lịch của tỉnh. Trong kịch bản này, vai trò của nguồn vốn tư nhân được đánh giá là vô cùng quan trọng đối với việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế trong lĩnh vực du lịch. Muốn thu hút được nguồn vốn đầu tư này, tác giả chỉ ra một số kinh nghiệm như: Cần cải cách thủ tục hành chính, có cơ chế, chính sách đầy đủ và ổn định; Cam kết hỗ trợ giải phóng mặt bằng, giao đất sạch đúng nơi, đúng chỗ, đúng thời hạn cho nhà đầu tư triển khai dự án; Nghiên cứu chính sách ưu đãi trong thu hút đầu tư các dự án phát triển du lịch này.

Ma Nô Thoong Pông Sa Văn (2014), “*Xúc tiến du lịch ở tỉnh Khăm Muôn*” [82]. Tác giả đề xuất các giải pháp đảm bảo xúc tiến du lịch bao gồm các giải pháp sau: Giải pháp về bộ máy tổ chức và nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu; giải pháp về chú trọng xây dựng cơ sở hạ tầng; Giải pháp về điểm du lịch phải được cải thiện và phát triển; Giải pháp về tăng

cường công tác xúc tiến, quảng bá; giải pháp về tăng cường kêu gọi và thu hút vốn đầu tư từ trong nước và nước ngoài.

Somkhith Vonpanha (2019), Luận án “*Quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh Bo Kẹo nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*” [76]. Tác giả đã phân tích những kết quả đạt được và chưa đạt được của chính sách thu hút vốn đầu tư của tỉnh Bo Kẹo trong hỗ trợ phát triển du lịch. Theo đó, tỉnh Bo Kẹo đã có chính sách khuyến khích tìm nguồn vốn trong nước và nước ngoài để cải thiện và phát triển du lịch mạnh hơn nữa. Trong giai đoạn vừa qua, Tỉnh đã nhận được nguồn vốn ưu đãi từ ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) để phát triển cơ sở hạ tầng. Nhìn chung vốn đầu tư từ ngân hàng ADB và Chính phủ trong phát triển kinh tế nói chung, phát triển du lịch nói riêng còn khá khiêm tốn. Thiếu vốn trong đầu tư là điểm nghẽn trong phát triển du lịch ở tỉnh Bo Kẹo.

Soukanh Bouthavong (2021), Luận án “*Kinh tế du lịch ở các tỉnh Nam Trung Bộ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*” [84]. Từ việc nghiên cứu, tác giả cho biết thu hút đầu tư là một trong những phương thức kích thích ngành du lịch phát triển nhanh. Các dự án đầu tư du lịch không những là yếu tố mới để thu hút khách du lịch mà còn tạo công ăn việc làm cho người lao động. Giai đoạn năm 2015 - 2020 các tỉnh Nam Trung Bộ đã thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được 6.223,1 triệu kíp, trong đó, đầu tư cho ngành dịch vụ như: khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, trung tâm thương mại, dịch vụ vận tải, bưu chính viễn thông, tuyến đường... với tổng số đầu tư chỉ 1.201,81 triệu kíp, còn lại đầu tư ngành khác. Các quốc gia đầu tư trong khu vực này gồm có Thái Lan, Trung Quốc, Việt Nam, Malaysia, Nhật Bản, Tân Tây Lan, Pháp... Các dự án đầu tư nước ngoài tiêu biểu như: Dự án xây dựng 02 tuyến đường đi qua hang động Thăm Xang và tuyến đường đi qua lĩnh vực sân Pha Thát Sĩ Khốt Tha Bong, năm 2019 với tổng số đầu tư 1.899.815 USD của ADB; Dự án du lịch theo kiểu có sự tham gia bền vững của cộng đồng,

năm 2019 của nước New Zealand (Tân Tây Lan); Dự án phát triển cơ sở hạ tầng xúc tiến du lịch của ADB và dự án Tê Tác Tích của nước Pháp, trong năm 2019; Giai đoạn 2016 - 2020 Bo Li Khăm Xay được sự giúp đỡ vốn hỗ trợ từ Việt Nam 35 tỷ đồng, trong đó xây dựng trường học 30 tỷ đồng; xây dựng thư viện 3 tỷ đồng; xây dựng tuyến đường 2 tỷ đồng.

Khampheth Senglattana (2022), “*Phát huy nhân tố con người trong phát triển kinh tế du lịch ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào hiện nay*” [70]. Tác giả đã cho biết thời gian qua nước CHDCND Lào đã ban hành Luật đầu tư năm 2016, từ đó đã thúc đẩy mạnh mẽ đầu tư FDI, trong đó hướng đến những ưu đãi đối với việc đầu tư phát triển vào lĩnh vực du lịch trên cả nước, bao gồm các ưu đãi theo lĩnh vực kinh doanh du lịch, ưu đãi theo khu vực phát triển du lịch, ưu đãi liên quan đến thuế, ưu đãi liên quan đến sử dụng đất và các ưu đãi khác. Ngoài ra, luật này cũng đưa ra các hình thức đầu tư có thể được tiến hành với “5 hình thức đầu tư là đầu tư hoàn toàn thuộc sở hữu trong nước hoặc nước ngoài; liên doanh giữa nhà đầu tư trong và ngoài nước; hợp tác kinh doanh theo hợp đồng; liên doanh giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân và hợp tác phát triển công tư.

### **1.3. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI**

#### **1.3.1. Những kết quả chủ yếu các công trình nghiên cứu liên quan**

Nghiên cứu về đầu tư trực tiếp FDI vào kinh tế - xã hội nói chung và ngành du lịch ở CHDCND Lào nói riêng đã có khá nhiều công trình nghiên cứu với đa dạng các cách tiếp cận của các nhà khoa học. Các nghiên cứu trên đã tập trung vào các khía cạnh cụ thể:

*Thứ nhất*, các công trình đã làm rõ lý luận về đầu tư, vốn đầu tư, thu hút vốn đầu tư, phân tích đánh giá về cơ chế quản lý vốn FDI vào CHDCND Lào. Hầu hết các tác giả của các nghiên cứu đã xác nhận rằng nguồn vốn FDI đã thực sự trở thành một nguồn đầu tư quan trọng đối với nền kinh tế của



CHDCND Lào, giúp thúc đẩy tăng trưởng và phát triển. FDI đã đóng góp vào việc thay đổi cơ cấu kinh tế, tạo ra cơ hội việc làm, tăng cường kim ngạch xuất khẩu và cung cấp kiến thức cũng như kỹ thuật tiên tiến để nâng cao phát triển kinh tế của CHDCND Lào.

*Thứ hai*, có nhiều nghiên cứu đã trình bày một cách có hệ thống về các công cụ tài chính và vai trò của chúng trong việc thu hút FDI ở CHDCND Lào. Những nghiên cứu này đã đánh giá hệ thống pháp luật, chính sách và quá trình sử dụng các công cụ tài chính nhằm thu hút FDI ở đất nước này, điều này bao gồm cả những hạn chế của các công cụ tài chính đang sử dụng và nguyên nhân của những hạn chế này. Qua đó, họ đã thảo luận về việc hoàn thiện môi trường và chính sách khuyến khích đầu tư, cũng như đánh giá thực trạng của hệ thống chính sách và tổ chức thu hút FDI ở CHDCND Lào.

*Thứ ba*, các tác giả của các nghiên cứu đã tóm tắt cơ sở khoa học liên quan đến việc thu hút FDI, đi sâu vào phân tích các hình thức, đặc điểm và tác động của FDI, cũng như phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến việc thu hút FDI. Họ nhấn mạnh rằng FDI không chỉ mang theo vốn đầu tư mà còn đồng đi kèm với sự chuyển giao công nghệ, kiến thức kinh doanh chuyên sâu và năng lực tiếp thị. Nghiên cứu cũng đã tổng hợp và phân tích những bài học kinh tế từ việc thu hút và tận dụng hiệu quả nguồn vốn FDI của nhiều quốc gia, bao gồm Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trong thời gian gần đây.

*Thứ tư*, trong việc thu hút FDI đặc biệt vào lĩnh vực du lịch, đã có một số nghiên cứu chỉ ra vấn đề về việc thu hút vốn từ việc chuyển đổi sử dụng đất đai để phát triển du lịch, và có thể thực hiện thông qua nhiều hình thức khác nhau. Trong đó, việc tăng cường thu hút nguồn vốn xã hội hóa dựa trên sự hợp tác giữa công và tư được đánh giá cao, đồng thời cần tập trung và ưu tiên cho việc phát triển các dự án hạ tầng hỗ trợ kinh tế - xã hội cũng như trong lĩnh vực du lịch.

*Thứ năm*, có nhiều công trình đã đề cập trực tiếp đến các giải pháp thu hút FDI vào ngành du lịch như: Tạo môi trường đầu tư thông thoáng và thu

hút vốn từ nhiều nguồn và nhiều thành phần kinh tế khác nhau; Đẩy mạnh cải cách hành chính, hoàn thiện thể chế để cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh; Chú trọng công tác quy hoạch tổng thể để thu hút đầu tư; Đồng hành, hỗ trợ, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư, doanh nghiệp; đẩy mạnh mẽ đầu tư trực tiếp nước ngoài, trong đó hướng đến những ưu đãi đối với việc đầu tư phát triển vào lĩnh vực du lịch trên cả nước, bao gồm các ưu đãi theo lĩnh vực kinh doanh du lịch, ưu đãi theo khu vực phát triển du lịch, ưu đãi liên quan đến thuế, ưu đãi liên quan đến sử dụng đất và các ưu đãi khác.

### **1.3.2. Những khoảng trống và những vấn đề tiếp tục nghiên cứu**

#### *\* Những khoảng trống của các vấn đề đã nghiên cứu có liên quan*

Trên cơ sở nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến nội dung nghiên cứu củ luận án, bản thân tác giả luận án nhận thấy vẫn còn nhiều khoảng trống để đề tài cần tiếp tục nghiên cứu như: Đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu một cách cụ thể việc thu hút FDI vào du lịch ở CHDCND Lào; Việc nghiên cứu một cách tổng thể những vấn đề lý luận về thu hút FDI vào du lịch ở nước CHDCND Lào còn chưa được các công trình nghiên cứu đề cập tới, nhất là dưới góc độ một quốc gia; Các công trình chủ yếu tập trung làm rõ việc thu hút FDI của các doanh nghiệp; Việc phân tích thực trạng của thu hút FDI vào du lịch ở nước CHDCND Lào còn hạn chế; Các công trình nghiên cứu chưa đưa ra được những giải pháp để thu hút FDI vào du lịch của một quốc gia mà cụ thể là nước CHDCND Lào.

#### *\* Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu*

Trên cơ sở việc tổng quan tình hình nghiên cứu và những kết quả chủ yếu của các công trình nghiên cứu, có thể nhận thấy việc thu hút FDI vào phát triển ngành du lịch ở CHDCND Lào trong thực tiễn và nghiên cứu tổng kết nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm và các giải pháp thu hút nhiều hơn nữa FDI vào ngành du lịch là cần thiết và quan trọng. Mặc dù các công trình

nghiên cứu trên đã đạt những kết quả nhất định trong việc phân tích thực trạng thu hút FDI vào ngành du lịch ở CHDCND Lào, nhưng chỉ mới dừng lại ở mức độ đơn lẻ của cấp tỉnh mà chưa có công trình nào đánh giá một cách hệ thống vấn đề này trên tổng thể nước CHDCND Lào, do đó luận án cần tiếp tục tập trung nghiên cứu vào những nội dung cơ bản sau:

*Thứ nhất*, tập trung phân tích làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về thu hút FDI vào ngành du lịch như khái niệm, mục đích, các hình thức thu hút FDI vào ngành du lịch; các đặc điểm thu hút FDI vào ngành du lịch; tác động và các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút FDI vào ngành du lịch ở nước tiếp nhận đầu tư.

*Thứ hai*, phân tích thực trạng thu hút FDI vào ngành du lịch ở CHDCND Lào trên các khía cạnh: Những thuận lợi, khó khăn trong thu hút FDI vào ngành du lịch ở CHDCND Lào; thu hút FDI vào ngành du lịch ở CHDCND Lào giai đoạn 2010 - 2022; tác động hai mặt của thu hút FDI vào ngành du lịch ở CHDCND Lào. Từ đó đánh giá một cách tổng quát những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của thực trạng thu hút FDI vào ngành du lịch ở CHDCND Lào.

*Thứ ba*, nhận diện bối cảnh mới tác động đến việc thu hút FDI vào ngành du lịch ở CHDCND Lào qua đó đưa ra phương hướng, đề xuất mục tiêu và giải pháp tăng cường thu hút FDI vào ngành du lịch ở CHDCND Lào đến năm 2030.

## Chương 2

# CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO NGÀNH DU LỊCH Ở NƯỚC TIẾP NHẬN ĐẦU TƯ

### 2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ CỦA THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO NGÀNH DU LỊCH

#### 2.1.1. Quan niệm về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch

*\* Đầu tư trực tiếp nước ngoài*

Hiện nay, khái niệm về đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) đã được diễn giải theo nhiều cách khác nhau, tùy thuộc vào góc nhìn của các nhà kinh tế.

Theo Tổ chức Thương mại Thế giới, FDI được định nghĩa là khi một nhà đầu tư từ một quốc gia (quốc gia nguồn gốc) sở hữu tài sản ở một quốc gia khác (quốc gia thu hút đầu tư) và có quyền kiểm soát tài sản đó. Mặt khác, phía quản lý là yếu tố quan trọng để phân biệt FDI với các công cụ tài chính khác. Thường thì, cả nhà đầu tư và tài sản mà họ kiểm soát ở nước ngoài đều liên quan đến hoạt động kinh doanh. Quyền kiểm soát này thường liên quan đến tỷ lệ sở hữu cổ phần, vì khi cổ phần đạt đến một mức nhất định, nhà đầu tư có quyền kiểm soát doanh nghiệp, điều này được coi là trọng tâm của FDI theo quan điểm của các nhà kinh tế Trung Quốc.

Theo Ngân hàng Thế giới (WB), FDI được xác định là khi người dân hoặc doanh nghiệp của một quốc gia tạo ra hoặc mua một phần quan trọng của sở hữu và kiểm soát ít nhất 10% vốn cổ phần của một doanh nghiệp tại một quốc gia khác. Các nhà đầu tư nước ngoài có thể là cá nhân hoặc tổ chức doanh nghiệp và có thể hoạt động thông qua việc sở hữu toàn bộ hoặc thành lập liên doanh với các đối tác đầu tư địa phương.

Theo Luật Đầu tư Việt Nam năm 1996 đưa ra khái niệm FDI vào Việt Nam như sau: Đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) đề cập đến hành động mà các nhà đầu tư nước ngoài (NDTNN) thực hiện bằng cách chuyển vốn dưới dạng tiền mặt hoặc bất kỳ tài sản nào vào Việt Nam để thực hiện các hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành. Quan niệm này nhằm làm rõ cách thức và mục đích sử dụng vốn của các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Luật Đầu tư Nước ngoài của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào được ban hành năm 1988 và đã được điều chỉnh và hoàn thiện sau hai lần sửa đổi vào năm 1994 và 2004. Theo đó, “Đầu tư trực tiếp nước ngoài được định nghĩa là việc mang vào Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào các nguồn vốn bao gồm tài sản, công nghệ và kinh nghiệm quản lý từ các quốc gia nước ngoài nhằm mục đích kinh doanh.” [75, tr. 15].

Theo Luật Đầu tư (khuyến khích và quản lý đầu tư) nước ngoài của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, ban hành vào ngày 20/6/1994 và được bổ sung vào ngày 22/10/2004:

“Chính phủ Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đề xuất sự khuyến khích cho cả tư nhân và pháp nhân nước ngoài tham gia vào hoạt động đầu tư tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào dựa trên nguyên tắc đối tác cùng có lợi và tuân thủ pháp luật của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào” [75, tr.21].

Ngoài ra, Luật này cho phép người đầu tư nước ngoài tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong nhiều lĩnh vực của nền kinh tế, bao gồm nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, khai thác mỏ, giao thông vận tải, xây dựng, du lịch, dịch vụ và thương mại...

Tóm lại, dù có nhiều khái niệm khác nhau về đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI), nhưng chung quy lại, tất cả đều đồng tình ở một số điểm chính. FDI là một hình thức đầu tư quốc tế, cho phép nhà đầu tư tham gia vào quản lý và điều hành hoạt động đầu tư trong nước tiếp nhận tùy theo mức độ đóng

góp vốn của họ. Tóm gọn lại, vốn FDI đề cập đến tiền bạc hoặc bất kỳ tài sản nào do tổ chức hoặc cá nhân người nước ngoài mang vào quốc gia khác (quốc gia tiếp nhận) để thực hiện kinh doanh theo luật pháp của quốc gia tiếp nhận với mục tiêu thu được lợi ích. Các nhà đầu tư FDI có quyền tham gia vào quản lý và điều hành doanh nghiệp tùy theo tỷ lệ góp vốn của họ.

Từ các khái niệm trên, tác giả luận án có thể hiểu và đưa ra quan niệm về thu hút FDI như sau:

*Đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) là một loại hình kinh doanh mà các nhà đầu tư nước ngoài chuyển vốn dưới dạng tiền hoặc bất kỳ tài sản nào khác để thành lập các cơ sở sản xuất hoặc kinh doanh trong quốc gia tiếp nhận đầu tư. Qua việc này, họ có quyền sở hữu và tham gia trực tiếp vào quản lý và điều hành các dự án mà họ đã đầu tư vốn, nhằm mục đích thu lợi nhuận từ các hoạt động đầu tư này.*

Khái niệm trên cho thấy:

Chủ thể đầu tư FDI rất đa dạng, bao gồm các công ty đa quốc gia (MNCs) với quy mô lớn và hoạt động trên nhiều quốc gia, các doanh nghiệp tư nhân ở nhiều quy mô khác nhau tìm kiếm cơ hội mở rộng thị trường và lợi nhuận, các quỹ đầu tư như quỹ đầu tư tư nhân, quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư bất động sản thường đầu tư vào các dự án có tiềm năng tăng trưởng, các tổ chức tài chính quốc tế như Ngân hàng Thế giới (World Bank) hay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) hỗ trợ vốn cho các dự án phát triển ở các nước đang phát triển, các cá nhân giàu có đầu tư vào các dự án nhỏ hoặc bất động sản, và đôi khi là cả chính phủ các nước trong các dự án chiến lược. Chủ thể FDI có thể là một tổ chức, cá nhân, hoặc một nhóm hợp tác, và hình thức đầu tư đa dạng như thành lập doanh nghiệp mới, mua lại cổ phần, liên doanh, hoặc đầu tư vào cơ sở hạ tầng. Điều quan trọng là hiểu rõ sự đa dạng của chủ thể FDI để xây dựng chính sách thu hút và quản lý FDI hiệu quả, đồng thời đảm bảo kiểm soát và quyền chi phối của chủ thể đầu tư đối với doanh nghiệp hoặc dự án.

*Có nhiều phương pháp đầu tư FDI mà nhà đầu tư có thể sử dụng, bao gồm: thành lập doanh nghiệp mới (greenfield investment) cho phép nhà đầu tư toàn quyền kiểm soát nhưng đòi hỏi vốn lớn và thời gian thực hiện dài; mua lại doanh nghiệp hiện có (M&A) giúp tiết kiệm thời gian và tận dụng cơ sở hạ tầng có sẵn, nhưng có thể gặp khó khăn trong quản lý và tích hợp; liên doanh (joint venture) hợp tác với đối tác địa phương để chia sẻ rủi ro và tận dụng kinh nghiệm địa phương, nhưng có thể phát sinh mâu thuẫn; đầu tư vào dự án cơ sở hạ tầng (infrastructure investment) mang lại lợi nhuận lâu dài nhưng đòi hỏi vốn lớn và đối mặt với rủi ro chính sách; đầu tư vào khu công nghiệp/khu chế xuất (industrial park/export processing zone investment) tận dụng ưu đãi và dịch vụ hỗ trợ nhưng có thể bị hạn chế về quy mô; và đầu tư thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) linh hoạt và dễ thực hiện nhưng không có tư cách pháp nhân. Việc lựa chọn phương pháp FDI phù hợp phụ thuộc vào mục tiêu, nguồn lực, mức độ rủi ro chấp nhận, đặc điểm thị trường, ngành nghề đầu tư, và quy định pháp luật của nước nhận đầu tư. Nhà đầu tư cần cân nhắc kỹ lưỡng các yếu tố này để đạt được hiệu quả đầu tư tốt nhất.*

*Các công cụ đầu tư FDI đa dạng bao gồm vốn chủ sở hữu như cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi, góp vốn; vốn vay từ ngân hàng, phát hành trái phiếu, vay từ công ty mẹ; các công cụ phi vốn như hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng quản lý, hợp đồng nhượng quyền, hợp đồng thuê, hợp đồng hợp tác kinh doanh; các công cụ hỗ trợ đầu tư như ưu đãi thuế, ưu đãi đất đai, hỗ trợ tài chính, hỗ trợ pháp lý, bảo hiểm đầu tư; và các công cụ tài chính phái sinh như hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi. Việc lựa chọn công cụ FDI phù hợp phụ thuộc vào mục tiêu đầu tư, mức độ rủi ro chấp nhận, quy định pháp luật, và điều kiện kinh tế của nước nhận đầu tư, và có thể sử dụng độc lập hoặc kết hợp để đạt hiệu quả đầu tư cao nhất.*

*\* Du lịch và các ngành thuộc du lịch*

Theo Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO) định nghĩa: “Du lịch là các hoạt động của người đi du lịch và lưu trú ở những nơi bên ngoài môi trường

thường xuyên của họ trong thời gian không quá một năm liên tục cho mục đích giải trí, công việc và các mục đích khác không liên quan đến hoạt động được trả lương tại nơi đến” [65, tr19]

Một cách tiếp cận khác từ các nhà nghiên cứu coi du lịch là quá trình di chuyển và trải nghiệm các hoạt động, sự kiện, địa điểm, và nền văn hóa khác biệt so với môi trường sống thường ngày. Du lịch cũng được xem là một hệ thống phức tạp bao gồm người du lịch, nhà cung cấp dịch vụ, điểm đến, và các yếu tố môi trường, kinh tế, xã hội liên quan. Ngoài ra, du lịch còn được nhìn nhận như một ngành kinh tế quan trọng, một hoạt động xã hội thúc đẩy giao lưu văn hóa, và một trải nghiệm cá nhân mang lại những cảm xúc và kiến thức mới. Tóm lại, du lịch là một hoạt động phức tạp, bao gồm nhiều khía cạnh khác nhau, từ di chuyển, trải nghiệm, đến kinh tế, xã hội, và văn hóa.

Từ các cách tiếp cận trên, tác giả đưa ra khái niệm về du lịch như sau: *Du lịch là hoạt động di chuyển và lưu trú tạm thời của con người đến một địa điểm bên ngoài môi trường sống thường xuyên của họ, với mục đích giải trí, công việc hoặc các mục đích khác không liên quan đến việc làm có trả lương tại nơi đến. Hoạt động này bao gồm việc tham gia vào các trải nghiệm và khám phá những điều mới mẻ, khác biệt so với cuộc sống hàng ngày.*

Khái niệm trên cho thấy, du lịch bao gồm các hoạt động như: Du lịch bao gồm rất nhiều hoạt động đa dạng, có thể phân loại theo nhiều tiêu chí khác nhau. Theo mục đích chuyến đi, có du lịch giải trí với các hoạt động nghỉ dưỡng, tham quan, vui chơi, mua sắm; du lịch công vụ tham gia hội nghị, gặp gỡ đối tác; du lịch văn hóa khám phá lịch sử, phong tục tập quán; du lịch thể thao, tôn giáo, sức khỏe, giáo dục, mạo hiểm, và sinh thái. Theo phương thức di chuyển, có du lịch bằng máy bay, tàu hỏa, ô tô/xe máy, tàu thủy, và đi bộ. Theo hình thức lưu trú, có khách sạn, nhà nghỉ, homestay, resort, và cắm trại. Ngoài ra còn có các hoạt động khác như tham quan điểm du lịch, mua sắm, thưởng thức ẩm thực, tham gia vui chơi giải trí, và giao lưu văn hóa. Các hoạt



động du lịch thường kết hợp với nhau trong một chuyến đi, và sự đa dạng này đáp ứng sở thích và nhu cầu khác nhau của từng người.

Các ngành chính bao gồm lưu trú với khách sạn, nhà nghỉ, khu nghỉ dưỡng, homestay, căn hộ dịch vụ, cắm trại, và nhà trọ; vận chuyển gồm hàng không, đường sắt, đường bộ, đường thủy, và dịch vụ cho thuê phương tiện; lữ hành với các công ty lữ hành, công ty điều hành tour, và đại lý du lịch trực tuyến; ẩm thực với nhà hàng, quán ăn, quán cà phê, bar/pub, và dịch vụ ăn uống tại chỗ; điểm đến du lịch gồm di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, bảo tàng, công viên giải trí, và sự kiện văn hóa; dịch vụ du lịch hỗ trợ như hướng dẫn viên, dịch vụ dịch thuật, mua sắm, tài chính, bảo hiểm, và y tế; quản lý du lịch với cơ quan nhà nước, tổ chức phi chính phủ, hiệp hội, và cơ sở đào tạo; và tiếp thị du lịch bao gồm quảng cáo, quan hệ công chúng, tiếp thị số, và nghiên cứu thị trường. Các ngành này có mối liên kết và tác động qua lại, sự phát triển của một ngành ảnh hưởng đến các ngành khác, và sự phối hợp nhịp nhàng giữa chúng là yếu tố quan trọng để tạo ra trải nghiệm du lịch tốt đẹp và góp phần vào phát triển kinh tế xã hội.

*\* Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài*

Việc thu hút vốn đầu tư đề cập đến các hoạt động và chính sách mà chính phủ, cộng đồng doanh nghiệp và cư dân thực hiện để thúc đẩy, hỗ trợ và khuyến khích các nhà đầu tư đầu tư vào mục tiêu phát triển. Tính chất cốt lõi của việc thu hút vốn đầu tư là tạo sự tập trung, hấp dẫn sự quan tâm của các nhà đầu tư và từ đó tăng dòng vốn đầu tư vào khu vực hoặc ngành công nghiệp. Đây được coi là một trong những hoạt động quan trọng để thu hút nguồn lực mà hầu hết các địa phương đều thực hiện trong quá trình hội nhập sâu và rộng hiện nay. Công việc này bao gồm nhiều phương diện từ việc định rõ nhu cầu đầu tư đến việc thực hiện các hoạt động thu hút và duy trì các nhà đầu tư cũng như kích thích các nhà đầu tư tăng cường đầu tư vào vùng đất hứa mình.

*\* Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch*

Từ quan niệm về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài được trình bày ở trên, luận án có thể đưa ra quan niệm về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch như sau:

*Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch là tổng hợp hoạt động của các nhà đầu tư rót vốn vào các dự án liên quan đến ngành du lịch của một quốc gia nhằm đẩy mạnh thu hút FDI trong lĩnh vực du lịch, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển ngành du lịch, mang lại nhiều lợi ích kinh tế và xã hội cho quốc gia như hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng, thúc đẩy đa dạng hóa sản phẩm du lịch, tăng cường năng lực cạnh tranh, tạo việc làm và thu nhập.*

*\* Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*

Thu hút FDI vào phát triển du lịch ở CHDCND Lào là một quá trình phát triển kinh tế ở CHDCND Lào, trong đó các nhà đầu tư cung cấp các tài sản như vốn, công nghệ, kỹ năng quản lý vào CHDCND Lào để thực hiện đầu tư vào du lịch nhằm phát triển nền kinh tế của CHDCND Lào. Tài sản FDI trong quan niệm này, theo thông lệ quốc tế, có thể là tài sản hữu hình bao gồm: Máy móc, thiết bị, bất động sản, quy trình công nghệ, các loại hợp đồng và giấy phép có giá trị...; tài sản vô hình bao gồm: Quyền sở hữu trí tuệ, bí quyết và kinh nghiệm quản lý doanh nghiệp; hoặc tài sản tài chính bao gồm: Cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu, giấy ghi nợ...

Tóm lại, thu hút FDI trong ngành du lịch ở CHDCND Lào nhằm mục đích góp vốn vào các hoạt động kinh doanh mà nhà đầu tư nước ngoài có một phần quyền sở hữu và có thể tham gia trực tiếp vào quản lý và điều hành. Hoạt động kinh doanh này bao gồm quyền quyết định về các khía cạnh như nguồn vốn, kiến thức chuyên môn, hiệu suất sản xuất, kinh nghiệm quản lý hành chính của doanh nghiệp. FDI trong ngành du lịch tuân theo các quy định pháp lý được thiết lập để điều chỉnh các hoạt động đầu tư, phù hợp với chính

sách thu hút FDI của quốc gia tiếp nhận đầu tư. Do đó, có thể kết luận rằng FDI vào lĩnh vực du lịch ở CHDCND Lào là một sự kết hợp giữa nhu cầu của cả hai bên, đem lại lợi ích cho cả nhà đầu tư và quốc gia tiếp nhận đầu tư, cụ thể là CHDCND Lào.

### **2.1.2. Đặc điểm của đầu tư trực tiếp nước ngoài**

#### **2.1.2.1. Nguồn gốc đầu tư trực tiếp nước ngoài**

*\* Theo các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin*

Đầu tư trực tiếp nước ngoài được xem là hiện tượng kinh tế quốc tế, nó xuất hiện trong thời kỳ chuyển từ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa tư bản độc quyền. Đây chính là biểu hiện của “xuất khẩu tư bản” (một trong 5 đặc điểm kinh tế của chủ nghĩa tư bản độc quyền mà V.I.Lênin chỉ ra). Hiện tượng này bắt nguồn từ tình trạng “thừa tương đối” về tư bản của các nước tư bản chủ nghĩa có trình độ phát triển cao (Hà Lan, Anh, Đức, Mỹ...) vào thế XIX và đầu thế kỷ XX. Sớm nhận thức sâu sắc vai trò của đầu tư nước ngoài, khi đề ra Chính sách kinh tế mới vào năm 1921, V.I.Lênin cho rằng, cần phải thông qua một số hình thức của kinh tế tư bản nhà nước (như tô nhượng, cho tư bản thuê tài sản của nhà nước, công ty hợp doanh...) nhằm thu hút vốn, kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý tiên tiến của tư bản nước ngoài để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trên cơ sở phân tích tính phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế giữa các nước, V.I.Lênin đã chủ trương thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, bảo đảm những điều kiện quốc tế thuận lợi cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc và thực hiện sự hợp tác toàn diện với các quốc gia trẻ, đang phát triển; triệt để bảo vệ nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau, kiên quyết chống lại các lực lượng xâm lược của chủ nghĩa đế quốc, giải thoát loài người khỏi một cuộc chiến tranh thế giới mới.

Đứng trước nhiệm vụ xây dựng kinh tế hết sức nặng nề, cần nguồn vốn khổng lồ, V.I.Lênin một mặt kêu gọi nhân dân tự lực cánh sinh phấn đấu gian

khỏ, tiết kiệm để tích lũy vốn; một mặt chủ trương mở rộng đối ngoại, lập công ty liên doanh để thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài. V.I.Lênin đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của độc quyền ngoại thương trong mở rộng quan hệ kinh tế với các nước tư sản cũng như trong việc giải quyết thắng lợi những nhiệm vụ của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người cho rằng, chỉ trên cơ sở độc quyền ngoại thương, trên cơ sở nhà nước điều tiết một cách có kế hoạch nhập khẩu và xuất khẩu hàng hóa mới có thể giữ vững được nền kinh tế Xô viết bấy giờ còn yếu ớt trước sự xâm nhập của tư bản nước ngoài, bảo đảm khôi phục và phát triển nền công nghiệp của đất nước, thu được lợi nhuận và tăng quỹ vàng - là những cái cần thiết để công nghiệp hóa đất nước.

*\* Lý thuyết kinh tế vĩ mô*

Các lý thuyết này giải thích và dự đoán sự xuất hiện của hiện tượng đầu tư nước ngoài dựa trên nguyên tắc lợi thế so sánh của các yếu tố đầu tư như vốn, lao động, và công nghệ giữa các quốc gia, đặc biệt là giữa các quốc gia phát triển và đang phát triển.

Lý thuyết HO - Heckscher và Ohlin (1933), cùng với nghiên cứu của Richard S. Eckaus (1987), xác định rằng việc tối đa hóa lợi nhuận trên phạm vi toàn cầu thông qua việc sử dụng vốn đầu tư hiệu quả là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc đầu tư ra nước ngoài. Quốc gia đầu tư thường có hiệu quả sử dụng vốn thấp, có dư thừa vốn, trong khi quốc gia nhận đầu tư thường có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn và thiếu vốn. Sự chênh lệch về hiệu quả này đã tạo ra dòng đầu tư giữa các quốc gia có dư thừa và thiếu vốn.

Như vậy, dựa trên các lý thuyết vĩ mô này, có thể thấy các nhân tố ảnh hưởng đến việc thu hút FDI vào một quốc gia ở tầm vĩ mô là:

- Sự chênh lệch về nguồn vốn: Dòng vốn FDI sẽ chảy từ nơi dư thừa vốn đầu tư (các nước phát triển) đến nơi thiếu vốn đầu tư (các nước đang và kém phát triển).
- Sự chênh lệch về năng suất sử dụng vốn: Dòng vốn di chuyển từ nơi có năng suất vốn cận biên thấp đến nơi có năng suất vốn cận biên cao.

- Lao động: Dòng vốn sẽ di chuyển từ nơi có chi phí nhân công cao đến nơi có chi phí nhân công thấp để tạo được nguồn lợi nhuận tăng cao.

### ***2.1.2.2. Chủ thể tham gia đầu tư là các nhà đầu tư, doanh nghiệp nước ngoài***

#### ***\* Doanh nghiệp liên doanh***

Đây là một trong những hình thức tổ chức kinh doanh quốc tế, trong đó các bên tham gia có quốc tịch khác nhau, tạo thành một doanh nghiệp chung với việc đóng góp vốn, quản lý, chia sẻ lợi nhuận, và chịu rủi ro cùng nhau để thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh theo các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng liên doanh. Hình thức này phải tuân theo quy định của pháp luật của quốc gia tiếp nhận đầu tư. Chủ thể đầu tư FDI là doanh nghiệp liên doanh có các đặc điểm sau:

*Thứ nhất, cùng góp vốn.* Các bên đầu tư cùng đóng góp vốn để thành lập một doanh nghiệp mới, bằng tiền mặt, tài sản, hoặc các tài sản khác. Tỷ lệ góp vốn của từng bên được thỏa thuận và phải tuân theo quy định của pháp luật quốc gia tiếp nhận đầu tư. Ví dụ, theo Luật Đầu tư của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, nhà đầu tư nước ngoài phải góp ít nhất 30% tổng vốn đầu tư.

*Thứ hai, cùng quản lý:* Các bên hợp tác xây dựng bộ máy quản lý doanh nghiệp, tham gia vào hội đồng quản trị, và có quyền tham gia vào quản lý và điều hành hoạt động của doanh nghiệp. Tỷ lệ chia lợi nhuận giữa các bên phụ thuộc vào tỷ lệ góp vốn của họ. Nếu có rủi ro hoặc thiệt hại, các bên sẽ chịu trách nhiệm theo tỷ lệ góp vốn của họ.

*Thứ ba, hợp tác kinh doanh dựa trên hợp đồng.* Đây là một cách thức kết nối kinh doanh giữa các đối tác trong nước và nhà đầu tư nước ngoài thông qua việc ký kết hợp đồng. Trong đó, trách nhiệm và phân chia kết quả kinh doanh được quy định cho mỗi bên bằng văn bản. Mỗi bên duy trì tư cách pháp nhân riêng của mình mà không thành lập một pháp nhân mới.

*Thứ tư, hợp đồng hợp tác kinh doanh.* Các bên tham gia ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh đặt ra các điều khoản rõ ràng, bao gồm đối tượng kinh doanh, phân chia trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của từng bên. Thời hạn hiệu lực của hợp đồng được quy định bởi sự thỏa thuận của các bên và phải được cơ quan có thẩm quyền của quốc gia tiếp nhận đầu tư chấp thuận. Hình thức này thường được sử dụng rộng rãi trong lĩnh vực thăm dò và khai thác dầu khí cũng như các nguồn tài nguyên khác, thông qua hợp đồng phân chia sản phẩm, tuân theo quy định của Luật Đầu tư và các quy định liên quan.

*Thứ năm, hình thức công ty hợp danh.* Là một hình thức tổ chức kinh doanh, trong đó có ít nhất hai người cùng góp vốn và danh nghĩa để hoạt động kinh doanh dưới một tên chung và cùng liên đới chịu trách vô hạn trước các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản phát sinh từ các hoạt động kinh doanh đó.

Việc thành lập công ty dựa trên cơ sở hợp đồng giữa các thành viên là một phương thức thông thường. Hợp đồng thành lập công ty được lập thành văn bản, tuy nhiên, theo luật lệ, không bắt buộc phải thực hiện như vậy. Các bên có thể thỏa thuận miệng, thậm chí không cần phải tuyên bố rõ ràng, chỉ cần thực hiện các hoạt động thương mại chung thì công ty cũng được coi là đã được thành lập. Theo nguyên tắc, hợp đồng thành lập phải được đăng ký trong danh bạ thương mại. Mặc dù vậy, trong một số trường hợp, nếu hợp đồng không được đăng ký nhưng được thông báo rộng rãi thì vẫn có giá trị pháp lý.

*\* Doanh nghiệp có 100% vốn nước ngoài*

Các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài (FOE - 100% Foreign - Owned Enterprises) cũng là một dạng doanh nghiệp với vốn đầu tư từ nước ngoài, được thành lập khi các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư với tỷ lệ 100% vốn, vì vậy hoàn toàn nằm trong quyền sở hữu và quản lý của các nhà đầu tư nước ngoài. Đồng thời, chúng vẫn được xem như là pháp nhân của quốc gia mà họ đầu tư, tự chịu trách nhiệm và quản lý kết quả kinh doanh.

Mặc dù sự sở hữu, điều hành và quản lý của doanh nghiệp hoàn toàn nằm trong tay nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp doanh nghiệp đó có 100% vốn nước ngoài, tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn phải tuân thủ hoàn toàn luật pháp của quốc gia tiếp nhận đầu tư và phải thực hiện tất cả cam kết được quy định trong điều lệ doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác liên quan. Các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài thường được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần.

Theo Luật đầu tư nước ngoài của CHDCND Lào, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài là những doanh nghiệp mà bên nước ngoài thành lập ở CHDCND Lào. Quá trình thành lập doanh nghiệp này có thể bao gồm việc tạo ra một pháp nhân mới hoặc việc thiết lập chi nhánh của một doanh nghiệp nước ngoài. Điều kiện về vốn pháp định của doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tối thiểu yêu cầu vốn chiếm ít nhất 30% tổng số vốn. Trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh, giá trị tài sản của doanh nghiệp này không được ít hơn vốn pháp định.

### ***2.1.2.3. Về nguồn vốn và phân chia lợi ích***

Đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào lĩnh vực du lịch khác biệt với các nguồn vốn đầu tư nước ngoài khác ở một số điểm quan trọng. Đầu tiên, việc nhận nguồn vốn FDI này không đặt nước tiếp nhận đầu tư vào tình trạng nợ. Trong ngành du lịch, đầu tư trực tiếp nước ngoài thường bắt nguồn từ tư nhân và dự án được quyết định và thực hiện bởi các nhà đầu tư này, đồng thời họ chịu hoàn toàn trách nhiệm về các khía cạnh lãi/lỗ của dự án. Hình thức đầu tư này thường hiệu quả về mặt kinh tế, không chịu ảnh hưởng từ các yếu tố chính trị và không tạo nợ cho nền kinh tế của quốc gia nhận đầu tư. Thu hút FDI vào phát triển du lịch là cơ hội để phát triển mạnh mẽ ngành du lịch, tạo nền tảng từng bước trở thành quốc gia mạnh về du lịch. Việc thu hút FDI vào du lịch không những giúp loại bỏ những dự án không phù hợp, công nghệ lạc hậu, ảnh hưởng đến môi trường, tiêu tốn nhiều nguyên liệu, mà quan trọng

hơn là việc tạo ra một hệ sinh thái để những doanh nghiệp công nghệ cao, có tiềm lực tài chính, có uy tín, tin tưởng và mạnh dạn đầu tư.

FDI có thể được hiểu là sự đầu tư trực tiếp của các công ty nước ngoài vào một ngành công nghiệp hoặc lĩnh vực kinh tế của một quốc gia. Trong trường hợp du lịch, FDI có thể là việc các công ty nước ngoài đầu tư vào khách sạn, nhà hàng, hệ thống vận chuyển, hoặc các dự án du lịch khác. Dưới đây là một số lợi ích quan trọng của việc thu hút FDI vào ngành du lịch: Một trong những lợi ích quan trọng của FDI là tạo ra cơ hội việc làm cho người dân địa phương. Các dự án du lịch mới tạo ra nhiều cơ hội việc làm trong lĩnh vực như khách sạn, nhà hàng, hướng dẫn viên du lịch, và nhiều lĩnh vực liên quan khác. Điều này giúp cải thiện thu nhập cho người dân địa phương và giúp giảm tỷ lệ thất nghiệp. Việc FDI đầu tư vào du lịch thường đi kèm với việc xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng du lịch như sân bay, cảng biển, đường cao tốc, và các công trình công cộng khác. Điều này giúp tạo ra môi trường thuận lợi cho người du lịch và cải thiện trải nghiệm của họ. Ngành du lịch thường là một trong những ngành có khả năng xuất khẩu mạnh mẽ. Việc thu hút FDI vào du lịch có thể giúp nâng cao chất lượng và quy mô của các dịch vụ du lịch, từ đó thu hút ngày càng nhiều khách du lịch nước ngoài đến và tiêu tiền trong nước. Điều này góp phần vào việc cân đối thương mại và cải thiện tình hình tài chính của quốc gia. Việc FDI đầu tư vào du lịch có thể giúp nâng cao vị thế quốc tế của quốc gia. Những điểm đến du lịch nổi tiếng và chất lượng dịch vụ tốt có thể thu hút sự quan tâm của khách du lịch toàn cầu và đưa tên tuổi của quốc gia lên trình độ quốc tế.

Do đó, nguồn vốn này có tác động vô cùng quan trọng đối với quá trình công nghiệp hóa, cải cách cơ cấu kinh tế và thúc đẩy tốc độ tăng trưởng của quốc gia nhận đầu tư. Thông qua đầu tư trực tiếp từ nước ngoài, quốc gia nhận đầu tư có cơ hội tiếp cận các công nghệ tiên tiến, kiến thức quản lý, bí quyết sản xuất kinh doanh, và khả năng thích nghi với thị trường mới.



Các nhà đầu tư từ nước ngoài cần phải đóng góp một số vốn tối thiểu, theo quy định của quốc gia mà họ muốn đầu tư, để có quyền tham gia trực tiếp vào quản lý và điều hành dự án mà họ đã đầu tư. Trong nhiều quốc gia phương Tây, quy định thông thường yêu cầu nhà đầu tư nước ngoài phải đóng góp trên 10% cổ phần của doanh nghiệp địa phương để được xem xét là đầu tư trực tiếp nước ngoài. Một số quốc gia khác có quy định về mức tối thiểu là 20% hoặc 25%. Ví dụ, theo Luật Đầu tư nước ngoài của CHDCND Lào, trong trường hợp thành lập doanh nghiệp liên doanh, nhà đầu tư nước ngoài phải đóng góp ít nhất 30% tổng số vốn pháp định của dự án.

#### ***2.1.2.4. Tồn tại nhiều hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài***

##### ***\* Đầu tư theo hợp đồng xây dựng, chuyển giao công nghệ***

Các hình thức thu hút đầu tư theo hợp đồng xây dựng, kinh doanh, chuyển giao (Build Operate Transfer - BOT), xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (Build Transfer Operate - BTO), và xây dựng - chuyển giao (Build Transfer - BT) đều bao gồm sự tham gia của doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài hoặc doanh nghiệp liên doanh. Trước khi ký kết hợp đồng BOT, các nhà đầu tư cần thành lập một pháp nhân mới tại quốc gia tiếp nhận đầu tư để thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định pháp luật của quốc gia tiếp nhận đầu tư. Hợp đồng BOT chủ yếu liên quan đến xây dựng và kinh doanh các công trình cơ sở hạ tầng, được hưởng các ưu đãi đầu tư trong một khoảng thời gian nhất định. Sau khi hết thời hạn đó, nhà đầu tư chuyển giao công trình cho quốc gia tiếp nhận đầu tư.

Hình thức BTO (xây dựng - chuyển giao - kinh doanh) liên quan đến việc ký kết hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh giữa Chính phủ của quốc gia tiếp nhận đầu tư và nhà đầu tư nước ngoài để xây dựng cơ sở hạ tầng. Sau khi xây dựng hoàn thành, nhà đầu tư nước ngoài chuyển giao công trình cho Chính phủ của quốc gia tiếp nhận đầu tư. Tiếp theo, Chính phủ cấp phép cho nhà đầu tư kinh doanh công trình đó trong một khoảng thời gian cố định.

Hình thức BT (xây dựng - chuyển giao) khác với BOT ở điểm sau khi hoàn thành xây dựng, cơ sở hạ tầng được chuyển giao cho quốc gia tiếp nhận đầu tư. Chính phủ của quốc gia tiếp nhận đầu tư chịu trách nhiệm thanh toán cho các phần công trình theo điều khoản đã quy định trong hợp đồng BT. Hợp đồng BT được ký kết tương tự như hợp đồng BOT, nhưng sau khi công trình xây dựng hoàn tất, công trình được chuyển giao cho quốc gia tiếp nhận đầu tư. Chính phủ cung cấp điều kiện cho nhà đầu tư thực hiện các dự án khác để thu hồi vốn và lợi nhuận hoặc thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng BT.

Như vậy, các hình thức BOT, BTO và BT được ký kết khi quốc gia tiếp nhận đầu tư có nhu cầu tiêu dùng sản phẩm tăng cao mà Chính phủ của họ không có khả năng cung cấp đủ hạ tầng. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các nền kinh tế có hạ tầng yếu kém, và do đó, những hình thức này thường được lựa chọn như một giải pháp.

*\* Đầu tư theo mô hình công ty mẹ, công ty con và chi nhánh công ty nước ngoài*

Công ty mẹ và công ty con đều là các đơn vị pháp lý độc lập. Quan hệ giữa hai công ty này không phải là quan hệ mệnh lệnh hành chính mà là quan hệ hợp đồng. Công ty mẹ thường thực hiện sự chi phối đối với công ty con thông qua việc sở hữu số phiếu biểu quyết tại cơ quan quản lý của công ty con. Mô hình công ty mẹ và công ty con là sự liên kết mềm dẻo, linh hoạt giữa các doanh nghiệp có quan hệ chặt chẽ với nhau về vốn, thị trường, công nghệ, chiến lược kinh doanh, hay kinh nghiệm quản lý nhân sự...

Công ty mẹ - công ty con thực chất là những doanh nghiệp liên kết lại với nhau hình thành có những đặc điểm sau:

*Thứ nhất*, về quy mô: Đây là điểm đặc trưng của hình thức này, với quy mô lớn về vốn, lao động, doanh thu và hoạt động.

*Thứ hai*, về huy động vốn: Có hai con đường để tạo ra vốn là hướng nội và hướng ngoại. Hướng nội, là con đường chủ yếu hơn cả, tạo ra bằng cách

tích lũy nội bộ nền kinh tế, sử dụng nguồn vốn nhà nước cấp ban đầu, cho vay tín dụng, sáp nhập, hay hợp nhất các công ty lớn cùng ngành nghề; Hướng ngoại, là thu hút nguồn đầu tư thông qua các dự án đầu tư nước ngoài, liên doanh, liên kết, phát hành trái phiếu, cổ phiếu và vay vốn nước ngoài.

*Thứ ba*, về lĩnh vực hoạt động: Các công ty trong hình thức công ty mẹ - công ty con đều hoạt động kinh doanh đa ngành, đa lĩnh vực. Sở dĩ có đặc điểm này là vì công ty mẹ - công ty con hoạt động với quy mô lớn nếu có một mặt hàng rủi ro xảy ra thì các khoản thất thoát là rất nhiều do đó hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực nhằm phân tán rủi ro và bảo đảm cho các hoạt động của công ty không bị đóng băng cho dù có một lĩnh vực bị đóng băng, đồng thời tận dụng được cơ sở vật chất cũng như khả năng lao động của các công ty trong hình thức này.

*Thứ tư*, tư cách pháp lý: Các công ty mẹ và công ty con hình thành một hệ thống doanh nghiệp, với mỗi công ty đóng vai trò như một pháp nhân độc lập, sở hữu tài sản riêng, và tự chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ và nợ của mình. Nghị định 69/2014/NĐ-CP của CHDCND Lào quy định rằng các công ty mẹ và các doanh nghiệp thành viên có tư cách pháp nhân, vốn và tài sản riêng, và được quyền sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật và thỏa thuận chung của tập đoàn kinh tế. Mối liên kết giữa công ty mẹ và công ty con là hai thực thể độc lập nhưng lại có một mối liên hệ chặt chẽ. Yếu tố quan trọng nhất là về vốn, với việc thay đổi cổ phần trong vốn điều lệ gây ra sự biến động trong quyền sở hữu và tỷ lệ sở hữu giữa các công ty, dẫn đến việc thiết lập hoặc chấm dứt mối quan hệ mẹ - con.

Hình thức chi nhánh của công ty nước ngoài là một mô hình phổ biến, được áp dụng rộng rãi trên toàn cầu và đã phát triển mạnh mẽ ở CHDCND Lào trong giai đoạn thu hút FDI ban đầu. Đây là doanh nghiệp được thành lập tại nước đích dựa trên hợp đồng liên doanh giữa các bên nước chủ nhà và các bên nước ngoài để đầu tư kinh doanh tại nước sở tại. Mô hình này tạo ra một thực thể pháp lý chung nhưng địa điểm hoạt động nằm ở nước sở tại. Hiệu

quả của hoạt động này phụ thuộc lớn vào môi trường kinh doanh ở nước đó, bao gồm các yếu tố kinh tế, chính trị, hệ thống pháp luật và trình độ của đối tác liên doanh trong nước.

Chi nhánh công ty nước ngoài mang lại một số ưu điểm như giải quyết vấn đề thiếu vốn, sử dụng nguồn vốn lớn để phát triển kinh tế, cùng với việc chia sẻ rủi ro; cơ hội đổi mới công nghệ và đa dạng hóa sản phẩm; cung cấp cơ hội việc làm và học hỏi kinh nghiệm quản lý từ nước ngoài cho người lao động. Tuy nhiên, cũng có nhược điểm như mâu thuẫn trong quản lý do sự khác biệt về chính trị, văn hóa, ngôn ngữ và luật pháp giữa các bên. Nước sở tại thường gặp khó khăn do tỷ lệ góp vốn thấp, khả năng và trình độ quản lý của cán bộ tham gia ở chi nhánh công ty nước ngoài không mạnh.

*\* Đầu tư theo hình thức mua lại và sát nhập*

Hình thức thu hút đầu tư thông qua việc mua lại (acquisition) và sát nhập (merger) đang trở thành những phương pháp quan trọng trong việc phát triển kinh doanh và mở rộng quy mô của các doanh nghiệp. Sự kết hợp này không chỉ mang lại lợi ích cho các công ty mà còn tạo ra những thay đổi đáng kể trong bức tranh kinh doanh toàn cầu. Sát nhập và mua lại là hai khía cạnh của quá trình kinh doanh mà mục tiêu chính là hợp nhất tài sản, nguồn lực, hoặc các yếu tố quản trị từ các doanh nghiệp khác vào công ty mẹ. Trong mua lại (acquisition), một công ty lớn (công ty mua) mua lại một phần hoặc toàn bộ cổ phần của công ty khác (công ty bị mua). Trái lại, sát nhập (merger) là quá trình hợp nhất hai hoặc nhiều công ty để tạo ra một thực thể kinh doanh mới, thường có tên gọi và quy mô lớn hơn. Điều quan trọng khi xem xét hình thức này là nhận diện được lợi ích mà mỗi phía đem lại. Với công ty mua, họ có thể tăng cường quy mô, mở rộng thị trường, tiếp cận công nghệ mới hoặc cải thiện khả năng cạnh tranh. Trong khi đó, công ty bị mua hoặc tham gia vào quá trình sát nhập có thể nhận được nguồn lực tài chính, quản lý, hoặc công nghệ để phát triển.

Một trong những lợi ích quan trọng nhất của mua lại và sát nhập là tạo ra hiệu ứng tăng trưởng nhanh chóng. Thay vì phải xây dựng từ đầu, các

doanh nghiệp có thể tận dụng cơ sở hạ tầng, khách hàng, và nguồn nhân lực có sẵn từ công ty bị mua hoặc cổ đông tham gia sát nhập. Điều này giúp tăng cường nhanh chóng vị thế thị trường, tăng trưởng doanh thu, và củng cố cơ sở cho việc mở rộng quy mô kinh doanh. Ngoài ra, mua lại và sát nhập cũng tạo ra cơ hội để tiết kiệm chi phí và tối ưu hóa hoạt động. Khi hai công ty kết hợp, có thể loại bỏ các hoạt động lặp lại, tối ưu hóa chuỗi cung ứng, và tận dụng các quy trình quản lý hiệu quả hơn. Điều này giúp giảm chi phí hoạt động, tăng cường hiệu suất và cải thiện lợi nhuận. Tuy nhiên, quá trình mua lại và sát nhập không phải lúc nào cũng suôn sẻ. Có thể phát sinh nhiều rủi ro, đặc biệt là trong việc tích hợp văn hóa doanh nghiệp và quản lý nhân sự. Các sự không đồng nhất trong quản lý, chiến lược kinh doanh, và văn hóa làm việc có thể gây ra xung đột, làm giảm hiệu suất hoặc thậm chí đẩy công ty vào tình trạng mất ổn định.

Để thành công trong quá trình này, các doanh nghiệp cần có kế hoạch cẩn trọng và chi tiết, đánh giá kỹ lưỡng về lợi ích, rủi ro và tiềm năng mà mua lại hoặc sát nhập có thể mang lại. Sự lãnh đạo tốt, việc tích hợp hệ thống và văn hóa doanh nghiệp, cùng việc quản lý nhân sự hiệu quả là yếu tố then chốt để thành công trong hình thức thu hút đầu tư này, đem lại lợi ích lớn và tạo ra sức mạnh cạnh tranh bền vững cho doanh nghiệp. Điều này có thể làm giảm đi sự hấp dẫn của nước này đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Với các chính sách đổi mới và sự hội nhập quốc tế, có lẽ trong tương lai, M&A sẽ trở thành một phần quan trọng của FDI ở CHDCND Lào.

### **2.1.3. Đặc điểm, vai trò của thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào du lịch**

#### **2.1.3.1. Đặc điểm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào du lịch**

*\* Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch nổi bật với tính đa dạng và phân tán cao*

Đầu tư trực tiếp FDI vào ngành du lịch đặc trưng bởi tính đa dạng và phân tán cao, hai yếu tố này không chỉ định hình cấu trúc của dòng vốn đầu tư

mà còn phản ánh sự phức tạp và tiềm năng của ngành du lịch toàn cầu. Tính đa dạng của FDI trong du lịch thể hiện ở nhiều khía cạnh, đầu tiên là sự phong phú về loại hình dự án đầu tư. Không còn đơn thuần là các dự án khách sạn hay khu nghỉ dưỡng truyền thống, FDI trong du lịch mở rộng sang nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm các cơ sở lưu trú đa dạng từ khách sạn sang trọng, resort cao cấp đến nhà nghỉ bình dân, homestay mang đậm nét văn hóa địa phương, hay các khu cắm trại gần gũi với thiên nhiên. Bên cạnh đó, các dự án đầu tư cũng tập trung vào các dịch vụ ẩm thực, từ nhà hàng sang trọng, quán ăn đường phố đến các quán cà phê và bar/pub, đáp ứng nhu cầu đa dạng của du khách. Lĩnh vực giải trí cũng thu hút nhiều vốn FDI, từ công viên giải trí hiện đại, công viên chủ đề độc đáo đến các khu vui chơi giải trí trong nhà và ngoài trời, cũng như các hoạt động thể thao, văn hóa. Hơn nữa, các dự án liên quan đến vận chuyển, như dịch vụ cho thuê xe, taxi, vận tải công cộng, hoặc thậm chí là các hãng hàng không, công ty tàu biển cũng góp phần tạo nên sự đa dạng của dòng vốn FDI. Không thể không kể đến các dự án đầu tư vào cơ sở hạ tầng, như sân bay, cảng biển, đường xá, hệ thống điện, nước, viễn thông, đóng vai trò quan trọng trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho du lịch phát triển. Cuối cùng, các dịch vụ hỗ trợ du lịch, như công ty lữ hành, đại lý du lịch, dịch vụ hướng dẫn viên, phiên dịch, cũng thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư nước ngoài, tạo nên một hệ sinh thái du lịch hoàn chỉnh.

Tính đa dạng còn thể hiện ở quy mô dự án, từ các dự án nhỏ như homestay gia đình đến các khu nghỉ dưỡng phức hợp quy mô lớn. Nguồn vốn đầu tư cũng đến từ nhiều quốc gia khác nhau, với các phương thức đầu tư và quản lý đa dạng. Mục tiêu của các nhà đầu tư cũng không chỉ dừng lại ở lợi nhuận kinh tế mà còn hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững, đóng góp cho cộng đồng và bảo tồn văn hóa. Tính phân tán của FDI trong du lịch thể hiện ở phạm vi địa lý rộng lớn, không tập trung ở một vài khu vực mà phân bố trên khắp cả nước, từ các thành phố lớn, các khu vực ven biển, vùng núi,

đến các khu vực nông thôn và cả các địa điểm ít được biết đến nhưng có tiềm năng du lịch. Sự phân tán này phản ánh tiềm năng du lịch phong phú và sự đa dạng về cảnh quan, văn hóa, lịch sử của mỗi quốc gia. Hơn nữa, dòng vốn FDI cũng phân tán vào nhiều loại hình du lịch khác nhau, từ du lịch đại trà đến du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch mạo hiểm, du lịch văn hóa, và du lịch nghỉ dưỡng, đáp ứng nhu cầu và sở thích đa dạng của du khách. Bên cạnh đó, FDI trong du lịch cũng được thực hiện thông qua nhiều hình thức khác nhau, từ thành lập doanh nghiệp mới, mua lại doanh nghiệp hiện có, liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh, đến đầu tư vào các dự án cơ sở hạ tầng.

*\* Sự phong phú về các loại hình đầu tư*

Sự phong phú về các loại hình đầu tư không chỉ giới hạn ở việc xây dựng khách sạn và khu nghỉ dưỡng mà còn mở rộng sang các lĩnh vực như nhà hàng, khu vui chơi giải trí, công viên chủ đề, và cả cơ sở hạ tầng du lịch. Bên cạnh đó, các dự án FDI không tập trung ở một vài địa điểm cố định mà phân bố rộng khắp, từ các thành phố lớn và khu vực ven biển đến những vùng núi và nông thôn có tiềm năng du lịch chưa được khai thác, phản ánh sự đa dạng về địa hình và văn hóa của các điểm đến. Điều này đòi hỏi các nhà đầu tư phải có sự linh hoạt và am hiểu về từng khu vực để có thể triển khai dự án một cách hiệu quả.

*\* Tính bền vững và trách nhiệm xã hội*

Tính bền vững và trách nhiệm xã hội là một đặc điểm ngày càng được chú trọng trong các dự án FDI vào du lịch. Các nhà đầu tư không chỉ quan tâm đến lợi nhuận kinh tế mà còn chú trọng đến các vấn đề môi trường, đặc biệt là trong bối cảnh biến đổi khí hậu và sự cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên. Họ thường tìm kiếm các dự án thân thiện với môi trường, sử dụng năng lượng tái tạo, giảm thiểu chất thải và bảo tồn đa dạng sinh học. Đồng thời, việc tôn trọng văn hóa, phong tục tập quán của cộng đồng địa phương cũng được coi trọng, nhằm tránh gây ra những tác động tiêu cực đến bản sắc văn hóa và đời

sống xã hội. Hơn nữa, FDI vào du lịch thường mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng địa phương thông qua việc tạo ra nhiều cơ hội việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống và góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội.

*\* Tính tương tác cao*

Tính tương tác cao là một đặc điểm quan trọng của FDI vào du lịch, thể hiện ở mối liên hệ chặt chẽ với nhiều ngành khác như giao thông vận tải, xây dựng, nông nghiệp, thủ công mỹ nghệ, và dịch vụ tài chính. Sự phát triển của ngành du lịch có thể tạo động lực cho sự phát triển của các ngành liên quan và ngược lại. Bên cạnh đó, các dự án FDI trong du lịch cũng có sự tương tác mạnh mẽ với cộng đồng địa phương, không chỉ trong việc tuyển dụng lao động mà còn trong việc khai thác các sản phẩm và dịch vụ địa phương, tham gia vào các hoạt động du lịch cộng đồng, tạo ra sự gắn kết và hợp tác giữa nhà đầu tư và người dân. Tuy nhiên, FDI vào du lịch cũng mang tính nhạy cảm cao với các yếu tố bên ngoài, chịu ảnh hưởng lớn bởi các biến động kinh tế, chính trị, xã hội, thiên tai, dịch bệnh và cả các xu hướng du lịch thay đổi. Các cuộc khủng hoảng kinh tế, bất ổn chính trị, dịch bệnh toàn cầu hoặc sự thay đổi trong thị hiếu của du khách đều có thể tác động tiêu cực đến dòng vốn FDI và hiệu quả hoạt động của các dự án du lịch. Điều này đòi hỏi các nhà đầu tư phải có khả năng phân tích, đánh giá rủi ro và đưa ra các chiến lược ứng phó linh hoạt để giảm thiểu thiệt hại.

*\* Đầu tư trực tiếp FDI vào du lịch mang tính thời gian và vốn đầu tư lớn*

FDI trong du lịch thường mang tính thời gian và vốn đầu tư lớn, các dự án du lịch, đặc biệt là các dự án lớn về cơ sở hạ tầng, khách sạn cao cấp hoặc khu nghỉ dưỡng phức hợp, thường đòi hỏi nguồn vốn đầu tư ban đầu rất lớn và thời gian hoàn vốn kéo dài. Điều này đòi hỏi các nhà đầu tư phải có sự kiên nhẫn và tầm nhìn dài hạn, không thể mong đợi lợi nhuận nhanh chóng, đồng thời phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về tài chính và kế hoạch kinh doanh để đảm bảo dự án hoạt động hiệu quả và bền vững.



Các dự án FDI trong du lịch còn phụ thuộc nhiều vào các yếu tố hỗ trợ, bao gồm sự phát triển của cơ sở hạ tầng như giao thông, điện, nước, viễn thông, các chính sách thu hút đầu tư của chính phủ, đặc biệt là các ưu đãi về thuế, đất đai và thủ tục hành chính, cũng như chất lượng nguồn nhân lực trong ngành du lịch, bao gồm cả nhân viên phục vụ, hướng dẫn viên và nhà quản lý. Sự thiếu hụt hoặc kém chất lượng của các yếu tố này có thể làm giảm hiệu quả và sức hấp dẫn của các dự án FDI.

*\* Đầu tư FDI vào du lịch mang tính cạnh tranh cao*

Cuối cùng, tính cạnh tranh cao cũng là một đặc điểm nổi bật của ngành du lịch. Các nhà đầu tư FDI phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ trong và ngoài nước, đòi hỏi họ phải liên tục cải tiến sản phẩm và dịch vụ, đưa ra các chiến lược tiếp thị hiệu quả và tạo ra sự khác biệt để thu hút khách du lịch và duy trì lợi thế cạnh tranh trên thị trường. Việc nắm bắt được xu hướng du lịch mới, hiểu rõ nhu cầu của khách hàng và tạo ra những trải nghiệm độc đáo là yếu tố then chốt để thành công trong ngành du lịch.

**2.1.3.2. Vai trò thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào du lịch**

*\* Tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội*

Thu hút đầu tư là một trong những lĩnh vực thuộc kinh tế khu vực công, là lĩnh vực mà đối với nhà nước nói chung và các cấp chính quyền địa phương nói riêng đều lựa chọn theo hướng ưu tiên nhằm mục đích tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Hoạt động này được xem như một mắt xích trong mối quan hệ kinh tế quốc tế, là bàn đạp giúp nền kinh tế của mỗi quốc gia phát triển hơn, một chỉ số đánh giá khả năng kinh tế của quốc gia đó. Đây cũng được xem là một trong những xu hướng tất yếu trong mũi nhọn của nền kinh tế của mỗi quốc gia. Càng là những nước thuộc diện đang phát triển, thì chính sách này càng nên được đẩy mạnh. Bởi nó mang lại nhiều lợi ích cho chính quốc gia đó.

Đối với một quốc gia có nền kinh tế lạc hậu, trình độ sản xuất thấp, và năng lực sản xuất chưa được khai thác đầy đủ, cùng với việc thiếu hụt cơ sở vật chất và kỹ thuật, việc tiếp nhận một lượng vốn lớn cũng như công nghệ phù hợp để nâng cao năng suất và cải thiện chất lượng sản phẩm, cũng như nâng cao trình độ quản lý, là vô cùng cần thiết. Bởi công nghệ đóng vai trò quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa tại các quốc gia đang phát triển. Khi đầu tư trực tiếp từ nước ngoài diễn ra, các công nghệ mới sẽ được áp dụng vào quốc gia nhận đầu tư. Điều này có thể bao gồm việc nhập khẩu các công nghệ mà có thể bị cấm theo các quy định về xuất khẩu; và các chuyên gia, cùng với kỹ năng quản lý, sẽ đóng góp vào việc tối ưu hóa hiệu suất của các công nghệ này. Qua đó, cán bộ nhà nước, người lao động, và doanh nghiệp trong nước có thể học hỏi từ kinh nghiệm của họ để nâng cao năng lực và tri thức sản xuất.

*\* Tăng năng suất, thu nhập quốc dân và thúc đẩy cạnh tranh, nâng cao hiệu quả kinh tế*

Khi công nghệ và trình độ quản lý được cải thiện trong các ngành sản xuất, việc tăng cường năng suất lao động trở thành điều không thể thiếu. Công nghệ tiên tiến không chỉ tạo ra nhiều sản phẩm hơn, chất lượng cao hơn, đa dạng tính năng và bền bỉ hơn với sự đa dạng về mẫu mã, mà còn giảm chi phí so với trước đó. Đây là quá trình tăng cung cấp, tuy nhiên thực tế, cung cấp tăng lên nhằm đáp ứng nhu cầu tăng mạnh do ảnh hưởng của quá trình đầu tư. Tốc độ lưu thông vốn nhanh hơn, dẫn đến việc sản xuất và tiêu thụ nhiều hơn. Với việc tiêu thụ tăng, các ngành sản xuất và dịch vụ nhận được động lực mới, cung cấp lao động, máy móc và nguyên vật liệu được đưa vào quy trình sản xuất, từ đó, đóng góp của các ngành này vào tổng thu nhập quốc dân cũng tăng lên.

Trong khi nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào thị trường vốn hiện tại, mà trong đó các nhà đầu tư trong nước chiếm ưu thế lớn, thế này không thể duy trì lâu dài đối với nhà đầu tư trong nước khi nguồn lực và công nghệ của nhà

đầu tư nước ngoài vượt trội. Để tồn tại và phát triển, các nhà đầu tư trong nước cần phải tiến hành cải tiến quy trình sản xuất từ quá trình sản xuất đến tiêu thụ bằng cách nâng cao công nghệ và cải thiện phương pháp quản lý. Điều này là thách thức quan trọng của nền kinh tế thị trường đối với các nhà sản xuất trong nước, theo quy luật rằng không ai có thể tồn tại trên thị trường nếu không tự làm mình mạnh mẽ hơn để tồn tại và phát triển trong cơ cấu đó.

Trước khi có FDI, các doanh nghiệp trong nước thường chỉ tập trung vào thị trường nội địa. Khi có FDI, họ mở rộng quan hệ với đối tác kinh tế từ các nước ngoài. Điều này giúp họ nhận ra rất nhiều điểm cần thiết, cái họ có có thể phù hợp với nhu cầu ở nơi khác và ngược lại. Điều này thúc đẩy nhu cầu hợp tác giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước, tạo ra nhiều sản phẩm xuất khẩu để kiếm ngoại tệ, đồng thời cũng nhập khẩu mặt hàng phù hợp với nhu cầu trong nước. Quá trình trao đổi thương mại này thúc đẩy các nỗ lực đầu tư quốc tế giữa các quốc gia. Do đó, quá trình đầu tư nước ngoài và thương mại quốc tế tương hỗ nhau, góp phần thúc đẩy và hỗ trợ cho sự phát triển chung.

*\* Tạo sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế trong nước và bổ sung nguồn vốn cho phát triển du lịch*

FDI đóng góp tích cực vào quá trình cải thiện cơ cấu kinh tế của quốc gia theo hướng tích cực hơn, thường tập trung vào các ngành công nghệ cao và cạnh tranh như công nghiệp hay công nghệ thông tin. Nếu một quốc gia chủ yếu là nông nghiệp mở cửa cho FDI, sau một thời gian, các ngành công nghiệp và dịch vụ, đòi hỏi sự chuyên môn cao hơn, đã tăng cường về tỷ trọng và đóng góp vào ngân sách, GDP và cộng đồng xã hội. Đồng thời, FDI cũng có tác động trong việc giải quyết mất cân đối về phát triển giữa các vùng lãnh thổ. Nó giúp những vùng kém phát triển vượt qua tình trạng nghèo đói, tận dụng tối đa các lợi thế so sánh về tài nguyên, và khai thác tiềm năng chưa được phát triển trong quá trình sản xuất và dịch vụ. Hơn nữa, FDI còn đóng vai trò thúc đẩy sự phát triển đồng đều giữa các vùng khác nhau.

Một nền kinh tế nói chung và ngành du lịch nói riêng muốn phát triển được nhanh chóng, vượt bậc thì trước hết cần có nguồn vốn để làm nền móng vững chắc. Nếu như nguồn vốn đầu tư trong nước không đủ thì việc tiếp nhận FDI là một điều hết sức cần thiết đối với mỗi quốc gia. Theo đó, FDI là dòng vốn đặc biệt quan trọng cho tăng trưởng và hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần bổ sung vốn, công nghệ, năng lực quản lý, khả năng kinh doanh, khả năng tổ chức và tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu. FDI vào du lịch đóng vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội đối với nước tiếp nhận đầu tư. Sự tăng trưởng của nguồn vốn đầu tư nước ngoài không chỉ tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho nước tiếp nhận đầu tư đẩy nhanh thời gian mở rộng thị trường quốc tế, mà ngày càng cải tiến hơn về nhiều mặt trong hoạt động kinh doanh du lịch (chuyên môn, công nghệ, kỹ thuật...), giảm gánh nặng về vốn cho nhiều dự án lớn. Bên cạnh đó, việc thu hút và sử dụng nguồn vốn FDI nói chung và vào du lịch nói riêng còn góp phần tác động thúc đẩy chuyển dịch, cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, ngành, sản phẩm, dịch vụ; thúc đẩy cải cách thể chế, chính sách pháp luật, môi trường kinh doanh, phát triển nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại và hội nhập.

*\* Góp phần chuyển giao công nghệ kinh nghiệm quản lý cho nước tiếp nhận đầu tư*

FDI đã góp phần thúc đẩy chuyển giao công nghệ, từng bước nâng cao trình độ công nghệ sản xuất trong nước, một số ngành đã tiếp thu được công nghệ tiên tiến của thế giới như: bưu chính - viễn thông, dầu khí, xây dựng, cầu đường, khách sạn, văn phòng cho thuê... Nhiều doanh nghiệp ở CHDCND Lào đã tiến hành cải tiến hoặc nâng cấp trang thiết bị để đáp ứng nhu cầu cạnh tranh ngày càng cao của nền kinh tế. Nhờ điều này, CHDCND Lào đã sản xuất ra nhiều sản phẩm mới mà trước đây chưa được xuất hiện; hạn chế việc nhập khẩu các mặt hàng thuộc các lĩnh vực như dầu khí, vật liệu

xây dựng, thiết bị điện tử gia dụng, phương tiện giao thông... Các doanh nghiệp FDI đã tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng cao, thiết kế đẹp, theo xu hướng thời trang, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường trong nước và đồng thời tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu như máy tính, điện thoại thông minh, thiết bị điện tử gia dụng, và sản phẩm cơ khí chế tạo.

*\* Thúc đẩy tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu, phát triển nguồn nhân lực và tạo việc làm cho nước tiếp nhận đầu tư*

Bên cạnh các đóng góp đối với tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, các dự án FDI đã góp phần đáng kể vào cải thiện cán cân thanh toán quốc tế và là nguồn bù đắp quan trọng cho cân bằng vốn nhà nước. Bên cạnh đó, FDI cũng giúp đẩy mạnh xuất khẩu, đóng góp vào thặng dư cán cân thương mại của Lào, từ đó thúc đẩy tăng trưởng GDP. Những đóng góp này cho thấy, vai trò quan trọng của FDI trong tăng trưởng của CHDCND Lào. Tốc độ tăng vốn FDI đăng ký và thực hiện ở Lào trong những năm gần đây được đánh giá là do Lào đang tích cực hội nhập tham gia nhiều Hiệp định Thương mại tự do - FTA với các quốc gia trong khu vực và quốc tế. Tuy nhiên, điều này cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với nền kinh tế. Nền kinh tế có thể dễ bị tổn thương trước các cú sốc từ bên ngoài.

Tỷ lệ thuận với đóng góp của FDI vào tốc độ tăng trưởng chung của kinh tế cũng như đóng góp vào tăng trưởng ngành du lịch tại nước tiếp nhận đầu tư, các doanh nghiệp FDI đã tạo ra khối lượng đáng kể việc làm cho dân cư tại nước tiếp nhận đầu tư cũng như góp phần nâng cao mức sống của người dân nơi đây. Ngoài ra, với một tỷ lệ không nhỏ người dân ở nước tiếp nhận đầu tư được tham gia vào các công ty FDI là cơ hội lớn để đào tạo và phát triển trình độ nguồn nhân lực hiện tại cũng như trong thời gian đến. Doanh nghiệp FDI cũng là những đơn vị tiên phong trong đào tạo, nâng cao trình độ của đội ngũ công nhân, kỹ thuật viên, cán bộ quản lý. Chẳng hạn như nhiều vị trí việc làm trước đây do chuyên gia nước ngoài đảm nhận nhưng nay đã được

thay thế bằng lao động tại nước sở tại. Đó là một bước phát triển tiền đề, đánh giá sự chuyển biến về nền kinh tế ở nước tiếp nhận đầu tư hiện tại và tương lai sau này. Đồng thời, góp phần phát triển đất nước ngày càng đi lên sánh vai cùng các quốc gia trên thế giới.

Bên cạnh các đóng góp đối với tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, các dự án FDI đã góp phần đáng kể vào cải thiện cán cân thanh toán quốc tế và là nguồn bù đắp quan trọng cho cân bằng vốn nhà nước. Bên cạnh đó, FDI cũng giúp đẩy mạnh xuất khẩu, đóng góp vào thặng dư cán cân thương mại của Lào, từ đó thúc đẩy tăng trưởng GDP. Những đóng góp này cho thấy, vai trò quan trọng của FDI trong tăng trưởng của CHDCND Lào. Tốc độ tăng vốn FDI đăng ký và thực hiện ở Lào trong những năm gần đây được đánh giá là do Lào đang tích cực hội nhập tham gia nhiều Hiệp định Thương mại tự do - FTA với các quốc gia trong khu vực và quốc tế. Tuy nhiên, điều này cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với nền kinh tế. Nền kinh tế có thể dễ bị tổn thương trước các cú sốc từ bên ngoài.

*\* Góp phần tích cực vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiến bộ, hình thành các hình thức doanh nghiệp đa dạng liên kết các ngành nghề*

Việc thu hút và sử dụng đầu tư từ nước ngoài đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự chuyển dịch, cải cách cơ cấu kinh tế, và đổi mới mô hình tăng trưởng. Điều này góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của quốc gia, các ngành công nghiệp, sản phẩm và dịch vụ, đồng thời thúc đẩy cải cách trong thể chế, chính sách kinh tế và môi trường đầu tư kinh doanh. Sự đóng góp của FDI cũng hỗ trợ phát triển nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại và thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế. Với một lượng vốn FDI tập trung đặc biệt lớn vào ngành công nghiệp, đã dẫn đến tốc độ tăng trưởng và mức đóng góp đáng kể của ngành du lịch đối với GDP của quốc gia nhận vốn.

Nhờ sự chủ động, tích cực từ cả hai phía trên quan điểm các bên cùng có lợi những năm qua thành các hình thức doanh nghiệp đa dạng liên kết các ngành nghề ngày càng được củng cố và tăng cường. Doanh nghiệp công

ngiệp FDI ở nước tiếp nhận đầu tư đã đóng góp lớn vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội. Nhờ thu hút ngày càng nhiều nguồn vốn FDI, chính quyền ở nước tiếp nhận đầu tư cũng có thêm nguồn lực tài chính thực hiện các dự án đầu tư công nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân. Bên cạnh đó, việc hình thành các hình thức doanh nghiệp đa dạng liên kết các ngành nghề đều được thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững, tạo sức lan tỏa không chỉ trong nước tiếp nhận đầu tư mà còn ra các nước lân cận. Mặt khác, các doanh nghiệp FDI ở nước tiếp nhận đầu tư thường xuyên thực hiện các chương trình về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp được đánh giá cao.

## **2.2. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO NGÀNH DU LỊCH Ở NƯỚC TIẾP NHẬN ĐẦU TƯ**

### **2.2.1. Nội dung của thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch ở nước tiếp nhận đầu tư**

#### ***2.2.1.1. Tuyên truyền, quảng bá về tiềm năng lợi thế du lịch ở nước tiếp nhận đầu tư***

Tuyên truyền và quảng bá về tiềm năng lợi thế du lịch của một quốc gia ở nước tiếp nhận đầu tư đối với các nhà đầu tư là một phần quan trọng trong việc thu hút vốn FDI vào ngành du lịch ở nước tiếp nhận đầu tư. Quảng bá, xúc tiến du lịch có thể được hiểu là những hoạt động giới thiệu, tiếp thị các điều kiện, tiềm năng đến nhà đầu tư; tiếp thị các sản phẩm Du lịch đến với du khách nhằm thu hút vốn đầu tư cũng như thu hút khách đến du lịch. Để biết đến một địa danh, một vùng đất, một dân tộc ngoài những thông tin qua lịch sử văn hóa, địa lý, kinh tế... còn có một cánh tiếp cận luôn tạo nên những ấn tượng khó quên đó là qua Du lịch. Một trong những yếu tố giúp du khách tiếp cận và giới thiệu nhanh nhất các giá trị đó là các hình thức thông tin, quảng bá. Đó là những thông tin được giới thiệu trên hệ thống truyền thông đại chúng, hệ thống Internet và các hình thức khác. Đối với du khách, các thông

tin về giá trị điểm đến, điều kiện đi lại, ăn ở nơi mình sẽ đến luôn được quan tâm. Chính vì vậy, công tác xúc tiến, quảng bá để du khách biết đến một điểm đến, một vùng đất hay một dân tộc có vai trò vô cùng quan trọng trong phát triển du lịch. Thực tế cũng đã cho thấy công tác tuyên truyền quảng bá điểm đến rất quan trọng trong thúc đẩy phát triển du lịch ở nước tiếp nhận đầu tư.

Thông qua việc tuyên truyền, quảng bá về tiềm năng lợi thế du lịch ở nước tiếp nhận đầu tư nhằm tạo ra các tài liệu, video, trang web chuyên nghiệp để giới thiệu về vẻ đẹp tự nhiên, văn hóa, lịch sử và các điểm đến du lịch hấp dẫn của quốc gia. Đặc biệt là nên tập trung vào những đặc điểm riêng biệt mà nước tiếp nhận đầu tư có, như di sản văn hóa, cảnh quan độc đáo, hoặc trải nghiệm du lịch độc đáo. Tổ chức các sự kiện, triển lãm du lịch quốc tế để giới thiệu sản phẩm du lịch của quốc gia đến đối tác và nhà đầu tư quốc tế. Tạo ra các chính sách khuyến mãi, ưu đãi thuế và hỗ trợ cho các nhà đầu tư trong ngành du lịch như xây dựng khách sạn, khu nghỉ dưỡng, hoặc cơ sở dịch vụ du lịch khác. Tạo mối liên kết với các tổ chức du lịch quốc tế, các công ty du lịch lớn, các nhà đầu tư và các tổ chức hỗ trợ đầu tư để tăng cường sự nhận thức và quan hệ đối tác.

#### ***2.2.1.2. Hoàn thiện cơ chế về thu đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch***

Đây là yếu tố quyết định hàng đầu để thu hút FDI vào du lịch. Mặc dù một quốc gia có sự đa dạng, giàu có về tài nguyên thiên nhiên, vị trí địa lý thuận lợi để phát triển du lịch, nguồn nhân lực dồi dào nhưng quốc gia đó không chú trọng hoặc thiếu đường lối, cơ chế, chính sách thu hút FDI vào du lịch thì quốc gia đó cũng không thể phát triển được. Chính sách thu hút FDI trong ngành du lịch đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia. Để thực hiện được chính sách này, cần có các hướng dẫn cụ thể thông qua các kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn. Điều này đòi hỏi sự đồng bộ và sự phối hợp mạch lạc giữa các chủ trương, kế hoạch và biện pháp.



Việc hoàn thiện cơ chế là yếu tố cần thiết để thu hút nhà đầu tư nước ngoài trong ngành du lịch. Điều này đặc biệt quan trọng trong việc thu hút và sử dụng nguồn vốn FDI vào lĩnh vực du lịch của quốc gia tiếp nhận. Thông thường, các nhà đầu tư thích chọn các quốc gia có môi trường cơ chế ổn định để hoạt động, nơi mà vốn đầu tư có sự an toàn và tiềm năng sinh lời cao hơn so với các nơi khác. An toàn ở đây đề cập đến môi trường vĩ mô ổn định, được đánh giá qua việc kiểm soát lạm phát và ổn định tiền tệ. Các dự án FDI thường ưu tiên đầu tư vào các nền kinh tế ổn định, có tính nhất quán để đảm bảo hiệu quả và ổn định của dòng vốn đầu tư.

Khi tình hình chính trị và xã hội không ổn định, khả năng của nhà nước để kiểm soát hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài thường bị hạn chế. Điều này có thể dẫn đến việc các hoạt động đầu tư không tuân theo hướng phát triển chiến lược kinh tế và xã hội của quốc gia tiếp nhận, ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng nguồn vốn FDI. Trong trường hợp tình hình chính trị và xã hội không ổn định, khả năng thu hút các nhà đầu tư nước ngoài vào địa phương thường rất thấp, bởi vì lúc này rủi ro đối với họ là rất cao.

Việc hoàn thiện cơ chế về thu đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch ở nước tiếp nhận đầu tư nhằm cung cấp một môi trường kinh doanh ổn định và dự đoán, bao gồm cả quy định pháp lý rõ ràng và dễ hiểu, hạ tầng giao thông và dịch vụ công cộng đủ điều kiện, cũng như một hệ thống thuế và cơ chế thuế hợp lý. Trên cơ sở đó tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tư nhân và các tổ chức phi lợi nhuận tham gia vào ngành du lịch, bằng cách cung cấp các ưu đãi thuế và hỗ trợ tài chính; Đầu tư vào cơ sở hạ tầng du lịch như sân bay, cảng biển, đường sắt, đường bộ và các điểm đến du lịch khác để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển ngành du lịch. Tạo ra các chiến lược quảng bá và tiếp thị hiệu quả để nâng cao nhận thức về tiềm năng du lịch của quốc gia đến các nhà đầu tư nước ngoài. Tạo ra các khu kinh doanh và du lịch chuyên biệt để thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước,

bao gồm cả các khu du lịch nghỉ dưỡng, khu thương mại và giải trí. Tạo ra các cơ quan và cơ chế hỗ trợ đầu tư đặc biệt cho ngành du lịch, bao gồm cả việc cung cấp thông tin, tư vấn và hỗ trợ về các quy định pháp lý và thủ tục hành chính. Đảm bảo rằng các dự án đầu tư trong ngành du lịch được thúc đẩy và phát triển một cách bền vững, bảo vệ và tôn trọng cảnh quan tự nhiên và văn hóa, cũng như phát triển kinh tế và xã hội địa phương. Bằng việc hoàn thiện cơ chế về thu hút FDI vào ngành du lịch ở nước tiếp nhận đầu tư, nước tiếp nhận đầu tư có thể tăng cường thu hút FDI vào ngành du lịch, từ đó thúc đẩy sự phát triển kinh tế và xã hội ở nước tiếp nhận đầu tư.

### ***2.2.1.3. Hoàn thiện hạ tầng để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch***

Hạ tầng đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong phát triển du lịch. Việc đầu tư vào hạ tầng không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho du khách mà còn giúp tăng cường năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững cho ngành du lịch ở nước tiếp nhận đầu tư. Những yếu tố này ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh. Các nhà đầu tư FDI thường tập trung vào việc sản xuất kinh doanh tại những địa điểm có kết cấu hạ tầng kỹ thuật tốt, vì thời gian triển khai dự án sẽ được rút ngắn, giảm chi phí vận chuyển và thông tin liên lạc, đồng thời tăng hiệu quả đầu tư.

Một quốc gia với kết cấu hạ tầng tốt, bao gồm hệ thống đường sá, cảng biển, sân bay và hệ thống thông tin liên lạc hiện đại, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư. Họ có thể dễ dàng vận chuyển, xây dựng các hệ thống sản xuất hiện đại để đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, tối ưu hóa chi phí sản xuất và giảm giá thành sản phẩm, từ đó mang lại hiệu quả kinh doanh cao.

Đối với mọi quốc gia, việc đầu tư vào xây dựng kết cấu hạ tầng, bảo tồn và tôn tạo tài nguyên môi trường du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, cũng như nâng cao chất lượng nguồn lao động và thực hiện chiến lược quảng bá thị trường là rất quan trọng. Việc thực hiện tốt những điều này có thể tăng

cường lợi ích từ việc thu hút FDI vào ngành du lịch và giảm thiểu những tác động tiêu cực mà FDI có thể gây ra đối với cộng đồng và doanh nghiệp du lịch. Nếu hạ tầng ở nước tiếp nhận đầu tư được quy hoạch có chất lượng thì sẽ giúp cho việc đầu tư FDI vào du lịch phát triển tốt, góp phần nâng cao hiệu quả. Ngược lại, nếu việc quy hoạch này được thực hiện không tốt có thể dẫn đến việc thu hút FDI vào du lịch thiếu tính kiểm soát và những lợi ích ngắn hạn trước mắt có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng trong tương lai.

Hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển đồng bộ, hiện đại sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất, hiệu quả của du lịch và góp phần giải quyết các vấn đề xã hội. Ngược lại, một hệ thống cơ sở hạ tầng kém phát triển là một trở lực lớn đối với sự phát triển ở nước tiếp nhận đầu tư. Ở nhiều nước tiếp nhận đầu tư đang phát triển hiện nay, kết cấu hạ tầng thiếu và yếu đã gây ứ đọng trong luân chuyển các nguồn lực, khó hấp thụ, vốn đầu tư, gây ra những “nút cổ chai kết cấu hạ tầng” ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển du lịch nói chung và tăng trưởng kinh tế của quốc gia đó nói riêng.

#### ***2.2.1.4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch***

Chất lượng nguồn nhân lực để thu hút FDI vào ngành du lịch ở tiếp nhận đầu tư có vai trò quan trọng trong việc thu hút FDI vào du lịch. Trong quá trình phát triển xã hội, lịch sử đã chứng minh rằng con người đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội ở mọi giai đoạn. Các triết gia lớn của chủ nghĩa Mác đã đưa ra quan điểm chính xác khi khẳng định rằng, sự phát triển của xã hội không phụ thuộc vào bất kỳ lực lượng siêu nhiên nào, mà chính con người đã tạo nên lịch sử của mình - lịch sử xã hội của loài người. Triết học Mác đã đưa ra cái nhìn sâu sắc, khoa học và toàn diện về vấn đề con người, với việc phân tích đúng đắn về vị trí và vai trò của người trong sự phát triển xã hội. Mác đã tập trung vào việc lý giải và đánh giá một cách khoa học về tầm quan trọng của con người đối với tiến bộ của xã

hội. Sự xuất hiện của triết học Mác đã đưa ra những quan điểm chi tiết và chính xác về vai trò của con người trong sự phát triển xã hội.

Chất lượng của nguồn nhân lực ở quốc gia thu hút đầu tư là điều kiện quan trọng để thu hút vốn FDI vào ngành du lịch. Đây là một trong những nội dung thể hiện vai trò to lớn của nhân tố con người, điều này có thể thấy, trong thực tiễn nhiều quốc gia đã tận dụng được sức sáng tạo, kiến thức, kỹ năng của nhân tố con người, cộng với ưu thế của các địa danh du lịch để thu hút du khách và phát triển các ngành kinh tế có liên quan. Đặc biệt, nhiều quốc gia tuy không có quá nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển du lịch, nhưng nhờ chú trọng phát huy được năng lực, sức sáng tạo, kiến thức của nhân tố con người, nhất là những chuyên gia, các nhà hoạch định chính sách, đã giúp quảng bá hình ảnh đất nước và phát triển ngành kinh tế du lịch thông qua các loại hình du lịch văn hóa, lịch sử, trải nghiệm, du lịch thể thao.

#### ***2.2.1.5. Tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch***

Việc tăng cường vai trò quản lý của nhà nước có một vai trò hết sức quan trọng đối với việc huy động FDI vào ngành du lịch. Chỉ có cơ quan nhà nước, với quyền lực và chức năng của mình, mới có khả năng tạo ra một môi trường đầu tư cạnh tranh hơn so với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới, nhằm khuyến khích sự đầu tư từ các nhà đầu tư nước ngoài. Vai trò quản lý của nhà nước đối với FDI vào ngành du lịch thể hiện qua việc hình thành và hoàn thiện môi trường đầu tư để thu hút FDI vào ngành du lịch một cách hiệu quả. Môi trường quốc tế tương tự nhau ở mỗi quốc gia và vai trò của nhà nước thể hiện đầu tiên ở khả năng tạo ra một môi trường đầu tư hấp dẫn.

Sự hấp dẫn của môi trường đối với nhà đầu tư nước ngoài chủ yếu nằm ở sự ổn định chính trị, kinh tế vĩ mô ổn định, môi trường pháp lý an toàn, thủ tục hành chính đơn giản, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển và có định

hướng chính xác, khuyến khích hoạt động kinh doanh hiệu quả và an toàn cho các nhà đầu tư.

Trong giai đoạn phát triển kinh tế ban đầu của một quốc gia kém phát triển, thường xuất hiện những thách thức và khó khăn như cân đối thương mại và thanh toán quốc tế thường xuyên trong tình trạng thâm hụt nặng, sự mất cân đối giữa khả năng thanh khoản thấp và nhu cầu đầu tư lớn, cũng như thiếu cân đối giữa thu chi ngân sách. Tại đây, vai trò của nhà nước thể hiện qua việc giải quyết vấn đề lạm phát, chính sách tài chính, tiền tệ, tỉ giá hối đoái, và xây dựng hệ thống tài chính vững mạnh, tạo ra sự cân đối cung cầu trong ba lĩnh vực trên để ổn định kinh tế vĩ mô. Qua đó, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh hiệu quả của nhà đầu tư trong và ngoài nước, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế và xuất khẩu, và ổn định các cân đối vĩ mô.

### **2.2.2. Các tiêu chí đánh giá thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào du lịch**

#### ***2.2.2.1. Nhóm tiêu chí về số lượng dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài vào du lịch***

Tiêu chí về số lượng dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào du lịch là một trong những chỉ số quan trọng để đánh giá mức độ hấp dẫn của môi trường đầu tư và tiềm năng phát triển của ngành du lịch tại một quốc gia hoặc khu vực. Tuy nhiên, việc đánh giá chỉ dựa trên số lượng dự án là chưa đủ, mà cần phải kết hợp với các tiêu chí khác để có cái nhìn toàn diện hơn. Dưới đây là một số tiêu chí liên quan đến số lượng dự án FDI vào du lịch:

#### ***\* Tổng số dự án FDI được cấp phép/đăng ký***

Tiêu chí này là một trong những chỉ số cơ bản nhất để đánh giá mức độ hấp dẫn của một quốc gia hoặc khu vực đối với các nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực du lịch. Nó không chỉ đơn thuần là một con số thống kê, mà còn là một thước đo tổng quan về niềm tin của các nhà đầu tư vào tiềm năng phát triển của ngành du lịch. Cụ thể, tiêu chí này phản ánh tổng số các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đã được cơ quan có thẩm quyền chính thức chấp

thuận về mặt chủ trương hoặc cấp phép hoạt động trong một khoảng thời gian cụ thể, thường là tính theo năm hoặc quý. Các dự án này bao gồm nhiều loại hình khác nhau, từ xây dựng khách sạn, khu nghỉ dưỡng, công viên giải trí, đến phát triển các dịch vụ lữ hành, vận tải và các hoạt động hỗ trợ du lịch khác. Tuy nhiên, cần phải lưu ý rằng, số lượng các dự án được cấp phép không phải là một chỉ số tuyệt đối về sự thành công của các dự án, mà chỉ phản ánh mức độ quan tâm ban đầu và tiềm năng đầu tư. Thực tế, một số dự án có thể không được triển khai, hoặc triển khai không đúng tiến độ, hoặc không đạt được hiệu quả như kỳ vọng ban đầu.

*\* Số lượng dự án FDI mới được cấp phép/đăng ký*

Tiêu chí này là một chỉ báo quan trọng về động lực tăng trưởng và sức hút đầu tư của ngành du lịch trong giai đoạn hiện tại. Nó phản ánh số lượng các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài mới, lần đầu tiên được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc cấp phép đầu tư trong một năm hoặc quý cụ thể. Số lượng dự án mới này không chỉ thể hiện sự quan tâm của các nhà đầu tư nước ngoài vào thời điểm đó, mà còn cho thấy môi trường đầu tư đang trở nên hấp dẫn hơn, có nhiều cơ hội mới được tạo ra, hoặc các nhà đầu tư đang nhận thấy tiềm năng phát triển lớn hơn trong ngành du lịch. Việc theo dõi sự biến động của tiêu chí này theo thời gian giúp các nhà hoạch định chính sách đánh giá được hiệu quả của các biện pháp thu hút đầu tư, cũng như khả năng duy trì và nâng cao sức cạnh tranh của ngành du lịch trong tương lai. Nếu số lượng dự án mới tăng lên đáng kể, điều đó cho thấy một xu hướng tích cực và các chính sách đang phát huy hiệu quả; ngược lại, sự sụt giảm có thể là dấu hiệu cảnh báo về những vấn đề cần được giải quyết.

*\* Số lượng dự án FDI đã triển khai thực tế*

Tiêu chí này là một thước đo quan trọng về khả năng chuyển hóa các cam kết đầu tư thành các hoạt động thực tế trên hiện trường. Nó phản ánh số lượng các dự án FDI đã vượt qua giai đoạn đăng ký và cấp phép, đã hoàn thành

các thủ tục pháp lý cần thiết và đang trong quá trình triển khai xây dựng hoặc đã bắt đầu hoạt động. Tiêu chí này cho thấy tính hiệu quả của các chính sách và quy trình đầu tư, cũng như sự quyết tâm và năng lực của các nhà đầu tư trong việc biến kế hoạch trên giấy thành các dự án thực tế. Một số lượng lớn các dự án được triển khai thực tế cho thấy rằng các nhà đầu tư có niềm tin vào tiềm năng và tính khả thi của các dự án du lịch, cũng như môi trường đầu tư đang thuận lợi và có khả năng hỗ trợ các nhà đầu tư. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, không phải tất cả các dự án được triển khai đều đạt được thành công như mong đợi, do đó cần phải đánh giá thêm các tiêu chí khác để có cái nhìn toàn diện.

*\* Số lượng dự án FDI đã đi vào hoạt động*

Tiêu chí này là một trong những chỉ số quan trọng nhất để đánh giá hiệu quả của các chính sách thu hút FDI trong ngành du lịch. Nó đo lường số lượng các dự án FDI đã hoàn thành xây dựng, đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng và an toàn, và đang cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ du lịch cho du khách. Số lượng các dự án đã đi vào hoạt động phản ánh một cách rõ ràng về sự thành công trong việc chuyển hóa nguồn vốn FDI thành các hoạt động kinh doanh thực tế, góp phần tạo ra doanh thu, lợi nhuận, việc làm và đóng góp vào ngân sách nhà nước. Một con số lớn về các dự án đã đi vào hoạt động cho thấy tiềm năng phát triển bền vững của ngành du lịch, đồng thời cũng là minh chứng cho sự hiệu quả của môi trường đầu tư và các chính sách hỗ trợ của chính phủ.

*\* Số lượng dự án FDI ngừng hoạt động hoặc rút vốn*

Tiêu chí này cung cấp thông tin quan trọng về các rủi ro và thách thức mà ngành du lịch có thể đang phải đối mặt. Nó phản ánh số lượng các dự án FDI đã buộc phải ngừng hoạt động hoặc rút vốn khỏi ngành, có thể do nhiều nguyên nhân khác nhau như khó khăn về tài chính, thay đổi chính sách, cạnh tranh gay gắt, các yếu tố bất khả kháng, hoặc không đạt được hiệu quả kinh doanh như kỳ vọng. Việc theo dõi tiêu chí này không chỉ giúp các nhà hoạch định chính sách và các nhà đầu tư nhận biết được những rủi ro và thách thức

tiềm ẩn, mà còn giúp họ đưa ra các biện pháp phòng ngừa, ứng phó và điều chỉnh kịp thời để duy trì sự ổn định và phát triển bền vững của ngành du lịch. Một con số lớn về các dự án FDI ngừng hoạt động hoặc rút vốn có thể là dấu hiệu cảnh báo về những vấn đề cần phải được giải quyết.

*Thứ nhất, phân bổ theo loại hình đầu tư*, cung cấp thông tin chi tiết về cơ cấu đầu tư FDI trong ngành du lịch, bằng cách phân loại các dự án theo từng loại hình cụ thể như khách sạn, khu nghỉ dưỡng, nhà hàng, khu vui chơi giải trí, dịch vụ lữ hành, vận tải, và các dịch vụ hỗ trợ khác. Việc phân tích sự phân bổ này giúp các nhà hoạch định chính sách hiểu rõ hơn về các lĩnh vực đang thu hút nhiều vốn đầu tư nhất, cũng như các lĩnh vực còn tiềm năng phát triển nhưng chưa được khai thác hết. Từ đó, có thể đưa ra các chính sách khuyến khích hoặc điều chỉnh để đảm bảo sự phát triển cân đối của các loại hình du lịch khác nhau, và tận dụng tối đa tiềm năng của từng lĩnh vực. Ví dụ, nếu thấy rằng các dự án về cơ sở lưu trú đang chiếm tỷ trọng lớn, trong khi các dự án về vui chơi giải trí và dịch vụ hỗ trợ còn hạn chế, chính phủ có thể đưa ra các chính sách ưu đãi để thu hút đầu tư vào các lĩnh vực này.

*Thứ hai, phân bổ theo địa điểm*, tập trung vào sự phân bổ địa lý của các dự án FDI trong ngành du lịch, cho thấy số lượng các dự án FDI được triển khai ở các khu vực khác nhau như các thành phố lớn, khu vực ven biển, vùng núi, hoặc vùng nông thôn. Việc phân tích sự phân bổ này giúp xác định các khu vực đang thu hút nhiều vốn đầu tư nhất, và các khu vực còn tiềm năng phát triển nhưng chưa được khai thác hết. Thông tin này rất quan trọng đối với việc lập kế hoạch phát triển du lịch một cách toàn diện và cân đối, cũng như giúp các nhà đầu tư đưa ra quyết định đầu tư phù hợp với tiềm năng của từng địa điểm. Ví dụ, nếu thấy rằng các khu vực ven biển đang thu hút nhiều vốn FDI, trong khi các khu vực miền núi còn ít được quan tâm, chính phủ có thể đưa ra các chính sách khuyến khích để thu hút đầu tư vào các khu vực này, nhằm thúc đẩy sự phát triển đồng đều trên toàn quốc.



*Thứ ba, phân bổ theo quy mô vốn*, phân loại các dự án FDI trong ngành du lịch dựa trên quy mô vốn đầu tư, từ các dự án lớn có vốn hàng triệu hoặc hàng tỷ đô la đến các dự án vừa và nhỏ có vốn đầu tư khiêm tốn hơn. Việc phân tích này cho phép đánh giá một cách sâu sắc hơn về cơ cấu đầu tư trong ngành. Các dự án lớn thường được thực hiện bởi các tập đoàn đa quốc gia hoặc các quỹ đầu tư lớn, có khả năng tạo ra những tác động đáng kể đến sự phát triển của ngành, mang theo công nghệ hiện đại và các chuẩn mực quốc tế. Trong khi đó, các dự án vừa và nhỏ thường được thực hiện bởi các doanh nghiệp tư nhân hoặc các nhà đầu tư cá nhân, đóng góp vào sự đa dạng và tính cạnh tranh của thị trường du lịch. Việc hiểu rõ về sự phân bổ theo quy mô vốn giúp các nhà hoạch định chính sách đưa ra các biện pháp khuyến khích phù hợp cho từng loại hình nhà đầu tư.

*Thứ tư, phân bổ theo quốc gia/vùng lãnh thổ đầu tư*, phản ánh sự đa dạng về nguồn vốn FDI và các đối tác đầu tư quan trọng trong ngành du lịch, cho thấy số lượng dự án FDI đến từ các quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác nhau. Việc phân tích này giúp nhận biết các quốc gia đang đầu tư mạnh vào ngành du lịch, từ đó giúp xây dựng quan hệ đối tác chiến lược, thu hút thêm các nguồn vốn tiềm năng và học hỏi kinh nghiệm từ các thị trường phát triển du lịch khác. Thông tin này cũng có ý nghĩa trong việc đánh giá sức cạnh tranh của ngành du lịch, cũng như hiệu quả của các chính sách thu hút đầu tư.

*\* Tỷ lệ dự án đầu tư FDI vào du lịch*

Thứ nhất, tỷ lệ dự án FDI đã triển khai thực tế/tổng số dự án FDI đăng ký: Tiêu chí này đánh giá một cách trực tiếp và cụ thể về hiệu quả của môi trường đầu tư trong việc chuyển hóa các cam kết đầu tư thành các dự án thực tế. Nó đo lường tỷ lệ phần trăm số dự án FDI đã vượt qua giai đoạn đăng ký và đang triển khai xây dựng hoặc hoạt động so với tổng số dự án đã được cấp phép hoặc đăng ký. Một tỷ lệ cao cho thấy rằng các thủ tục hành chính đang được thực hiện một cách nhanh chóng và hiệu quả, môi trường đầu tư thuận

lợi, và các nhà đầu tư có niềm tin vào tiềm năng phát triển của thị trường. Ngược lại, một tỷ lệ thấp có thể là dấu hiệu của các rào cản hoặc khó khăn trong quá trình thực hiện dự án, cần được xem xét và giải quyết.

Thứ hai, tỷ lệ dự án FDI đã đi vào hoạt động/tổng số dự án FDI đăng ký: Tiêu chí này thể hiện một cách rõ ràng nhất về hiệu quả của các chính sách thu hút FDI trong ngành du lịch. Nó đo lường tỷ lệ phần trăm số dự án FDI đã hoàn thành xây dựng và đi vào hoạt động so với tổng số dự án đã được cấp phép hoặc đăng ký. Một tỷ lệ cao cho thấy sự thành công trong việc biến các dự án trên giấy thành các hoạt động thực tế, đóng góp vào doanh thu, lợi nhuận, tạo việc làm và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Ngược lại, một tỷ lệ thấp có thể cho thấy những vấn đề trong quá trình thực hiện, hoặc các chính sách khuyến khích chưa đủ mạnh mẽ.

Thứ ba, tỷ lệ dự án FDI mới/tổng số dự án FDI: Tiêu chí này đánh giá động lực và tiềm năng phát triển của ngành du lịch, đo lường tỷ lệ phần trăm dự án FDI mới được cấp phép hoặc đăng ký so với tổng số dự án FDI. Một tỷ lệ cao cho thấy rằng có một dòng vốn đầu tư mới liên tục chảy vào ngành du lịch, tạo ra động lực tăng trưởng và phát triển. Ngược lại, tỷ lệ thấp có thể là dấu hiệu của sự bão hòa hoặc khó khăn trong việc thu hút các nhà đầu tư mới.

Tỷ lệ dự án FDI có ứng dụng công nghệ tiên tiến: Tiêu chí này đánh giá mức độ hiện đại hóa của ngành du lịch, đo lường tỷ lệ các dự án FDI áp dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý, vận hành và cung cấp dịch vụ du lịch. Việc áp dụng công nghệ mới giúp nâng cao hiệu quả hoạt động, cải thiện chất lượng dịch vụ và tăng cường trải nghiệm cho du khách. Một tỷ lệ cao cho thấy rằng ngành du lịch đang hướng tới sự phát triển bền vững và cạnh tranh.

Tỷ lệ dự án FDI đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường và phát triển bền vững: Tiêu chí này đánh giá mức độ trách nhiệm xã hội của các nhà đầu tư và sự quan tâm của ngành du lịch đến các vấn đề môi trường. Nó đo lường tỷ lệ các dự án FDI tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và phát triển

bền vững, bao gồm việc sử dụng năng lượng tái tạo, giảm thiểu chất thải, bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ văn hóa địa phương. Một tỷ lệ cao cho thấy rằng ngành du lịch đang hướng tới sự phát triển bền vững và có trách nhiệm với môi trường và cộng đồng.

Tỷ lệ dự án FDI tạo việc làm cho lao động địa phương: Tiêu chí này đánh giá tác động xã hội của các dự án FDI trong ngành du lịch. Nó đo lường tỷ lệ lao động địa phương được tuyển dụng bởi các dự án FDI, cho thấy vai trò của FDI trong việc tạo ra việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống của người dân địa phương. Một tỷ lệ cao cho thấy rằng FDI không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn đóng góp vào sự phát triển xã hội của cộng đồng.

#### ***2.2.2.2. Nhóm tiêu chí về chất lượng dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài vào du lịch***

##### ***\* Ứng dụng công nghệ tiên tiến***

Tiêu chí này không chỉ đơn thuần là việc trang bị các thiết bị hiện đại, mà còn là việc đánh giá mức độ tích hợp các công nghệ tiên tiến vào toàn bộ quá trình thiết kế, xây dựng và vận hành các dự án du lịch. Nó bao gồm việc áp dụng các công nghệ thông minh như hệ thống quản lý khách sạn thông minh (smart hotel), khu nghỉ dưỡng thông minh (smart resort), các ứng dụng di động hỗ trợ du khách, hệ thống đặt phòng trực tuyến, các công cụ thanh toán điện tử, cũng như việc sử dụng các công nghệ năng lượng tái tạo, công nghệ quản lý dữ liệu, trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) để nâng cao trải nghiệm của khách hàng. Việc ứng dụng công nghệ tiên tiến không chỉ giúp tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, tiết kiệm chi phí, mà còn tạo ra sự khác biệt và tăng tính cạnh tranh cho các dự án du lịch. Đồng thời, nó cũng góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành du lịch theo hướng hiện đại hóa và bền vững. Một dự án du lịch được đánh giá cao về tiêu chí này không chỉ thể hiện khả năng tiếp cận công nghệ của nhà đầu tư mà còn thể hiện tầm nhìn xa và sự cam kết đối với việc mang đến những trải nghiệm tốt nhất cho du khách.

*\* Đổi mới và sáng tạo trong các dự án đầu tư FDI vào du lịch*

Tiêu chí này đánh giá khả năng của các dự án FDI trong việc tạo ra những sản phẩm và dịch vụ du lịch mới mẻ, độc đáo và khác biệt so với các đối thủ cạnh tranh. Nó không chỉ dừng lại ở việc cải tiến các sản phẩm và dịch vụ hiện có, mà còn khuyến khích việc áp dụng các mô hình kinh doanh sáng tạo, mang đến những trải nghiệm mới lạ và hấp dẫn cho du khách. Các dự án đổi mới và sáng tạo thường có khả năng thu hút sự chú ý của khách hàng, tạo ra sự khác biệt trên thị trường và mang lại lợi thế cạnh tranh bền vững. Ví dụ, một dự án có thể áp dụng các mô hình du lịch trải nghiệm mới, kết hợp giữa các yếu tố văn hóa, thiên nhiên và hoạt động giải trí, hoặc có thể sử dụng công nghệ để tạo ra những trải nghiệm tương tác độc đáo cho du khách. Sự đổi mới và sáng tạo là yếu tố quan trọng để ngành du lịch không ngừng phát triển và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách.

*\* Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ đầu tư FDI vào du lịch*

Tiêu chí này tập trung vào việc đánh giá mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế và khu vực trong việc cung cấp các dịch vụ du lịch, từ dịch vụ lưu trú, ăn uống, vận chuyển đến các hoạt động vui chơi giải trí. Các dự án FDI được đánh giá cao về tiêu chí này thường tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình và tiêu chuẩn chất lượng đã được công nhận, đảm bảo rằng khách hàng nhận được những dịch vụ tốt nhất và có trải nghiệm hài lòng nhất. Điều này có thể được thể hiện qua việc đạt được các chứng nhận và tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, như ISO, HACCP, hoặc các xếp hạng sao cho khách sạn và khu nghỉ dưỡng. Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ không chỉ ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng mà còn tác động trực tiếp đến uy tín và thương hiệu của dự án và của ngành du lịch nói chung. Việc tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn chất lượng sẽ giúp nâng cao sức cạnh tranh của ngành du lịch trên thị trường quốc tế.

*\* Đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ đầu tư FDI vào du lịch*

Tiêu chí này đánh giá khả năng của các dự án FDI trong việc cung cấp một loạt các sản phẩm và dịch vụ du lịch đa dạng, đáp ứng nhu cầu và sở thích khác nhau của các đối tượng khách hàng khác nhau. Các dự án được đánh giá cao về tiêu chí này thường không chỉ tập trung vào một loại hình du lịch duy nhất, mà còn phát triển các sản phẩm và dịch vụ du lịch đa dạng, bao gồm du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, du lịch mạo hiểm, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch khám phá, v.v. Sự đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ không chỉ giúp thu hút nhiều đối tượng khách hàng hơn mà còn tạo ra sự phong phú và hấp dẫn cho ngành du lịch, giúp du khách có nhiều lựa chọn hơn và có những trải nghiệm du lịch phong phú hơn. Các dự án có khả năng đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ sẽ có lợi thế cạnh tranh lớn hơn và có thể thu hút khách hàng quay trở lại nhiều lần.

*\* Tiện nghi và trang thiết bị hiện đại*

Tiêu chí này đánh giá mức độ hiện đại và tiện nghi của cơ sở vật chất và trang thiết bị trong các dự án du lịch, từ các tiện nghi trong phòng ở, nhà hàng, khu vui chơi giải trí đến các trang thiết bị hỗ trợ du khách. Các dự án được đánh giá cao về tiêu chí này thường đầu tư vào các trang thiết bị hiện đại, tiện nghi và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo rằng du khách có một trải nghiệm thoải mái và tiện nghi nhất. Các tiện nghi và trang thiết bị hiện đại không chỉ nâng cao chất lượng dịch vụ mà còn tạo ra sự khác biệt và tăng tính cạnh tranh cho các dự án du lịch. Ví dụ, một dự án có thể cung cấp wifi tốc độ cao, hệ thống điều hòa không khí, các thiết bị giải trí hiện đại, hồ bơi, phòng tập gym, spa, hoặc các tiện nghi khác để đáp ứng nhu cầu đa dạng của du khách.

*\* Bảo vệ môi trường và đóng góp cho cộng đồng*

Bảo vệ môi trường đánh giá mức độ tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tái tạo, giảm thiểu chất thải, bảo tồn đa dạng sinh

học và các hoạt động bảo vệ môi trường khác trong quá trình triển khai và vận hành các dự án FDI. Các dự án được đánh giá cao về tiêu chí này thường áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường một cách nghiêm ngặt, sử dụng các công nghệ và vật liệu thân thiện với môi trường, có chứng nhận xanh, tham gia các hoạt động bảo tồn thiên nhiên và có các chương trình nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cả nhân viên và du khách. Việc bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm của các nhà đầu tư mà còn là yếu tố quan trọng để đảm bảo sự phát triển bền vững của ngành du lịch và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên cho các thế hệ tương lai.

Đóng góp cho cộng đồng đánh giá mức độ đóng góp của các dự án FDI vào sự phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa của cộng đồng địa phương. Các dự án được đánh giá cao về tiêu chí này thường tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người dân địa phương, ưu tiên mua sắm các sản phẩm và dịch vụ địa phương, hỗ trợ các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế, và tham gia vào các hoạt động xã hội khác. Việc đóng góp cho cộng đồng không chỉ là trách nhiệm xã hội của các nhà đầu tư mà còn là yếu tố quan trọng để đảm bảo tính bền vững của dự án và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa doanh nghiệp và cộng đồng. Một dự án du lịch thành công không chỉ mang lại lợi ích cho các nhà đầu tư mà còn phải mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương và góp phần vào sự phát triển chung của xã hội.

*\* Tôn trọng văn hóa địa phương của các dự án FDI vào du lịch*

Tiêu chí này đánh giá mức độ tôn trọng các giá trị văn hóa, phong tục tập quán, truyền thống và bản sắc của cộng đồng địa phương trong quá trình triển khai và vận hành các dự án FDI. Các dự án được đánh giá cao về tiêu chí này thường bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa địa phương, tránh gây ra những tác động tiêu cực đến văn hóa và xã hội, đồng thời khuyến khích du khách tìm hiểu và tôn trọng văn hóa địa phương. Việc tôn trọng văn hóa địa phương không chỉ là đạo đức kinh doanh mà còn là yếu tố quan trọng để tạo ra

sự hài hòa giữa phát triển du lịch và bảo tồn văn hóa, đảm bảo sự phát triển bền vững của ngành du lịch trong tương lai. Các dự án tôn trọng văn hóa địa phương thường tạo ra những trải nghiệm du lịch độc đáo và hấp dẫn, thu hút những du khách quan tâm đến văn hóa và muốn tìm hiểu về sự khác biệt.

*\* Hiệu quả kinh tế - xã hội và khả năng cạnh tranh*

Hiệu quả kinh tế - xã hội đánh giá tác động của các dự án FDI đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và quốc gia, đo lường sự đóng góp của các dự án vào GDP, thu ngân sách, tạo việc làm, thu hút du khách và tăng cường quảng bá du lịch. Các dự án được đánh giá cao về tiêu chí này thường có tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế và xã hội, không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn góp phần vào sự phát triển văn hóa, xã hội, và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân địa phương. Tiêu chí này giúp đánh giá một cách toàn diện về giá trị mà FDI mang lại cho quốc gia và cộng đồng.

Khả năng cạnh tranh đánh giá khả năng của các dự án FDI trong việc cạnh tranh trên thị trường du lịch, đo lường mức độ khác biệt, độc đáo của sản phẩm và dịch vụ, khả năng thu hút và giữ chân khách du lịch, cũng như định vị của dự án trên thị trường. Các dự án được đánh giá cao về tiêu chí này thường có khả năng tạo ra những sản phẩm và dịch vụ khác biệt và độc đáo, đáp ứng nhu cầu và sở thích đa dạng của khách du lịch, đồng thời có chiến lược tiếp thị và định vị hiệu quả để thu hút và giữ chân khách hàng. Khả năng cạnh tranh là yếu tố quan trọng để đảm bảo sự tồn tại và phát triển bền vững của dự án trong một môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt.

*\* Năng lực quản lý chuyên nghiệp và tuân thủ pháp luật*

Năng lực quản lý chuyên nghiệp đánh giá chất lượng của đội ngũ quản lý trong việc điều hành, vận hành và phát triển các dự án FDI, bao gồm trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý, khả năng áp dụng các phương pháp quản lý tiên tiến, và sự tuân thủ các quy trình và tiêu chuẩn quốc tế. Một đội ngũ quản lý chuyên nghiệp là yếu tố then chốt để đảm bảo dự án hoạt động hiệu quả, đạt

được các mục tiêu kinh doanh và phát triển bền vững. Các dự án được đánh giá cao về tiêu chí này thường có đội ngũ quản lý có năng lực, có kinh nghiệm và có tầm nhìn chiến lược, có khả năng đưa ra các quyết định đúng đắn và ứng phó linh hoạt với các thách thức.

Tuân thủ pháp luật đánh giá mức độ tuân thủ các quy định pháp luật của nước sở tại trong quá trình triển khai và vận hành các dự án FDI, bao gồm pháp luật về đầu tư, kinh doanh, lao động, môi trường, và các quy định khác. Các dự án được đánh giá cao về tiêu chí này thường tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật, đảm bảo tính minh bạch và hợp pháp trong hoạt động kinh doanh, tránh gây ra các rủi ro pháp lý và tạo ra một môi trường kinh doanh lành mạnh. Việc tuân thủ pháp luật không chỉ là trách nhiệm của các nhà đầu tư mà còn là yếu tố quan trọng để xây dựng niềm tin và sự tin cậy của các đối tác và cộng đồng.

### ***2.2.2.3. Nhóm tiêu chí về cơ cấu dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài vào du lịch***

*\* Cơ cấu vốn theo loại hình dịch vụ du lịch.* Tiêu chí này đi sâu vào việc phân tích sự phân bổ vốn đầu tư FDI trong ngành du lịch, tập trung vào các lĩnh vực dịch vụ cốt lõi. Cụ thể, nó xem xét tỷ lệ vốn FDI được rót vào từng loại hình dịch vụ như cơ sở lưu trú (bao gồm khách sạn, khu nghỉ dưỡng, homestay, nhà nghỉ, và các loại hình lưu trú khác), dịch vụ ẩm thực (nhà hàng, quán ăn, quán cà phê, bar, pub, và các hình thức kinh doanh ăn uống khác), các hoạt động vui chơi giải trí (công viên giải trí, khu vui chơi trong nhà và ngoài trời, rạp chiếu phim, và các cơ sở giải trí khác), dịch vụ lữ hành (các công ty lữ hành, đại lý du lịch, dịch vụ hướng dẫn viên, và các dịch vụ liên quan đến tổ chức tour), và dịch vụ vận tải (cho thuê xe, dịch vụ taxi, xe buýt du lịch, các dịch vụ vận chuyển khác). Việc phân tích chi tiết cơ cấu vốn theo loại hình dịch vụ du lịch này không chỉ giúp các nhà hoạch định chính sách và các nhà đầu tư hiểu rõ về sự ưu tiên của dòng vốn FDI mà còn giúp đánh giá sự cân đối và đa



dạng trong việc đầu tư vào các lĩnh vực khác nhau trong ngành du lịch, từ đó đưa ra các quyết định và chiến lược phát triển phù hợp, khuyến khích các lĩnh vực còn yếu hoặc chưa được khai thác hết tiềm năng.

\* *Cơ cấu vốn theo quy mô dự án.* Tiêu chí này tập trung vào việc phân tích sự phân bổ vốn FDI dựa trên quy mô của các dự án đầu tư trong ngành du lịch. Nó phân loại các dự án theo quy mô vốn đầu tư, thường chia thành ba nhóm chính: dự án quy mô lớn, dự án quy mô vừa và dự án quy mô nhỏ. Các dự án quy mô lớn thường là các khu nghỉ dưỡng phức hợp, khách sạn sang trọng quy mô lớn, công viên giải trí hoành tráng hoặc các dự án cơ sở hạ tầng du lịch có vốn đầu tư hàng triệu hoặc thậm chí hàng tỷ đô la. Các dự án quy mô vừa thường là các khách sạn nhỏ, khu nghỉ dưỡng tầm trung, các nhà hàng quy mô trung bình hoặc các dịch vụ lữ hành địa phương. Các dự án quy mô nhỏ thường là các homestay, nhà nghỉ nhỏ, quán ăn gia đình, hoặc các cửa hàng thủ công mỹ nghệ. Việc phân tích cơ cấu vốn theo quy mô dự án giúp đánh giá vai trò của các nhà đầu tư chiến lược và các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong ngành du lịch, cũng như hiểu rõ hơn về xu hướng đầu tư, liệu dòng vốn FDI đang tập trung vào các dự án lớn có tầm ảnh hưởng cao hay đang phân bổ đều hơn cho các dự án nhỏ và vừa có tính linh hoạt cao. Điều này giúp các nhà hoạch định chính sách có cái nhìn toàn diện hơn về thị trường và đưa ra các biện pháp khuyến khích phù hợp.

\* *Cơ cấu vốn theo hình thức đầu tư.* Tiêu chí này tập trung vào việc phân tích cách thức mà vốn FDI được sử dụng để đầu tư vào ngành du lịch, xem xét các hình thức đầu tư khác nhau mà các nhà đầu tư nước ngoài lựa chọn. Cụ thể, nó phân loại các dự án dựa trên hình thức đầu tư, bao gồm liên doanh (hợp tác giữa nhà đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp trong nước để cùng nhau thành lập một doanh nghiệp mới), đầu tư 100% vốn nước ngoài (nhà đầu tư nước ngoài tự mình thành lập và sở hữu toàn bộ dự án), và hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC, hình thức hợp tác đầu tư không thành lập

pháp nhân). Việc phân tích cơ cấu vốn theo hình thức đầu tư giúp đánh giá mức độ hợp tác giữa các nhà đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp trong nước, cũng như mức độ kiểm soát của các nhà đầu tư nước ngoài đối với các dự án du lịch. Nó cũng cho thấy các nhà đầu tư nước ngoài có xu hướng lựa chọn hình thức đầu tư nào, và hình thức nào đang được khuyến khích hoặc ưu tiên tại quốc gia hoặc khu vực nhận đầu tư. Thông tin này giúp các nhà hoạch định chính sách đưa ra các biện pháp để thúc đẩy hình thức đầu tư mang lại nhiều lợi ích nhất cho cả nhà đầu tư và nước nhận đầu tư.

\* *Cơ cấu vốn theo mục tiêu đầu tư.* Tiêu chí này đi sâu vào việc phân tích mục đích của các nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư vốn vào ngành du lịch, phân loại các dự án dựa trên các mục tiêu cụ thể mà họ hướng đến. Nó tập trung vào các loại hình du lịch khác nhau, bao gồm du lịch nghỉ dưỡng (resort, spa, khu nghỉ dưỡng sức khỏe), du lịch văn hóa (di tích lịch sử, bảo tàng, làng nghề truyền thống, lễ hội văn hóa), và du lịch sinh thái (khu bảo tồn, vườn quốc gia, khu du lịch sinh thái). Việc phân tích cơ cấu vốn theo mục tiêu đầu tư giúp đánh giá mức độ quan tâm của các nhà đầu tư đến các loại hình du lịch khác nhau, cũng như xu hướng phát triển của ngành du lịch theo các mục tiêu cụ thể. Ví dụ, nếu một phần lớn vốn FDI được đầu tư vào du lịch nghỉ dưỡng, điều đó cho thấy sự quan tâm của các nhà đầu tư đến phân khúc du lịch cao cấp và khả năng khai thác tiềm năng của các resort và spa. Ngược lại, nếu vốn FDI tập trung vào du lịch sinh thái, điều đó cho thấy sự quan tâm đến việc phát triển du lịch bền vững và bảo tồn thiên nhiên. Việc hiểu rõ cơ cấu vốn theo mục tiêu đầu tư giúp các nhà hoạch định chính sách đưa ra các chiến lược phát triển ngành du lịch một cách toàn diện và hiệu quả.

\* *Cơ cấu vốn theo vùng địa lý.* Tiêu chí này tập trung vào việc phân tích sự phân bổ vốn FDI trên các khu vực địa lý khác nhau trong một quốc gia hoặc khu vực nhận đầu tư. Nó phân loại các dự án FDI dựa trên địa điểm triển khai, bao gồm các thành phố lớn, khu vực ven biển, khu vực miền núi, và các

khu vực nông thôn hoặc vùng sâu vùng xa. Việc phân tích cơ cấu vốn theo vùng địa lý giúp đánh giá tiềm năng và sức hút đầu tư của từng khu vực, đồng thời cung cấp thông tin quan trọng cho các nhà hoạch định chính sách trong việc lập kế hoạch phát triển du lịch một cách cân đối và hài hòa giữa các vùng miền. Ví dụ, nếu phần lớn vốn FDI tập trung vào các thành phố lớn hoặc khu vực ven biển, điều đó cho thấy cần có các chính sách khuyến khích để thu hút đầu tư vào các khu vực miền núi hoặc vùng nông thôn, nhằm tạo điều kiện cho sự phát triển đồng đều của ngành du lịch trên toàn bộ lãnh thổ.

\* *Cơ cấu vốn theo tính chất dự án.* Tiêu chí này đi vào đánh giá chất lượng và tính bền vững của các dự án FDI trong ngành du lịch, bằng cách phân tích cơ cấu vốn đầu tư dựa trên các tính chất đặc biệt của từng dự án. Cụ thể, nó xem xét các yếu tố như tỷ lệ vốn đầu tư vào các dự án có ứng dụng công nghệ tiên tiến (ví dụ: các dự án sử dụng trí tuệ nhân tạo, thực tế ảo, hoặc các hệ thống quản lý thông minh), tỷ lệ vốn đầu tư vào các dự án đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường và phát triển bền vững (ví dụ: các dự án sử dụng năng lượng tái tạo, giảm thiểu chất thải, bảo tồn đa dạng sinh học), và tỷ lệ vốn đầu tư vào các dự án tạo việc làm cho lao động địa phương (ví dụ: các dự án ưu tiên tuyển dụng người dân địa phương và hỗ trợ phát triển kỹ năng cho họ). Việc phân tích cơ cấu vốn theo tính chất dự án giúp đánh giá tác động của FDI đến sự phát triển của ngành du lịch một cách toàn diện, không chỉ về mặt kinh tế mà còn về mặt xã hội và môi trường, đồng thời khuyến khích các nhà đầu tư FDI hướng đến các dự án có giá trị gia tăng cao, có trách nhiệm với cộng đồng và bảo vệ môi trường.

### **2.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài**

#### **2.2.3.1. Những nhân tố bên trong**

\* *Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên.* Phụ thuộc vào môi trường tự nhiên của vùng đất, điều này có thể ảnh hưởng đến động lực của nhà đầu tư nước ngoài trong việc thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài. Tại những

khu vực thu hút FDI, việc có sẵn các lợi thế về vị trí địa lý, đặc biệt là các điều kiện tự nhiên thuận lợi, cùng với sự hiện diện của hệ thống vận tải, cảng biển, và các yếu tố tương tự sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài. Sự ảnh hưởng của vị trí địa lý trong quyết định lựa chọn địa điểm đầu tư của các doanh nghiệp nước ngoài có thể được giải thích đó là; lợi thế về vị trí địa lý giúp tiết kiệm đáng kể chi phí vận chuyển, mở rộng thị trường sang các vùng lân cận và hơn nữa có thể khai thác có hiệu quả nguồn nhân lực.

\* *Tình hình chính trị - xã hội.* Khi tình hình chính trị - xã hội không ổn định, vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát mọi hoạt động của các nhà đầu tư nước ngoài giảm sút. Do đó, các hoạt động đầu tư không thể tuân theo chiều hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia tiếp nhận đầu tư, gây ảnh hưởng đến việc sử dụng hiệu quả nguồn vốn FDI. Trạng thái chính trị - xã hội không ổn định cũng không có khả năng thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đến địa phương, do trong bối cảnh này, rủi ro đối với các nhà đầu tư nước ngoài trở nên rất cao. Sự ổn định về mặt chính trị, cơ cấu chính trị ổn định, và sự nhất quán trong chủ trương và hướng dẫn chính sách cơ bản của một quốc gia luôn đóng vai trò quan trọng trong việc tạo một môi trường kinh doanh hấp dẫn đối với các nhà đầu tư. Sự ổn định chính trị giúp tạo điều kiện thuận lợi cho kinh doanh, thúc đẩy sự mạnh mẽ của nhà nước, và hỗ trợ việc thực hiện các chính sách phát triển kinh tế và xã hội một cách hiệu quả, đáp ứng các nhu cầu chính đáng của người dân, điều này đồng thời mang lại lòng tin và sự hấp dẫn cho các nhà đầu tư cả trong và ngoài nước. Nếu nước tiếp nhận đầu tư gặp phải các xung đột nội bộ hoặc khu vực, hoặc đối diện với các tình huống như nội chiến hay sự hoài nghi, đều sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý và hành động của các nhà đầu tư nước ngoài. Điều này làm chậm quá trình thực hiện các cải cách chính sách cần thiết để thu hút FDI của nước tiếp nhận đầu tư.

\* *Vai trò quản lý nhà nước đối với thu hút FDI vào du lịch.* Vai trò quản lý nhà nước về thu hút FDI vào du lịch được đánh giá thông qua thể chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực thu hút FDI vào du lịch có thiết thực và hiệu quả như thế nào, đặc biệt trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 hiện nay thì những chính sách như đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào phát triển du lịch rất quan trọng; được đánh giá qua công tác kiểm tra việc kinh doanh, hoạt động của các doanh nghiệp và việc cấp phép, đình chỉ, thu hồi giấy phép đầu tư FDI vào du lịch đối với nước tiếp nhận đầu tư.

Vai trò quản lý của nhà nước đối với thu hút FDI vào du lịch còn thể hiện ở khía cạnh đầu tư hay tư cách là bà đỡ của Nhà nước đối với thu hút FDI vào du lịch. Chỉ tiêu chí này rất có ý nghĩa trong đánh giá về mặt quan hệ quản lý của thu hút FDI vào du lịch. Những hoạt động phát triển thu hút FDI vào du lịch mà Nhà nước ưu tiên bố trí kinh phí cho các hoạt động của thu hút FDI vào du lịch là: điều tra, đánh giá, bảo vệ, tôn tạo, phát triển giá trị tài nguyên du lịch; lập quy hoạch về du lịch; xúc tiến quảng bá du lịch, xây dựng thương hiệu du lịch quốc gia, địa phương; xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển du lịch. Như vậy là đảm bảo được hoạt động trong phát triển thu hút FDI vào du lịch ở nước tiếp nhận đầu tư.

Những phân tích trên cho thấy, trong quá trình thu hút FDI vào du lịch đối với nước tiếp nhận đầu tư, bản thân nước tiếp nhận đầu tư cần có những chính sách quản lý chặt chẽ hơn nữa để tận dụng những tác động tích cực và hạn chế những rủi ro tiềm ẩn cho nền kinh tế trong việc thu hút FDI vào du lịch; Cần khuyến khích thu hút các dự án FDI vào du lịch có khả năng tạo tác động lan toả, tạo ngoại ứng tích cực cho các doanh nghiệp trong nước, giúp các doanh nghiệp trong nước tham gia sâu hơn vào các mắt xích quan trọng trong thu hút FDI vào du lịch.

\* *Trình độ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.* Sự phát triển lực lượng sản xuất của thu hút đầu tư FDI vào du lịch đối với nước tiếp nhận đầu tư, cùng

với chất lượng nhân lực, sự đồng bộ, hiện đại, phong phú, đa dạng, tiện nghi của cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng bao gồm: giao thông, nhà hàng, khách sạn, cơ sở lưu trú, khu vui chơi, thông tin, tài chính... được coi là các chỉ tiêu thể hiện sự phát triển tư liệu sản xuất trong thu hút đầu tư FDI đối với nước tiếp nhận đầu tư. Do đó, những chỉ tiêu này được xem là căn cứ để đánh giá hiệu quả của việc thu hút đầu tư FDI vào du lịch đối với nước tiếp nhận đầu tư.

Việc xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất - kỹ thuật đồng bộ, thuận tiện sẽ hỗ trợ tích cực đến sự phát triển một cách bền vững của FDI vào du lịch, đóng một vai trò hết sức quan trọng trong quá trình tạo ra và thực hiện hiệu quả của thu hút FDI vào du lịch cũng như quyết định mức độ khai thác tiềm năng của thu hút FDI vào du lịch nhằm thoả mãn nhu cầu của nhà đầu tư. Nói khác tính hiện đại, đồng bộ của cơ sở vật chất - kỹ thuật sẽ góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng và chất lượng cho các hoạt động thu hút đầu tư FDI vào du lịch đối với nước tiếp nhận đầu tư. Một quốc gia muốn thu hút FDI vào du lịch thì trước hết cần có hệ thống kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất - kỹ thuật được đầu tư đồng bộ và chuyên nghiệp. Có thể nói trình độ phát triển của hệ thống kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất vừa là điều kiện, nhưng cũng vừa thể hiện khả năng thu hút FDI vào du lịch của nước tiếp nhận đầu tư.

Nước tiếp nhận đầu tư có một hệ thống cơ sở hạ tầng và trình độ công nghệ có chất lượng có ảnh hưởng tích cực đến dòng chảy của FDI vào trong nước. Các nghiên cứu của Barro và Sala-i-Martin (1995), Sanchez-Robles (1998), Munnell (1992), và Esfahani and Ramirez (2003) đều cho thấy đầu tư vào cơ sở hạ tầng bao gồm cơ sở giao thông vận tải, mạng lưới cung cấp điện và hệ thống bưu chính viễn thông, thông tin liên lạc sẽ có tác động tích cực đến năng suất và sản lượng đầu ra. Munnell (1992) còn kết luận rằng chi tiêu của chính phủ càng nhiều cho các lĩnh vực đầu tư vào cơ sở hạ tầng sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh. Trên thực tế các nhà đầu tư nước ngoài luôn tìm kiếm những quốc gia có cơ sở hạ tầng đạt tiêu chuẩn quốc tế để đầu tư bởi

vì cơ sở hạ tầng hiệu quả sẽ giúp các nhà đầu tư giảm chi phí vận chuyển. Ngoài ra cơ sở hạ tầng kỹ thuật còn bao gồm các dịch vụ hỗ trợ khác như hệ thống ngân hàng, các công ty kiểm toán, tư vấn..., hạ tầng xã hội bao gồm các dịch vụ công cộng như công trình phòng cháy chữa cháy, các bệnh viện, công an, trường học; các công trình như công viên, cây xanh quảng trường, mặt nước; các công trình dành cho cơ quan hành chính đô thị.

\* *Tiến trình hội nhập kinh tế của quốc gia và địa phương.* Tham gia vào hệ thống kinh tế quốc tế, các quốc gia có cơ hội tham gia vào hoạt động thương mại quốc tế, hợp tác về kinh tế và công nghệ, đầu tư quốc tế, và cung cấp các dịch vụ thu ngoại tệ. Đối với nhiều quốc gia, việc mở cửa thị trường, tham gia vào các tổ chức kinh tế khu vực hoặc quốc tế đã thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của hoạt động ngoại thương và tăng cường thu hút vốn (FDI) đồng thời cải thiện chất lượng của FDI. Điều này đã mở ra thêm nguồn lực để phát triển kinh tế quốc gia.

Nhằm phù hợp với hướng đi của sự đổi mới, Đảng NDCM Lào đã nhấn mạnh rằng để thúc đẩy phát triển kinh tế quốc gia vượt qua khó khăn và kỳ cục, chúng ta cần mở rộng mối quan hệ với cộng đồng quốc tế và kết nối nền kinh tế của mình với nền kinh tế thế giới, đồng thời cần tăng cường sản xuất hàng hóa và dịch vụ để xuất khẩu.

\* *Môi trường thu hút đầu tư.* Tình hình kinh tế toàn cầu đang trở nên ngày càng quan trọng đối với khả năng thu hút vốn FDI của một quốc gia. Các biến động kinh tế, khủng hoảng tài chính, khủng hoảng tiền tệ, biến động chính trị và xã hội, cùng với dịch bệnh, tất cả đều có tác động phức tạp và đa chiều đến khả năng thu hút FDI của một quốc gia. Tác động này có thể khuyến khích hoặc hạn chế luồng vốn FDI vào quốc gia tiếp nhận. Nó cũng có thể tác động gián tiếp thông qua ảnh hưởng đến FDI trong khu vực hoặc đến các lĩnh vực kinh tế liên quan khác như thương mại và tài chính.

Tầm quan trọng ngày càng tăng của vốn FDI đã gây ra một sự thay đổi sôi nổi trong hoạt động xúc tiến đầu tư, không chỉ đối với các quốc gia đang

phát triển mà còn với các quốc gia đã phát triển. Công việc xúc tiến đầu tư trở nên phức tạp hơn, không chỉ là việc mở cửa thị trường nội địa cho các nhà đầu tư nước ngoài mà còn yêu cầu sự cải cách và cải thiện chất lượng của môi trường đầu tư tại từng khu vực cụ thể. Xúc tiến đầu tư giúp nhà đầu tư rút ngắn thời gian nghiên cứu và quyết định đầu tư, cung cấp thông tin về thị trường nội địa, tư vấn về lao động và thủ tục hành chính, và hỗ trợ giải quyết các khó khăn trong quá trình thực hiện dự án, giúp chủ đầu tư tiến hành dự án một cách thuận lợi và hiệu quả.

*\* Hệ thống pháp luật và chính sách ưu đãi đầu tư.* Có thể hiểu rằng hệ thống luật pháp đóng vai trò quan trọng trong việc cụ thể hóa các chiến lược, kế hoạch, và chính sách liên quan đến việc thu hút và sử dụng vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI). Phân tích đã chỉ ra rằng những tác động tiêu cực của FDI thường không phải là do FDI chính nó, mà thường xuất phát từ chính sách thu hút FDI của quốc gia tiếp nhận. Điều này đặt nền tảng quan trọng cho hiệu quả của vốn FDI cả ở mức cơ bản và mức tổng thể.

Hệ thống luật pháp tạo ra một khung pháp lý để quy định hoạt động FDI và cung cấp môi trường pháp lý cho các doanh nghiệp tham gia FDI. Sự ổn định và tính dự báo của hệ thống luật pháp là một trong những yếu tố quyết định đối với việc quyết định đầu tư và hiệu quả của đầu tư. Chính sách đầu tư nước ngoài bao gồm nhiều khía cạnh, bao gồm chính sách thương mại, tiền tệ và thuế, và chúng đóng một vai trò quan trọng trong việc thu hút FDI từ quốc gia tiếp nhận đầu tư.

*\* Dân số và nguồn lao động.* Trong quá trình triển khai các dự án FDI, nhu cầu về nhân lực tại quốc gia tiếp nhận đầu tư là không thể thiếu. Để tối đa hóa hiệu quả vốn, các nhà đầu tư nước ngoài thường nhắm đến lợi thế của đất nước tiếp nhận đầu tư, tận dụng các nguồn nhân lực có chi phí thấp hơn so với những quốc gia khác hoặc so với quốc gia họ đến đầu tư. Chi phí lao động



thường được coi là yếu tố quan trọng, đặc biệt trong ngành sản xuất. Chất lượng lao động đóng vai trò quyết định trong việc thu hút vốn FDI theo hướng phát triển bền vững. Trong thời điểm hiện tại, việc sở hữu lực lượng lao động dồi dào và chi phí nhân công thấp vẫn có thể được coi là một ưu điểm trong việc thu hút vốn FDI. Tuy nhiên, để thu hút vốn FDI, điều cần thiết là có một đội ngũ lao động chất lượng, với trình độ kỹ năng cao, tác phong làm việc chuyên nghiệp và có sức khỏe tốt. Về đội ngũ cán bộ quản lý, họ được coi là trụ cột quan trọng trong hoạt động quản lý và có vai trò then chốt trong việc điều hành đầu tư. Vì vậy, việc đào tạo và nâng cao trình độ, kiến thức chuyên môn và đạo đức của đội ngũ cán bộ quản lý là cực kỳ cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của việc phát triển đất nước.

*\* Công tác vận động xúc tiến thu hút đầu tư.* Với sự phát triển của kinh tế xã hội, các dự án đầu tư ngày càng được chú trọng với mục tiêu làm thay đổi bộ mặt của cả nước nói chung và địa phương nói riêng. Tuy nhiên, không phải mọi dự án đều được sự quan tâm của các nhà đầu tư mà đôi khi do những nguyên nhân chủ quan hay khách quan dẫn đến những khó khăn trong việc tiếp cận giữa dự án và nhà đầu tư. Tầm quan trọng ngày càng gia tăng của vốn FDI đã làm cho hoạt động xúc tiến đầu tư trở nên sôi động hơn, không chỉ ở các nền kinh tế phát triển mà còn ở những nước đang trong quá trình phát triển. Hoạt động xúc tiến đầu tư ngày nay trở nên phức tạp hơn, không chỉ đơn giản là mở cửa thị trường nội địa cho các nhà đầu tư nước ngoài, mà còn đòi hỏi việc thúc đẩy cải cách, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư ở cấp địa phương. Hoạt động xúc tiến đầu tư không chỉ giúp các nhà đầu tư rút ngắn thời gian tìm hiểu mà còn tạo điều kiện cho họ ra quyết định đầu tư nhanh chóng. Hơn nữa, các dịch vụ đầu tư cung cấp thông tin về thị trường nội địa, hỗ trợ về nhân lực và hướng dẫn về thủ tục đăng ký, cấp phép, giúp giải quyết các khó khăn trong quá trình triển khai dự án, nhằm tạo điều kiện thuận lợi và hiệu quả cho quá trình hoạt động của nhà đầu tư.

\* *Sự đa dạng của tài nguyên du lịch.* Với tư cách là đối tượng lao động, sự đa dạng của các loại tài nguyên du lịch như: tài nguyên nhân văn, tài nguyên sinh thái, tài nguyên vật thể, tài nguyên phi vật thể... cũng là các chỉ tiêu phản ánh tiềm năng cho sự thu hút FDI vào du lịch ở nước tiếp nhận đầu tư. Cho nên, khi xem xét khả năng thu hút FDI vào du lịch cần phải tính tới các chỉ tiêu về đối tượng lao động đặc thù của du lịch. Vì vậy, với nước tiếp nhận đầu tư cần sử dụng và khai thác hợp lý có hiệu quả các tiềm năng tài nguyên và điều kiện môi trường, đảm bảo cho việc đáp ứng được nhu cầu hiện tại và tương lai, để thực hiện được mục tiêu này, nước tiếp nhận đầu tư phải có những hoạt động cụ thể để đóng góp vào công cuộc tôn tạo, bảo vệ tài nguyên và môi trường. Chỉ tiêu về tài nguyên - môi trường được biểu hiện như: số lượng các điểm du lịch, khu du lịch được đầu tư tôn tạo, bảo tồn và được quy hoạch; mức độ đóng góp cho hoạt động phát triển tài nguyên, bảo vệ môi trường, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể.

### **2.2.3.2. Những nhân tố bên ngoài**

\* *Tình hình kinh tế thế giới.* Tình hình kinh tế toàn cầu đang gây ảnh hưởng đáng kể đối với khả năng thu hút vốn FDI của một quốc gia. Các khủng hoảng kinh tế, tài chính, biến động chính trị và xã hội, cùng với dịch bệnh, được xem như các yếu tố tác động đa chiều và theo nhiều cơ chế khác nhau đến việc thu hút FDI của nước tiếp nhận đầu tư. Tác động này có thể có mặt tích cực, nhưng cũng có thể gây hạn chế đối với luồng vốn FDI vào quốc gia tiếp nhận. Tác động này có thể lan truyền gián tiếp thông qua tác động đến FDI trong khu vực hoặc thông qua tác động đến các lĩnh vực liên quan khác của nền kinh tế như thương mại và tài chính - ngân hàng.

\* *Chính sách của các nước tiếp nhận đầu tư trực tiếp nước ngoài và nước thu hút đầu tư.* Tham gia vào kinh tế toàn cầu, các quốc gia có cơ hội tăng cường giao thương quốc tế, hợp tác về kinh tế, công nghệ, cũng như đầu tư và dịch vụ thu ngoại tệ. Nhiều quốc gia đã mở cửa thị trường, tham gia vào

các tổ chức kinh tế khu vực hoặc quốc tế, kết quả là hoạt động thương mại quốc tế phát triển nhanh chóng và thu hút được nhiều vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài. Chất lượng của các dự án đầu tư này đã có sự cải thiện đáng kể, tạo điều kiện cho việc phát triển kinh tế của quốc gia. Để thích nghi với hướng đi mới, Đảng NDCM Lào đã nhấn mạnh rằng, để vượt lên khỏi tình trạng khó khăn và tụt hậu, cần mở rộng hơn nữa mối quan hệ với cộng đồng quốc tế, liên kết nền kinh tế nội địa với nền kinh tế toàn cầu, đồng thời tăng cường sản xuất hàng hóa để tăng cường xuất khẩu.

*\* Quy định của các tổ chức kinh tế thế giới liên quan đến đầu tư trực tiếp nước ngoài.* Theo Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển, doanh nghiệp xuyên quốc gia gồm cả công ty mẹ và các chi nhánh ở nước ngoài. Công ty mẹ của quốc gia đầu tư thường kiểm soát tài sản thông qua việc sở hữu một phần cổ phần từ 10% trở lên của một hoặc nhiều thực thể khác ở nước ngoài. Các công ty với quy mô hoạt động trải rộng qua nhiều quốc gia đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự gia tăng của đầu tư trực tiếp từ nước ngoài, tăng cường khả năng cạnh tranh, mở rộng quy mô sản xuất, mở rộng thị trường và đẩy mạnh đầu tư sâu hơn thông qua việc áp dụng công nghệ tiên tiến.

Sự bùng nổ của cách mạng khoa học và công nghệ đã gây ra một biến đổi đáng kể trong tăng trưởng kinh tế, tạo ra sự thay đổi sâu sắc trong cấu trúc kinh tế của từng quốc gia. Khác với các cuộc cách mạng kỹ thuật trước đây, cách mạng khoa học và công nghệ ngày nay chủ yếu tập trung vào việc tạo ra các sáng chế và nguyên tắc công nghệ mới, ảnh hưởng trực tiếp đến cách thức sản xuất chứ không chỉ dừng lại ở công cụ sản xuất. Điều này mở ra một hướng phát triển kinh tế mới, đưa ra quan điểm mới về yếu tố và nguồn lực của sự phát triển, với vai trò ngày càng quan trọng của con người cũng như tri thức khoa học và công nghệ có tính toàn cầu. Sự thay đổi này đã kích thích đầu tư trực tiếp từ nước ngoài và nhiều nước đang phát triển đã tận dụng cơ hội này để thực hiện chiến lược mở cửa, nhằm thu hút vốn đầu

tur, tham gia vào cuộc cạnh tranh trên thị trường quốc tế, đồng thời thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

### **2.3. KINH NGHIỆM THU HÚT VÀ THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO NGÀNH DU LỊCH CỦA MỘT SỐ NƯỚC VÀ BÀI HỌC RÚT RA CHO CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO**

#### **2.3.1. Kinh nghiệm của một số quốc gia về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch**

##### ***2.3.1.1. Kinh nghiệm của Việt Nam***

Quan điểm phát triển nhất quán bao gồm sự kết hợp giữa nguồn lực nội và ngoại vi: Việt Nam đã kiên trì theo đuổi việc cải cách và mở cửa, duy trì việc sử dụng vốn FDI một cách chủ động, hợp lý và có hiệu quả. Sự ổn định chính trị - xã hội và trật tự tại Việt Nam đóng vai trò then chốt đối với sự phát triển của kinh tế tổng thể cũng như khu vực FDI riêng biệt. Có sự nhất quán trong nhận thức rằng khu vực với vốn FDI là một nguồn lực kinh tế quan trọng, là nơi linh hoạt và cung cấp nguồn lực về công nghệ, kỹ thuật và kỹ năng quản lý.

Để đạt được mục tiêu này, đã có những biện pháp cụ thể. *Trước hết*, là việc đồng nhất môi trường pháp lý giữa đầu tư trong nước và sử dụng FDI. Việc xây dựng một cơ sở pháp lý đồng nhất cho doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI phản ánh đúng xu thế quốc tế. Trong quá trình hoàn thiện khung pháp luật liên quan đến FDI, Việt Nam đã từng bước loại bỏ những điều khoản không cần thiết phân biệt rõ ràng giữa luật FDI và đầu tư trong nước, mục tiêu là tạo ra một môi trường đầu tư công bằng cho cả các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

*Thứ hai*, là thực hiện các chính sách và biện pháp thu hút FDI một cách hiệu quả, kết hợp giữa chính sách ưu đãi thuế và cải cách thủ tục hành chính để thu hút vốn đầu tư. Cụ thể, việc áp dụng các chính sách ưu đãi thuế tại các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, cải thiện nội dung và phương pháp tiếp cận, tạo điều kiện cho việc thu hút đầu tư theo một kế hoạch chủ

động, có hiệu quả và phù hợp với từng địa bàn cụ thể; tập trung vào việc thu hút đầu tư trực tiếp cho từng dự án và từng nhà đầu tư có tiềm năng.

*Thứ ba*, để tăng thu hút FDI vào lĩnh vực du lịch (nơi thu hút hơn 50% lực lượng lao động) Việt Nam đã ban hành một loạt chính sách ưu đãi dành cho nhà đầu tư nước ngoài. Cơ sở pháp lý điều chỉnh hoạt động đầu tư nước ngoài là Luật Đầu tư số 25 năm 2007. Theo đó các công ty có vốn FDI được hoạt động trong vòng 30 năm kể từ ngày thành lập. Thời gian hoạt động sẽ được tăng thêm 30 năm nếu nhà đầu tư cam kết tăng vốn. Luật cũng không giới hạn về tỷ lệ nắm giữ phần sở hữu đối với nhà đầu tư và số vốn đầu tư tối thiểu đối với loại hình công ty 100% vốn nước ngoài [33, tr.32].

### ***2.3.1.2. Kinh nghiệm của Thái Lan***

Thái Lan là quốc gia ở khu vực Đông Nam Á có nền du lịch phát triển mạnh mẽ. Trong những năm qua, ngành Du lịch đóng góp hàng ngàn tỷ baht cho nền kinh tế Thái Lan, chiếm 15 - 18% GDP của cả nước [8, tr.45]. Hiện nay, du lịch là ngành đầu tàu của nền kinh tế Thái Lan. Thái Lan là một quốc gia đầu tư ngân sách cho du lịch rất lớn, đồng thời thu hút được nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước cho phát triển ngành Du lịch. Thời gian qua, Thái Lan đã có những chính sách huy động vốn đầu tư phù hợp nhằm thúc đẩy phát triển du lịch. Cụ thể:

*Thứ nhất*, coi trọng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đảm bảo cho phát triển du lịch, đặc biệt là xây dựng đường giao thông hiện đại. Từ rất sớm, Thái Lan đã tận dụng tốt lợi thế với vị trí là cửa ngõ vào khu vực sông Mê Kông để phát triển giao thông, như sân bay, bến cảng, đường thủy... Giai đoạn 2016 - 2020, NSNN cho đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển du lịch chiếm hơn 30% trong tổng chi NSNN của Thái Lan. Hệ thống giao thông đồng bộ đã thu hút lượng lớn các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào du lịch Thái Lan [8, tr.46].

*Thứ hai*, dành sự quan tâm lớn đến nguồn nhân lực du lịch. Thái Lan chú trọng dành nguồn lực đầu tư cho đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên du lịch

một cách bài bản, toàn diện. Đối với các hướng dẫn viên du lịch ở Thái Lan, yêu cầu đầu tiên là phải biết 3 ngoại ngữ, phục vụ tốt du khách quốc tế đến từ các nước khác nhau... Đội ngũ nhân viên du lịch Thái Lan gây ấn tượng rất lớn tới các khách du lịch, đặc biệt là du khách nước ngoài cho nên hoạt động thu hút vốn FDI vào du lịch tại Thái Lan được hết sức coi trọng[1].

*Thứ ba*, tăng cường nguồn vốn cho hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch nước nhà. Thái Lan đặc biệt coi trọng hoạt động xúc tiến, quảng bá thông qua hàng loạt chiến dịch với nguồn kinh phí trung bình hàng năm từ 80 triệu đến 150 triệu USD. Hiện nay, với 36 văn phòng đại diện trong nước và 21 văn phòng đại diện ở nước ngoài, Tổng cục Du lịch Thái Lan luôn tích cực xúc tiến, quảng bá du lịch đất nước ở cả trong và ngoài nước. Nhờ coi trọng đầu tư cho chiến lược xúc tiến, quảng bá du lịch, kêu gọi đầu tư nên Thái Lan đã rất thành công trong việc thu hút khách quốc tế, các dự án đầu tư đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội ngày càng cao [34].

*Thứ tư*, đẩy mạnh phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch. Thái Lan đã đầu tư vốn để phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch, kêu gọi đầu tư và thu hút khách du lịch đặc biệt là du khách quốc tế. Hiện nay, Thái Lan phát triển đa dạng các loại hình du lịch để du khách được trải nghiệm như: Du lịch tham quan thắng cảnh, du lịch tôn giáo - chùa chiền, du lịch lễ hội, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch ẩm thực, du lịch thể thao, du lịch sinh thái, du lịch chữa bệnh, du lịch mua sắm để đáp ứng nhu cầu khác nhau của du khách [34].

*Thứ năm*, tích cực ứng dụng khoa học công nghệ cho phát triển du lịch. Với những tác động mạnh mẽ của Cách mạng công nghiệp 4.0, ngành Du lịch Thái Lan không thể đứng ngoài cuộc và buộc phải nâng cao năng lực để đáp ứng. Thái Lan đã tận dụng nhiều công nghệ mới để thu hút được lượng lớn khách du lịch, đặc biệt là khách du lịch quốc tế. Thị trường du lịch Thái Lan đang thay đổi mạnh mẽ do sự phát triển của công nghệ, đặc biệt là tốc độ tăng trưởng nhanh của du lịch trực tuyến. Lượng vốn đầu tư cho ứng dụng khoa

học công nghệ giai đoạn 2015 - 2020 của Thái Lan chiếm 3 - 4% trong tổng vốn đầu tư cho phát triển du lịch [34].

### ***2.3.1.3. Kinh nghiệm của Trung Quốc***

Kế hoạch phát triển du lịch Trung Quốc nhấn mạnh, sẽ tạo ra cú hích cho ngành Du lịch thông qua việc nâng cấp cơ sở hạ tầng và tạo điều kiện thuận lợi để người dân tiếp cận với hệ thống thông tin du lịch. Thời gian qua, ngành Du lịch Trung Quốc nỗ lực đưa ra những chính sách và giải pháp huy động vốn đầu tư nhằm thúc đẩy phát triển lĩnh vực du lịch.

*Thứ nhất*, Chính phủ đóng vai trò trụ cột trong dẫn dắt phát triển du lịch bao gồm các chính sách huy động vốn đầu tư cho phát triển du lịch. Trung Quốc luôn tạo điều kiện tài chính cho đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng, kỹ thuật nhằm hiện đại hóa ngành du lịch, đảm bảo những điều kiện vật chất nhất định nhằm phục vụ tốt nhất cho du khách, đồng thời tạo môi trường đầu tư thông thoáng để thu hút đầu tư. Hàng tỷ nhân dân tệ từ nguồn NSNN được chính phủ Trung Quốc chi ra đã giúp cho cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ du lịch ngày càng hiện đại, thu hút lượng lớn khách du lịch nội địa cũng như khách quốc tế [96, tr.51].

*Thứ hai*, đầu tư đào tạo nguồn nhân lực chuyên nghiệp. Trung Quốc đã thiết lập được mạng lưới các cơ sở đào tạo du lịch rộng khắp cả nước, chương trình đào tạo đa dạng, phương pháp giảng dạy hiện đại kết hợp với nền tảng cơ sở hạ tầng chất lượng, phù hợp với thực tế. Nguồn nhân lực được đào tạo bài bản đã đóng vai trò chủ chốt trong thiết kế, thực hiện các chương trình xúc tiến du lịch hiệu quả [96, tr.55].

### **2.3.2. Bài học rút ra cho Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào**

CHDCND Lào, giống như các nước khác mới gia nhập, sẽ gặp phải nhiều thách thức và cơ hội tương tự. Trong số các nước này, việc đầu tư FDI vào lĩnh vực du lịch là một điều mới mẻ. Vì thế, với tình hình cụ thể của CHDCND Lào, những kinh nghiệm từ các quốc gia khác có thể áp dụng vào

việc thu hút và sử dụng vốn đầu tư một cách hiệu quả. Từ kinh nghiệm của các quốc gia trong khu vực, để thu hút FDI vào du lịch, CHDCND Lào cần nhìn nhận và học được một số điểm sau:

*Thứ nhất*, ổn định về kinh tế và chính trị là nền tảng để tăng cường FDI vào lĩnh vực du lịch tại CHDCND Lào. Đối với nhà đầu tư quyết định đầu tư lâu dài, ổn định chính trị và kinh tế là yếu tố hàng đầu, đặc biệt là đối với các nước mới đang chuyển đổi như CHDCND Lào... Sự ổn định chính trị và tăng trưởng kinh tế bền vững với tốc độ cao làm cho môi trường đầu tư của nước nhận đầu tư trở nên hấp dẫn hơn đối với nhà đầu tư nước ngoài.

*Thứ hai*, việc đồng nhất môi trường pháp lý giữa đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài là một phương châm quan trọng để tạo ra một cơ sở pháp lý chung cho các doanh nghiệp nội địa và FDI, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Trong quá trình hoàn thiện khung pháp luật về đầu tư nước ngoài, các nước như Việt Nam, Thái Lan, Malaysia đã từng bước loại bỏ những điều khoản không cần thiết phân biệt rõ ràng giữa luật FDI và đầu tư trong nước, mục tiêu là tạo ra một môi trường đầu tư công bằng cho cả các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đặc biệt trong lĩnh vực du lịch tại CHDCND Lào.

*Thứ ba*, việc cải thiện và hoàn thiện hạ tầng là vô cùng quan trọng. Đây là yếu tố quyết định khi các nhà đầu tư quyết định đầu tư vào một quốc gia. Hạ tầng yếu kém sẽ làm giảm hiệu quả đầu tư của dự án. Hiện nay, hệ thống cơ sở hạ tầng của Việt Nam, Thái Lan, Trung Quốc đã được cải thiện đáng kể, tạo điều kiện thuận lợi để đáp ứng yêu cầu đầu tư trong và ngoài nước.

*Thứ tư*, việc nâng cao trình độ chất lượng của nguồn nhân lực cũng là một bài học từ kinh nghiệm của Việt Nam và Thái Lan. Những nước này có nguồn lao động có kỹ năng và tài nguyên thiên nhiên phong phú với chi phí rẻ.

*Thứ năm*, sự điều tiết và quản lý của Nhà nước đối với việc thu hút FDI cũng đóng vai trò quan trọng. Kinh nghiệm của Việt Nam, Thái Lan và Trung Quốc cho thấy, vai trò của Nhà nước là cực kỳ quan trọng trong việc xác định



chiến lược phát triển quốc gia, bố trí vốn đầu tư một cách hợp lý, thu hút FDI vào lĩnh vực du lịch. Đồng thời, việc cải cách hành chính, tăng cường kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật đối với hoạt động đầu tư nước ngoài cũng được coi là yếu tố quan trọng.

*Thứ sáu*, việc thay đổi chính sách trong việc thu hút FDI vào du lịch ở CHDCND Lào là cần thiết. Trong bối cảnh cạnh tranh thu hút FDI ngày càng gay gắt, Việt Nam, Thái Lan và Trung Quốc đã có những điều chỉnh quan trọng để tiếp tục hoàn thiện môi trường đầu tư như mở rộng phạm vi đầu tư và giảm thiểu rủi ro. Cải thiện này cũng đã giảm thiểu quy trình phê duyệt đầu tư và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các thủ tục đầu tư.

### Chương 3

## THỰC TRẠNG THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO NGÀNH DU LỊCH Ở CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO GIAI ĐOẠN 2010 – 2023

### 3.1. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN ĐỐI VỚI THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO NGÀNH DU LỊCH Ở CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

#### 3.1.1. Những thuận lợi trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào

##### 3.1.1.1. Điều kiện tự nhiên của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào

Nước CHDCND Lào được thành lập từ ngày 02/12/1975, là một nước nằm ở khu vực Đông Nam Á, ở giữa bán đảo Đông Dương, không tiếp giáp với biển. Nằm trên bán đảo Đông Dương, khu vực Đông Nam Á, Lào có đường biên giới giáp 5 nước và không giáp biển; phía bắc giáp Trung Quốc, phía Tây Bắc giáp Myanmar, phía Tây Nam giáp Thái Lan, phía Nam giáp Campuchia và phía Đông giáp Việt Nam.

CHDCND Lào là một quốc gia đang trong quá trình phát triển, có điều kiện tự nhiên thuận lợi với nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú để thúc đẩy các ngành kinh tế quốc dân, nâng cao đời sống của người dân. Trong khi đó, việc thực hiện sự cách mạng và tiến tới chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển chế độ tư bản đòi hỏi quốc gia phải tập trung vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, phát triển nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ. Điều này nhằm đảm bảo phát triển ổn định và hài hòa với nền văn hóa truyền thống của các dân tộc Lào.

Với diện tích 236.800 km<sup>2</sup>, CHDCND Lào chủ yếu là đồi núi, còn lại là bình nguyên và cao nguyên. Sông Mekong chảy dọc biên giới phía tây Lào, dãy Trường Sơn chạy dọc biên giới phía đông. Được thiên nhiên ưu đãi, Lào có

nguồn tài nguyên dồi dào và phong phú về lâm, nông nghiệp, khoáng sản, như gỗ, thạch cao, thiếc, khí đốt... và có hệ thống sông ngòi giàu nguồn lợi thủy sản và phù sa. Nhờ vào địa hình đặc trưng, CHDCND Lào có thể được phân chia thành ba vùng lớn: Vùng miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Miền Bắc thường là khu vực đồi núi phức tạp với các đồng bằng và thung lũng tương đối cao, địa hình khó đi lại và phân chia rõ ràng. Miền Trung và miền Nam có độ cao tương đối thấp hơn, ít có núi non, và có diện tích đồng bằng và thung lũng rộng rãi hơn. Sự kết nối và giao thương ở đây diễn ra thuận lợi hơn.

Về khí hậu, CHDCND Lào nằm trong vùng đới khí hậu nhiệt đới Bắc Bán cầu, do đó, khí hậu chủ yếu là nhiệt đới ẩm và gió mùa. Vì lãnh thổ CHDCND Lào kéo dài theo hướng kinh tuyến và có địa hình đa dạng từ đồng bằng đến cao nguyên miền núi, nên khí hậu không đồng nhất từ Bắc đến Nam và từ vùng thấp đến vùng cao. Tuy nhiên, do có sự ảnh hưởng liên tục từ không khí của các quốc gia láng giềng và sự dày đặc của không khí, nước Lào thường trải qua hai mùa chính: mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10, với gió mùa Tây Nam nóng ẩm từ Ấn Độ Dương thổi qua lãnh thổ Thái Lan. Mùa khô diễn ra từ tháng 11 đến tháng 4 của năm sau, với gió mùa Đông Bắc khô lạnh. Lượng mưa trung bình dao động từ 1600 đến 1800 mm mỗi năm và nhiệt độ trung bình từ 22°C đến 42°C [38, tr.7].

Dân số CHDCND Lào đạt hơn 7,4 triệu người (năm 2021), với tỷ lệ tăng dân số trung bình là 2%. Tuổi thọ trung bình hiện nay của người dân Lào là 61 tuổi. Theo điều tra dân số năm 2015, chính phủ Lào công nhận 149 nhóm dân tộc trong 47 dân tộc chính [26, tr.12]. Ngôn ngữ được sử dụng chính thức là tiếng Lào, ngoài ra, tiếng Anh và Pháp cũng được sử dụng phổ biến. Lào là một nước có đất đai tương đối rộng và phong phú, khí hậu tương đối ẩm phù hợp với các loại cây công nghiệp. Địa hình ở CHDCND Lào có những nét đặc biệt, núi cao tập trung ở miền Bắc và miền Đông, núi thấp dần khi xuống phía những đồng bằng dọc sông Mê Kông. Mạng lưới sông suối

của CHDCND Lào khá lớn và phân bố tương đối đồng đều, mang nhiều đặc điểm của sông suối vùng núi, lắm thác, nhiều ghềnh, mặt khác lại là điều kiện thuận lợi quan trọng để xây dựng các công trình thủy điện và thủy lợi.

CHDCND Lào có tiềm năng rất lớn về việc trồng rừng, trồng cây công nghiệp, trồng rừng để làm giấy hoặc để chế biến gỗ và những sản phẩm từ gỗ. Tài nguyên khoáng sản tại CHDCND Lào đặc biệt phong phú, như các mỏ sắt, than đá, bô xít, đồng, kali, vàng, chì, kẽm, thạch anh, thạch cao, đá vôi... có quy mô công nghiệp, có một số mỏ quan trọng với quy mô lớn, có thể cho phép phát triển công nghiệp cơ bản như công nghiệp thép, đồng, nhôm... Theo báo cáo thống kê về du lịch Lào năm 2021, Lào có 2.199 khu du lịch trên toàn quốc, trong đó các khu du lịch tự nhiên chiếm tỉ lệ lớn với 1.314 khu, tiếp theo là các khu du lịch văn hóa với 591 khu và du lịch lịch sử với 294 khu tại CHDCND Lào.

### ***3.1.1.2. Tình hình kinh tế - xã hội của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào***

Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào là một nước không có biển, với cơ sở hạ tầng còn thô sơ, hệ thống đường sá mới hình thành, hệ thống truyền thông còn hạn chế. Điện chủ yếu chỉ có ở khu vực đô thị. Kinh tế nông nghiệp chiếm 1/2 GDP và sử dụng 80% lực lượng lao động. Tuy nhiên, sản xuất lâm nghiệp và khai thác gỗ mới là ngành cho thu nhập chính đối với nền kinh tế của CHDCND Lào. Cây lương thực chủ yếu là lúa nếp. Công nghiệp chủ yếu là khai khoáng và chế biến lâm sản, khai thác thủy điện. Trong những năm gần đây nền kinh tế CHDCND Lào có nhiều tiến bộ, các mục tiêu cơ bản của kế hoạch 5 năm đều đạt kết quả tốt. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế trung bình khoảng 6%/năm thu nhập bình quân đầu người tăng dần [ 25, tr.16].

Văn hóa ở CHDCND Lào chịu sự ảnh hưởng sâu rộng của Phật giáo Thượng tọa. Sự ảnh hưởng này được phản ánh trong ngôn ngữ, văn học và nghệ thuật biểu diễn của đất nước. Các lễ hội ở CHDCND Lào thường được gọi là Bun, từ có nghĩa là phước. Thực hiện Bun đồng nghĩa với việc tạo ra sự

may mắn hoặc mong nhận được điều tốt lành. Giống như các quốc gia khác trong khu vực Đông Nam Á, các lễ hội ở Lào thường được chia thành hai phần, lễ và hội. Đất nước này nổi tiếng với lễ hội, mỗi tháng trong năm đều có sự kiện. Có tổng cộng bốn lễ lớn: Tết Dương Lịch, Tết Nguyên Đán (như ở một số quốc gia Á Đông), Tết Lào (Bun Pi May vào tháng 4) và Tết H'mong (tháng 12). Ngoài ra, còn có các lễ hội khác như: Bun PhaVet (Phật hóa thân) vào tháng 1; Bun VisakhaBusa (Phật Đản) vào tháng 4; Bun Bang Phay (pháo thăng thiên) vào tháng 5; Bun Khao PhanSa (mùa chay) vào tháng 7; Bun KhaoPadapdin (tưởng nhớ người đã mất) vào tháng 9; Bun Suông hua (đua thuyền) vào tháng 10. [36, tr.21 ].

Sau khi giải phóng hoàn toàn đất nước, Đảng NDCM Lào và Chính phủ CHDCND Lào đã chú trọng tập trung tổ chức thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Hơn 30 năm qua, nhất là trong giai đoạn thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ IV (1996-2000) và kế hoạch năm lần thứ V (2009-2009), dù gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện nhưng CHDCND Lào cũng đạt được kết quả và thắng lợi to lớn. Sự phát triển kinh tế của CHDCND Lào đã trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm lịch sử. Gần 2 thế kỷ dưới sự thống trị của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nhưng kinh tế của Lào đã được hình thành và phát triển.

Kể từ khi ra đời ngày 22/3/1955, Đảng Nhân dân Lào, nay là Đảng NDCM Lào, đã khắc ghi vào lịch sử oai hùng của đất nước và dân tộc Lào những mốc son chói lọi. Đảng NDCM Lào đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc Lào giành thắng lợi vang dội ngày 2/12/1975, giải phóng hoàn toàn đất nước khỏi ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, lập nên nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, đưa dân tộc bước vào kỷ nguyên mới, hòa bình, độc lập, dân chủ, thống nhất, thịnh vượng.

Trong giai đoạn từ 1981 đến 1985, Chính phủ nước CHDCND Lào đã thiết lập kế hoạch 5 năm đầu tiên và tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển

kinh tế - xã hội. Trong thời kỳ này, tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình đạt 5.5% mỗi năm, nhưng phải đối mặt với nhiều thách thức chủ yếu do sự biến đổi trong bối cảnh quốc tế và khu vực [36, tr. 45 ].

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ hai (1986 - 1990) được triển khai theo nghị quyết của Hội nghị Đảng NDCM Lào lần thứ IV, tập trung vào việc xây dựng cơ cấu kinh tế bao gồm các lĩnh vực nông, lâm nghiệp, công nghiệp và dịch vụ, cải thiện và xây dựng hệ thống luật pháp để quản lý kinh tế - xã hội theo một cơ chế mới, và mở rộng hợp tác quốc tế. Đây là giai đoạn đầu tiên của quá trình cải cách kinh tế, nhưng việc xây dựng và phát triển đất nước gặp nhiều khó khăn, mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình đạt 4.4%. Tỷ lệ lạm phát đã giảm từ 30.3% vào năm 1985 xuống còn 11.5% vào năm 1987, nhưng sau đó tăng lên 75% vào năm 1989 trước khi giảm xuống ở mức 19.6% vào năm 1990 [41, tr. 64]. Một điểm mới trong thời kỳ này là vào ngày 19/4/1988, CHDCND Lào đã ban hành Luật Đầu tư nước ngoài, mở đầu cho quá trình đổi mới kinh tế của đất nước. Trong giai đoạn này, nhu cầu về đầu tư nước ngoài tăng lên, đặc biệt là tại thành phố Viêng Chăn. Sự xuất hiện của các nhà đầu tư nước ngoài đã có ảnh hưởng sâu rộng đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của CHDCND Lào, đặc biệt là trong việc thay đổi cơ cấu kinh tế theo một cơ chế kinh tế mới.

Kế hoạch 5 năm lần thứ III (1991 - 1995) đã được đề ra để tiếp tục sự nghiệp đổi mới toàn diện, chuyển từ nền kinh tế tự nhiên và nửa tự nhiên sang kinh tế sản xuất hàng hóa. Đáng chú ý là kế hoạch đầu tư của Nhà nước đã được hoạch định và thực hiện để phát triển cơ sở hạ tầng, để thúc đẩy sản xuất và dịch vụ xã hội. Những năm 1990, kinh tế của CHDCND Lào tăng trưởng ở mức 6,4%/năm. Trong giai đoạn này, việc tiếp tục đường lối đổi mới toàn diện đã được thống nhất và thông qua trong Hội nghị lần thứ V của Đảng. Đồng thời, Chính phủ cũng đã đề ra kế hoạch phát triển 8 năm (1993 - 2000) nhằm đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội theo hướng phát triển bền vững.

Chính phủ xác định 8 kế hoạch ưu tiên quốc gia để xây dựng nền tảng cho việc mở rộng sản xuất hàng hóa và thúc đẩy từng bước phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Nước CHDCND Lào tiến hành công cuộc mở cửa, cải cách nền kinh tế từ năm 1986 và đã đạt được những thành tựu tích cực. Năm 1992, CHDCND Lào khôi phục quan hệ ngoại giao đầy đủ với Mỹ. Đến năm 1997, CHDCND Lào trở thành thành viên chính thức của tổ chức ASEAN và năm 2013, CHDCND Lào chính thức trở thành thành viên thứ 158 của WTO. Đây là sự kiện dấu mốc lịch sử quan trọng của Lào trong quá trình hội nhập vào nền kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, ngày nay CHDCND Lào vẫn đang là “nền kinh tế yếu trong ASEAN, với GDP năm 2020 đạt 19 tỷ USD, GDP bình quân đầu người năm 2020 đạt 2630 USD/năm, tốc độ tăng GDP với mức trung bình của giai đoạn 2011 - 2015 là 7,9 %/năm” [59, tr.78] và “tốc độ tăng GDP với mức trung bình của giai đoạn 2015 - 2022 là 5,8 %/năm” [60, tr.99].

Kinh tế CHDCND Lào tiếp tục phát triển với tốc độ cao, liên tục, bình quân tăng trưởng GDP giai đoạn 2016 - 2020 đạt khoảng 5,8%, cơ cấu kinh tế có nhiều chuyên dịch. Năm 2020, dù chịu tác động nặng nề của dịch bệnh Covid-19 nhưng CHDCND Lào vẫn đạt mức tăng trưởng dương, hoàn thành nhiều dự án lớn về kết nối hạ tầng, có những thành tựu quan trọng trong lĩnh vực năng lượng, giáo dục, khoa học, kỹ thuật... GDP bình quân đầu người của CHDCND Lào năm 2020 đạt khoảng 2.664 USD [38, tr.79].

Trong thời kỳ xây dựng và phát triển đất nước, Đảng NDCM Lào lãnh đạo nhân dân đẩy lùi mọi khó khăn thử thách, đưa sự nghiệp đổi mới đất nước tiến lên vững chắc, kinh tế tăng trưởng liên tục, tình hình chính trị ổn định, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện. Dưới sự dẫn dắt của Đảng NDCM Lào, Chính phủ CHDCND Lào ngày càng mở rộng quan hệ quốc tế, tham gia tích cực vào các diễn đàn đa phương, góp phần nâng cao uy tín và địa vị của CHDCND Lào trên trường quốc tế. Tuy nhiên, “tác động tiêu cực từ đại dịch Covid -19 khiến kinh tế của nước CHDCND Lào tiếp tục đối mặt

với nhiều khó khăn, tỷ lệ lạm phát cao; tổng kim ngạch thương mại của CHDCND Lào trong 9 tháng đầu năm 2021 đạt khoảng 8,3 tỷ USD” [38, tr.135]... Các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và thu ngân sách năm 2021 gặp nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng của Covid -19. Với chính sách phát triển kinh tế - xã hội tăng cường với mở rộng quan hệ và hợp tác kinh tế trên tất cả các lĩnh vực, từ năm 2013 đến năm 2023 số lượng dự án FDI đầu tư vào nước CHDCND Lào được tăng lên rõ rệt. Điều này được minh chứng cụ thể qua bảng số liệu dưới đây.

**Bảng 3.1: Số lượng dự án FDI đầu tư nước CHDCND qua các năm từ 2013 - 2023**

<b>Năm</b>	<b>Số dự án</b>	<b>Tổng số vốn đăng ký (đô la)</b>	<b>Tổng số vốn thực hiện (đô la)</b>
2013	11	3.520.585	2.743.500
2014	9	8.657.500	3.840.000
2015	26	19.193.750	9.880.000
2016	28	22.597.356	13.611.907
2017	37	36.199.000	22.295.000
2018	29	24.720.000	19.847.000
2019	33	29.896.870	21.200.600
2020	9	7.200.000	4.200.000
2021	14	14.756.890	6.874.000
2022	16	18.213.571	9.412.895
2023	19	19.312.248	9.875.912
<b>Tổng cộng</b>	<b>231</b>	<b>204.267.743</b>	<b>123.780.814</b>

*Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*

### **3.1.1.3. Tiềm năng kinh tế thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào**

*\* Tiềm năng về kết cấu hạ tầng kỹ thuật*

Việc phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật đóng vai trò quan trọng trong việc hiện đại hóa cơ sở công nghiệp, xây dựng và bảo vệ đất nước, đồng thời



là yếu tố chủ chốt để duy trì sự ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng và bảo tồn môi trường sinh thái. Do đó, việc xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật luôn là một ưu tiên quan trọng của Đảng NDCM Lào và Nhà nước CHDCND Lào, không chỉ là nhiệm vụ kinh tế mà còn mang ý nghĩa chiến lược về cả mặt ngắn hạn và dài hạn trong lĩnh vực chính trị xã hội ở CHDCND Lào.

Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đã hoàn thành việc phát triển các tuyến đường quốc lộ kết nối các tỉnh và quốc tế. Đồng thời, các dự án xây dựng và nâng cấp mạng lưới giao thông đường bộ ở cấp huyện và xã đang được triển khai. Các thành phố đang trở nên phát triển với hệ thống giao thông đa dạng và hoàn chỉnh hơn. Hiện nay, nguồn vốn từ nước ngoài được đầu tư chủ yếu vào cơ sở hạ tầng giao thông, bao gồm cả các dự án xây dựng hệ thống đường sắt và mạng lưới đường bộ kết nối quốc gia. Lào đã triển khai xây dựng hạ tầng đường giao thông tiểu vùng dọc hành lang kinh tế Đông - Tây gồm tuyến Quốc lộ 13 phía Bắc (Oudomxay-Pakmong), sửa chữa quốc lộ 9 (trung tâm Savannakhet đến biên giới Việt Nam), xây dựng đường 16B (Sekong - Dak Chung - biên giới Việt Nam), quốc lộ 1A (Bounneua-Lantuoy). Lào cũng đang tiến hành nâng cấp Quốc lộ 13 phía Bắc đoạn từ thành phố Viêng Chăn đến huyện Phôn Hông của tỉnh Viêng Chăn, chuẩn bị hoàn thành đoạn thứ nhất của tuyến cao tốc Viêng Chăn -Boten (Viêng Chăn - Văng Viêng) [50, tr.70].

Về hạ tầng giao thông trong nước, CHDCND Lào đã hoàn thành các dự án mở rộng quốc lộ 21 (Phameuang -Thasy), xây dựng cầu vượt sông Mekong (huyện Paklay, tỉnh Xayaboury), đường 6A (Thanglong-Sobbau), đường 6B (Sobbau-Pahang), đường tỉnh lộ 4 (Hongsa-Xiengmen). Tính đến năm 2019, Lào có mạng lưới giao thông 58.254 km, tăng 1.922 km so với năm 2015, về cơ bản đều đáp ứng khả năng đi lại thông suốt ở cấp huyện trên cả nước, với 93.2% (138/148 huyện) có đường trải nhựa. Lào cũng ghi nhận nhịp độ phát

triển lĩnh vực dịch vụ vận tải bình quân 7%/năm. Từ thủ đô Viêng Chăn hiện có 71 tuyến vận tải hành khách và 119 tuyến vận tải liên tỉnh trên cả nước cùng 81 tuyến liên vận Lào - Thái Lan, Lào - Việt Nam, Lào - Trung Quốc, Lào - Campuchia [50, tr. 84].

*\* Tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên và đất đai*

CHDCND Lào là một quốc gia châu Á nằm ở khu vực đông nam của lục địa. Nền kinh tế CHDCND Lào được xếp vào một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất toàn cầu, có thể được quy cho một số yếu tố như việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên của đất nước và cải cách kinh tế đầy tham vọng của chính phủ. Năm 2017, theo thống kê từ Ngân hàng Thế giới, “GDP của CHDCND Lào là mức cao thứ 113 với 16, 85 tỷ USD. GDP bình quân đầu người của CHDCND Lào là thứ 130 trên thế giới ở mức 2.456 trong năm 2017” [48, tr.92]. Một số tài nguyên thiên nhiên thiết yếu ở CHDCND Lào bao gồm đất trồng trọt, cảnh đẹp của đất nước và rừng.

Thống kê từ chính phủ CHDCND Lào và Ngân hàng Thế giới chỉ ra rằng trong năm 2015, các khu rừng chiếm khoảng 81,3% lãnh thổ của đất nước. Dữ liệu cũng chỉ ra rằng từ năm 2005 đến 2015, diện tích đất được bao phủ bởi rừng đã tăng lên. Có một số loại rừng ở CHDCND Lào như rừng gió mùa, rừng thường xanh khô và rừng rụng lá hỗn hợp. Sự đa dạng phổ biến nhất của rừng ở CHDCND Lào là rừng rụng lá hỗn hợp trong đó bao gồm một diện tích khoảng 363 dặm vuông. Một số cây phổ biến nhất ở CHDCND Lào bao gồm gỗ lim, gỗ đỏ và gỗ thông chủ yếu được sử dụng để sản xuất gỗ. Rừng ở CHDCND Lào được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau như cung cấp củi và gỗ để xây dựng. Năm 1992, “gỗ là một trong những mặt hàng xuất khẩu quan trọng nhất của CHDCND Lào và chiếm khoảng một phần ba tổng kim ngạch xuất khẩu từ nước này. Các khu rừng của CHDCND Lào cũng rất quan trọng vì chúng bảo vệ rừng đầu nguồn của đất nước và duy trì chất lượng nước” [50, tr.25].

Các khu rừng của CHDCND Lào cũng là nơi có nhiều loại động vật hoang dã độc đáo. Mặc dù có tầm quan trọng kinh tế lớn, rừng ở CHDCND Lào phải đối mặt với một số thách thức lớn như phá rừng và chất lượng cây bị suy giảm. Phá rừng đặc biệt phổ biến vào những năm 1990 khi nông dân sử dụng phương pháp canh tác nương rẫy và đốt. Chính phủ CHDCND Lào đã đưa ra một số luật cấm chém và đốt nông nghiệp để bảo vệ gỗ cứng của đất nước. Chính phủ CHDCND Lào cũng đã hợp tác với các tổ chức quốc tế như Quỹ Động vật hoang dã Thế giới để bảo vệ rừng của đất nước. Tổ chức này đã thuyết phục nông dân trong làng thay thế các phương pháp canh tác truyền thống bằng sản xuất song mây để giảm nạn phá rừng.

Theo số liệu thống kê cho thấy năm 2020, ước tính đất trồng trọt chiếm khoảng 6,61% tổng diện tích đất ở CHDCND Lào. Từ năm 2004 đến 2020, quy mô đất trồng trọt ở CHDCND Lào đã tăng đáng kể. Sự gia tăng quy mô đất trồng trọt ở CHDCND Lào có thể được quy cho tầm quan trọng của nông nghiệp đối với nền kinh tế Lào. Năm 2017, “ước tính rằng nông nghiệp đóng góp khoảng 21% GDP của CHDCND Lào. Bộ lao động CHDCND Lào ước tính rằng vào năm 2012, 73% lực lượng lao động của đất nước đã tham gia vào nông nghiệp” [38, tr.70]. Nông dân CHDCND Lào trồng nhiều loại cây trồng như xoài, gạo và cà phê. Ngành nông nghiệp CHDCND Lào phải đối mặt với một số thách thức như xói mòn đất và phụ thuộc quá nhiều vào các phương pháp nông nghiệp truyền thống. Chính phủ CHDCND Lào đã khuyến khích nông dân áp dụng các kỹ thuật nông nghiệp hiện đại như sử dụng phân bón thương mại và máy kéo để tăng năng suất. Chính phủ CHDCND Lào ước tính rằng từ năm 1980 đến 1989, số lượng máy kéo ở nước này gần như tăng gấp đôi. Chính phủ cũng đã khuyến khích nông dân áp dụng tưới tiêu ở những khu vực có nguồn cung cấp nước hạn chế. Các dự án thủy lợi quy mô nhỏ phổ biến ở CHDCND Lào hơn các dự án thủy lợi quy mô lớn. Một số tài nguyên thiên nhiên quan trọng nhất của CHDCND Lào là khoáng sản bao gồm than,

đồng và vàng. Ngành khai thác mỏ là một trong những ngành quan trọng nhất của CHDCND Lào khi đóng góp khoảng 7% GDP của đất nước vào năm 2020. Trong thế kỷ 21, ngành khai thác của CHDCND Lào đã thu hút đầu tư từ các công ty nước ngoài dẫn đến sự tăng trưởng của ngành.

Phong cảnh tuyệt đẹp của CHDCND Lào là một trong những tài nguyên thiên nhiên quan trọng nhất của nó vì nó thu hút lượng lớn khách du lịch đến đất nước này. Một số điểm đến đẹp nhất ở CHDCND Lào bao gồm Thác Kuang Si và Hang Pak Ou. Năm 2017, “ước tính có gần 3,9 triệu khách du lịch đã đến thăm Lào” [45, tr.98]. Dữ liệu từ chính phủ CHDCND Lào chỉ ra rằng ngành du lịch tăng trưởng nhanh hơn bất kỳ khu vực nào khác trong nền kinh tế của đất nước. Chính phủ CHDCND Lào đã đầu tư rất nhiều vào việc cải thiện ngành du lịch của đất nước chủ yếu thông qua quảng cáo ở nước ngoài.

*\* Tiềm năng về nguồn lao động*

Theo số liệu thống kê, Lào có khoảng 2,5 triệu người trong độ tuổi lao động, chiếm khoảng 34% dân số của CHDCND Lào. Do suy thoái kinh tế, “lạm phát tăng cao khiến hơn 61.000 người lao động nước này đang thất nghiệp hoặc không thể tìm được việc làm phù hợp do mức lương tối thiểu chưa đáp ứng được mức sống của người lao động” [38, tr.70].

Cơ cấu lực lượng lao động có công ăn việc làm phân bổ theo cơ cấu kinh tế gồm: lĩnh vực nông nghiệp có khoảng 1,4 triệu người, chiếm 56,8%; lĩnh vực công nghiệp có khoảng 252,4 nghìn người, chiếm 10,2%; lĩnh vực dịch vụ có khoảng 814,3 nghìn người, chiếm khoảng 33%. Bộ Lao động và Phúc lợi xã hội CHDCND Lào đã khuyến khích các đơn vị kinh tế bao gồm cả khu vực kinh tế nhà nước, doanh nghiệp, các đặc khu kinh tế và các dự án đầu tư tổ chức tìm kiếm việc làm cả ở trong và ngoài nước gắn với chương trình quốc gia, “qua đó tạo được việc làm cho 73.541 người, vượt 34,9% so với kế hoạch, trong đó có 20.930 người làm việc trong nước và 52.611 người đi làm việc tại nước ngoài” [38, tr.92].

Bằng sự nỗ lực cố gắng tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động của Chính phủ CHDCND Lào, số người thất nghiệp, chưa có công ăn việc làm ổn định năm 2021 khoảng 496.918 người và có xu hướng giảm. Theo dữ liệu báo cáo hành chính, “số người thất nghiệp, chưa có công ăn việc làm ổn định năm 2022 là 423.427 người, con số này không bao gồm người lao động tự do và người hoạt động kinh doanh theo hộ gia đình. Tỷ lệ thất nghiệp theo kết quả khảo sát lực lượng lao động năm 2022 là 2,4%, tương đương khoảng 61.207 người” [40, tr.93].

Có thể thấy rằng trong thời gian qua, Chính phủ CHDCND Lào đã có nhiều cố gắng trong việc tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động, nhất là sau thời gian chịu ảnh hưởng của dịch Covid -19 khiến cho nhiều công ty phải đóng cửa hoặc tạm thời ngừng sản xuất. Vào tháng 10 và tháng 11 vừa qua, hai hội chợ việc làm được tổ chức lần lượt tại Xiêng Khoảng và thủ đô Viêng Chăn, tạo cơ hội việc làm cho hàng chục nghìn lao động. Tuy nhiên để đầu tư trực tiếp nước ngoài vào CHDCND Lào nói chung và đầu tư trực tiếp du lịch vào CHDCND Lào nói riêng muốn khởi sắc và phát triển thì phải khắc phục những khó khăn về nguồn lao động như đã trình bày ở trên.

### **3.1.2. Những khó khăn trong thực hiện thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào**

*Một là, điều kiện tự nhiên của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*

Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào là một đất nước không có biển, đây là yếu tố không thuận lợi đối với các hoạt động kinh tế, đặc biệt là các hoạt động FDI vào du lịch ở CHDCND Lào. Đây là một yếu tố khiến cho việc thu hút FDI khó khăn hơn, vì các hoạt động kinh tế nói chung, đặc biệt là các hoạt động đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài nói riêng thường gắn liền với các hoạt động trao đổi buôn bán, vận chuyển hàng hóa. Địa hình CHDCND Lào với 95% diện tích là núi và cao nguyên. Các dãy núi cao tập trung ở phía Bắc. Đồng bằng chỉ chiếm 10% diện tích đất nước, tập trung dọc theo sông

MeKong và được phủ đất phù sa. Các cao nguyên được phủ đất feralit, riêng cao nguyên Bolaven có đất đỏ bazan màu mỡ. Với điều kiện tự nhiên như vậy, việc trao đổi vận chuyển hàng hóa qua đường biển thường có chi phí thấp. Theo đó việc thu hút FDI sẽ khó hơn so với những nước có biển, thuận tiện trong vận chuyển hàng hải...

*Hai là, tình hình kinh tế - xã hội của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*

Kinh tế CHDCND Lào vẫn gặp nhiều khó khăn, thách thức lớn, cấp bách, nhất là trả nợ công trong khi phải đối phó với hậu quả của đại dịch Covid-19, cuộc chiến tranh Nga - Ukraine tác động đến giá cả nhiên liệu, lương thực tăng cao, khủng hoảng kinh tế - lạm phát trên toàn thế giới. Tình hình lạm phát tăng vọt, giá cả và tình trạng thiếu hụt nhiên liệu, hàng hóa nhập khẩu, chỉ số giá tiêu dùng tăng cao là những điểm nhấn chính của bức tranh kinh tế CHDCND Lào năm 2022. Đảng, Chính phủ và Quốc hội CHDCND Lào tiếp tục đẩy mạnh các biện pháp nhằm giảm chi tiêu công, giảm lạm phát, phục hồi phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường công tác phòng chống tham nhũng.

Sự lây lan của dịch bệnh Covid -19 và tình hình quốc tế không thuận lợi đã tác động tiêu cực nghiêm trọng đến nền kinh tế thế giới. Đặc biệt, giá nhiên liệu và giá thực phẩm tăng mạnh đã khiến tỷ lệ lạm phát ở nhiều nước trên thế giới gia tăng, cùng với đó là việc đồng đô la Mỹ tăng so với nhiều loại tiền tệ. Những khó khăn trên đã tác động đến nền kinh tế CHDCND Lào, khiến cho giá nhiên liệu ở CHDCND Lào tăng cao, dẫn đến tình trạng các doanh nghiệp phải tìm nguồn ngoại tệ để nhập khẩu xăng dầu nhiều hơn trước, làm nảy sinh tình trạng thiếu ngoại tệ, đồng thời cũng khiến cho đồng Kip mất giá. Những nguyên nhân nêu trên khiến tỷ lệ lạm phát của CHDCND Lào gia tăng đột biến. Ngoài ra, một số địa phương của CHDCND Lào còn chịu ảnh hưởng nặng nề từ thiên tai.

*Ba là, tiềm năng kinh tế thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*

Nền kinh tế của CHDCND Lào chủ yếu tập trung vào quy mô nhỏ, thu nhập thấp và mức sống của người dân đều ở mức thấp. GDP bình quân đầu người ở đây vẫn đang ở mức thấp. Do đó, sức mua của người dân không cao, tiêu dùng chưa đủ mạnh mẽ để thúc đẩy nhu cầu và kích thích sản xuất phát triển. Tỷ lệ người lao động được đào tạo chưa cao, họ chưa hoàn toàn năng động và không quen với môi trường làm việc tập trung và quy mô lớn... Điều này làm cho việc thu hút đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào CHDCND Lào trở nên khó khăn. Ngoài ra, ở CHDCND Lào, vẫn còn nhiều khu vực tự cung tự cấp, thị trường chưa phát triển hoàn thiện. Môi trường thị trường để hỗ trợ cho hoạt động sản xuất và đầu tư vẫn còn khá yếu. Hệ thống tài chính và tiền tệ cũng còn nhiều hạn chế và bất cập. Những vấn đề này đồng thời tạo ra rào cản, ảnh hưởng đến việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào CHDCND Lào.

*Bốn là, chính sách trong bộ máy quản lý nhà nước chưa hợp lý*

Có thể thấy đây là khó khăn mà hầu như bất cứ quốc gia nào cũng gặp phải trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào nước tiếp nhận đầu tư trong đó có CHDCND Lào. Ở CHDCND Lào một số quy định, chức năng trong bộ máy quản lý nhà nước chưa hợp lý. Thực hiện quy định chức năng của từng cơ quan trong bộ máy quản lý nhà nước chưa tốt. Bên cạnh đó còn thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng trong thực thi chính sách đối với FDI đã gây ra những hạn chế hiệu quả trong thực hiện FDI tại CHDCND Lào.

*Năm là, sự cạnh tranh giữa các quốc gia trong khu vực. Sự cạnh tranh gay gắt về thu hút FDI giữa các nước trong khu vực Đông Nam Á cũng như địa phương trong khu vực hiện là một thách thức đối với việc thu hút FDI vào CHDCND Lào. Hiện phải cạnh tranh rất khó khăn với Trung Quốc, Việt*

Nam, Thái Lan,... trong việc thu hút FDI trực tiếp từ nước ngoài. Những nước trong khu vực có tiềm lực mạnh về kinh tế, Luật họ rất thoáng và đặc biệt, nhiều nước trong khu vực có dân số đông, là thị trường rất hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài.

Như vậy có thể thấy rằng, việc thu hút và sử dụng FDI ở CHDCND Lào để phát triển kinh tế - xã hội cần quan tâm tới những thuận lợi và khó khăn để có thể khai thác những thuận lợi, đồng thời có biện pháp vượt qua những khó khăn đó. Khắc phục những khó khăn và phát huy những điều kiện thuận lợi chính là biện pháp quan trọng để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào du lịch tại nước CHDCND Lào trong tình hình hiện nay.

### **3.2. TÌNH HÌNH THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO NGÀNH DU LỊCH Ở CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO GIAI ĐOẠN 2010 - 2022**

#### **3.2.1. Các dự án có yếu tố đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào**

Những năm qua, bằng nhiều giải pháp tích cực, công tác thu hút vốn đầu tư FDI vào du lịch ở tỉnh CHDCND Lào đã được đạt những kết quả nhất định, góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội ở CHDCND Lào. Tuy nhiên, công tác thu hút FDI vào du lịch ở CHDCND Lào vẫn còn một số hạn chế, như: tỷ lệ thu hút vốn vào các ngành không đồng đều, chuyển giao công nghệ cao chiếm tỷ lệ thấp, một số dự án triển khai chậm, hoạt động không mang lại hiệu quả.

CHDCND Lào có điều kiện tự nhiên, đất đai, khí hậu phù hợp cho phát triển nông nghiệp, do vậy trong giai đoạn 2010 - 2023, CHDCND Lào thu hút được 2836 chiếm tỷ trọng 63,36% dự án FDI vào ngành nông nghiệp; 872 dự án FDI vào công nghiệp, chiếm tỷ trọng 19,48%; dịch vụ và du lịch là 768 dự án, chiếm tỷ trọng 17,16%. Nhìn chung, giai đoạn 2010 - 2023, cơ cấu FDI vào du lịch của CHDCND Lào cũng đi theo xu hướng chung của các ngành



khác, khi các dự án vào ngành du lịch chiếm tỷ trọng ngày càng tăng cả về số dự án và vốn đầu tư.

**Bảng 3.2: Cơ cấu FDI vào du lịch so với các ngành khác ở nước CHDCND Lào 2010 - 2023**

Ngành	Số dự án	Theo vốn (Triệu USD)	Tỷ trọng (%)
Nông nghiệp	872	3.745,3	19,48
Công nghiệp	2.836	7.373,4	63,36
Du lịch, dịch vụ	768	2.465,2	17,16

*Nguồn: Bộ Kế hoạch và đầu tư CHDCND Lào*

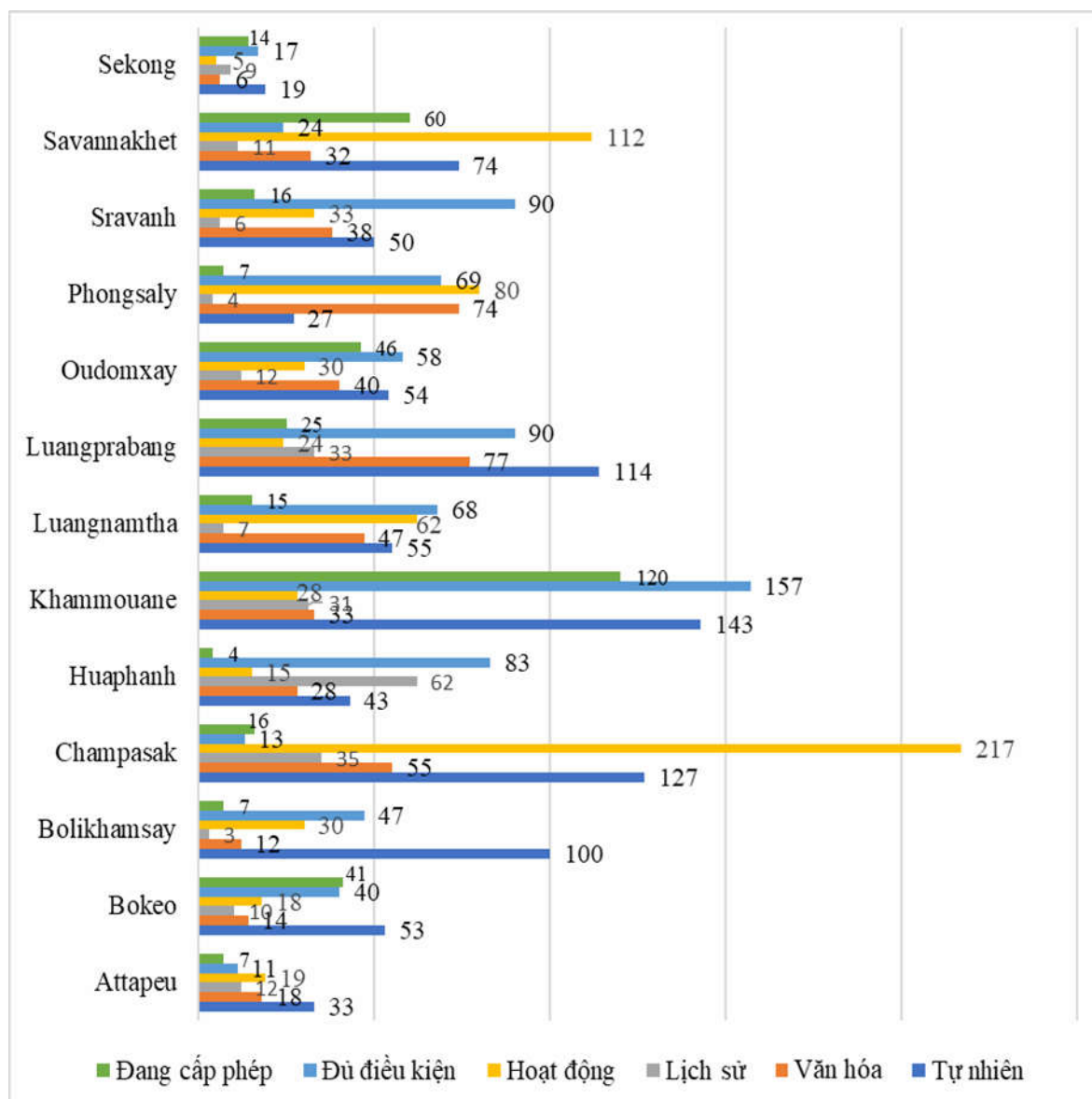
Các đối tác đầu tư vào CHDCND Lào đa dạng, chủ yếu là các nước trong khu vực có mối quan hệ hợp tác tốt và đối tác có tiềm lực tài chính, kỹ thuật, công nghệ cao, có uy tín và kinh nghiệm trong việc đầu tư vào CHDCND Lào. Xét về số dự án, Việt Nam đứng đầu các quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào CHDCND Lào, tiếp sau là Trung Quốc và Thái Lan. Xét về vốn đầu tư, Trung Quốc có lượng vốn FDI đầu tư vào CHDCND Lào nhiều nhất, tiếp đến là Việt Nam, Thái Lan, Đan Mạch, Nga...

Sự có mặt của các doanh nghiệp FDI đã đưa công nghệ tiên tiến vào CHDCND Lào thông qua việc nhập khẩu nhiều thiết bị với dây chuyền công nghệ hiện đại, tân tiến. Công nghệ được chuyển giao từ phía nhà đầu tư nước ngoài từng bước nâng cao chất lượng và số lượng sản phẩm. Nhiều sản phẩm dần thay thế được hàng hóa nhập khẩu, như: vật liệu xây dựng, các thiết bị điện, thức ăn chăn nuôi... Công nghệ tiên tiến từ phía doanh nghiệp FDI còn góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho các mặt hàng xuất khẩu ở CHDCND Lào. Hiệu quả hoạt động của khu vực FDI đã tác động lan tỏa đến các thành phần khác thông qua sự liên kết giữa khu vực FDI với các khu vực doanh nghiệp khác trong CHDCND Lào. Sự lan tỏa theo hàng ngang được thể hiện qua việc các doanh nghiệp trong CHDCND Lào có thể học hỏi công nghệ của các doanh nghiệp khu vực FDI. Ngoài ra, khu vực FDI và các khu vực doanh nghiệp khác trong CHDCND Lào cũng liên kết trong sản xuất,

mua - bán nguyên vật liệu, hàng hóa với nhau, tạo ra sự lan tỏa theo chiều dọc có lợi cho nền kinh tế.

Bên cạnh những kết quả đạt được, thì hoạt động của khu vực FDI ở CHDCND Lào còn một số hạn chế như: Phần lớn các dự án FDI ở CHDCND Lào có quy mô nhỏ, thậm chí có dự án chỉ vài chục nghìn USD. Rất ít dự án lớn với công nghệ hiện đại mang tính đột phá làm chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế của CHDCND Lào; cơ cấu thu hút vốn FDI vào CHDCND Lào còn mất cân đối, tập trung cao nhất ở lĩnh vực công nghiệp, trong khi đó lĩnh vực dịch vụ và công nghiệp còn hạn chế; Số dự án FDI có công nghệ nguồn còn ít, số lượng hợp đồng chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại trên thế giới còn quá nhỏ trong các dự án đã đăng ký. Trong nhiều trường hợp, nhà đầu tư nước ngoài nhập khẩu nhiều máy móc thiết bị lạc hậu, thậm chí là phế thải của các nước khác. Điều này có thể lý giải vì sao sau nhiều năm thu hút vốn FDI, trình độ kỹ thuật, công nghệ của CHDCND Lào vẫn thấp. Mức độ tạo ra giá trị gia tăng của khu vực FDI còn ít. Tình trạng trốn và tránh thuế diễn ra khá phổ biến, thực tế có nhiều doanh nghiệp FDI kê khai lỗ liên tục. Đây có thể là dấu hiệu xuất hiện hiện tượng “chuyển giá” gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước, gây ra tình trạng kinh doanh thiếu minh bạch, cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp.

Các dự án hiện tại chủ yếu đến từ Trung Quốc và các quốc gia Đông Nam Á như Việt Nam, Thái Lan... chưa thu hút được các dự án từ các nước có trình độ phát triển như châu Âu, Bắc Mỹ hay các quốc gia châu Á khác như Nhật Bản. Các dự án thu hút vào ngành du lịch mới chỉ tập trung nhiều vào các dịch vụ với công nghệ còn thấp, lạc hậu, ít có các dự án du lịch công nghệ cao. Bên cạnh nhiều doanh nghiệp FDI chấp hành tốt pháp luật lao động của, vẫn còn một bộ phận doanh nghiệp, trong đó đa số là các doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa, vi phạm luật pháp lao động, trốn đóng, nợ không đảm bảo quyền lợi bảo hiểm cho người lao động, chưa thực sự quan tâm đến quyền lợi chính đáng của người lao động.

**Biểu đồ 3.1: Số địa điểm du lịch tính đến năm 2023 ở nước CHDCND Lào**

*Nguồn: Bộ Kế hoạch đầu tư nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*

Từ biểu đồ 3.1. cho thấy, xu hướng đầu tư, phát triển du lịch gắn với những lợi thế về mặt tự nhiên được các tỉnh ở nước Lào ưu tiên trong chiến lược thu hút đầu tư FDI. Theo đó, trong số 18 tỉnh thống kê được về số địa điểm du lịch tính đến năm 2023 có 18/18 tỉnh địa điểm du lịch tự nhiên chiếm hơn 50% số địa điểm du lịch. Loại hình du lịch văn hóa cũng được quan tâm đầu tư phát triển ở Lào những năm qua, khi chiếm từ 20%-30% số địa điểm của các tỉnh và cả nước Lào. Xu hướng đầu tư, phát triển địa điểm du lịch gắn

với các di tích lịch sử nhìn chung vẫn còn hạn chế so với hai loại hình tự nhiên và văn hóa.

### **3.2.2. Thực trạng hạ tầng phục vụ thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào du lịch ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào**

Kết cấu hạ tầng giữ một vị trí hết sức quan trọng trong việc thu hút các nhà ĐTNN, đây được xem là “môi trường cứng” cho việc thu hút FDI. Trong thời gian gần đây ở CHDCND Lào, Chính phủ đã thực hiện việc đầu tư quy mô lớn vào hạ tầng vật chất bằng cách huy động vốn từ trong nước, viện trợ, nguồn vốn nhân đạo y tế và vay nước ngoài. Cụ thể, việc xây dựng hệ thống đường giao thông, kho bãi, cung cấp điện, nước và mở rộng hệ thống viễn thông đã nâng cao nhanh chóng cơ sở hạ tầng và kỹ thuật của CHDCND Lào. Điều này đã thúc đẩy sự phát triển của các ngành và lĩnh vực khác, đặc biệt là đẩy mạnh ngành dịch vụ để đáp ứng sự phát triển của FDI.

***Bảng 3.3. Sự phát triển hệ thống giao thông vận tải ở nước CHDCND Lào (2010 - 2023)***

<b>Năm</b>	<b>Số vốn đầu tư (Tỷ kíp)</b>
2010	4.898,89
2011	4.944,48
2012	5.248,86
2013	4.746,78
2014	5.399,22
2015	2.907,28
2016	3.627,63
2017	5.210,75
2018	6.080,38
2019	6.312,65
2020	7.133,89
2021	7.850,800
2022	8.770,436
2023	9.875,211

*Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, năm 2023*

Bên cạnh đầu tư vào cơ sở hạ tầng, sự gia tăng các nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi giải trí, và khu du lịch trên khắp CHDCND Lào cũng là một

sự nỗ lực thu hút FDI vào du lịch. Điều này được minh chứng cụ thể qua bảng số liệu dưới đây.

**Bảng 3.4: Số khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, khu vui chơi nhằm đáp ứng sự phát triển kinh tế du lịch ở nước CHDCND Lào từ năm 2011 - 2020**

TT	Năm	Loại hình				Tổng
		Khách sạn	Nhà nghỉ	Nhà hàng	Khu vui chơi	
1	2011	435	1491	1380	283	3589
2	2012	468	1562	1276	220	3526
3	2013	491	1868	1744	168	4271
4	2014	515	1911	1269	164	3859
5	2015	542	1907	1664	164	4277
6	2016	545	2452	2969	365	6331
7	2017	569	2165	2360	249	5343
8	2018	670	2432	2646	305	6053
9	2019	637	2283	2679	246	5845
10	2020	695	2542	2515	256	6008

*Nguồn: Bộ kế hoạch đầu tư nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*

Thu hút đầu tư FDI vào du lịch có thể mang lại nhiều lợi ích quan trọng cho một quốc gia, bao gồm việc thúc đẩy khoa học - công nghệ, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và sức mạnh cạnh tranh trong thị trường quốc tế. Các nhân viên có cơ hội tiếp nối các khóa đào tạo chất lượng cao, cải thiện kỹ năng và nâng cao hiệu suất làm việc. Với sự đầu tư vào công nghệ và quy trình tiên tiến, các doanh nghiệp trong nước có thể sản xuất ra những sản phẩm có chất lượng cao hơn. Sự cạnh tranh với các công ty nước ngoài cũng hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước cải thiện chất lượng sản phẩm và dịch vụ để duy trì và mở rộng thị trường.

Đầu tư FDI vào du lịch giúp cung cấp nguồn vốn ổn định cho du lịch, đặc biệt là qua các dự án tính toán dài hạn, giảm áp lực tạo nợ cho chính phủ và duy trì sự ổn định du lịch trong tình hình kinh tế khó khăn. Tuy nhiên, để đạt được những lợi ích này, quốc gia tiếp nhận đầu tư cần có chính sách và môi trường kinh doanh thuận lợi để thu hút và hấp dẫn các nhà đầu tư nước

ngoài. Ngoài ra, chính phủ cần đảm bảo việc thu hút FDI vào du lịch diễn ra theo hướng bền vững và phát triển, không ảnh hưởng xấu đến quyền lợi của người lao động và môi trường.

### **3.2.3. Thực trạng nhân lực phục vụ thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào du lịch ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào**

Trong những năm gần đây, ngành du lịch của CHDCND Lào đã có sự phát triển nhất định, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và cơ hội việc làm. Tuy nhiên, thực tế cho thấy nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là trong lĩnh vực du lịch, vẫn còn đang gặp nhiều thách thức và hạn chế. CHDCND Lào vẫn đang phải đối mặt với thực tế là trình độ đào tạo và chuyên môn của người lao động trong ngành du lịch không đồng đều. Mặc dù có những chương trình đào tạo về du lịch, nhưng trình độ chuyên môn và kỹ năng thực hành của nhân viên vẫn còn hạn chế. Điều này ảnh hưởng đến khả năng cung cấp dịch vụ chất lượng cao và tạo trải nghiệm tốt cho du khách.

Trong ngành du lịch ở CHDCND Lào, có sự thiếu hụt nhân lực chất lượng, đặc biệt là ở các vị trí quản lý và kỹ thuật. Những người có kỹ năng lãnh đạo, quản lý, và hiểu biết sâu sắc về ngành du lịch hiện vẫn còn ít ỏi. Điều này gây ra một hạn chế lớn trong việc phát triển và quản lý các dự án du lịch, cũng như tạo ra môi trường hấp dẫn để thu hút đầu tư trực tiếp từ nước ngoài. Để cải thiện thực trạng này, chính phủ nước CHDCND Lào đã tập trung vào việc đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân lực trong ngành du lịch. Các chương trình đào tạo ngắn hạn và dài hạn đã được triển khai để nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng giao tiếp và quản lý cho người lao động trong lĩnh vực này. Hơn nữa, việc khuyến khích đầu tư từ các đối tác quốc tế vào giáo dục và đào tạo ngành du lịch ở CHDCND Lào cũng đang là một hướng đi quan trọng. Sự hợp tác với các trường đại học và tổ chức đào tạo quốc tế có thể giúp nâng cao trình độ chuyên môn của nhân lực trong ngành du lịch, từ đó tạo ra một lực lượng lao động đáp ứng được yêu

cầu của thị trường lao động và đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành du lịch ở CHDCND Lào. Trên tất cả, việc nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng của nhân lực trong ngành du lịch sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút và duy trì các dự án đầu tư từ nước ngoài vào ngành du lịch ở CHDCND Lào, từ đó thúc đẩy sự phát triển bền vững cho ngành này trong tương lai.

FDI du lịch ở CHDCND Lào góp phần tạo thêm việc làm cho những người lao động. Tính đến năm 2022, đã trực tiếp giải quyết việc làm cho khoảng 30.169 người. Đây là một lượng lao động được tuyển dụng vào các doanh nghiệp cũng như hàng ngàn lao động khác tham gia vào các công việc hỗ trợ và dịch vụ cho khu vực kinh tế. Mặc dù đội ngũ lao động tham gia vào lĩnh vực này không lớn so với nhu cầu giải quyết việc làm hàng năm của CHDCND Lào, nhưng cũng có sự đóng góp đáng kể trong việc giảm tỷ lệ thất nghiệp tại CHDCND Lào hiện nay. Có thể thấy, hiện nay ở CHDCND Lào thì quy hoạch về nguồn lực trong phát triển kinh tế du lịch vẫn chưa đáp ứng được thực tiễn phát triển của ngành kinh tế du lịch, vì vậy, tuy các quy hoạch cũng đã được thực hiện khá tốt nhưng tình trạng vừa thừa, vừa thiếu nguồn lực trong phát triển kinh tế du lịch vẫn còn diễn ra. Thừa vì nguồn lực cung cấp khá nhiều nhưng chất lượng của nguồn nhân lực vẫn chưa đáp ứng tốt về trình độ, kỹ năng, phong cách làm việc và sự nỗ lực cố gắng, do đó các cơ sở kinh doanh du lịch vẫn gặp khó khăn trong việc đáp ứng đúng nhu cầu thực tiễn. Đây là một thực trạng khó khăn để thu hút FDI vào du lịch ở CHDCND Lào trong những năm tới cần phải được giải quyết và khắc phục nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở CHDCND Lào.

Đồng thời, quy hoạch con người trong phát triển kinh tế du lịch cũng chưa thực hiện hiệu quả việc quy hoạch cụ thể, đặc thù cho từng vùng phát triển kinh tế trong cả nước. Do vậy, vẫn chưa thể có được nguồn nhân lực có những nét riêng, đặc thù phát huy được những điểm khác biệt, sự sáng tạo của nhân tố con người nhằm tạo ra những điểm riêng biệt để qua đó thu hút khách

du lịch. Mặt khác, công tác quy hoạch còn chưa tính đến tính đồng bộ trong nguồn nhân lực được đào tạo trong và ngoài nước cũng như sự cạnh tranh của nguồn nhân lực nước ngoài trong ngành kinh tế du lịch ở nước CHDCND Lào.

Để giúp đầu tư FDI vào du lịch ở CHDCND Lào ngày càng phát triển đòi hỏi các cán bộ quản lý cũng cần phải có trình độ, năng lực phù hợp với thực tế. Do vậy, giai đoạn vừa qua Bộ Thông tin, Văn hóa và Du lịch CHDCND Lào hàng năm đều cử cán bộ đi đào tạo chuyên môn trong và ngoài nước để nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức về ngành kinh tế du lịch để sau khi tốt nghiệp sẽ là những cán bộ chủ chốt ở Trung ương và địa phương, lãnh đạo các cơ quan quản lý du lịch. Do vậy, từ năm 2016 đến nay đã có “327 cán bộ được cử đi đào tạo, trong đó có 213 người được đào tạo trong nước, 114 người được đào tạo tại nước ngoài ở tất cả các bậc học từ cao đẳng đến tiến sĩ; trong đó tiến sĩ có 33 người, thạc sĩ có 129 người, đại học có 155 người và cao đẳng có 10 người. Trong đó, từ năm 2013 số lượng người lao động được bồi dưỡng của ngành du lịch - dịch vụ luôn nhiều nhất cả nước và vào năm 2020 gần đây đã có “37373 nghìn lao động ngành du lịch - dịch vụ (trong đó có 20791 lao động nữ) đã được bồi dưỡng, nhiều hơn 19332 nghìn lao động ngành công nghiệp (trong đó có 4609 lao động nữ) và 19063 nghìn lao động ngành nông nghiệp (trong đó có 8309 lao động nữ)” được bồi dưỡng trong năm vừa qua [86, tr.134]. Đội ngũ giảng viên du lịch có vai trò quan trọng trong việc đào tạo, bồi dưỡng cũng như phát huy nguồn nhân lực trong lĩnh vực du lịch thông qua hoạt động giảng dạy, hướng dẫn thực tiễn đối với các sinh viên. Do vậy giai đoạn qua đội ngũ giảng viên đã được tạo điều kiện tham gia các khóa bồi dưỡng khác nhau để bổ sung và nâng cao trình độ nhằm phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Sự quan tâm đến nguồn nhân lực trong phát triển du lịch của CHDCND Lào được thể hiện qua bảng số liệu dưới đây:



**Bảng 3.5: Nguồn nhân lực trong phát triển du lịch ở nước CHDCND Lào  
2010 - 2023**

<b>Năm</b>	<b>Tổng số (Người)</b>
2011	1118
2012	1370
2013	1500
2014	1700
2015	2039
2016	2216
2017	4432
2018	4508
2019	4037
2020	4377
2021	4412
2022	4526
2023	4638

*Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, năm 2023*

Theo thống kê cho thấy, nguồn nhân lực trong phát triển du lịch ở CHDCND Lào đến năm 2021 như sau: Cán bộ công chức, viên chức toàn ngành du lịch và văn hóa gồm có 4.445 người (nữ là 1482 người). Trong đó ở cấp Trung ương là 1430 người (nữ gồm 618 người), cấp tỉnh gồm 1623 người (nữ gồm 710 người), cấp huyện là 1243 người (nữ là 463 người). Trình độ chuyên môn nguồn nhân lực trong phát triển du lịch: Tiến sĩ gồm 9 người (nữ có 02 người), thạc sĩ gồm 413 người (nữ 194 người), cử nhân gồm 1982 người (nữ 985 người), cao cấp gồm 1506 người (nữ 587 người).

Bên cạnh đó, quá trình giải quyết những ảnh hưởng từ đại dịch Covid - 19 trong giai đoạn vừa qua cũng thể hiện sự hạn chế trong việc chưa tính đến quy hoạch phát huy nhân tố con người trong phát triển kinh tế du lịch để phản ứng tốt trước những thách thức mà các yếu tố an ninh phi truyền thống có thể tác động trực tiếp đến tăng trưởng của ngành kinh tế du lịch, nhất là ảnh hưởng đến công việc, thu nhập cũng như cuộc sống của nguồn nhân lực phục vụ cho ngành kinh tế du lịch trong cả nước. Điều này cần được đưa vào quy

hoạch phát triển nguồn lực trong phát triển kinh tế du lịch trong thời gian tới, để qua đó có thể giúp cho nguồn nhân lực luôn đảm bảo có sự phản ứng tốt trước sự tác động bởi các yếu tố khách quan. Trong thời gian tới, CHDCND Lào dự kiến tiếp tục kế hoạch phát triển nhân lực ngành thông tin, văn hóa và du lịch như Bảng 3.6.

**Bảng 3.6. Kế hoạch dự báo phát triển nhân lực ngành Thông tin, Văn hóa và Du lịch giai đoạn 2020 - 2025**

TT	Trình độ	Trong nước	Ngoài nước	Tổng	So với 4.508 CB, CC hiện tại
1	Tiến sĩ	0	33	33	0.73
2	Thạc sĩ	68	61	129	2.86
3	Đại học	135	20	155	3.43
4	Cao đẳng	10	0	10	0.22
5	<b>Tổng</b>	<b>213</b>	<b>114</b>	<b>327</b>	<b>7.25</b>

*Nguồn: Bộ kế hoạch đầu tư nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*

Tổng thể, doanh nghiệp FDI yêu cầu nguồn nhân lực có trình độ chất lượng cao hơn so với các doanh nghiệp trong nước. Mặc dù quy mô tuyển dụng lao động của họ chưa lớn so với nhu cầu tạo việc làm tại CHDCND Lào, nhưng đóng góp của các doanh nghiệp FDI cũng có tác động quan trọng trong việc tạo ra cơ hội việc làm và giảm tỷ lệ thất nghiệp tại CHDCND Lào.

#### **3.2.4. Quản lý Nhà nước trong hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào du lịch ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào**

Hiện nay, theo quy định trong quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp FDI được phân cấp theo địa bàn, nơi doanh nghiệp triển khai thực hiện dự án. Theo đó, các doanh nghiệp có dự án nằm trong khu kinh tế và các khu công nghiệp, Ban Quản lý Khu kinh tế CHDCND Lào là cơ quan chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Sở Ngoại vụ và các cơ

quan liên quan tham mưu, giúp CHDCND Lào quản lý toàn diện các mặt công tác liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp từ khâu giới thiệu địa điểm, chủ trương đầu tư, cấp phép đầu tư, quản lý dự án, hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp,... cho đến tham mưu thủ tục chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp có dự án bên ngoài khu kinh tế và các khu công nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị chủ trì, phối hợp với các bộ và cơ quan tham mưu, giúp CHDCND Lào quản lý theo quy định. Tuy có sự phân công, phân nhiệm trong quản lý hoạt động, nhưng vì nhiều lý do khác nhau như hoạt động của các doanh nghiệp FDI về du lịch ở CHDCND Lào khá đa dạng, biên chế của các cơ quan quản lý nhà nước có hạn, nhân sự được phân công theo dõi không ổn định, điều kiện, phương tiện phục vụ công tác quản lý chưa đầy đủ, sự phối hợp công tác của một số doanh nghiệp có lúc, có nơi chưa kịp thời, đầy đủ,... do đó, công tác quản lý nhà nước trong hoạt động của doanh nghiệp FDI có trường hợp, vụ việc thiếu chặt chẽ, chưa thật sự đi vào chiều sâu và mang tính toàn diện. Điều này dẫn đến một số hạn chế, bất cập, nhất là những lúc doanh nghiệp gặp khó khăn về nguồn nguyên liệu, nguồn cung ứng lao động, thị trường tiêu thụ sản phẩm, rào cản kỹ thuật, bị nước ngoài quy kết bán phá giá hoặc được hưởng các miễn, giảm trong ưu đãi đầu tư, kinh doanh,... không biết liên hệ cơ quan nào để được tư vấn hỗ trợ hoặc hướng dẫn giải quyết một cách kịp thời, đầy đủ theo quy định; những trường hợp như vậy chủ yếu doanh nghiệp tự “lay hoay” giải quyết là chính.

Có đầu tư mới có tăng trưởng đó là một quy luật bất di bất dịch. Do vậy, vốn FDI trong thời gian qua đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của CHDCND Lào. Từ (2012-2016) tốc độ tăng trưởng kinh tế của CHDCND Lào luôn luôn ổn định và ở mức cao, trong đó có sự đóng góp của các doanh nghiệp FDI có một vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở CHDCND Lào.

Theo Luật đầu tư nước ngoài của CHDCND Lào, nếu doanh nghiệp liên doanh thì phải có vốn từ nước ngoài ít nhất 30% của vốn pháp định. Nếu đủ điều kiện xác định mới thành lập được doanh nghiệp liên doanh. Trong đó, có vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước. Tỷ lệ góp vốn ít hay nhiều tùy theo hai bên thỏa thuận. Kinh nghiệm cho thấy, nếu như dự án 100% vốn nước ngoài tăng lên chứng tỏ rằng, môi trường đầu tư ở nơi đó tốt hơn, vì các nhà đầu tư an tâm, tin tưởng. Nó đồng nghĩa là việc sản xuất kinh doanh có nhiều triển vọng ổn định ở CHDCND Lào. Số dự án 100% vốn nước ngoài tăng mạnh trong những năm gần đây và trở thành hình thức đầu tư nước ngoài chủ yếu ở Lào, nhưng về cơ cấu vốn thì hình thức liên doanh lại chiếm ưu thế hơn.

Qua các năm tỷ lệ vốn theo hình thức doanh nghiệp liên doanh luôn chiếm tỷ lệ nhiều hơn cả từ các giai đoạn đầu. Năm 2010, tỷ lệ vốn theo hình thức doanh nghiệp liên doanh chiếm 71%; năm 2011 và 2013 càng chiếm hơn nhiều đạt 96% so với tỷ lệ vốn theo hình thức 100% vốn nước ngoài chỉ là 4%. Tuy nhiên, ba năm tiếp theo tỷ lệ vốn theo hình thức 100% vốn nước ngoài lại chiếm ưu thế nhiều hơn đặc biệt là năm 2014 tỷ lệ vốn theo hình thức này chiếm 90% còn tỷ lệ vốn theo hình thức doanh nghiệp liên doanh chỉ chiếm 4%. Dù sao, từ năm 2016 trở đi, tỷ lệ vốn theo hình thức doanh nghiệp liên doanh lại chiếm nhiều hơn, chiếm 96% năm 2016, đến năm 2018 xuống còn 61% nhưng vẫn là cao hơn nhiều tỷ lệ vốn theo hình thức 100% vốn nước ngoài [45, tr.51]. Theo bảng dưới ta thấy FDI thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch theo địa bàn được tập trung ở khu vực kinh tế trọng điểm miền Trung gồm thủ đô Viêng Chăn và các tỉnh Trung Lào đứng thứ nhất chiếm 39% của tổng vốn đầu tư cả nước. Vùng kinh tế phía Nam cũng đã có nhiều cố gắng trong thu hút FDI, đứng thứ nhì chiếm 32% và FDI vào khu vực phía Bắc còn rất hạn chế đứng thứ ba, chiếm 29% tổng vốn đầu tư cả nước [45, tr.68].

**Bảng 3.7: FDI vào ngành du lịch theo địa bàn Lào phân theo các vùng giai đoạn 2012 - 2023**

Tên các vùng	Năm 2012 - 2023			
	Vốn đầu tư (triệu USD)	Tỷ trọng vốn (%)	Số dự án (dự án)	Tỷ trọng dự án (%)
Miền Bắc	3,611	29	229	15
Miền Trung	4,879	39	1,219	78
Miền Nam	3,906	32	109	7
<b>Tổng</b>	<b>12,415</b>	<b>100</b>	<b>1,557</b>	<b>100</b>

*Nguồn: Cục Khuyến khích Đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào*

Từ bảng số liệu trên cho thấy:

Địa bàn miền Trung: Với ưu thế vượt trội về cơ sở hạ tầng, về sự thuận lợi cho giao thông đường bộ, hàng không và năng động trong kinh doanh, với các cơ sở kinh tế quan trọng. Vùng kinh tế miền Trung là vùng thu hút được nhiều vốn FDI lớn nhất trong cả nước, đứng đầu là thủ đô Viêng Chăn. Tính đến năm 2008, toàn vùng thu hút được 1,219 dự án FDI (riêng thủ đô Viêng Chăn là 1,048 dự án chiếm 67%), chiếm 78% tổng số dự án FDI của cả nước, vốn đầu tư đạt 4,879 triệu USD (riêng thủ đô Viêng Chăn là 1,830 triệu USD), chiếm đến 39% của tổng số vốn trên cả nước. Trong đó, phần lớn là đầu tư vào xây dựng nhà máy thủy điện, giao thông vận tải và thủy lợi. Các ngành dịch vụ như thương mại, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông và du lịch... đã có điều kiện để mở rộng, nâng cao chất lượng và mở rộng sự trao đổi hàng hóa dịch vụ với nước khác. Sau thủ đô Viêng Chăn, tỉnh Bo Li Khăm Xay thu hút được 560 triệu USD, trong đó có một dự án lớn là công trình thủy điện Thon Hin Bun với số vốn là 280 triệu USD của nhà đầu tư Na Uy và Thái Lan, tỉnh Khăm Muộn là 200 triệu USD và tỉnh Sa Vãn Na Khê đạt được 206 triệu USD [33, tr.52].

Các ngành công nghiệp chủ yếu của vùng kinh tế miền Trung là công nghiệp để xuất khẩu, công nghiệp chế biến nông sản, công nghiệp lắp ráp máy

móc thiết bị, các hàng hóa xây dựng, công nghiệp hóa chất xây dựng khu công nghiệp mới. Đến nay, vùng miền Trung đã hình thành một số khu công nghiệp ở thủ đô Viêng Chăn, tỉnh Sa Vãn Na Khêt, Khăm Muôn, Bo Li Khăm Xay... với nhiều cơ sở sản xuất có công nghệ từ khá đến hiện đại, thu hút được nhiều doanh nghiệp nước ngoài đầu tư sản xuất, kinh doanh.

Địa bàn miền Nam: Là vùng thu hút FDI nhiều thứ hai về số vốn cả nước, đứng đầu là tỉnh Chăm Pa Sác thu hút được 2,232 triệu USD. Đến nay, toàn vùng thu hút được 109 dự án (chiếm 7% về tổng số dự án cả nước) và tổng vốn đầu tư đạt 3,906 triệu USD (chiếm 32% của tổng vốn cả nước). Nhiều vốn FDI đã sử dụng để phát triển kinh tế vùng miền Nam trong đó phần lớn là đầu tư phát triển ngành nông nghiệp, làm cho lượng sản phẩm sản xuất ra càng ngày càng tăng. Chẳng hạn như, có nhiều dự án đầu tư sản xuất sản phẩm từ cà phê, hạt tiêu và chăn nuôi, trồng cây cao su. Các ngành công nghiệp khai khoáng, mỏ, đặc biệt tại tỉnh Chăm Pa Sác có dự án FDI đầu tư khai thác mỏ và xây dựng nhà máy chế biến khoáng sản với tổng vốn đến 2 tỷ USD, các ngành công nghiệp thủy điện cũng đã được đầu tư phát triển khá tốt, và các dự án đầu tư phát triển các ngành du lịch và dịch vụ càng ngày tăng lên [33, tr.65].

Địa bàn miền Bắc: Là vùng sâu vùng xa, yếu kém về cơ sở hạ tầng, tỷ lệ nghèo còn cao so với toàn quốc. Nhà nước điều tiết ưu tiên đầu tư để phát triển vùng này. Các tỉnh thuộc miền Bắc đã chiếm khoảng 14 - 17% của tổng vốn để phát triển nguyên liệu ngành nông nghiệp để sản xuất lương thực. Dù vùng kinh tế này vẫn gặp khó khăn, nhưng thu hút được khá nhiều vốn FDI so với vùng kinh tế khác. Cho đến nay, toàn vùng thu hút được 229 dự án FDI với số vốn là 3,611 triệu USD, chiếm 15% về số dự án và 29% về số vốn FDI của cả nước. Đặc biệt là đầu tư tại tỉnh Xay Nhạ Bu Ly của công trình nhà máy nhiệt điện Hongsa Lignite với tổng vốn đầu tư là 900 triệu USD và các dự án khác [33, tr.72].

**Bảng 3.8: Tổng vốn đầu tư FDI vào phát triển kinh tế - xã hội  
Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào giai đoạn 2010 - 2023**

STT	Năm 2010 - 2023 (Kip)
Dịch vụ	2.555.069.633
Điện lực	8.138.919.243
Mỏ	5.191.002.529
Nông nghiệp	1.848.708.383
Công nghiệp và thủ công	685.870.377
Xây dựng	313.386.000
Thương mại	61.790.980
Tư vấn	184.086.999
Y tế	69.216.483
Ngân hàng	333.732.090
Khách sạn - cửa hàng	212.263.350
Giao thông	1.850.800
Giáo dục	9.770.436
Công nghiệp gỗ	28.606.948
Dệt may	8.840.000
<b>Tổng số</b>	<b>19.643.114.251</b>

*Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*

Từ bảng số liệu trên cho thấy, tổng số vốn đầu tư FDI vào phát triển kinh tế xã hội CHDCND Lào từ 2010 - 2023, về cơ cấu ngành kinh tế, có sự chuyển dịch phù hợp với yêu cầu thu hút đầu tư FDI vào du lịch đối với CHDCND Lào. Tính đến năm 2023, tổng số vốn đầu tư FDI ở CHDCND Lào trên lĩnh vực Khách sạn - cửa hàng là 212.263.350 (kip), giao thông là 1.850.800 (kip). Tổng số vốn đầu tư FDI cho Khách sạn - cửa hàng và Giao thông chiếm tỷ lệ tương đối cao khẳng định sự quan tâm và thu hút FDI vào du lịch ngày càng phát triển tại CHDCND Lào.

Chất lượng dự án đầu tư FDI vào du lịch ở CHDCND Lào Chất lượng dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào ngành du lịch ở CHDCND Lào là một bức tranh phức tạp, với sự đan xen giữa những thành tựu đáng ghi nhận và những thách thức còn tồn tại. Mặc dù FDI đã mang đến những thay đổi tích cực cho ngành du lịch Lào, nhưng không phải tất cả các dự án đều đạt

được chất lượng như mong đợi. Về mặt tích cực, một số dự án FDI, đặc biệt là các dự án của các tập đoàn khách sạn quốc tế lớn như Accor, Marriott hay Minor International, đã thiết lập các tiêu chuẩn dịch vụ và quản lý quốc tế, mang lại chất lượng dịch vụ cao, cơ sở vật chất hiện đại và đội ngũ nhân viên được đào tạo chuyên nghiệp. Các khách sạn và khu nghỉ dưỡng này thường có tỷ lệ lấp đầy cao, thu hút một lượng lớn khách du lịch có khả năng chi trả cao, góp phần nâng cao doanh thu cho ngành du lịch. Thống kê cho thấy, các khách sạn 4 và 5 sao do các nhà đầu tư nước ngoài quản lý chiếm khoảng 25% tổng số cơ sở lưu trú nhưng đóng góp đến 50% doanh thu lưu trú của cả nước. Bên cạnh đó, FDI đã thúc đẩy đa dạng hóa sản phẩm du lịch, với sự xuất hiện của các loại hình du lịch mới như du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm và du lịch cộng đồng, điển hình là các dự án homestay tại Luang Prabang, các tour du lịch trekking tại Vang Vieng hay các trải nghiệm văn hóa tại Xiengkhouang. Theo Bộ Thông tin, Văn hóa và Du lịch Lào, khoảng 30% các dự án FDI trong ngành du lịch tập trung vào phát triển các loại hình du lịch mới này, thu hút khoảng 15% lượng khách du lịch quốc tế. FDI cũng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo việc làm cho người dân địa phương, với khoảng 40.000 việc làm trực tiếp và gián tiếp được tạo ra từ các dự án FDI trong ngành du lịch. Tuy nhiên, chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế, với chỉ khoảng 20% nhân viên du lịch được đào tạo chuyên nghiệp về nghiệp vụ và ngoại ngữ. Các dự án FDI cũng góp phần cải thiện cơ sở hạ tầng du lịch, tuy nhiên, sự đầu tư này vẫn còn tập trung chủ yếu ở các khu vực thành thị và các điểm du lịch trọng điểm, trong khi nhiều khu vực tiềm năng khác vẫn còn thiếu cơ sở hạ tầng.

Tuy nhiên, bên cạnh những điểm tích cực, còn tồn tại không ít những hạn chế về chất lượng dự án FDI trong ngành du lịch Lào. Một số dự án, đặc biệt là các dự án quy mô nhỏ do các nhà đầu tư cá nhân hoặc doanh nghiệp nhỏ thực hiện, thường có chất lượng dịch vụ thấp, cơ sở vật chất



xuống cấp và không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường. Thống kê từ các cuộc khảo sát khách hàng cho thấy, khoảng 35% du khách không hài lòng với chất lượng dịch vụ của các cơ sở lưu trú nhỏ, đặc biệt là ở các vùng nông thôn. Nhiều dự án FDI chưa chú trọng đến việc ứng dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý và vận hành, vẫn sử dụng các phương pháp truyền thống, dẫn đến hiệu quả hoạt động chưa cao và trải nghiệm của du khách chưa được tối ưu. Các dự án cũng chưa thực sự khai thác được các sản phẩm và dịch vụ địa phương, dẫn đến sự thiếu liên kết với cộng đồng và chưa tạo ra nhiều lợi ích cho người dân. Một số dự án FDI cũng bị phản ánh gây ra những tác động tiêu cực đến môi trường và văn hóa địa phương, do việc không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phá hủy cảnh quan thiên nhiên và gây ra các vấn đề xã hội. Theo báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường Lào, khoảng 15% dự án FDI trong ngành du lịch vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.

Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dự án FDI bao gồm chính sách của chính phủ (cần có các chính sách rõ ràng, minh bạch và khuyến khích đầu tư chất lượng), năng lực của nhà đầu tư (cần có nguồn vốn, kinh nghiệm và kỹ năng quản lý), năng lực quản lý của chính quyền địa phương (cần có khả năng giám sát, kiểm tra và hỗ trợ các dự án), và nhu cầu của thị trường (cần đáp ứng nhu cầu và kỳ vọng ngày càng cao của du khách). Để nâng cao chất lượng dự án FDI trong ngành du lịch Lào, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa chính phủ, nhà đầu tư và cộng đồng địa phương. Chính phủ cần hoàn thiện chính sách, tăng cường năng lực quản lý, khuyến khích chuyển giao công nghệ và tạo điều kiện cho các dự án liên kết với cộng đồng. Nhà đầu tư cần chú trọng đến chất lượng dịch vụ, bảo vệ môi trường và tôn trọng văn hóa địa phương. Cộng đồng cần tham gia tích cực vào quá trình phát triển du lịch và đảm bảo lợi ích của mình được quan tâm.

### **3.3. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO NGÀNH DU LỊCH Ở CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO**

#### **3.3.1. Những kết quả đạt được trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào**

*Một là, xây dựng và hoàn thiện hệ thống luật pháp liên quan đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*

Tư duy chiến lược của Đảng NDCM Lào và chính sách quốc gia CHDCND Lào tập trung vào việc tham gia vào kinh tế thế giới và khu vực, cũng như tận dụng mối quan hệ kinh tế quốc tế một cách hiệu quả, trong đó có việc thu hút FDI. Năm 1986, Chính phủ CHDCND Lào đã triển khai một cơ chế quản lý kinh tế mới nhằm phát triển nền kinh tế theo hướng thị trường. Để thu hút FDI trong lĩnh vực du lịch, quốc gia này đã xây dựng một chuỗi các Luật trực tiếp và gián tiếp liên quan đến việc thu hút và sử dụng vốn FDI cho du lịch, bao gồm Luật Đầu tư nước ngoài (1988) và việc sửa đổi, bổ sung sau này như Luật Khuyến khích và quản lý đầu tư nước ngoài (1994), Luật Khuyến khích đầu tư nước ngoài (2004), cùng với các sửa đổi và bổ sung năm 2009 và 2016.

Ngày 19/04/1988, Quốc hội CHDCND Lào ban hành Luật Đầu tư nước ngoài, cho phép tổ chức, công ty và cá nhân nước ngoài có thể đầu tư vào ngành du lịch ở CHDCND Lào. Đây là một bước tiến quan trọng về pháp luật, đưa ra các chính sách khuyến khích đầu tư nước ngoài vào du lịch của quốc gia này một cách toàn diện, nhất quán và có hệ thống. Luật Đầu tư nước ngoài tập trung vào quyền lợi và nghĩa vụ của nhà đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực được đầu tư. Từ khi được ban hành, Luật Đầu tư nước ngoài đã được coi là một luật hấp dẫn, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, tạo điều kiện pháp lý thuận lợi cho FDI vào lĩnh vực du lịch ở CHDCND Lào. Luật cung cấp các biện pháp bảo vệ đầu tư cùng với các chính sách khuyến khích như miễn thuế lợi nhuận, thuế xuất nhập khẩu, không hạn chế về việc góp vốn từ các bên tham gia liên

doanh... Luật Đầu tư nước ngoài đã tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, tuân theo nguyên tắc độc lập, chủ quyền, bình đẳng và lợi ích chung. Điều này được thể hiện qua việc quy định ba hình thức được khuyến khích ở Lào: 1) hợp tác liên doanh giữa nhà đầu tư nước ngoài và trong nước; 2) doanh nghiệp liên doanh được thành lập và hoạt động cùng nhau giữa nhà đầu tư nước ngoài và trong nước; 3) doanh nghiệp FDI một thành viên.

Ngày 14/03/1994, Hội nghị thường niên lần thứ 3 của Quốc hội Lào khóa III đã thông qua Luật khuyến khích và quản lý đầu tư nước ngoài sửa đổi và bổ sung lần thứ nhất (Luật số 001/QH). Luật này đã điều chỉnh các hình thức đầu tư, loại bỏ hình thức kinh doanh theo hợp đồng, giữ lại hai hình thức còn lại là liên doanh và đầu tư 100% vốn đầu tư nước ngoài. Dựa trên cơ sở này, tại Hội nghị thường kỳ của Quốc hội ngày 22/10/2004, Luật khuyến khích đầu tư nước ngoài tại CHDCND Lào được sửa đổi lần thứ 2 (Luật số 11/QH). Luật này điều chỉnh lại 3 hình thức đầu tư của nước ngoài tại CHDCND Lào, bao gồm: đầu tư kinh doanh theo hợp đồng, đầu tư theo hình thức cổ phần giữa nhà ĐTNN và nhà đầu tư trong nước, và doanh nghiệp đầu tư 100% vốn đầu tư của nước ngoài. Ngoài ra, Luật còn bổ sung các hình thức BOT, BTO, BT cũng được áp dụng tại CHDCND Lào.

Luật khuyến khích đầu tư nước ngoài (2004) cũng quy định việc chuyển lợi nhuận ra nước ngoài đối với các nhà đầu tư nước ngoài, cho phép họ chuyển tài sản hoặc lợi nhuận sang nước thứ 3 thông qua các ngân hàng doanh nghiệp của CHDCND Lào. Trong Điều 8 của Luật khuyến khích đầu tư (2009), quy định rõ các hình thức đầu tư tại CHDCND Lào bao gồm: đầu tư 100% vốn hoặc của nhà đầu tư trong nước hoặc của Nhà ĐTNN; đầu tư góp cổ phần giữa nhà đầu tư trong nước với nhà ĐTNN; đầu tư liên doanh theo hợp đồng.

Mỗi khi có sửa đổi và bổ sung Luật đầu tư của CHDCND Lào, Chính phủ thường ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện, như Nghị định số 64/PM về Luật Đầu tư nước ngoài năm 1994; Nghị định số 301/PM hướng

dẫn thực hiện Luật Đầu tư khuyến khích nước ngoài năm 2004; Năm 2007, CHDCND Lào có Nghị định hướng dẫn đầu tư vào CHDCND Lào bằng tiếng Anh; Nghị định hướng dẫn số 119/PM, ngày 20/4/2011 của luật khuyến khích đầu tư năm 2009. Ngoài Luật Đầu tư nước ngoài, hệ thống pháp luật về đầu tư nước ngoài của CHDCND Lào còn có các văn bản hướng dẫn, cụ thể hóa thi hành Luật Đầu tư nước ngoài và các văn bản có liên quan khác như quy định về thuế, chế độ tuyển dụng lao động, quản lý ngoại hối...

*Hai là*, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đã thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từng giai đoạn như kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội lần thứ IV, V, VI và đặc biệt là lần thứ VII (từ năm 2011 đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020). Từ những nỗ lực đó, CHDCND Lào đã xác định mục tiêu, nhu cầu vốn; đồng thời xác định rõ các ngành, lĩnh vực, địa bàn, vùng cần được ưu tiên, khuyến khích FDI trong lĩnh vực du lịch, cùng với việc định rõ các bước đi và công việc cần thực hiện để thu hút và sử dụng FDI trong du lịch một cách hiệu quả. Để sử dụng FDI hiệu quả trong ngành du lịch, CHDCND Lào cần tập trung thu hút FDI vào các lĩnh vực du lịch có tiềm năng phát triển, phù hợp với thế mạnh và nhu cầu của thị trường, đồng thời mang lại lợi ích kinh tế - xã hội lâu dài; cần thiết lập các chính sách thu hút FDI minh bạch, rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư nhưng đồng thời bảo vệ quyền lợi quốc gia và lợi ích cộng đồng; khuyến khích các dự án FDI thân thiện với môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, sử dụng công nghệ hiện đại, tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương, và góp phần phát triển du lịch bền vững.

**Bảng 3.9: Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm của Lào 2012 - 2023**

Năm	2012 - 2013	2014 - 2015	2016 - 2017	2018 - 2019	2020 - 2023
%	<b>8,1</b>	<b>8,0</b>	<b>7,9</b>	<b>7,8</b>	<b>8,1</b>

*Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*

*Ba là*, vốn FDI đổ vào lĩnh vực du lịch ở CHDCND Lào đã đóng góp quan trọng vào nguồn vốn cho sự phát triển. Số vốn FDI vào du lịch đã tăng

đáng kể qua các năm, giúp cân bằng tài chính quốc gia và cải thiện cán cân thanh toán quốc tế. Ngoài ra, các doanh nghiệp đầu tư FDI trong lĩnh vực du lịch đã sản xuất và xuất khẩu hàng hóa, tăng cường nguồn thu ngoại tệ và đóng góp quan trọng vào kim ngạch xuất khẩu theo số liệu của CHDCND Lào. Sự tăng trưởng về FDI du lịch cũng đóng góp vào việc tạo ra việc làm tại các doanh nghiệp FDI trong lĩnh vực du lịch tại Lào, mỗi năm so với lực lượng lao động trong nước, góp phần quan trọng trong việc giảm tỷ lệ thất nghiệp hiện nay tại Lào. Đầu tư FDI trong lĩnh vực du lịch đóng vai trò then chốt, tạo ra tác động lan tỏa mạnh mẽ đến việc làm và thu nhập cho người dân CHDCND Lào, một quốc gia đang nỗ lực khai thác tiềm năng du lịch đầy hứa hẹn. Không chỉ đơn thuần là rót vốn xây dựng cơ sở hạ tầng, FDI còn mở ra vô vàn cơ hội việc làm, trực tiếp cải thiện đời sống của cộng đồng địa phương, đồng thời thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội bền vững.

*Bốn là*, trình độ và năng lực của cán bộ - công chức trong việc thu hút và sử dụng FDI đã có nhiều tiến bộ đáng kể. Cán bộ, công chức tại các địa phương đã có những cải thiện tích cực trong việc chỉ đạo và thực hiện chính sách thu hút FDI. Sự xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách liên quan đến FDI của họ đã được nâng lên một tầm cao mới. Đồng thời, trình độ chuyên môn và khả năng quản lý của họ cũng đã được cải thiện. Chất lượng và phẩm chất của đội ngũ cán bộ - công chức tham gia trực tiếp vào việc giải quyết công việc hành chính cũng đã được nâng cao, đảm bảo trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ. Tình trạng cửa quan và rào cản trong quá trình làm việc với các doanh nghiệp của đội ngũ cán bộ - công chức cũng đã được giảm thiểu dần.

*Năm là*, thông qua việc đầu tư FDI vào du lịch, CHDCND Lào đã đưa ra và thực hiện một hệ thống cơ chế quản lý, chính sách khuyến khích, và ưu đãi FDI phù hợp với điều kiện cụ thể của từng giai đoạn tại Lào. Thủ tục cấp phép FDI vào lĩnh vực du lịch tại Lào đã trải qua nhiều cải thiện. Thời gian và thủ tục hành chính cũng nhanh chóng hơn rất nhiều so với trước đây, với thời gian cấp phép đăng ký doanh nghiệp được quy định tối đa là mười ba ngày làm việc.

*Sáu là*, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đã xây dựng được bộ máy nhà nước trong việc thu hút FDI vào du lịch ngày càng hoàn thiện, cùng với việc nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ công chức về việc này. Nhà nước đã thiết lập quy định cụ thể về chức năng của từng cơ quan trong bộ máy này và thực hiện phân cấp quản lý trong việc thu hút FDI vào du lịch. Bộ máy này đã giúp CHDCND Lào thu hút được dòng vốn FDI vào du lịch và duy trì hoạt động của các dự án FDI du lịch theo khung pháp luật và chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và đầu tư tại Lào.

*Bảy là*, việc kiểm tra, kiểm soát, giám sát hoạt động FDI trong lĩnh vực du lịch đã mang lại một số kết quả quan trọng, đảm bảo rằng FDI du lịch hoạt động theo quy định pháp luật và hướng tới mục tiêu đã đề ra. Trong quá trình kiểm tra, kiểm soát, các cơ quan nhà nước đã phát hiện nhiều vi phạm của các doanh nghiệp FDI như việc vi phạm chính sách tiền công, tiền lương, chế độ bảo hiểm xã hội, giờ làm việc và bảo vệ môi trường. Từ các hoạt động kiểm tra, kiểm soát này, các cơ quan chức năng đã thu hồi giấy phép của một số dự án FDI trong du lịch, đặc biệt là các dự án không hiệu quả hoặc vi phạm pháp luật.

**Bảng 3.10: Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào 2010 - 2023**

<b>Năm</b>	<b>Tốc độ tăng trưởng GDP (USD/người)</b>
2010	1.141
2011	1.379
2012	1.582
2013	1.832
2014	2.000
2015	2.140
2016	2.324
2017	2.455
2018	2.569
2019	2.614
2020	2.609
2021	2.551
2022	2.589
2023	2.640

*Nguồn: Bộ kế hoạch đầu tư nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*

Những phân tích trên cho thấy, FDI trong lĩnh vực du lịch đã góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội ở CHDCND Lào trong những năm qua và đã đạt được nhiều thành công quan trọng. Điều này đã có tác động tích cực lớn đối với nền kinh tế thông qua sự ảnh hưởng của doanh nghiệp FDI đã được thu hút vào CHDCND Lào. Điều này cũng cho thấy rằng các mục tiêu tăng trưởng và hiệu quả của doanh nghiệp FDI trong lĩnh vực du lịch với phát triển kinh tế - xã hội đã được thực hiện khá tốt. Điều này được minh chứng qua bảng số liệu 3.10 về Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào 2010 - 2021.

### **3.3.2. Những hạn chế trong thu hút trực tiếp đầu tư nước ngoài vào ngành du lịch ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào**

#### **\* Những hạn chế**

*Một là*, một số dự án thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực sản xuất đã lạm dụng tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường trầm trọng. Dự án thu hút đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào lĩnh vực sản xuất có thể mang lại nhiều lợi ích kinh tế và công nghệ cho quốc gia, nhưng cũng có thể gây ra các vấn đề môi trường nghiêm trọng nếu không được quản lý cẩn thận.

*Hai là*, một số dự án thu hút FDI trong lĩnh vực du lịch vào CHDCND Lào còn mang theo công nghệ lạc hậu như việc khai thác tài nguyên du lịch, thiết bị, máy móc phục vụ còn lạc hậu, chưa được đồng bộ hóa trong quá trình sử dụng và phát triển du lịch ở CHDCND Lào. Thu hút vốn FDI vào du lịch tới CHDCND Lào thường không tận dụng được công nghệ tiên tiến, mà thay vào đó, các công nghệ đưa vào thường là cũ kỹ hoặc đã lạc hậu. Trong nhiều trường hợp, việc sử dụng các công nghệ này gây ra tình trạng môi trường ô nhiễm và đẩy một số vùng địa phương của Lào trở thành “bãi rác” công nghệ. Điều này gây hại đến môi trường sinh thái và tạo ra những thách thức trong việc cải thiện chất lượng sản phẩm cũng như tăng cường khả năng cạnh tranh. Việc chuyển giao các công nghệ lạc hậu cũng là một trong những yếu tố gây ra

tình trạng ô nhiễm môi trường, mặc dù mức độ ảnh hưởng không lớn, nhưng vẫn là vấn đề đáng quan ngại cần được chú ý và xử lý.

*Ba là*, một vấn đề đáng chú ý là về việc chuyển giá và hoạch toán lỗ của một số doanh nghiệp FDI. Trong một số dự án FDI hình thức liên doanh, các đối tác nước ngoài thường sử dụng các biện pháp để tăng giá thành sản phẩm thông qua các hoạt động như quảng cáo, mua nguyên liệu từ nước ngoài, tạo ra tình trạng lỗ giả, dẫn đến việc giảm tỷ lệ vốn góp của phía CHDCND Lào. Điều này buộc họ phải tăng vốn góp hoặc chuyển nhượng phần góp vốn cho đối tác nước ngoài, biến dự án thành doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, gây ra sự mất mát trong quản lý kinh tế. Các doanh nghiệp FDI trong ngành du lịch thường tận dụng việc chuyển giá để thay đổi lãi thành lỗ, báo cáo lãi ít hơn thực tế để tránh các khoản thuế chuyển lợi nhuận, thuế nhập khẩu và cạnh tranh về tỷ giá hối đoái. Tác động của việc lợi dụng chuyển giá không chỉ gây tổn thất về mặt kinh tế mà còn tạo ra sự không công bằng về cạnh tranh giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI.

*Bốn là*, việc thu hút vốn FDI vào du lịch tạo ra cạnh tranh khốc liệt đối với một số doanh nghiệp trong nước. Đối tác nước ngoài đã tạo ra sự cạnh tranh không công bằng, khấn trương với các doanh nghiệp sản xuất ở CHDCND Lào trong việc sản xuất cùng một loại hàng hóa. Trong một số trường hợp tại Lào, đã có yêu cầu chuyển nhượng phần vốn góp của đối tác trong nước cho đối tác nước ngoài trong dự án liên doanh... Có thể nói, gần đây ở Lào, FDI đã tạo ra một số tác động tiêu cực đối với doanh nghiệp trong nước, thông qua việc cạnh tranh không công bằng; tuy nhiên, xu hướng cạnh tranh này có vẻ sẽ gia tăng trong tương lai.

*Năm là*, thu hút FDI vào du lịch gây sự mất cân đối trong cơ cấu kinh tế. Thu hút FDI gây mất cân đối cho cơ cấu kinh tế ở CHDCND Lào nếu không quản lý một cách hợp lý. Khi quá trình thu hút FDI tập trung vào một số lĩnh vực du lịch cụ thể, đặc biệt là những lĩnh vực có chi phí lao động thấp,



có thể dẫn đến các phụ thuộc quá mức vào những lĩnh vực đó. Điều này có thể làm cho du lịch dễ dàng chịu tác động tiêu cực khi có biến đổi toàn cầu hoặc thay đổi trong nhu cầu thị trường. Trong trường hợp FDI vào du lịch chỉ tập trung vào một số lĩnh vực kỹ thuật hoặc công nghệ, có thể gây ra lỗ hổng kỹ thuật và đào tạo trong những lĩnh vực không thu hút FDI vào du lịch. Điều này có thể làm giảm đáng kể khả năng cạnh tranh và phát triển trong các lĩnh vực đó, ảnh hưởng xấu đến cơ cấu kinh tế tổng thể. Trong một số trường hợp, FDI vào du lịch có thể tạo ra sức ép cạnh tranh lớn với các doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là trong lĩnh vực lao động có chi phí thấp. Điều này có thể dẫn đến giảm giá lao động, tăng sự bất ổn trong công việc và ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống của lao động. Nhiều dự án FDI vào du lịch tập trung vào các lĩnh vực có ảnh hưởng đến môi trường lớn, như công nghiệp nặng, khai thác tài nguyên, sản xuất hàng hóa không tốt cho môi trường. Việc tăng cường các ngành công nghiệp này có thể gây ra các vấn đề về ô nhiễm và suy thoái môi trường, gây hại cho cơ cấu kinh tế và đời sống dân cư.

Để giảm thiểu sự mất cân đối trong cơ cấu kinh tế do FDI gây ra, các chính phủ có thể thực hiện các biện pháp điều chỉnh và quản lý FDI một cách chủ động. Điều này bao gồm việc xác định các ngành công nghiệp chiến lược phù hợp để thu hút đầu tư, thúc đẩy đổi mới kỹ thuật và công nghệ trong các lĩnh vực khác nhau, cũng như chắc chắn tiến bộ và bền bỉ của môi trường kinh doanh.

*Sáu là*, thu hút FDI vào du lịch gây ra những xung đột về mặt xã hội. ĐTNN gây ra những xung đột về mặt xã hội ở CHDCND Lào. Khi một quốc gia thu hút nhiều vốn FDI vào du lịch, sự chênh lệch giữa các tầng lớp nghèo và tầng lớp giàu có thể gia tăng. Điều này có thể gây ra sự bất bình đẳng trong phân phối thu nhập và tạo ra sự phân cực trong xã hội. Những doanh nghiệp nước ngoài thường đưa ra yêu cầu tỉ suất về môi trường lao động, coi thời hạn như giờ làm việc dài hơn, mức lương thấp hơn và quyền công nhân bị hạn

ché. Điều này có thể gây căng thẳng và xung đột giữa công nhân và doanh nghiệp. FDI vào du lịch có thể gây ra sự cạnh tranh với các doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Những doanh nghiệp này không đủ sức cạnh tranh với các tập đoàn đa quốc gia, dẫn đến suy thoái và mất việc làm. FDI vào du lịch có thể đưa vào một quốc gia những giá trị và văn hóa từ bên ngoài, gây ra xung đột văn hóa với phong tục của địa phương. Điều này có thể tạo ra ngoại thất và phản đối từ cộng đồng địa phương. Một số dự án FDI vào du lịch có thể gây ra tác động tiêu cực đến môi trường, gây hạn chế như ô nhiễm không khí và nước, khai thác tài nguyên thiếu bền vững, hay tạo ra rác thải và ô nhiễm môi trường. FDI thường cần đất để xây dựng cơ sở hạ tầng và nhà máy.

Để giảm thiểu xung đột xã hội có thể phát sinh từ FDI vào du lịch, CHDCND Lào có thể thiết lập chính sách và quy định rõ ràng để đảm bảo các nhà đầu tư giám sát các tiêu chuẩn lao động và môi trường. Đồng thời, cần thực hiện các biện pháp hỗ trợ cải thiện thiện vùng lân cận và xã hội để đảm bảo rằng lợi ích của FDI vào du lịch được chia sẻ rộng rãi và bền vững cho cộng đồng.

***\* Nguyên nhân của những hạn chế***

*- Nguyên nhân khách quan*

Tác động của sự cạnh tranh quốc tế trong việc thu hút FDI vào ngành du lịch giữa các quốc gia trong khu vực đang diễn ra mạnh mẽ, đặc biệt là trong các nước ASEAN và các quốc gia láng giềng có tiềm năng hấp dẫn. Tình hình môi trường kinh tế quốc tế đang trải qua nhiều biến động, gây ảnh hưởng đáng kể đến việc thu hút FDI vào CHDCND Lào, đồng thời tạo ra những khó khăn cho quá trình này.

Hệ thống các văn bản pháp luật của nhà nước liên quan đến đầu tư, xây dựng, và quản lý đất đai vẫn còn thiếu sót và chưa đồng bộ, xuất hiện những quy định chưa thống nhất, không tương thích giữa các luật, nghị định có liên

quan, gây khó khăn trong việc tổ chức thực hiện thu hút và sử dụng FDI. Hiện chưa có quy định rõ ràng về thứ tự thực hiện các thủ tục đầu tư, quy hoạch, cũng như về tỷ lệ đầu tư trên một đơn vị diện tích. Công tác quản lý của nhà nước trong việc theo dõi, tổng hợp, cung cấp thông tin hỗ trợ, tuyên truyền và phổ biến các luật liên quan cùng các văn bản hướng dẫn thi hành cho doanh nghiệp vẫn chưa được định rõ.

Ngoài ra, động cơ lợi nhuận thường khiến các nhà đầu tư nước ngoài chọn lựa các hoạt động kinh doanh mang lại lợi nhuận cao, ngay cả khi những hoạt động này không hoàn toàn phù hợp với các mục tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội của CHDCND Lào.

*- Nguyên nhân chủ quan*

Sự nhận thức và quan điểm về vai trò của FDI trong lĩnh vực du lịch ở CHDCND Lào vẫn chưa được thống nhất, đồng thời có những quan điểm khác nhau về hiệu quả của các hoạt động FDI. Điều này đã tạo ra sự không nhất quán và chi phối đối với quá trình hoạch định chính sách, thực hiện pháp luật và chỉ đạo hoạt động của các dự án FDI trong lĩnh vực du lịch. Mặc dù CHDCND Lào đã ban hành các chính sách khuyến khích đầu tư, song vẫn thiếu những yếu tố quan trọng mà các nhà đầu tư cần. Hạn chế về nguồn kinh phí đã tạo ra khó khăn trong việc thực hiện các chính sách khuyến khích đầu tư, bao gồm hỗ trợ cơ sở hạ tầng, điện nước, và thông tin liên lạc cho các doanh nghiệp, do đó, việc thu hút các nhà đầu tư cả trong nước và nước ngoài trở nên khó khăn.

Trình độ tri thức của cư dân ở CHDCND Lào vẫn còn thấp, đặc biệt là ở vùng nông thôn, dẫn đến sự thiếu hiểu biết và thực hiện chủ trương phát triển kinh tế - xã hội không đủ nhanh chóng và không nghiêm túc. Nhận thức của các cán bộ công chức trong lĩnh vực FDI vẫn hạn chế, trình độ chuyên môn, quản lý và ngoại ngữ còn kém, không đáp ứng được yêu cầu trong quá trình thực hiện hoạt động FDI trong lĩnh vực du lịch. Điều này không chỉ ảnh hưởng

đến chất lượng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, và chính sách thu hút FDI vào du lịch mà còn tạo ra trở ngại trong việc thực thi những chính sách đó.

Công tác tuyên truyền và quảng bá về chủ trương và chính sách ưu đãi thu hút đầu tư chưa thu hút sự tham gia của toàn bộ hệ thống chính trị, đặc biệt là cấp cơ sở. Một số địa phương coi việc xúc tiến đầu tư là trách nhiệm của các cơ quan cấp tỉnh. Công tác xúc tiến đầu tư chưa được thực hiện chuyên nghiệp, thiếu tính chủ động và linh hoạt, tập trung nhiều vào việc tuyên truyền và quảng bá, chưa có sự tiếp cận với các đối tác đầu tư cụ thể cho từng dự án, thiếu sự giao lưu với các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Các hoạt động thu hút FDI chưa đủ sức mạnh để thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư vào CHDCND Lào.

Công tác chuẩn bị và xúc tiến đầu tư chưa được thực hiện thường xuyên và kịp thời, chưa tạo ra các dự án có khả năng thực hiện cao để tổ chức xúc tiến đầu tư. Trong những năm gần đây, hoạt động này vẫn chưa nhận được sự coi trọng đúng mức từ các cơ quan chức năng ở CHDCND Lào. Hoạt động xúc tiến đầu tư thường ít hơn so với xúc tiến thương mại, dịch vụ và chỉ giới hạn ở các nước láng giềng và khu vực như Việt Nam, Thái Lan, Trung Quốc, Malaysia, Nhật Bản... chưa mở rộng ra thị trường quốc tế.

## Chương 4

# PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO NGÀNH DU LỊCH Ở CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO ĐẾN NĂM 2030

## 4.1. PHƯƠNG HƯỚNG THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO DU LỊCH Ở CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO ĐẾN NĂM 2030

### 4.1.1. Bối cảnh quốc tế và trong nước ảnh hưởng đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào

#### 4.1.1.1. Bối cảnh quốc tế

Bối cảnh quốc tế ảnh hưởng đến thu hút FDI vào du lịch một cách sâu sắc, tác động đến cả cơ hội và thách thức đối với các quốc gia đang tìm kiếm đầu tư. Nhu cầu du lịch bền vững ngày càng tăng, thúc đẩy các nhà đầu tư quan tâm đến các dự án du lịch thân thiện môi trường, bảo tồn văn hóa và phát triển cộng đồng. Các quốc gia có chính sách du lịch bền vững sẽ thu hút được nhiều nhà đầu tư hơn; Du khách hiện nay muốn tìm kiếm những trải nghiệm độc đáo, văn hóa, và phiêu lưu. Sự biến đổi của tình hình thế giới, khu vực đem lại cả thuận lợi và thời cơ, khó khăn và thách thức đan xen, đặt ra nhiều yêu cầu mới để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch ở CHDCND Lào. Xu thế này đòi hỏi Chính phủ phải tìm ra thế mạnh của từng vùng và xác định các lĩnh vực có thể tận dụng nguồn lực bên ngoài để phát triển, tham gia có hiệu quả vào quá trình toàn cầu hóa, chủ động hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới.

Thế giới đang trải qua một giai đoạn đầy biến động, phức tạp và khó đoán trước. Các nước lớn đang thay đổi chiến lược, đồng thời cùng hợp tác và cạnh tranh, giành quyền lợi và vị thế, gây ra những tình hình phức tạp tại nhiều khu vực và quốc gia. Xung đột về dân tộc, tôn giáo, khủng bố quốc tế,

xung đột về tài nguyên, chiến tranh kinh tế, chiến tranh mạng, can thiệp từ bên ngoài, việc lật đổ, không tuân thủ dân sự, tranh chấp chủ quyền, lãnh thổ, tài nguyên... đều diễn ra dưới những hình thức mới, phức tạp hơn. Những thách thức toàn cầu và phi truyền thống như an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh tài chính, an ninh mạng, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, v.v. đang diễn ra với tình hình nghiêm trọng. Chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa cường quyền của các nước lớn, và chủ nghĩa thực dụng đang ngày càng trở nên quan trọng hơn trong quan hệ quốc tế. Luật pháp quốc tế và các cơ chế đa phương toàn cầu đang đối diện với những thách thức lớn.

Kinh tế thế giới đã bắt đầu phục hồi sau khủng hoảng tài chính và suy thoái toàn cầu, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng đang chậm lại, có nguy cơ mất cân đối và suy thoái trở lại. Các cuộc chiến thương mại, cạnh tranh về nguồn tài nguyên, thị trường, công nghệ và lao động chất lượng cao giữa các nước ngày càng trở nên khốc liệt hơn. Các phương pháp giải quyết và ứng phó với các vấn đề kinh tế - xã hội sau khủng hoảng, đặc biệt là về ổn định kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, cải cách cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và tập trung vào sự đổi mới sáng tạo, đều là những kinh nghiệm quan trọng giúp các quốc gia vượt qua những thách thức, từ đó phát triển mạnh mẽ và bền vững.

Cuộc cách mạng công nghiệp thứ tư đồng với quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đang chi phối sâu sắc tiến trình phát triển của loài người. Sự đột phá công nghệ diễn ra nhanh chóng trong nhiều lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, cơ sở dữ liệu lớn, Internet kết nối vạn vật, robot, công nghệ in 3D, công nghệ nano, công nghệ sinh học, lưu trữ năng lượng, v.v. đã mang đến những thay đổi đáng kể về chất lượng cuộc sống, công việc và sản xuất kinh doanh. Sự đan xen của các quá trình hội nhập đưa thế giới đến một “cấu trúc ma trận” các hiệp định FTA trên nhiều tuyến và nhiều cấp độ, trong đó phải kể đến các FTA thế hệ mới.

Khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, bao gồm cả Đông Nam Á, đang tiếp tục phát triển mạnh mẽ và chiếm vị trí quan trọng về mặt kinh tế và chính trị. Đây cũng là khu vực có sự cạnh tranh chiến lược gay gắt giữa các cường quốc, thể hiện qua các dự án quy mô lớn như Đại Tái định cư Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, Sáng kiến Vành đai và Con đường, và những sáng kiến tương tự khác, buộc các quốc gia lớn và nhỏ phải đưa ra quyết định tham gia. Các hành động một chiều, chính trị cường quốc từ các quốc gia lớn và các tranh chấp về lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo trong khu vực, đặc biệt trên Biển Đông, đang tạo ra tình trạng căng thẳng, phức tạp hơn. ASEAN đã trở thành một lực lượng được nhiều quốc gia coi trọng, đóng vai trò trung tâm trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, duy trì hòa bình và an ninh khu vực. Tuy nhiên, sự can thiệp, áp đặt và áp lực từ các quốc gia lớn, cùng với lợi ích cá nhân của một số nước thành viên, đang làm trở ngại đối với việc ASEAN đưa ra một quan điểm thống nhất về một số vấn đề trong khu vực, ảnh hưởng đáng kể đến sự đồng thuận trong tổ chức này. Khu vực sông Mê Kông vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhờ việc mở cửa, cải cách và chuyển đổi sang cơ chế thị trường, cùng với việc mở rộng hợp tác qua biên giới. Tuy nhiên, các vấn đề về ô nhiễm môi trường, sự khan hiếm của nguồn nước ngọt và nguy cơ nước biển dâng là những thách thức không nhỏ đối với mục tiêu phát triển bền vững của các quốc gia trong khu vực nhỏ này.

Thế giới ngày càng cởi mở hơn, các chính sách mở cửa và đơn giản hóa các thủ tục nhập cảnh đang là xu hướng chung của các quốc gia trên toàn thế giới. Các hiệp ước đa phương, song phương, các quan hệ hợp tác giữa các quốc gia trên thế giới về xúc tiến đầu tư du lịch ngày một mở rộng tạo nên một thị trường kinh tế du lịch ngày một sôi động. Những xu hướng trên đặt ra yêu cầu các nhà quản lý, các nhà đầu tư nhìn nhận và phân tích đúng tình hình, có giải pháp, phương án, cách vận hành phù hợp để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch ở CHDCND Lào.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đã trở thành một động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế của các quốc gia, đặc biệt là đối với các nước đang phát triển. Tuy nhiên, nhu cầu FDI ngày càng cao, cùng với sự gia tăng số lượng các nước đang phát triển muốn thu hút đầu tư, đã tạo nên một cuộc đua gay gắt chưa từng có trong lĩnh vực này. Sự cạnh tranh gay gắt này được thúc đẩy bởi nhiều yếu tố: nhu cầu FDI ngày càng cao, số lượng các nước đang phát triển thu hút FDI tăng, các quốc gia đang phát triển ngày càng có nhiều lợi thế cạnh tranh, sự gia tăng của các hiệp định thương mại tự do (FTA), ứng dụng công nghệ số và tự động hóa. Cạnh tranh gay gắt mang đến cả cơ hội và thách thức: cơ hội là cạnh tranh thúc đẩy các nước đang phát triển cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút dòng vốn FDI chất lượng cao, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; thách thức là cuộc đua thu hút FDI có thể dẫn đến những hành động thiếu bền vững và có nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến lợi ích quốc gia lâu dài. Tác động tiêu cực của cạnh tranh gay gắt: cuộc đua hạ giá, thiếu minh bạch và quản lý kém hiệu quả, sự cạnh tranh không lành mạnh. Để đối phó với xu hướng này, các nước đang phát triển cần nâng cao năng lực cạnh tranh, xây dựng môi trường đầu tư hấp dẫn, xây dựng chiến lược thu hút FDI phù hợp, hợp tác quốc tế. Xu hướng cạnh tranh này là một thách thức lớn, các nước cần nhận thức rõ những nguy cơ tiềm ẩn và nỗ lực xây dựng một chiến lược thu hút FDI bền vững, hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững và nâng cao đời sống người dân.

#### ***4.1.1.2. Bối cảnh trong nước***

CHDCND Lào, dưới sự lãnh đạo của Đảng NDCM Lào, đã xây dựng nền tảng đoàn kết hợp tác hữu nghị và sống hòa bình với tất cả các quốc gia. Trải qua những năm qua, nền kinh tế của CHDCND Lào đã vượt qua khủng hoảng lạm phát, đi vào giai đoạn ổn định và phát triển với tốc độ khá, cải thiện đáng kể mức sống của người dân. Chính phủ đã khuyến



khích phát triển nền kinh tế đa dạng, nhờ sự hỗ trợ quốc tế và nỗ lực đáng kể trong xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội. Hệ thống giao thông, điện lực, viễn thông đã phát triển, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc thu hút đầu tư sản xuất. Năng lực sản xuất của nhiều ngành kinh tế đã tăng lên đáng kể, đồng thời cơ cấu kinh tế cũng có sự chuyển dịch tích cực và nâng cao chất lượng tăng trưởng.

CHDCND Lào nằm ở vị trí đặc biệt với biên giới giáp 5 quốc gia trong khu vực Đông Nam Á, tạo cơ hội hợp tác phát triển với các nước láng giềng và ASEAN. Đặc biệt, vị trí thuận lợi này có thể làm vai trò trung chuyển giữa các quốc gia chia sẻ biên giới, không chỉ trong thương mại mà còn trong việc hợp tác phát triển du lịch quốc gia.

Ngoài ra, CHDCND Lào cũng sở hữu tài nguyên thiên nhiên phong phú, đặc biệt là về năng lượng từ nước và các nguồn khoáng sản như vàng, thạch cao, sắt, kali, than... Diện tích rừng tự nhiên cũng rất lớn và đa dạng. CHDCND Lào đã chứng minh được sự ổn định chính trị, tăng trưởng kinh tế và khả năng hội nhập kinh tế quốc tế. Cơ chế thị trường đang được cải thiện và việc hợp tác quốc tế ngày càng mở rộng. Là một thành viên của ASEAN, CHDCND Lào đã ký kết hợp đồng bảo hộ đầu tư với 27 quốc gia và đang tiến hành đàm phán với Nhật Bản, chuẩn bị gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới...

Sự ổn định chính trị - xã hội là nền tảng vững chắc và là một điểm mạnh lớn nhất cho sự phát triển kinh tế - xã hội của CHDCND Lào. Thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới... sẽ mở ra cơ hội phát triển mới cho CHDCND Lào. Nhờ chính sách mở cửa và cải cách thể chế, nước này đã thu hút nhiều dự án đầu tư nước ngoài và huy động các nguồn lực kinh tế tham gia phát triển. Trong thời gian tới, với tài nguyên phong phú và điều kiện tự nhiên thuận lợi, việc cải thiện môi trường đầu tư và điều chỉnh chính sách sẽ giúp CHDCND Lào thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài cho ngành du lịch và phát triển kinh tế đất nước.

#### **4.1.2. Mục tiêu và phương hướng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đến năm 2030**

##### ***4.1.2.1. Mục tiêu thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đến năm 2030***

Đề thu hút thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch vào CHDCND Lào hướng tới mục tiêu chất lượng, hiệu quả và phát triển bền vững, cần có cách nhìn khách quan, đánh giá toàn diện kết quả, tác động của FDI tới sự phát triển kinh tế trong dòng chảy thu hút FDI.

Đối với CHDCND Lào hướng đến mục tiêu chuyển việc thu hút và thực hiện FDI du lịch từ lượng sang chất, cần phải đổi mới cơ bản phương thức xúc tiến đầu tư để lựa chọn nhà đầu tư, dự án có trọng tâm, trọng điểm. Ưu tiên các dự án công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường, công nghiệp phụ trợ, và dịch vụ hiện đại. Xây dựng khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, và thiết lập mối liên kết giữa các tập đoàn kinh tế toàn cầu với doanh nghiệp trong nước để thúc đẩy hợp tác công nghệ và thị trường, giúp các doanh nghiệp địa phương tận dụng các cơ hội hợp tác và phân phối công nghệ. Khuyến khích các tập đoàn này hợp tác với cơ sở đào tạo và các tổ chức nghiên cứu để nâng cao trình độ và nguồn nhân lực cho địa phương.

Nắm bắt và phát triển tiềm năng du lịch sinh thái, du lịch văn hóa - lịch sử, đặt mục tiêu đến năm 2025 - 2030 phát triển du lịch thành ngành kinh tế quan trọng của CHDCND Lào. Tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật để đảm bảo sự phát triển bền vững của du lịch sinh thái và du lịch văn hóa - lịch sử ở CHDCND Lào. Quản lý và nâng cao chất lượng dịch vụ của các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch để đạt tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế. Cải thiện và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch hiện có, đặc biệt tập trung vào sản phẩm du lịch sinh thái, tâm linh; đồng thời phát triển các sản phẩm mới mang tính đặc trưng và có khả năng cạnh tranh cao.

Đạt mục tiêu tăng trưởng ổn định về lượng khách du lịch, và tăng mạnh doanh thu du lịch thông qua các thị trường đối tác cao cấp, có chi tiêu lớn,

bằng cách tập trung đầu tư và cải thiện chất lượng các dịch vụ du lịch cao cấp. Hàng năm tổ chức lễ hội du lịch của khu vực, để thu hút khách du lịch nội địa và quốc tế đến CHDCND Lào ngày càng đông.

Xây dựng chương trình du lịch kết hợp với Việt Nam và Thái Lan tổ chức tuyến du lịch 3 nước, theo hành lang kinh tế Đông Tây. Mục tiêu thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn vốn FDI cho phát triển kinh tế - xã hội của CHDCND Lào trong thời gian sắp tới phải đi đôi với những mục tiêu đã đề ra trong chiến lược. Cần khuyến khích cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực du lịch. Đồng thời, tiếp tục thực hiện chính sách đối ngoại, tăng cường hợp tác với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Việc thiết lập môi trường đầu tư đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi và bình đẳng cho các nhà đầu tư nước ngoài là cần thiết để phù hợp với yêu cầu hội nhập và các cam kết quốc tế, giúp thu hút nguồn vốn vào CHDCND Lào ngày càng nhiều hơn.

Với mục tiêu và yêu cầu về nguồn vốn như vậy, việc thu hút và khuyến khích FDI trong lĩnh vực du lịch đóng góp quan trọng cho việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia và có thể giúp nước này vươn lên khỏi tình trạng chậm phát triển đến năm 2030. Để hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu và tận dụng sức mạnh của thời đại, việc sử dụng hiệu quả FDI trong lĩnh vực du lịch là một phần quan trọng. Đây không chỉ đóng góp vào việc phát triển lực lượng sản xuất và giải quyết việc làm cho người lao động mà còn là một trong những lực lượng chủ chốt thúc đẩy công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Do đó, lĩnh vực này cần được coi trọng và đối xử bình đẳng như các lĩnh vực khác trong nền kinh tế toàn quốc của CHDCND Lào.

#### ***4.1.2.2. Phương hướng hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào du lịch ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đến năm 2030***

*Một là, thực hiện FDI vào du lịch nhằm sử dụng hiệu quả hơn đất đai và nguồn nhân lực.*

Một trong những hướng tiếp cận để tận dụng tốt hơn đất đai và nguồn nhân lực thông qua FDI trong lĩnh vực du lịch đã thu hút một lượng vốn đáng

kể cho sự phát triển kinh tế - xã hội của CHDCND Lào trong những năm qua. Tuy nhiên, việc thu hút FDI đôi khi đã sử dụng hết phần lớn đất đai có vị trí thuận lợi, dẫn đến sự giảm thiểu của quỹ đất có thể cấp phép cho FDI. Do đó, để tận dụng hiệu quả FDI vào phát triển kinh tế của CHDCND Lào trong tương lai, cần tập trung vào các lĩnh vực mang lại hiệu suất kinh tế cao hơn.

Hướng đi mới trong việc phát triển kinh tế và xã hội của CHDCND Lào nhằm mục tiêu khai thác đất đai và nguồn nhân lực theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Để thực hiện mục tiêu này, Lào cần nỗ lực thu hút các nhà đầu tư lớn, đặc biệt là các tập đoàn kinh doanh lớn trên thế giới. Tuy nhiên, việc này vẫn đang đối diện với nhiều thách thức. Để thu hút các tập đoàn tài chính lớn vào Lào, ngoài việc tăng cường cải thiện môi trường đầu tư và hạ tầng kỹ thuật, ngành du lịch Lào cần phối hợp mật thiết hơn với các Bộ ngành Trung Ương và các tổ chức xúc tiến đầu tư, thương mại của các quốc gia, cũng như các công ty tư vấn đầu tư và các quỹ đầu tư, đặc biệt là trong việc quảng bá và thu hút các dự án FDI.

*Hai là, việc sử dụng vốn FDI vào du lịch nhằm phát triển những mục tiêu đã xác định của Lào để FDI có tác dụng mạnh mẽ vào phát triển kinh tế - xã hội.*

Một khía cạnh khác đáng chú ý là việc sử dụng vốn FDI để phát triển các mục tiêu đã được đề ra của Lào trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. FDI đã góp phần quan trọng vào sự phát triển của một số ngành công nghiệp như công nghiệp chế biến gỗ, vật liệu xây dựng, và dịch vụ nhà hàng, khách sạn tại Lào. Tuy nhiên, sự phân bố của FDI vào các ngành và khu vực vẫn chưa đồng đều, một số ngành với tiềm năng chiến lược đối với phát triển kinh tế - xã hội của Lào như công nghiệp điện tử, chế biến nông sản và một số lĩnh vực dịch vụ - du lịch vẫn chưa nhận được sự chú ý đủ lớn từ FDI. Vì vậy, để tận dụng hiệu quả tác động tích cực của FDI và thúc đẩy sự phát triển toàn diện và bền vững, cần hướng FDI vào những mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của Lào. Cần ban hành danh mục các dự án kêu gọi vốn đầu tư với các ưu

đãi cụ thể, và thường xuyên thông báo và trao đổi với các nhà đầu tư nước ngoài về các nhiệm vụ cụ thể cần giải quyết ở Lào.

*Ba là, lựa chọn công nghệ khi tiếp nhận vốn FDI vào du lịch để bảo vệ môi trường sinh thái, nguồn lực phát triển công nghiệp nói riêng, kinh tế của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trong tương lai.*

Thêm vào đó, việc lựa chọn công nghệ khi tiếp nhận vốn FDI vào lĩnh vực du lịch cũng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững kinh tế của CHDCND Lào. Lào đã áp dụng nhiều chính sách ưu đãi đầu tư cho các dự án du lịch với mục tiêu bảo vệ môi trường sinh thái, khuyến khích sản xuất sạch và xây dựng quy chế bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, cần ưu tiên lựa chọn công nghệ có vai trò cơ bản trong phát triển công nghiệp và công nghệ sạch để bảo vệ môi trường. Đối với các doanh nghiệp FDI hoạt động trong lĩnh vực du lịch và có thành tích tích cực về bảo vệ môi trường, cần khuyến khích thông qua các hình thức biểu dương và khen thưởng. Cần có cơ chế khuyến khích phù hợp cho các dự án đầu tư vào lĩnh vực xử lý môi trường sinh thái.

*Bốn là, gắn việc thu hút, sử dụng và quản lý FDI vào du lịch với việc giải quyết vấn đề xã hội nảy sinh.*

Việc thu hút, sử dụng và quản lý vốn FDI vào du lịch cũng cần được kết hợp với việc giải quyết các vấn đề xã hội phát sinh. Các doanh nghiệp FDI trong du lịch thường tập trung vào mục tiêu kinh tế chủ yếu, đôi khi cố gắng cắt giảm chi phí sản xuất, trong đó có chi phí tiền công. Việc này có thể dẫn đến việc hạn chế hoặc không khuyến khích sự tham gia của các tổ chức như Đảng và Công đoàn, làm giảm hiệu quả của dự án FDI. Để giải quyết vấn đề này, cần tăng cường việc tuyên truyền pháp luật và chính sách, đặc biệt là các quy định về Luật Lao động đối với các nhà đầu tư FDI trong du lịch. Đồng thời, thông qua hoạt động của các tổ chức Đảng và Công đoàn, cần tăng cường giáo dục ý thức kỷ luật lao động trong cộng đồng công nhân làm việc trong các doanh nghiệp du lịch FDI.

Ngoài ra, cần khuyến khích mạnh mẽ các doanh nghiệp FDI trong du lịch hoạt động trong các lĩnh vực không bị hạn chế theo quy định pháp luật và không liên quan đến quốc phòng, an ninh. Cần tập trung vào việc đẩy mạnh sử dụng công nghệ cao, công nghệ nguồn, và phát triển xuất khẩu để tạo thêm việc làm cho người dân và đóng góp vào chuyển đổi cơ cấu kinh tế của CHDCND Lào. Tuy nhiên, việc giải phóng mặt bằng và giải quyết việc làm cho người nông dân bị thu hồi đất vẫn là vấn đề nan giải và cần có sự hợp tác giữa Lào và các dự án FDI để giải quyết một cách có hiệu quả thông qua việc đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm tại cơ sở.

*Năm là, phải lựa chọn đúng đối tác nước ngoài và đối tác trong nước*

Cần lựa chọn đối tác nước ngoài phù hợp với yêu cầu của CHDCND Lào, chứ không phải mọi dự án FDI du lịch đều được chấp nhận, chỉ thay theo số lượng. Cần nhận thức rằng FDI vào du lịch có những ưu điểm khác nhau về tài chính, công nghệ, và quản lý. Tùy thuộc vào tình hình cụ thể, cần thiết lập mục tiêu cụ thể cho mỗi dự án, chuẩn bị mọi điều kiện để đạt được mục tiêu đó. Quan trọng là tập trung vào chất lượng và hiệu quả, không chỉ hiệu quả ngay từ ban đầu mà còn trong dài hạn, bởi nhiều dự án FDI có thể hoạt động vài thập kỷ sau khi được cấp phép.

Đối với các đối tác trong nước, việc chọn đối tác tham gia liên doanh cũng đòi hỏi sự cân nhắc. Cần chọn những doanh nghiệp có đủ năng lực và phẩm chất, mặc dù thiếu vốn và kém công nghệ không nên chọn những doanh nghiệp quá yếu kém. Một phương pháp tốt là tách ra một phần của công ty lớn để tham gia liên doanh với bên ngoài, như vậy có thể tạo ra lợi thế và kiểm soát hoạt động của liên doanh một cách hiệu quả hơn. Các doanh nghiệp CHDCND Lào đang hoạt động hiệu quả và có lãi nên xem xét ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh thay vì tham gia liên doanh. Cần phát triển chính sách để huy động vốn từ người dân, đặc biệt là kêu gọi doanh nghiệp tư nhân hợp tác với Lào trong việc tham gia liên doanh. Cũng cần khuyến khích các ngân hàng thương mại trong nước huy động vốn và tham gia góp vốn cùng

CHDCND Lào trong các dự án liên doanh, nhất là khi chưa tìm được người vay có dự án kinh doanh khả thi.

*Sáu là*, phải đẩy mạnh việc thành lập các tổ chức chi bộ Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên trong các doanh nghiệp FDI vào du lịch.

Như đã đề cập, việc đào tạo không chỉ dừng lại ở việc nâng cao kỹ năng và chuyên môn, mà còn bao gồm việc hướng dẫn về pháp luật, kỷ luật lao động và trách nhiệm công dân trong việc bảo vệ chủ quyền và trật tự an ninh. Việc xây dựng này không chỉ diễn ra một lần mà cần được thực hiện đều đặn, liên tục và kéo dài. Trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư từ nước ngoài, việc tổ chức các tổ chức như Công đoàn, Đoàn thanh niên và chi bộ Đảng là rất quan trọng. Điều quan trọng là tổ chức thông qua việc đào tạo và giáo dục để chọn lựa những cá nhân tốt nhất để thành lập hoặc lựa chọn các Đảng viên, Đoàn viên có phẩm chất tốt và đào tạo họ với kiến thức chuyên môn cần thiết để tham gia vào các tổ chức nêu trên. Cần nhận biết sự khác biệt về đặc thù của các tổ chức nêu trên giữa các doanh nghiệp FDI so với tổ chức trong các doanh nghiệp nhà nước. Từ đó, mục tiêu chính của việc thành lập và hoạt động của các tổ chức này là đảm bảo sự phát triển kinh doanh hợp pháp cũng như bảo vệ quyền lợi của công nhân, đồng thời bảo đảm lợi ích hợp lý cho cả đối tác nước ngoài và CHDCND Lào. Với mục tiêu này, nhiều nhà đầu tư không chỉ hoan nghênh việc thành lập các tổ chức này mà còn hỗ trợ tài chính để thúc đẩy hoạt động của chúng.

*Bảy là* việc thường xuyên theo dõi việc tuân thủ luật lao động của các doanh nghiệp, đặc biệt là các chính sách liên quan đến lao động, tiền lương, ký kết hợp đồng lao động tập thể... nhằm bảo vệ quyền lợi của người lao động và các doanh nghiệp FDI. Theo dõi và giải quyết các xung đột lao động cũng như các vi phạm luật lao động đúng thời hạn để tránh tác động tiêu cực đến cộng đồng và môi trường đầu tư. Việc xử lý quan hệ giữa chủ doanh nghiệp và lao động tại các khu vực hợp tác đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) dưới nhiều hình thức khác nhau đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự tồn tại và phát

triển trong sản xuất kinh doanh. Đào tạo nguồn nhân lực ngay tại chỗ để đáp ứng nhu cầu phát triển của các doanh nghiệp địa phương như ngành dệt may, lắp ráp, điện tử, cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng... khuyến khích các doanh nghiệp tự tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực theo tiêu chuẩn quy định và yêu cầu của doanh nghiệp.

Tăng cường kiểm tra và thanh tra từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại các doanh nghiệp FDI liên quan đến xử lý chất thải là một trong những ưu tiên. Chính phủ Lào cần yêu cầu các doanh nghiệp FDI đưa ra các giải pháp xử lý chất thải được cơ quan thẩm quyền phê duyệt. Cần tăng cường kiểm tra của các cơ quan nhà nước đối với việc nhập khẩu thiết bị và công nghệ để tránh việc nhập khẩu các máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ lạc hậu gây hại cho môi trường. Đề xuất áp dụng các biện pháp trừng phạt nghiêm khắc đối với các doanh nghiệp FDI vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường và khuyến khích sử dụng dự án FDI để bảo vệ môi trường, chẳng hạn như trồng rừng, đầu tư vào xử lý rác thải và chất thải công nghệ.

Để thành công trong việc triển khai các giải pháp trên, cần phải đề xuất và hoàn thiện các chính sách, dựa trên ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của FDI cũng như các kiến nghị từ các doanh nghiệp. Trung ương cần hỗ trợ các vấn đề liên quan đến xây dựng và hoàn thiện chính sách, thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, thống nhất Luật Đầu tư cho các doanh nghiệp và tạo ra quy chế phù hợp cho các loại hình du lịch. Điều chỉnh các chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế VAT, thu nhập cá nhân... để hỗ trợ các dự án du lịch.

## **4.2. CÁC GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO NGÀNH DU LỊCH Ở CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO**

### **4.2.1. Hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch**

Hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch thu hút đầu tư FDI vào ngành du lịch đóng vai trò vô cùng quan trọng, là nền tảng để CHDCND Lào thu hút FDI



hiệu quả và phát triển ngành du lịch bền vững. Quy hoạch, kế hoạch FDI cho ngành du lịch giúp xác định rõ mục tiêu, định hướng phát triển, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư, phù hợp với thế mạnh, tiềm năng và nhu cầu của thị trường. Quy hoạch, kế hoạch FDI cần được cụ thể hóa thành các văn bản pháp lý, quy định rõ ràng về cơ chế, chính sách, ưu đãi, thủ tục thu hút đầu tư, tạo khung pháp lý ổn định, minh bạch, thu hút nhà đầu tư; Nó giúp đảm bảo tính minh bạch, công bằng, rõ ràng trong việc thu hút FDI, tạo môi trường đầu tư thuận lợi và thu hút các nhà đầu tư uy tín.

Trong quá trình xây dựng và phát triển du lịch nhằm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch CHDCND Lào cần quy hoạch phát triển du lịch một cách đồng bộ. Quy hoạch phát triển du lịch CHDCND Lào trong từng giai đoạn chính là căn cứ quan trọng để các nhà đầu tư xác định cơ hội đầu tư của mình, nó có vai trò định hướng thu hút FDI vào du lịch. Do đó, CHDCND Lào cần đẩy nhanh tiến độ xây dựng các quy hoạch khu du lịch đang triển khai và phê duyệt các quy hoạch mới; rà soát để định kỳ bổ sung, điều chỉnh các quy hoạch khu du lịch đã lạc hậu nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư trong việc xác định và xây dựng dự án du lịch.

*\* Về quy hoạch du lịch*

Với mục đích lan tỏa công nghệ và quản lý, quy hoạch tổng thể cần phải rõ ràng về mục tiêu thu hút FDI du lịch từng giai đoạn, phù hợp với chiến lược quốc gia. Quy hoạch này phải được triển khai theo lộ trình và song song với việc xác định mục tiêu cụ thể và lựa chọn thị trường để thúc đẩy. Trong quá trình xây dựng quy hoạch tiếp theo, cần tập trung vào những điểm sau đây:

*Đầu tiên*, cần có quy hoạch thu hút FDI du lịch có ý nghĩa thực sự. Quy hoạch này phải phù hợp với kế hoạch phát triển du lịch của Lào đến năm 2025, công bố các dự án thu hút vốn FDI du lịch và phải hướng đến các quốc gia hoặc tập đoàn có kinh nghiệm sản xuất trong lĩnh vực hoặc có truyền thống về ngành du lịch, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài.

*Thứ hai*, quy hoạch cần tập trung vào các lĩnh vực mũi nhọn để thu hút FDI du lịch. Đầu tiên, là các ngành công nghiệp phụ trợ, dịch vụ chất lượng cao... với khả năng lan tỏa công nghệ và quản lý, đó cũng là những lĩnh vực cần phải đổi mới trong cơ cấu kinh tế để thúc đẩy tăng trưởng cho CHDCND Lào.

*Thứ ba*, quy hoạch hoàn thiện cần đáp ứng yêu cầu về công nghệ và bảo vệ môi trường bền vững. Trong hướng đi thu hút FDI du lịch, cần khuyến khích việc thu hút FDI du lịch kết hợp với công nghệ tiên tiến, tạo ra nhiều cơ hội việc làm, tận dụng lợi thế về tài nguyên kết hợp với bảo vệ môi trường sinh thái.

*Thứ tư*, trong quá trình quy hoạch khu du lịch, cần phải phù hợp với nền kinh tế thị trường hướng xã hội chủ nghĩa và yêu cầu hội nhập.

Các sản phẩm du lịch chủ lực cần được quy hoạch phát triển dựa trên đánh giá không chỉ về khả năng sản xuất mà còn phải phản ánh nhu cầu của thị trường, có khả năng mở rộng ra thị trường quốc tế. Xây dựng quy hoạch khu du lịch cần có sự tham gia đồng thuận của tất cả các thành phần kinh tế trong đất nước để tránh việc lạm dụng quy hoạch để áp đặt ý chí độc quyền.

#### *\* Về kế hoạch du lịch*

Kế hoạch thu hút FDI du lịch cần phải có tính cụ thể và theo đúng tiến độ đã định, giúp các nhà đầu tư nước ngoài có cái nhìn rõ ràng về hướng đi dài hạn hoặc ngắn hạn để có thể đầu tư một cách chính xác hơn, hiểu rõ về ngành nghề và các phương án đầu tư cụ thể.

*Thứ nhất*, điểm quan trọng là xây dựng kế hoạch thu hút FDI du lịch cho CHDCND Lào, từng địa phương và từng ngành. Đồng thời, điều chỉnh kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội cho từng vùng miền, lĩnh vực, ngành đến năm 2025 và cần triển khai kế hoạch này thành các quy hoạch chi tiết về từng lĩnh vực, ngành. Việc điều chỉnh kế hoạch thu hút FDI cho từng ngành, lĩnh vực, khu vực cần phải được thực hiện một cách rõ ràng.

*Thứ hai*, là xây dựng kế hoạch liên kết giữa các ngành, lĩnh vực và các vùng miền. Điều này đòi hỏi CHDCND Lào cần phát triển và hoàn thiện các

cơ chế, chính sách để thúc đẩy sự liên kết trong việc thu hút vốn, tạo ra một môi trường đầu tư chung, cơ sở hạ tầng chung và phân chia vai trò giữa các địa phương trong việc liên kết các ngành, lĩnh vực và vùng miền. Liên kết này được coi là một giải pháp chiến lược nhằm thúc đẩy việc thu hút nguồn vốn FDI có chọn lọc vào Lào trong thời điểm hiện tại.

*Ba là*, kế hoạch phát triển du lịch ở CHDCND Lào phải phù hợp với các quy hoạch tổng thể ngành, vùng, sản phẩm của Trung ương, thể hiện tầm nhìn chiến lược tổng thể. Kế hoạch triển du lịch ở CHDCND Lào phải đảm bảo cụ thể hóa đường lối, chủ trương chính sách của Đảng NDCM Lào và Nhà nước CHDCND Lào nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới toàn diện công tác kế hoạch hóa và thực hiện thành công chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Thực tiễn phát triển kinh tế du lịch ở CHDCND Lào những năm qua đã khẳng định đường lối kinh tế đúng đắn của Đảng NDCM Lào. Du lịch ở CHDCND Lào đạt được những thành tựu to lớn trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết ở CHDCND Lào.

#### **4.2.2. Tạo lập môi trường để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch**

Tạo lập môi trường thu hút đầu tư FDI vào ngành du lịch đóng vai trò vô cùng quan trọng, là yếu tố quyết định thành công trong việc thu hút FDI và phát triển du lịch bền vững ở CHDCND Lào. Môi trường thu hút đầu tư hấp dẫn bao gồm nhiều yếu tố, tạo nên một hệ sinh thái tích cực để thu hút và giữ chân các nhà đầu tư. Hệ thống luật pháp rõ ràng, minh bạch, dễ hiểu, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, giảm thiểu rủi ro pháp lý và tạo niềm tin cho nhà đầu tư; Luật pháp cần được cập nhật thường xuyên để phù hợp với thực tế, đảm bảo tính minh bạch, công bằng và khả năng cạnh tranh của thị trường. Các chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, visa, thủ tục hành chính... cần thu hút và tạo động lực cho nhà đầu tư; Cần có cơ chế hỗ trợ và bảo vệ các nhà đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho họ tiếp cận thông tin, thị trường, và

nguồn lực. Hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, năng lượng, nước sạch... cần được đầu tư phát triển để đáp ứng nhu cầu của các dự án du lịch, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh và thu hút du khách; Cơ sở hạ tầng chất lượng cao cũng góp phần nâng cao hình ảnh và năng lực cạnh tranh của ngành du lịch ở CHDCND Lào. Tạo lập một môi trường thuận lợi để thu hút FDI vào ngành du lịch không chỉ đem lại nguồn vốn quý giá, tạo công ăn việc làm, mà còn thúc đẩy sự phát triển của cơ sở hạ tầng, dịch vụ và nâng cao năng lực cạnh tranh của điểm đến. Để đạt được mục tiêu này, các quốc gia, đặc biệt là những nước đang phát triển cần xây dựng và thực thi một loạt giải pháp chính sách và thực tiễn, cũng như phát triển cơ sở vật chất và nhân lực để tạo ra một môi trường đầu tư hấp dẫn.

Một trong những yếu tố quan trọng nhất để thu hút FDI vào ngành du lịch là việc tạo ra một khuôn khổ pháp lý minh bạch và ổn định. Luật pháp về đầu tư cần phải rõ ràng, minh bạch và thể hiện được việc bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư. Việc thiếu minh bạch và những thay đổi không dự báo được trong chính sách có thể làm giảm sự hấp dẫn của một quốc gia trong mắt các nhà đầu tư nước ngoài. Ngoài ra, pháp luật cũng cần đảm bảo các thủ tục đầu tư nhanh chóng, dễ dàng và giảm thiểu bộ máy hành chính phức tạp.

Hệ thống thuế cũng là một yếu tố có sức ảnh hưởng lớn đến quyết định đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài. Việc áp dụng một hệ thống thuế hợp lý, cùng với việc cung cấp các ưu đãi, hoàn thuế đối với các dự án FDI có thể tạo động lực mạnh mẽ để nhà đầu tư đưa vốn vào ngành du lịch. Hơn nữa, việc xây dựng và duy trì cơ sở hạ tầng đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường khả năng tiếp cận của du khách. Điều này không chỉ giới hạn ở hạ tầng giao thông như sân bay, đường xá, cảng biển, mà còn liên quan đến cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông, đảm bảo liên lạc và truy cập thông tin một cách thuận tiện và hiệu quả. Sự phát triển của hệ thống này cũng giúp tăng cường khả năng quảng bá, tiếp thị đến các thị trường quốc tế.

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cũng là một yếu tố không thể thiếu. Nhà đầu tư cần nhân viên có kỹ năng và kiến thức chuyên môn tốt để cung cấp dịch vụ du lịch đẳng cấp quốc tế. Việc tập trung vào đào tạo nguồn nhân lực không chỉ thu hút đầu tư mà còn giúp duy trì sự hài lòng của du khách và tạo ra một ấn tượng lâu dài về điểm đến. Ngoài ra, cũng cần có sự liên kết chặt chẽ giữa các cơ sở giáo dục và doanh nghiệp nhằm đảm bảo rằng chương trình giáo dục phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động trong ngành du lịch.

Thêm vào đó, việc thúc đẩy và bảo vệ văn hóa địa phương cũng tạo ra sự khác biệt và thu hút đầu tư. Các chương trình bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, lịch sử và tự nhiên có thể tạo ra các sản phẩm du lịch độc đáo và đa dạng, từ đó tăng sức hút cho các nhà đầu tư quan tâm tới việc xây dựng các khu nghỉ dưỡng, khách sạn hay trung tâm giải trí mang bản sắc vùng miền. Môi trường đầu tư cũng được cải thiện thông qua việc xây dựng quan hệ đối tác hay mạng lưới cộng tác giữa các doanh nghiệp trong nước và quốc tế trong lĩnh vực du lịch. Thông qua sự hợp tác, nhà đầu tư có thể chia sẻ rủi ro, kết hợp năng lực và nguồn lực để phát triển các dự án phức tạp, từ đó tạo ra sản phẩm du lịch đa dạng, thú vị và đẳng cấp hơn.

Bên cạnh đó, để tạo ra một môi trường hấp dẫn cho FDI, việc xây dựng một hệ thống quản trị hiệu quả, công bằng và có trách nhiệm là yếu tố không kém phần quan trọng. Đó này đòi hỏi sự minh bạch và trách nhiệm vụ cao từ phía các cơ quan quản lý, giảm thiểu tình trạng tham nhũng và cải thiện môi trường kinh doanh. Làm được như vậy sẽ giúp nhà đầu tư nước ngoài cảm thấy an tâm khi đầu tư lâu dài vào một quốc gia.

Cuối cùng, việc tạo dựng và duy trì một môi trường bền vững cũng là yếu tố then chốt thu hút đầu tư vào ngành du lịch. Bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên và phát triển du lịch một cách bền vững không những giúp giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực đến tự nhiên và văn hóa, mà còn là yếu tố then chốt

trong việc thu hút khách du lịch có ý thức môi trường, đồng thời tạo điều kiện cho các dự án du lịch có trách nhiệm xã hội có thể phát triển.

Trên cơ sở những giải pháp trên, việc tạo lập một môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch đòi hỏi sự vào cuộc của nhiều bên liên quan: chính phủ, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục và cộng đồng địa phương. Mỗi bên đều đóng một vai trò cụ thể và quan trọng. Chính phủ nên đóng vai trò là người điều tiết, tạo ra khuôn khổ pháp lý, chính sách thuế và các quy định thuận lợi để thu hút và tạo điều kiện cho các nhà đầu tư nước ngoài. Cùng với việc đảm bảo sự ổn định về mặt chính trị và kinh tế, chính phủ cần đầu tư vào hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua các chương trình giáo dục và đào tạo.

Doanh nghiệp, đặc biệt là những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch, cần phải sáng tạo và liên tục cải thiện sản phẩm, dịch vụ của mình để đáp ứng và thậm chí vượt trội hơn so với yêu cầu và kỳ vọng của thị trường quốc tế. Họ cần làm việc chặt chẽ với chính phủ để đảm bảo rằng môi trường kinh doanh thuận lợi để hấp dẫn đầu tư nước ngoài. Cơ sở giáo dục cần được đầu tư để đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của ngành du lịch. Ngoài ra, cơ sở giáo dục cũng cần phải liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp để cập nhật chương trình giảng dạy, đồng thời mở rộng cơ hội thực tập và làm việc cho sinh viên, tạo điều kiện để họ tiếp xúc và hiểu biết thực tế về ngành.

Cộng đồng địa phương lại có vai trò không kém phần quan trọng trong việc tạo nên sức hấp dẫn cho du lịch và thu hút đầu tư. Sự tham gia và lợi ích rõ ràng của cộng đồng trong các dự án liên quan đến du lịch và FDI sẽ không chỉ giúp tạo dựng sự ủng hộ từ cộng đồng địa phương mà còn góp phần trong việc bảo vệ văn hóa và môi trường, cũng như bảo đảm rằng phát triển du lịch diễn ra một cách bền vững. Tất cả những yếu tố này, khi được kết hợp một cách hài hòa và có chiến lược, sẽ tạo nên một môi trường thuận lợi, hấp dẫn

cho các nhà đầu tư nước ngoài và thúc đẩy sự phát triển của ngành du lịch một cách bền vững và có hiệu quả.

Ngoài ra, tạo ra môi trường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch ở CHDCND Lào và các quốc gia khác đòi hỏi cần có những yếu tố cơ bản như: Sự ổn định chính trị - xã hội, hệ thống chính sách và luật pháp, cơ chế hành chính, quản lý và xúc tiến đầu tư, phát triển nguồn nhân lực... Tạo lập môi trường thu hút FDI vào ngành du lịch ở CHDCND Lào cần tập trung vào một số giải pháp quan trọng sau đây:

*Thứ nhất*, duy trì và củng cố sự ổn định về mặt chính trị - xã hội. Sự ổn định này đóng vai trò quan trọng hàng đầu trong quyết định của các nhà đầu tư FDI đối với việc đầu tư vào một quốc gia cụ thể. Ngoại trừ những nhà đầu tư mạo hiểm thích đầu tư vào những vùng không ổn định về chính trị - xã hội để thu lợi nhuận cao, những nhà đầu tư khác thường gặp khó khăn trong việc chấp nhận rủi ro liên quan đến tình hình chính trị - xã hội. Không có sự ổn định này, dù có nhiều tài nguyên và ưu đãi, cũng sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong việc thu hút FDI.

Đảng NDCM Lào cần cải thiện chất lượng các hướng dẫn trong chiến lược lãnh đạo của mình về sự phát triển đa chiều của đất nước trong các khía cạnh chính trị, tư tưởng, nội dung và cách thức hoạt động, tổ chức và cán bộ. Đảng NDCM Lào thực hiện lãnh đạo thông qua việc định hướng chiến lược và phương hướng. Đảng cần thực hiện công việc tương tác với cộng đồng thông qua sức mạnh nội tại của tổ chức, thông qua mối liên kết chặt chẽ với dân chúng, và thông qua việc hình thành tấm gương mẫu tiên phong của từng thành viên Đảng trong mọi công việc.

Bảo đảm sự ổn định về kinh tế tổng thể. Sự ổn định của nền kinh tế tổng thể và cuộc sống của người dân là điều kiện tiên quyết và quan trọng đối với sự ổn định của chính trị - xã hội. Kinh tế và chính trị có mối liên kết tương tác mạnh mẽ, sự mất ổn định về chính trị thường có nguồn gốc từ các

vấn đề kinh tế. Do đó, việc xây dựng chính sách kinh tế tổng thể ổn định sẽ góp phần cải thiện đời sống của người dân, là yếu tố quyết định nhất để duy trì ổn định về chính trị - xã hội.

Xây dựng mối quan hệ hữu nghị với các nước láng giềng và trên thế giới. CHDCND Lào cần phát huy quan hệ tốt đẹp truyền thống với các nước láng giềng như Việt Nam, Trung Quốc, Thái Lan... Đồng thời, trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế - quốc tế, Lào cần mở rộng mối quan hệ với các đối tác khác như Mỹ, EU, Nhật Bản. Để làm được điều này, CHDCND Lào cần mở rộng quan hệ trong khung cảnh ASEAN, nâng cao công tác ngoại giao, đặc biệt là ngoại giao nhân dân, ký kết các thỏa thuận hợp tác về kinh tế, an ninh - quốc phòng với các quốc gia này.

Để thực hiện chiến lược tạo lập môi trường đầu tư, Đảng và Nhà nước CHDCND Lào cần coi trọng việc đảm bảo an ninh xã hội và chính trị để xây dựng một môi trường ổn định về cả chính trị và xã hội, tạo sự yên tâm cho các nhà đầu tư nước ngoài khi đến đầu tư ở CHDCND Lào.

*Hai là*, hoàn thiện hệ thống pháp luật và chính sách ưu đãi cho các nhà đầu tư nước ngoài.

Môi trường pháp lý và các chính sách ưu đãi đầu tư đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc thu hút FDI. Xây dựng môi trường pháp lý đồng bộ, hoàn chỉnh và hoạt động một cách khoa học; xây dựng hệ thống chính sách hợp lý, hấp dẫn để thu hút nhà đầu tư với vốn lớn cho sự phát triển du lịch là mục tiêu quan trọng trong việc hoàn thiện chính sách ưu đãi FDI của CHDCND Lào.

Một giải pháp khác là hoàn thiện các chính sách ưu đãi cho nhà đầu tư. Đối với chính sách thuế, trong bối cảnh mới, CHDCND Lào cần xem xét từng bước cải cách thuế, xây dựng và ban hành hệ thống thuế thống nhất, có hiệu lực trên toàn quốc. Về chính sách đất đai, Đảng và Chính phủ CHDCND Lào cần hoàn thiện chủ trương, chính sách và pháp luật về đất đai bằng cách cụ thể hóa điều kiện thuê đất, chuyển nhượng đất, thế chấp, thời gian thuê đất, giá thuê



đất, giải phóng mặt bằng cho thực hiện các dự án FDI du lịch của các nhà đầu tư nước ngoài. Về chính sách thị trường, Nhà nước cần áp dụng chính sách khuyến khích xuất khẩu hàng hóa sang các thị trường thứ ba; dần dần xây dựng hệ thống chính sách và pháp luật về cạnh tranh, chống đầu cơ, chống độc quyền, chống buôn lậu, luật về bảo hộ sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, chống hàng giả và hàng nhái.

*Ba là*, xây dựng các định chế tương ứng cho FDI du lịch.

Tăng cường hoạt động xúc tiến đầu tư là một phương tiện quan trọng để chuyển đổi các yếu tố thuận lợi từ môi trường đầu tư thông qua các cơ chế hiệu quả của hệ thống xúc tiến đầu tư, tạo sự ảnh hưởng đến những nhà đầu tư tiềm năng ở nước ngoài. Đồng thời, việc xúc tiến kêu gọi đầu tư cũng quan trọng vì có rất nhiều cơ hội đầu tư mới trên toàn cầu, và sự lựa chọn của các nhà đầu tư nước ngoài phải dựa trên thông tin kịp thời và chính xác để so sánh mức độ sinh lời và rủi ro.

Hệ thống xúc tiến FDI ở CHDCND Lào hiện tại gặp nhiều vấn đề như không đồng bộ, thiếu sự thống nhất và không có sự tự chủ động. Để khắc phục tình trạng này, cần tái cấu trúc hệ thống theo hướng tập trung vào nghiên cứu thị trường và chính sách đầu tư của các quốc gia, công ty, và tập đoàn lớn để áp dụng các chiến lược thu hút vốn FDI phù hợp. Kế hoạch chiến lược xúc tiến đầu tư cần được thiết lập để đáp ứng nhu cầu ổn định và phát triển kinh tế, xã hội. Ngoài ra, cần mở rộng mạng lưới xúc tiến đầu tư ở các quốc gia và khu vực quan trọng như Việt Nam, Trung Quốc, Thái Lan, Nhật Bản, và EU để cung cấp thông tin môi trường FDI của Lào một cách nhanh chóng và chính xác.

Đặc biệt, tập trung vào việc đầu tư phát triển ngành dịch vụ du lịch thông qua việc kêu gọi FDI từ mọi nguồn vốn. Điều này sẽ tận dụng được kinh nghiệm quản lý du lịch của các nhà đầu tư nước ngoài, cũng như khai thác triệt để tiềm năng du lịch sinh thái, văn hóa và lịch sử của CHDCND

Lào. Sử dụng lợi thế về môi trường tự nhiên và tình hình chính trị ổn định hiện tại để thu hút nhiều du khách quốc tế hơn.

Việc tăng cường quản lý của Nhà nước đối với FDI du lịch là cần thiết, giúp bảo vệ lợi ích cho các nhà đầu tư và phát triển kinh tế, xã hội của CHDCND Lào. Chính quyền cần cải thiện bộ máy quản lý đầu tư nước ngoài để nó trở nên đơn giản, gọn nhẹ và hiệu quả hơn. Đồng thời, cần rõ ràng hơn về việc quản lý của Nhà nước đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đồng thời xác định cơ cấu FDI du lịch theo ngành, vùng, thành phần kinh tế và thị trường. Quản lý chặt chẽ việc nhập thiết bị, chuyển giao công nghệ và quản lý lao động trong các doanh nghiệp FDI du lịch cũng là điều cần thiết.

*Bốn là*, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính. Tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư khi tiếp cận các thủ tục hành chính là một phần cần thiết, cần có sự minh bạch về quy trình giải quyết công việc như trình tự, thủ tục, thời hạn, người có thẩm quyền giải quyết... Cung cấp thông tin đầy đủ khi người dân yêu cầu; đảm bảo các công chức thái độ chuyên nghiệp và sẵn sàng hỗ trợ; bên cạnh đó, tạo điều kiện làm việc thuận lợi bằng việc cung cấp phòng làm việc và phương tiện làm việc tốt.

Nâng cao trách nhiệm của viên chức, công chức, cơ quan hành chính nhà nước đối với nhà đầu tư; đảm bảo sự tôn trọng và đối xử công bằng với nhà ĐTNN khi giao tiếp với cơ quan nhà nước; quan tâm đến phản hồi từ người dân, xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật và đạo đức trong quá trình làm việc. Tập trung vào cải cách thủ tục hành chính, coi đây là bước tiến quan trọng để tạo ra môi trường làm việc thuận lợi, minh bạch cho các nhà đầu tư. Công khai các thủ tục (ví dụ: các loại giấy tờ, biểu mẫu), quy trình giải quyết công việc, thời gian và phí theo quy định.

Quan trọng hóa công tác cán bộ, công chức thông qua việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, xác định rõ những người đáp ứng tiêu chuẩn và không đáp ứng. Đưa ra chính sách thích hợp đối với những người không đáp

ứng tiêu chuẩn để họ được tháo gỡ khỏi bộ máy. Hiện đại hóa hệ thống hành chính, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao chuyên môn cho bộ máy hành chính, cán bộ, công chức, đặc biệt là về kỹ năng hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan hành chính.

*Năm là, chủ động xây dựng các kết cấu hạ tầng cho ngành du lịch đầu tư trực tiếp nước ngoài.*

Ưu tiên phát triển hạ tầng là một chiến lược đã được hình thành từ lâu ở CHDCND Lào. Tuy nhiên, hiện thực cho thấy việc thu hút và sử dụng các nguồn vốn này vẫn chưa thực sự hiệu quả, và hệ thống cơ sở hạ tầng ở CHDCND Lào vẫn đang ở mức độ lạc hậu. Để tạo ra môi trường đầu tư một cách đồng bộ và thuận lợi, việc đầu tư vào xây dựng cơ sở hạ tầng là cần thiết. CHDCND Lào cần ưu tiên các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, ODA, viện trợ phi Chính phủ để đầu tư vào các dự án hạ tầng vật chất, kỹ thuật. Ngoài ra, cần khuyến khích các nhà ĐTNN đầu tư vào việc phát triển cơ sở hạ tầng theo qui hoạch, để đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống này.

Đặc biệt, cần tập trung vào việc nâng cấp và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng như hệ thống viễn thông, internet, điện, nước, sân bay, kho bãi, và các cơ sở hạ tầng cho các khu du lịch. Các giải pháp cụ thể cần được đề xuất và tập trung triển khai, đặc biệt là đối với từng lĩnh vực và hạng mục cụ thể:

*\* Về xây dựng cầu đường, kho bãi; giao thông là kết cấu hạ tầng quan trọng, có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển du lịch của Lào.*

Trong thời gian gần đây, mặc dù đã có mức đầu tư khá đáng kể, tuy nhiên, hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông ở CHDCND Lào vẫn chưa đạt được sự phát triển cần thiết, gây rào cản cho việc di chuyển hàng hóa và người dân. Để giải quyết vấn đề này, CHDCND Lào cần ưu tiên đầu tư và nâng cấp hệ thống giao thông đường bộ theo hướng phát triển từ nay đến năm 2025. Việc xây dựng thêm các tuyến đường giao thông để hình thành một vành đai kết nối với các vùng của CHDCND Lào và mở rộng, nâng cấp các tuyến đường

nối liền các vùng trong nước sẽ đảm bảo sự thông suốt cho hệ thống giao thông tại đất nước này.

*\* Đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp điện, nước sạch.*

Điện đóng một vị trí vô cùng quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế hiện nay. Trong thời gian gần đây, mặc dù đã có sự đầu tư đáng kể, nhưng vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu thực tế của đất nước, đặc biệt là khi triển khai các dự án du lịch FDI quy mô lớn ở CHDCND Lào. Xây dựng hệ thống cung cấp điện đòi hỏi có nguồn vốn lớn, kinh nghiệm trong việc xây dựng và vận hành. Để thực hiện việc này, CHDCND Lào cần hướng tới kêu gọi đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực này hoặc sử dụng nguồn vốn từ vay mượn, ngân sách cùng với việc hợp tác với các quốc gia để xây dựng hệ thống cung cấp điện theo các hình thức như BOT, BT, BOO.

Việc tập trung vào việc phát triển các nguồn cung cấp năng lượng, bao gồm việc tận dụng nguồn thủy năng và dầu khí để cân nhắc cung cấp điện, là một phần quan trọng để đáp ứng nhu cầu về ánh sáng, du lịch và thu hút FDI. Với những dòng sông có độ dốc lớn và tốc độ chảy mạnh tại Lào, việc tập trung vào việc tận dụng hiệu quả nguồn thủy điện có thể tạo ra nhiều lợi ích. Tuy nhiên, trong tình hình hiện tại, CHDCND Lào chưa có nguồn vốn đầy đủ, do đó Chính quyền CHDCND Lào có thể tập trung vào việc thu hút FDI du lịch để từng bước thúc đẩy phát triển ngành du lịch của đất nước.

Đối với hệ thống cung cấp nước sạch, việc khai thác và sử dụng nguồn nước một cách hiệu quả, đặc biệt là việc đảm bảo cung cấp nước không chỉ phục vụ cho sinh hoạt cộng đồng mà còn phải đáp ứng nhu cầu của khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao theo kế hoạch của Lào là cần thiết. Trước mắt, CHDCND Lào cần thiết lập kế hoạch qui hoạch hệ thống nước sạch dựa trên việc kết hợp với các nguồn năng lượng thủy điện và thủy nông, bảo vệ nguồn nước tự nhiên từ các dòng sông, suối để ngăn chặn tình trạng ô nhiễm môi trường và xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch cho khu du lịch và nhà máy.

*\* Đầu tư phát triển hệ thống viễn thông cho các khu du lịch.*

*Thứ nhất*, tập trung đầu tư vào việc phát triển và áp dụng công nghệ thông tin tiên tiến trong mọi lĩnh vực của ngành du lịch là một ưu tiên quan trọng. Thực hiện các chính sách kinh tế hợp lý nhằm giảm chi phí và cải thiện chất lượng dịch vụ viễn thông là mục tiêu quan trọng, nhằm tăng cường sức cạnh tranh của cả doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI hoạt động trong lĩnh vực du lịch. Ngoài ra, việc ban hành thêm các chính sách khuyến khích để thu hút FDI du lịch vào các ngành công nghệ cao như công nghệ thông tin, viễn thông, điện tử cũng đóng góp quan trọng vào việc thúc đẩy tốc độ phát triển của các ngành công nghiệp này.

*Hai là*, xây dựng các khu du lịch, khu mật dịch tự do

Để thu hút FDI du lịch và tiếp nhận công nghệ cũng như phương pháp quản lý tiên tiến, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa xuất khẩu và tiếp cận thị trường quốc tế, khu du lịch vẫn đóng vai trò then chốt trong quá trình phát triển kinh tế và xã hội. Với mục tiêu này, CHDCND Lào đang thực hiện một số biện pháp chủ yếu sau đây.

Tăng cường đầu tư nghiên cứu và xây dựng qui hoạch, cũng như kêu gọi đầu tư cho các khu du lịch, hướng tới việc xây dựng các khu kinh tế mở rộng. Việc phát triển khu du lịch cần phải liên kết và tạo sự lan tỏa cho cả vùng lân cận. Cần đổi mới cách tiếp cận và nội dung quy hoạch, tập trung phân tích và phân kỳ thực hiện qui hoạch phát triển khu du lịch theo từng giai đoạn cụ thể, phù hợp với điều kiện phát triển, nhu cầu đầu tư và khả năng thu hút FDI du lịch.

Thực hiện xây dựng chiến lược quy hoạch đất đai và qui hoạch ngành nghề để từng bước kêu gọi đầu tư vào việc thành lập các khu du lịch, khu công nghệ cao, đặc khu kinh tế, khu kinh tế đặc biệt và khu thương mại tự do. Quy hoạch xây dựng là công cụ pháp lý hỗ trợ nhà nước quản lý và phát triển đất đai và không gian một cách hiệu quả. Quy hoạch xây dựng phải kết hợp

các quy hoạch ngành khác nhau để đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển, thúc đẩy kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường, và tạo cảnh quan đẹp.

Tiếp tục hoàn thiện các chính sách phát triển khu du lịch, khu công nghệ cao và các chính sách liên quan, phải đảm bảo tính hợp lý và hướng tới các nhóm đối tượng khác nhau như cơ sở hạ tầng, các nhà đầu tư khu du lịch, chủ đất cấp phép xây dựng khu du lịch, và người lao động làm việc trong khu du lịch. Ngành du lịch ngày càng củng cố vị trí quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội, góp phần tạo việc làm, giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, bảo vệ môi trường, và đóng góp vào an ninh quốc gia và thương hiệu quốc gia của CHDCND Lào.

Cải thiện toàn bộ hệ thống quản lý và tiếp tục cải cách thủ tục hành chính cho các khu du lịch, theo hướng tăng cường những thành tựu đã có trong thực hiện cơ chế “một cửa, tại chỗ”, đồng thời xác định rõ hơn nhiệm vụ quản lý của các cấp quản lý nhà nước, tổ chức lại cơ cấu và đội ngũ cán bộ, công chức để đảm bảo hiệu quả và hoạt động có tác dụng cao.

#### **4.2.3. Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực nhằm đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch**

Nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố quyết định đến thành công của các dự án đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành du lịch và sự phát triển bền vững của ngành. Các dự án FDI thường đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao, có kỹ năng chuyên môn, ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp, và hiểu biết về văn hóa du lịch. Nhân lực chuyên nghiệp sẽ mang đến sự hài lòng cho du khách, tạo ấn tượng tốt đẹp về du lịch ở CHDCND Lào, góp phần xây dựng hình ảnh quốc gia. Đào tạo nguồn nhân lực về du lịch bền vững, bảo vệ môi trường, bảo tồn văn hóa, giúp nâng cao nhận thức về trách nhiệm xã hội của người lao động trong ngành du lịch; Nguồn nhân lực có kỹ năng quản lý môi trường, sử dụng công nghệ xanh sẽ góp phần phát triển du lịch bền vững, thu hút du khách yêu thích du lịch bền vững. Đào tạo nguồn nhân lực có chuyên

môn cao sẽ giúp CHDCND Lào giảm phụ thuộc vào lao động nước ngoài, nâng cao khả năng tự chủ trong quản lý và phát triển ngành du lịch; Việc đào tạo nguồn nhân lực bản địa cũng góp phần tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương, thúc đẩy phát triển kinh tế, và hạn chế di cư lao động. Xác định nhu cầu nhân lực cho ngành du lịch, dự báo nhu cầu nhân lực trong tương lai. Con người là nguồn lực quyết định đến sự phát triển của mọi ngành, mọi lĩnh vực. Du lịch với tư cách là một ngành kinh tế dịch vụ thì yếu tố con người càng trở nên quan trọng. Muốn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho phát triển du lịch, CHDCND Lào cần thực hiện những giải pháp sau:

*Một là*, tăng cường công tác tuyên truyền vận động nhằm nâng cao nhận thức cho bản thân người lao động và xã hội về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của ngành du lịch đối với việc phát triển kinh tế, xã hội của vùng, để từ đó giáo dục ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người lao động và các tầng lớp dân cư.

*Hai là*, tăng cường liên kết phát triển mạng lưới cơ sở đào tạo, bồi dưỡng về nhân lực du lịch cấp quốc gia. Trong đó, cần quan tâm đầu tư cho các trường đào tạo về du lịch tại các trung tâm du lịch trọng điểm như: Thủ đô Viêng Chăn, Luông Pha Bang và Chăm Pa Sắc. Thủ đô Viêng Chăn có lợi thế về hệ thống các trường Đại học, Cao đẳng có nghiệm đào tạo nhân lực ngành du lịch (hướng dẫn viên, quản trị du lịch, khách sạn...) có thể trực tiếp đào tạo cho địa phương hoặc liên kết hỗ trợ đào tạo. Đồng thời, phải hình thành bộ phận đào tạo về du lịch ở các trường nghề tại các địa phương còn lại.

*Ba là*, tổ chức điều tra, khảo sát, đánh giá đúng thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức và lực lượng lao động làm trong ngành du lịch trên cơ sở đó xây dựng một chiến lược đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, từ cán bộ quản lý Nhà nước, những người quản lý hoạt động du lịch đến toàn bộ lao động trong ngành du lịch ở CHDCND Lào đến năm 2025 và 2030. Chiến lược đào tạo phải hết sức toàn diện hợp lý và phù hợp với yêu cầu phát triển du lịch,

lập những đề án, quy hoạch, kế hoạch cụ thể; đào tạo bồi dưỡng cả về tư tưởng, tư duy, phẩm chất, đạo đức, trình độ quản lý nhà nước, nghiệp vụ chuyên môn, chuyên nghiệp, trình độ ngoại ngữ, khả năng giao tiếp ứng xử, quan trọng là trình độ hiểu biết về văn hóa, lịch sử thế giới, văn hóa, lịch sử của CHDCND Lào. Bên cạnh đó, lập kế hoạch đào tạo, tập huấn lại một số lao động đang làm việc trong ngành du lịch mà có triển vọng; phải tính đến đào tạo bồi dưỡng nhân tài cho du lịch CHDCND Lào để trong tương lai có những chuyên gia du lịch, tiếp tục khám phá, nghiên cứu, khai thác giá trị vô giá đang tiềm ẩn để phát triển du lịch ở CHDCND Lào.

*Bốn là*, hình thức đào tạo phải đa dạng, phải xã hội hóa công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực cho du lịch.

Khuyến khích mở các cơ sở đào tạo ngoài công lập và các cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài hợp pháp, đa dạng hóa các loại hình trường, lớp, trung tâm đào tạo, bồi dưỡng nhân lực du lịch trong toàn vùng để hình thành mạng lưới đào tạo ở nhiều cấp. Bên cạnh đó, tổ chức lớp đào tạo ngắn hạn, không chính quy để đào tạo đội ngũ lao động làm việc trong ngành du lịch theo cơ cấu ngành nghề hợp lý, chuyên nghiệp và sát thực tế để đáp ứng nhu cầu trong thời gian tới của ngành du lịch và có thể tăng cường quy mô đào tạo nhằm nâng cao chất lượng cho lao động trực tiếp trong ngành du lịch, cung cấp những kỹ năng cần thiết cho lao động gián tiếp và cư dân trong vùng có tham gia hoạt động kinh doanh du lịch.

*Năm là*, việc đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch cần khuyến khích doanh nghiệp, liên kết các cơ sở đào tạo tham gia chương trình đào tạo các khóa đào tạo tại chỗ, đào tạo ngắn hạn, xã hội hóa công tác đào tạo nghề nhằm nhanh chóng cung cấp nguồn nhân lực cho phát triển du lịch.

Liên kết chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo - khách sạn, đơn vị hoạt động du lịch - trung tâm thực nghiệm nghề du lịch để gắn đào tạo lý thuyết với thực hành, nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho du lịch. Bên cạnh đó, để nâng cao trình độ nhận thức, khả năng giao tiếp, thái độ ứng xử văn minh,



thân thiện của cộng đồng dân cư địa phương tại điểm du lịch. Đồng thời, cần trang bị những kiến thức lịch sử, văn hóa của từng địa phương để người dân có thể truyền tải những nét độc đáo mang bản sắc quê hương đến với khách du lịch khi đến với CHDCND Lào.

#### **4.2.4. Hoàn thiện chủ trương, chính sách khuyến khích thu hút đầu tư khai thác tiềm năng, thế mạnh của đất nước**

*Một là, có chính sách khuyến khích thu hút đầu tư khai thác tiềm năng, thế mạnh của đất nước*

Việc thu hút FDI du lịch đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế và xã hội, đồng thời là một xu hướng không thể tránh khỏi trong quá trình hội nhập. CHDCND Lào, mong muốn phát triển và khai thác tiềm năng, song lại gặp khó khăn về vốn, công nghệ và kỹ năng quản lý. Trong khi đó, các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các doanh nhân và tập đoàn kinh tế lớn tại các quốc gia phát triển, sở hữu tài chính dồi dào, công nghệ hiện đại, và kinh nghiệm quản lý sản xuất kinh doanh trên thị trường. Sự hưởng lợi mà FDI du lịch mang lại cho sự phát triển rõ ràng, vấn đề quan trọng là làm thế nào để thu hút doanh nghiệp nước ngoài đến với Lào.

Một trong những giải pháp chính là tiếp tục quảng bá về tiềm năng và điểm mạnh của CHDCND Lào ra bên ngoài. Đồng thời, việc thực hiện đầy đủ Luật Đầu tư nước ngoài và chính sách thu hút đầu tư của Chính phủ là cần thiết, song cũng cần một môi trường đầu tư thực sự linh hoạt, phù hợp với đặc điểm cụ thể của CHDCND Lào. Mặc dù CHDCND Lào đã có chính sách thu hút FDI đặc thù, nhưng cần có sự linh hoạt, phù hợp với thực tế và kiên định trong việc thực hiện các chính sách này. Đồng thời, việc xây dựng đội ngũ cán bộ hoạt động đối ngoại chuyên nghiệp là một yếu tố cần thiết, kèm theo việc cải cách thủ tục hành chính, tạo lòng tin và khích lệ cho nhà đầu tư khi đặt chân đến CHDCND Lào. Hai là, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài bảo vệ môi trường sinh thái trong ngành du lịch

Để đảm bảo môi trường theo quy định hiện hành, việc báo cáo đánh giá tác động môi trường cho các dự án là điều bắt buộc. Đánh giá này cần tập trung vào các mục tiêu du lịch và ảnh hưởng chính trị của dự án, cũng như mô tả về điều kiện tự nhiên, đời sống và văn hóa của cộng đồng địa phương tại địa điểm dự án.

Để giải quyết những khó khăn và rắc rối có thể phát sinh, việc giao cho các cơ quan liên quan vai trò hướng dẫn, kiểm tra và có thể đề xuất Chính phủ chỉ đạo hành động nếu doanh nghiệp gây ra tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái. Đồng thời, việc nắm bắt và áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ quốc tế là cần thiết để cải thiện hiệu quả sản xuất mà không gây ô nhiễm môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng.

Quy hoạch phát triển du lịch, kinh tế và xã hội của CHDCND Lào cần được kết nối chặt chẽ với việc bảo vệ môi trường. Điều này đòi hỏi việc đổi mới thiết bị, công nghệ và hệ thống xử lý chất thải cần phải được tích hợp một cách hiệu quả. Các cơ sở sản xuất mới cần tuân thủ các biện pháp bảo vệ môi trường trước khi bắt đầu hoạt động. Đặc biệt, các nhà máy, cơ sở sản xuất cần được ưu tiên đặt tại các khu vực du lịch tập trung, tránh xây dựng gần cư dân và phân tán để dễ dàng xử lý ô nhiễm môi trường và tránh ô nhiễm rộng lớn. Các dự án FDI du lịch không tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường sẽ không được chấp thuận.

Quan trắc và kiểm tra định kỳ các cơ sở sản xuất để đảm bảo tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường là cần thiết. Hỗ trợ tài chính cho việc xây dựng các hệ thống xử lý môi trường tập trung cũng cần được tăng cường. Ngoài ra, việc tăng cường giáo dục, đào tạo và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho người lao động, cán bộ quản lý doanh nghiệp, quản lý khu du lịch và cán bộ quản lý nhà nước về du lịch là điều quan trọng. Để đối phó với các vi phạm về bảo vệ môi trường từ nhà đầu tư nước ngoài, cần thiết phải nghiên cứu và đưa ra các biện pháp trừng phạt nghiêm khắc. Đồng thời, khuyến khích và tạo điều kiện cho các dự án FDI du lịch thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường như trồng

rừng, xử lý rác thải và chất thải công nghệ để thu hút đầu tư vào lĩnh vực này ở CHDCND Lào trong hiện tại và trong tương lai.

#### **4.2.5. Tăng cường vai trò giám sát của nhà nước đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào**

Tăng cường vai trò giám sát của nhà nước đối với đầu tư FDI ở CHDCND Lào là điều cần thiết để đảm bảo lợi ích quốc gia, phát triển bền vững và hạn chế những tác động tiêu cực có thể xảy ra. Cần có những quy định rõ ràng về các lĩnh vực ưu tiên thu hút FDI, cơ chế quản lý, giám sát, đánh giá, và xử lý vi phạm pháp luật liên quan đến FDI. Tăng cường vai trò giám sát của nhà nước đối với FDI vào du lịch không chỉ là nhiệm vụ của cơ quan quản lý mà còn là trách nhiệm của toàn xã hội. Chỉ khi có sự phối hợp chặt chẽ, đồng lòng của các cơ quan quản lý, doanh nghiệp và người dân, CHDCND Lào mới có thể quản lý FDI hiệu quả, phát triển kinh tế, xã hội bền vững và bảo vệ lợi ích quốc gia.

*Một là, tăng cường quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài*

Trong việc quản lý hoạt động FDI du lịch, CHDCND Lào cần tập trung vào việc tuân thủ các quy định pháp luật và đảm bảo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển mà vẫn đảm bảo tính công khai, minh bạch và lợi ích cân đối. Điều này cần tránh việc ưu tiên quá mức lợi ích của địa phương có thể ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư. Đồng thời, cần tạo điều kiện thuận lợi cho FDI du lịch tiếp cận thị trường địa phương và thực hiện dự án một cách hiệu quả để tối ưu hóa kết quả.

Một số giải pháp mà CHDCND Lào cần quan tâm trong thời gian tới bao gồm việc nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước đối với các doanh nghiệp FDI du lịch sau khi đã nhận giấy phép đầu tư. Điều này bao gồm hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan liên quan để giải quyết nhanh chóng các vấn đề phức tạp của nhà đầu tư, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến đất đai, môi

trường, và xuất nhập khẩu. Sự tập trung quản lý thông qua Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng với sự phối hợp giữa các ngành và đơn vị liên quan là cần thiết.

Để hỗ trợ các doanh nghiệp FDI du lịch, đặc biệt là trong việc giải quyết vấn đề thị trường và nghĩa vụ thuế, cần thực hiện chế độ khen thưởng để khích lệ những chủ đầu tư hoạt động hiệu quả. Đồng thời, cần thu hồi giấy phép đầu tư của các dự án không triển khai và không có triển vọng thực hiện để dành cho các nhà đầu tư khác. Quản lý và xử lý nghiêm các doanh nghiệp vi phạm pháp luật cũng cần được thực hiện đều đặn.

Xây dựng chương trình quản lý và bảo vệ môi trường cũng là một điểm quan trọng. Điều này bao gồm việc giáo dục nhận thức bảo vệ môi trường, kiểm tra chất thải của các doanh nghiệp FDI du lịch, và đảm bảo sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng như Bộ Tài nguyên - Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Đồng thời, việc đầu tư vào công nghệ hiện đại để quản lý môi trường cũng là yếu tố quan trọng trong việc phát triển du lịch bền vững. Quy định rõ ràng trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc giám sát các doanh nghiệp FDI du lịch sau khi nhận giấy phép, đặc biệt là về việc tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường, nộp thuế và quản lý lao động, cũng cần được thực hiện một cách cụ thể.

Các cuộc gặp mặt hàng năm với chủ đầu tư FDI du lịch để đánh giá hiệu quả hoạt động của dự án cũng là cần thiết. Điều này sẽ tạo cơ sở cho việc cải cách hành chính trong việc quản lý và nâng cao hiệu quả của FDI du lịch. Ngoài ra, cán bộ nhà nước cũng cần được đào tạo để thực hiện công việc một cách minh bạch, công khai và có hiệu quả, từ đó nâng cao tính hấp dẫn của CHDCND Lào trong thu hút vốn đầu tư và đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế và xã hội của đất nước.

*Hai là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật Nhà nước của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài*

Để tăng cường quản lý hoạt động FDI du lịch, cần xác định nội dung và các phương thức trong việc tổ chức kiểm tra, thanh tra, và giám sát, đặc biệt

tập trung vào việc xây dựng và thực hiện cơ chế quản lý nhà nước, bao gồm các quy định liên quan đến bảo vệ môi trường, tiến độ đầu tư, chế độ lao động, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, nhập khẩu lao động chuyên môn cao, và chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào CHDCND Lào. Điều này đặt ra yêu cầu cao với cán bộ quản lý về kiểm tra và thanh tra phải có trình độ chuyên môn cao cùng kinh nghiệm để đáp ứng các yêu cầu này.

Việc hoàn thiện quy trình quản lý, kiểm tra, thanh tra, giám sát cho các dự án đã được cấp phép đầu tư đòi hỏi chú ý đặc biệt đến việc quản lý, kiểm tra, giám sát chặt chẽ quá trình đầu tư xây dựng cơ bản, thực hiện các mục tiêu, hạng mục dự án, và phát hiện xử lý kịp thời các vi phạm về xây dựng và thiết kế đã được duyệt.

Rà soát định kỳ các dự án FDI du lịch đã được cấp phép là một giải pháp quan trọng để xử lý các vấn đề phát sinh. Cần hỗ trợ và tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp FDI du lịch, đồng thời thúc đẩy việc triển khai các dự án chưa thực hiện nhưng có khả năng triển khai, cũng như điều chỉnh mục tiêu và quy mô hoạt động của chúng.

Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ các nhà đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp trong công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát là cần thiết. Cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến FDI du lịch cần phải tìm cách giải quyết vấn đề và hỗ trợ kịp thời cho các nhà đầu tư. Công việc kiểm tra, thanh tra cần được thực hiện một cách linh hoạt, công bằng, và minh bạch, tránh gây ra sự phiền hà vì mục đích cá nhân.

Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát là một yêu cầu cần thiết trong quản lý kinh tế, xã hội nói chung và đối với FDI du lịch nói riêng. Điều này đòi hỏi cần nâng cao chất lượng của các cơ quan chức năng trong việc uốn nắn và khắc phục các vi phạm tồn tại. Điều này sẽ góp phần quan trọng trong công tác quản lý nhà nước đối với FDI du lịch ở CHDCND Lào, đảm bảo tính minh bạch, công bằng và hiệu quả ngày càng được cải thiện.

*Ba là, có biện pháp hành chính đủ sức răn đe đối với các vi phạm luật pháp của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài như: gây ô nhiễm môi trường, vi phạm luật về lao động.*

Doanh nghiệp FDI du lịch trong giai đoạn hội nhập cần tuân thủ mạnh mẽ trách nhiệm bảo vệ môi trường và quyền lợi của người lao động. Những doanh nghiệp thành công luôn đặt triết lý kinh doanh có trọng tâm là môi trường và người lao động, xem đây là động lực quan trọng đối với sự phát triển ổn định và bền vững của cả doanh nghiệp và đất nước. Để đạt được điều này, cần cải thiện năng lực cơ chế của Nhà nước, hoàn thiện cơ sở pháp lý, tăng cường năng lực và trách nhiệm cá nhân cụ thể, đồng bộ hóa trong việc bảo vệ môi trường và quyền lợi lao động từ cấp trung ương đến địa phương. Điều này bao gồm việc quyết liệt xử lý những hành vi thiếu trách nhiệm, vô đạo đức và các hành vi phi nhân văn, đồng thời hỗ trợ tích cực cho các tổ chức xã hội và bảo vệ môi trường và lao động.

Khu vực FDI du lịch đã đóng góp vào tạo việc làm cho người lao động. Đến năm 2018, đã tạo việc làm trực tiếp cho khoảng 10.196 người. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp FDI du lịch vẫn gặp vấn đề với việc nợ đọng bảo hiểm xã hội, tranh chấp lao động, dẫn đến hàng trăm cuộc đình công đòi quyền lợi liên quan đến lương, thưởng, làm thêm giờ, nghỉ trưa và các chế độ phúc lợi khác. Nhiều công ty chỉ coi trách nhiệm xã hội với môi trường và lao động là một phần của hoạt động marketing để tạo hình ảnh tích cực cho doanh nghiệp, thay vì là cam kết thực sự. Ngoài ra, nhiều dự án FDI du lịch vẫn sử dụng công nghệ lạc hậu và không tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường, gây tác động tiêu cực nghiêm trọng.

Để tăng cường trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp FDI du lịch đối với môi trường và người lao động, cần có các biện pháp mạnh mẽ nhằm nâng cao nhận thức, chỉ đạo và thi hành các luật và chính sách liên quan. Cần thiết phải hoàn thiện hệ thống luật pháp để thực hiện các chiến lược quốc gia về

trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với môi trường và lao động. Điều này nhằm mục đích đạt sự tin tưởng, sự đồng thuận, tự hào và ủng hộ từ cộng đồng dân cư và doanh nghiệp vào các giá trị dân chủ, tiến bộ, vì con người, tôn trọng quyền con người và tạo điều kiện cho phát triển tự do, toàn diện và hài hòa, phục vụ cả cá nhân và cộng đồng.

Nhà nước cần tăng cường năng lực cơ chế, hoàn thiện cơ sở pháp lý, tăng cường năng lực và trách nhiệm cá nhân cụ thể, đồng thời tạo kết nối và kiểm tra theo quy trình đồng bộ trong công tác bảo vệ môi trường và lao động từ cấp trung ương đến địa phương. Điều chỉnh và cụ thể hóa các chính sách, cơ chế hoạt động, quy trình tiếp nhận và xử lý tranh chấp, với các biện pháp trừng phạt nghiêm khắc nhất để loại bỏ nhanh chóng những hành vi thiếu trách nhiệm, vô đạo đức và phi nhân văn, ích kỷ. Đồng thời, cần hỗ trợ tích cực cho các tổ chức xã hội và bảo vệ môi trường và lao động.

Xây dựng trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp với môi trường và lao động vào văn hóa doanh nghiệp ở CHDCND Lào là để thúc đẩy cam kết của doanh nghiệp đóng góp cho sự phát triển kinh tế bền vững. Điều này đòi hỏi tuân thủ chuẩn mực về bảo vệ môi trường, bình đẳng giới, an toàn lao động, quyền lợi lao động, trả lương công bằng, đào tạo và phát triển nhân viên, cũng như phát triển cộng đồng. Quá trình này là một hành trình dài, không có điểm kết thúc, yêu cầu sự kiên trì, quyết tâm và nỗ lực không ngừng nhằm củng cố các giá trị quốc gia, xây dựng môi trường kinh doanh tôn trọng pháp luật, đề cao đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội. Đây là cơ sở cho một cạnh tranh lành mạnh trong cộng đồng doanh nghiệp và trong lãnh đạo quản lý của CHDCND Lào. Hợp tác với các tổ chức quốc tế để trao đổi kinh nghiệm, học hỏi các phương pháp giám sát FDI hiệu quả, chia sẻ thông tin và nâng cao năng lực quản lý. Giúp người dân hiểu rõ về quyền lợi và trách nhiệm của mình trong việc giám sát hoạt động của các doanh nghiệp FDI, tham gia phản ánh, góp ý kiến về các hoạt động của FDI; Xây dựng cơ chế tiếp nhận và xử lý

thông tin phản ánh của người dân về hoạt động của các doanh nghiệp FDI, đảm bảo quyền lợi của người dân và sự minh bạch trong hoạt động đầu tư.

*Bốn là, tăng cường kiểm soát giá chuyển nhượng ở các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để chống hành vi trốn thuế.*

Chuyển giá không chỉ làm thất thu ngân sách nhà nước, mà còn tạo ra môi trường cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp. Để hạn chế tình trạng này cần tập trung thực hiện hiệu quả vào một số giải pháp như sau:

*Thứ nhất*, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý. Để giải quyết vấn đề hiện tại, Lào cần cải thiện pháp lý liên quan đến việc ngăn chặn chuyển giá và hướng đến việc ban hành Luật chống chuyển giá. Cần rút ngắn các ưu đãi thuế và điều chỉnh các chính sách xã hội liên quan đến việc ưu đãi thuế. Việc chuyển giao quyền điều tra từ cơ quan thuế cấp Tổng cục sang cơ quan thuế cấp CHDCND Lào cũng là một bước đi quan trọng và kéo dài. Đồng thời, cần hoàn thiện hệ thống thông tin chính xác và dữ liệu về người và doanh nghiệp FDI du lịch khi nộp thuế, nhằm theo dõi các thay đổi về doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp này.

*Thứ hai*, hoàn thiện toàn bộ cơ cấu tổ chức thuế bằng việc thành lập Phòng Thanh tra giá chuyển nhượng tại Cơ quan Thuế CHDCND Lào. Đồng thời, lực lượng thanh tra giá chuyển nhượng được hình thành. Đây là đội ngũ chuyên nghiệp chịu trách nhiệm xử lý các vấn đề chống chuyển giá tại cấp quản lý thuế địa phương, cũng như thu thập và xử lý thông tin từ các doanh nghiệp FDI liên kết với cơ quan thuế và các bên liên quan. Vấn đề đang đặt ra là, các cơ quan thuế đang gấp rút xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu có khả năng đáp ứng yêu cầu về phân tích rủi ro và làm căn cứ để xác định giá thị trường cho các giao dịch liên kết. Theo cơ quan thuế trung ương, việc xác định chuyển giá không phải là vấn đề khó, nhưng quá trình xử lý gặp nhiều khó khăn do thiếu dữ liệu, khiến cho cán bộ thuế phải thực hiện thủ công, từng bước để so sánh và kiểm tra từng khoản mục.



*Thứ ba*, áp dụng phương pháp định giá (APA cơ chế thỏa thuận trước về xác định giá). Các tập đoàn đa quốc gia cần tự tính toán giá hoặc mức giá mua bán hàng hóa và dịch vụ giữa các thành viên trong tập đoàn trước khi đưa ra kê khai và nộp thuế. Cơ quan thuế sẽ hợp tác với cơ quan thuế nước ngoài, ký kết các hiệp định tránh đánh thuế hai lần với CHDCND Lào để kiểm soát và giám sát việc chống gian lận thuế. Lý thuyết cho thấy, Phương án Giá cơ bản (APA) có thể giúp giảm thiểu việc khai gian giá và những tình huống “lỗ giả, lãi thật” mà dư luận đã đề cập đến ở nhiều doanh nghiệp. Tuy nhiên, không chắc chắn rằng các doanh nghiệp FDI sẽ tự nguyện thực hiện APA. Vì APA áp dụng theo nguyên tắc tự nguyện, cơ quan thuế không thể buộc các doanh nghiệp FDI du lịch phải tuân theo. Do đó, cơ quan thuế cần thiết lập cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp FDI có giao dịch liên kết thực hiện APA để tránh kiểm tra về chuyển giá.

Tại CHDCND Lào, hướng dẫn về APA đã được ban hành và một số doanh nghiệp FDI đã yêu cầu áp dụng. Tuy nhiên, việc thực hiện APA là quá trình phức tạp và tốn nhiều thời gian, do đó chỉ phù hợp với các doanh nghiệp FDI có quy mô lớn và mô hình kinh doanh ổn định. Bộ Tài chính và Cơ quan thuế CHDCND Lào cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế pháp lý trong việc quản lý chuyển giá.

*Thứ tư*, Chính phủ CHDCND Lào và các cơ quan liên quan cần xem xét lại và điều chỉnh hướng đi để giảm khoảng cách về ưu đãi thuế giữa các ngành, lĩnh vực và khu vực khác nhau trong nước. Một trong những nguyên nhân dẫn đến việc chuyển giá là sự chênh lệch về thuế thu nhập giữa các doanh nghiệp FDI du lịch ở các quốc gia, sự khác biệt trong mức thuế thu nhập áp dụng cho các doanh nghiệp FDI du lịch trong một quốc gia, bao gồm cả các ưu đãi thuế và các loại thuế miễn giảm.

*Thứ năm*, cơ quan thuế cần gia tăng việc kiểm tra và thanh tra về giá chuyển giao, coi đây là một trong những nhiệm vụ chủ chốt của ngành thuế.

Đặt sự tập trung vào việc thanh tra, kiểm tra giá chuyển giao đối với các doanh nghiệp FDI du lịch có nguy cơ cao về việc lạm dụng chuyển giá trong việc tránh thuế, cũng như các doanh nghiệp FDI du lịch đang thực hiện các chiến lược tái cơ cấu có thể tận dụng chuyển giá để tránh thuế. Trong những trường hợp vi phạm chuyển giá, cần thiết phải có những biện pháp xử phạt được mở rộng và tăng cường so với những quy định hiện hành, nhằm đảm bảo tính nghiêm túc của pháp luật..

*Thứ sáu,* Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và tương tác dữ liệu, thông tin liên quan đến các doanh nghiệp FDI trong các cơ quan chức năng của CHDCND Lào nhằm đảm bảo sự phối hợp hiệu quả và mạch lạc trong việc kiểm soát chuyển giá giữa các cơ quan chức năng. Trong giai đoạn tiếp theo, các cơ quan như ngành thuế, cơ quan cấp phép đầu tư, hải quan, công an, ngân hàng, và các tổ chức tương tự cần tăng cường xây dựng hệ thống dữ liệu và kết nối thông tin để tạo ra một hệ thống thông tin đồng bộ hóa cho việc quản lý thuế tổng thể, cũng như thực hiện các hoạt động phân tích rủi ro, thanh tra, kiểm tra, và xử lý vi phạm về chuyển giá giữa các đơn vị liên kết.

Tóm lại, việc chống chuyển giá có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hút FDI du lịch vào CHDCND Lào trong tương lai ngắn bằng việc giảm số lượng dự án và vốn đầu tư. Tuy nhiên, trong dài hạn, nó sẽ cải thiện chất lượng thu hút FDI du lịch bằng cách hạn chế sự hiện diện của các doanh nghiệp không hiệu quả và thúc đẩy đóng góp của khu vực FDI du lịch. Điều này sẽ thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư nổi tiếng, làm cho môi trường đầu tư ở CHDCND Lào trở nên phát triển tích cực và bền vững hơn. Đã đến lúc các cơ quan chức năng cũng như các địa phương cần quyết đoán và mạnh mẽ hơn trong việc thực hiện các biện pháp chống chuyển giá đồng bộ, nhằm tránh những thiệt hại cho CHDCND Lào khi thu hút vốn đầu tư từ các doanh nghiệp FDI du lịch. Phân tích hiệu quả của các chính sách thu hút FDI, điều chỉnh kịp thời để phù hợp với thực tế và bối cảnh quốc tế.

## KẾT LUẬN

Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào du lịch là vấn đề có ý nghĩa chiến lược quan trọng trong thời gian tới để phát triển kinh tế - xã hội ở CHDCND Lào. Trên cơ sở luận án phân tích lý luận và thực tiễn của đầu tư nước ngoài trực tiếp vào du lịch ở CHDCND Lào, luận án đã được trình bày thành 4 chương nội dung và rút ra những kết luận khoa học sau đây:

1. Luận án đã đưa ra Khái niệm trung tâm thu hút FDI vào ngành du lịch ở CHDCND Lào: Thu hút FDI vào du lịch ở CHDCND Lào là một quá trình phát triển kinh tế tại CHDCND Lào, trong đó các nhà đầu tư cung cấp các tài sản như vốn, công nghệ, kỹ năng quản lý vào CHDCND Lào để thực hiện đầu tư vào du lịch nhằm phát triển nền kinh tế của CHDCND Lào. Tài sản FDI trong quan niệm này, theo thông lệ quốc tế, có thể là tài sản hữu hình bao gồm: Máy móc, thiết bị, bất động sản, quy trình công nghệ, các loại hợp đồng và giấy phép có giá trị...; tài sản vô hình bao gồm: Quyền sở hữu trí tuệ, bí quyết và kinh nghiệm quản lý doanh nghiệp; hoặc tài sản tài chính bao gồm: Cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu, giấy ghi nợ...

2. Luận án đã phân tích các đặc điểm và vai trò của FDI vào ngành du lịch ở CHDCND Lào. FDI vào du lịch ở CHDCND Lào có vai trò quan trọng đối với phát triển du lịch nói riêng và phát triển kinh tế - xã hội nói chung ở CHDCND Lào. FDI góp phần sẽ góp phần đẩy mạnh sự phát triển nền kinh tế, nâng cao mức thu nhập của dân cư, tạo nhiều việc làm cho xã hội, đồng thời bảo vệ danh lam thắng cảnh, các di tích lịch sử, di sản văn hóa của dân tộc gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, tạo nên sự giao lưu văn hóa giữa các vùng, miền, quốc gia và quốc tế. Để FDI vào du lịch ở CHDCND Lào phát triển đúng hướng cần phải có những chiến lược phát triển hợp lý, khoa học và mang tính dài hạn đồng thời phải có sự phối kết hợp đồng bộ với các ngành nghề liên quan.

3. Phân tích nội dung của thu hút FDI vào ngành du lịch ở CHDCND Lào, phân tích ảnh hưởng của việc đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực du lịch ở CHDCND Lào và nhấn mạnh vào tác động tích cực của nó đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch ở CHDCND Lào cung cấp một nguồn vốn quan trọng để phát triển khai thác các tiềm năng về lao động, đất đai và tài nguyên. Nó cũng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo ra nguồn thu lớn cho ngân sách nhà nước, và đóng góp vào việc tạo ra việc làm và chia sẻ kinh nghiệm quản lý. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các nước đang phát triển, bởi vì họ thường gặp khó khăn trong việc tích lũy vốn trong nền kinh tế nội bộ do hạn chế về tài chính. Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch ở CHDCND Lào không chỉ mang lại công nghệ mới mà còn đóng góp vào việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu kinh tế một cách hợp lý, mở rộng thị trường và thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của CHDCND Lào.

4. Phân tích thực trạng thu hút FDI vào ngành du lịch ở CHDCND Lào  
Việc đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch ở CHDCND Lào có thể có những ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước tiếp nhận đầu tư. Nó có thể tạo ra sự mất cân đối trong hoạt động đầu tư, đồng thời gây ra sự phụ thuộc vào công nghệ và thị trường từ các quốc gia đầu tư, đặt áp lực cạnh tranh lên các doanh nghiệp địa phương. Đồng thời, việc khai thác tài nguyên có thể đến mức cạn kiệt, đồng thời có nguy cơ tạo ra các vấn đề ô nhiễm môi trường khi trở thành bãi thải công nghệ. Những tác động này có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các khía cạnh của vấn đề xã hội.

5. Luận án đưa ra các giải pháp đẩy mạnh thu hút FDI vào ngành du lịch ở CHDCND Lào. Dựa trên việc phân tích cả lý thuyết và thực tiễn về việc đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch ở CHDCND Lào, Luận án đã đưa ra các hướng giải pháp nhằm tăng cường và khai thác tác động tích

cực cũng như hạn chế những tác động tiêu cực của đầu tư này. Các giải pháp đề xuất nhằm tập trung vào việc thu hút đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào ngành du lịch của Lào trong các lĩnh vực và ngành nào có tiềm năng và lợi thế cụ thể của đất nước này. Đồng thời, cũng có những giải pháp nhằm kích thích tác động tích cực của đầu tư này, đồng thời giảm thiểu những hậu quả tiêu cực đối với ngành du lịch ở CHDCND Lào.

Việc đầu tư trực tiếp nước ngoài vào du lịch ở CHDCND Lào mang tính rộng lớn và phức tạp. Dựa trên các kết quả nghiên cứu, tác giả hy vọng rằng công trình này sẽ góp phần nhỏ vào việc hiểu rõ hơn về việc thu hút đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào ngành du lịch ở CHDCND Lào và cách nó góp phần vào phát triển kinh tế-xã hội. Ngoài ra, với các đề xuất giải pháp, mong muốn rằng nếu triển khai thực hiện, chúng có thể tăng cường và nâng cao hiệu quả của việc thu hút và sử dụng đầu tư trực tiếp nước ngoài trong ngành du lịch ở CHDCND Lào, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa quốc gia, và đẩy mạnh tính hội nhập của nền kinh tế CHDCND Lào vào khu vực và thế giới ngày nay.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ  
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Sinthone KEOKHAMPHENG (2023), “Giải pháp tăng cường thu hút Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào ngành du lịch ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán*, (248), tr.89-93.
2. Sinthone KEOKHA MPHENG (2023), “Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào ngành du lịch ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, những kinh nghiệm vào bài học đặt ra”, *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán*, (250), tr.92-95.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### \* Tiếng Việt

1. Bùi Kiều Anh (2022), “Đầu tư trực tiếp nước ngoài: kinh nghiệm của Trung quốc, Thái Lan, Singapore và bài học cho Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế tài chính Việt Nam*, Số 3/2022.
2. Lê Tuấn Anh (2016), “Hoàn thiện chiến lược phát triển ngành du lịch Việt Nam trong bối cảnh Cộng đồng kinh tế ASEAN được thành lập”, *Tạp chí Phát triển và Hội nhập*, Số 26(36) - Tháng 01-02/2016, tr.70 - 77.
3. Nguyễn Văn Chiến (2022), “Tác động của phát triển du lịch và tăng trưởng kinh tế lên thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Đông Nam Á”, *Tạp chí Kinh tế và Quản lý*, Số 162/2022, tr.23 - 31.
4. Nguyễn Mạnh Cường (2015), “*Vai trò của chính quyền địa phương cấp tỉnh trong phát triển du lịch bền vững tỉnh Ninh Bình*”, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Trường đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.”
5. Nguyễn Chí Dũng (2018), “*Tầm nhìn mới, cơ hội mới cho đầu tư nước ngoài tại Việt Nam*” - Bộ Kế hoạch và Đầu tư: 30 năm thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam tầm nhìn và cơ hội trong kỷ nguyên mới, Hà Nội.
6. Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (Đồng chủ biên) (2009), *Giáo trình kinh tế du lịch*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
7. Phạm Xuân Hùng (2020) “Nghiên cứu các giải pháp thu hút đầu tư vào lĩnh vực du lịch tại tỉnh Quảng Bình” *Tạp chí Công thương*, truy cập từ <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/nghien-cuu-cac-giai-phap-thu-hut-dau-tu-vao-linh-vuc-du-lich-tai-tinh-quang-binh-67954.html>
8. Nguyễn Thanh Huyền (2022), “Kinh nghiệm quốc tế về huy động vốn đầu tư phát triển du lịch và hàm ý đối với Nghệ An”, *Tạp chí Tài chính*, số kỳ 1 tháng 12/2022.
9. Phạm Thị Hoa (2018), “*Thị trường du lịch thành phố Đà Nẵng trong hội nhập quốc tế*”, Luận án Tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

10. Trần Thị Minh Hòa (2013), “Hoàn thiện mối quan hệ giữa các bên liên quan nhằm phát triển hoạt động du lịch tại Việt Nam”, *“Tạp chí Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, (29), tr.19-28.*
11. Vũ Tuấn Hưng (2021), “Tác động của phát triển du lịch và tăng trưởng kinh tế lên thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Đông Nam Á”, *Tạp chí Kinh tế*, Học viện tài chính, Số 9, tr.54.
12. Hoàng Thị Lan Hương (2011), *“Phát triển kinh doanh lưu trú du lịch tại vùng du lịch Bắc Bộ của Việt Nam”*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
13. Dương Hoàng Hương (2017), *“Phát triển du lịch bền vững ở tỉnh Phú Thọ”*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
14. Hoàng Thị Ngọc Lan (2009), *Thị trường du lịch tỉnh Hà Tây*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia hồ Chí Minh, Hà Nội.
15. Nguyễn Thị Hồng Lâm (2013), *“Kinh tế du lịch ở các tỉnh Bắc Trung Bộ trong hội nhập kinh tế quốc tế”*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
16. Nguyễn Tư Lương (2015) *“Chiến lược phát triển du lịch bền vững tỉnh Nghệ An đến năm 2020*, Luận án Tiến sĩ kinh tế,” Trường Đại học Thương mại, Hà Nội.
17. Nguyễn Văn Mạnh, Nguyễn Đình Hòa (2008), *Giáo trình Marketing du lịch*, Nxb Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
18. Đông Ngọc Minh, Vương Lôi Đình (2000), *Giáo trình kinh tế du lịch và du lịch học*, Nxb Trẻ, Hà Nội.
19. Trần Văn Phương (2008) “Phát triển kinh tế du lịch với bảo tồn văn hóa truyền thống các dân tộc ở Tây Nguyên”, *Tạp chí Khoa học Xã hội, (03), tr.32-38.*



20. Phùng Thị Lan Phương (2021), “*Báo cáo nghiên cứu đầu tư trực tiếp của Australia tại Việt Nam: Đánh giá hiệu quả thực tế và những giải pháp chính sách*”, Hà Nội.
21. Nguyễn Hồng Quang (2022), “Một số đặc điểm nổi bật của kinh tế Thái Lan từ năm 2014 đến nay (2021)”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 5/2022, tr.26-37.
22. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1996), *Luật Đầu tư nước ngoài Việt Nam*, Hà Nội.
23. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Luật Đầu tư Việt Nam*, Nxb Giao thông vận tải, Hà Nội.
24. Quốc hội nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (1988), *Luật Đầu tư nước ngoài*, Viêng Chăn, Lào.
25. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2017), *Luật Du lịch*, Hà Nội.
26. Quốc hội nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (1994, 2004), *Luật khuyến khích và quản lý đầu tư (khuyến khích tư đầu tư nước ngoài)*, Viêng Chăn, Lào.
27. Quốc hội nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (2004), *Luật Khuyến khích đầu tư nước ngoài*, Viêng Chăn, Lào.
28. Quốc hội nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (2009), *Luật về khuyến khích đầu tư*, Viêng Chăn, Lào.
29. Quốc hội nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (2016), *Luật Khuyến khích đầu tư, (sửa đổi bổ sung)*, Viêng Chăn, Lào.
30. Hà Văn Sự (2001), *Một số giải pháp cơ bản nhằm phát triển Doanh nghiệp du lịch ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Thương Mại, Hà Nội.
31. Lê Trí Thanh (2022), “Một số kinh nghiệm của tỉnh Quảng Nam trong thu hút đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh”, *Tạp chí Cộng sản điện*

tử truy cập từ <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/thuc-tien-kinh-nghiem1/-/2018/825466/mot-so-kinh-nghiem-cua-tinh-quang-nam-trong-thu-hut-dau-tu-va-nang-cao-nang-luc-canh-tranh.aspx>

32. Nguyễn Hồ Minh Trang (2017), “Thu hút vốn đầu tư để phát triển du lịch ở tỉnh Thừa Thiên – Huế”, *Tạp chí Tài chính*, Tháng 4/2017, tr.116-118.
33. Nguyễn Thị Thu Trang (2016), “Các giải pháp nhằm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển ngành du lịch Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương* (tháng 9/2016), tr. 32-34.
34. Vũ Ngọc Tú (2021), “Nguồn vốn hỗ trợ phát triển du lịch - kinh nghiệm từ Thái Lan”, *Tạp chí Công Thương - Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ*, Số 26, tháng 11 năm 2021.
35. Trung tâm WTO và hội nhập - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2021), “*Báo cáo nghiên cứu đầu tư trực tiếp của Australia tại Việt Nam: Đánh giá hiệu quả thực tế và những giải pháp chính sách*”, Nxb Công thương, Hà Nội.

**\* Tiếng Lào (Nghiên cứu tại Lào)**

36. Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào (2011), *Báo cáo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ VI (2006 - 2010)*, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.
37. Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào (2016), *Báo cáo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ VII (2010 - 2015)*, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.
38. Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào (2020), *Báo cáo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ VIII (2015 - 2020)*, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.
39. Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào (2018), *Báo cáo về đầu tư nước ngoài tại Lào năm 2018*, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.
40. Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào (2018), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2018*, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.
41. Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào (2018), *Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ IV, V, VI, VII và VIII (2016-2018)*, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

42. Bộ Tài chính Lào (2010), *Báo cáo nguồn thu ngân sách giai đoạn (2006 - 2010)*, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.
43. Bộ Tài chính Lào (2015), *Báo cáo nguồn thu ngân sách giai đoạn (2011 - 2015)*, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.
44. Bộ Tài chính (2017), *Báo cáo kết quả công tác thuế năm 2017, nhiệm vụ - biện pháp công tác thuế năm 2018*, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.
45. Bộ Tài chính (2018), *Báo cáo nguồn thu ngân sách giai đoạn (2006 - 2018)*, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.
46. Bộ Tài chính Lào (2018), *Bài báo cáo nguồn thu ngân sách giai đoạn thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ VI, VII và VIII (2006-2018)*, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.
47. Bộ Tài chính Lào (2018), *Tổng kết việc thu chi ngân sách nhà nước năm 2018 kế hoạch 2019 và tầm nhìn 2025*, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.
48. Bộ Tài nguyên và Môi trường Lào (2015), *Báo cáo tổng kết giai đoạn (2011 - 2015) và kế hoạch (2016 - 2020)*, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.
49. Bộ Tài nguyên và Môi trường Lào (2015), *Kế hoạch bảo vệ môi trường 2015 - 2020 và tầm nhìn 2025*, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.
50. Bộ Thông tin, Văn hóa và Du lịch Lào (2012), *“Chiến lược phát triển và xúc tiến du lịch của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào năm 2012-2020”*, Viêng Chăn.
51. Bộ Thông tin, Văn hóa và Du lịch (2016), *“Tầm nhìn 2030, chiến lược đến năm 2025 và quy hoạch phát triển việc Thông tin, Văn hóa và Du lịch của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào năm 2016-2020”*, Viêng Chăn.
52. Bộ Thông tin, Văn hóa và Du lịch (2016), *“Tổng kết tổ chức thực hiện 5 năm việc Thông tin, Văn hóa và Du lịch 2011-2015 và quy hoạch phát triển 2016 - 2020”*, Viêng Chăn.
53. Bộ Thông tin, Văn hóa và Du lịch (2019), *“Báo cáo thống kê du lịch của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào”*, Viêng Chăn.

54. Bộ Thông tin, Văn hóa và Du lịch (2018), “*Báo cáo tổng kết của Bộ trưởng về đẩy mạnh xúc tiến năm du lịch quốc gia Lào 2018*”, Viêng Chăn.
55. Bun Lưon Vãn Na Hắc (2010), “Lợi thế du lịch ở tỉnh Xiêng Khoảng đang chờ đợi sự đầu tư phát triển”, *Tạp chí Lý luận Chính trị - Hành chính*, (11), tr.40 - 44.
56. Bua Khăm Thíp Pha Vông (2001), “*Đầu tư trực tiếp nước ngoài trong phát triển kinh tế ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*”, Luận án tiến sĩ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
57. Đảng Nhân dân Cách mạng Lào (2006), Văn kiện đại hội Đảng Nhân dân Cách mạng Lào lần thứ VIII, Nxb Viêng Chăn.
58. Đảng Nhân dân Cách mạng Lào (2011), *Văn kiện đại hội Đảng nhân dân cách mạng Lào lần thứ IX*, Nxb Viêng Chăn.
59. Đảng nhân dân cách mạng Lào (2016), *Văn kiện đại hội Đảng Nhân dân Cách mạng Lào lần thứ X*, Nxb Viêng Chăn.
60. Đảng nhân dân cách mạng Lào (2021), *Văn kiện đại hội Đảng Nhân dân Cách mạng Lào lần thứ XI*, Nxb Viêng Chăn.
61. Đảng bộ tỉnh Bo Li Khăm Xay (2010), *Văn kiện Đại hội lần thứ V nước Cộng hòa Nhân chủ Nhân dân Lào*, Bo Li Khăm Xay.
62. Đảng bộ tỉnh Khăm Muôn (2015), *Văn kiện Đại hội lần thứ VIII nước Cộng hòa Nhân chủ Nhân dân Lào*, Khăm Muôn.
63. Đảng bộ tỉnh Sa Vãn Na Khết (2015), *Văn kiện Đại hội lần thứ VII nước Cộng hòa Nhân chủ Nhân dân Lào*, Sa Vãn Na Khết.
64. Vi Lay Vone Phom Ma Chanh (2016), “Giải pháp tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào CHDCND Lào”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Đà Nẵng*, Số 8(105).2016, tr.95-99.
65. Xôm Xạ Ật Un Xi Đa (2005), “*Hoàn thiện các giải pháp tài chính trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đến năm 2010*, Luận án tiến sĩ Kinh tế”, Học viện Tài chính, Hà Nội.

66. Xụ Phăn Kẹo My Xay (2003), “Vài ý kiến về phát triển Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trở thành được giao lưu trong khu vực”, *Tạp chí A Lun May*, (104), tr.18-24.
67. Vi Lạ Vông But Đa Khăm (2011), “*Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài nhằm phát triển kinh tế - xã hội của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*”, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
68. Sy Phone Xay Thip Da La (2022), “Giải pháp thu hút đầu tư của Trung Quốc vào Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trong giai đoạn hiện nay” *Tạp chí Nghiên cứu tài chính kế toán*, Số 06 (227)-2022, tr.93-96.
69. Sĩ Sạ Vạt King Da La (2017), “Chính sách huy động các nguồn vốn nước ngoài để cho phát triển kinh tế-xã hội”, *Tạp chí A Lun May*, (205), tr.23-25.
70. Kham Pheth Seng Lat Ta Na (2022), “*Phát huy nhân tố con người trong phát triển kinh tế du lịch ở Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào hiện nay*”, Luận án tiến sĩ Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
71. Khăm Phu Phết Xay Sĩ và Sa Lóm Sắc Pha Bút Đí (2012), *Giáo trình sự phát triển tài nguyên du lịch*, Nxb Trường Đại học Quốc gia, Thủ đô Viêng Chăn.
72. Khăm Cộn Ua Nuôn Sa (2013), “Du lịch là một ưu tiên của sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Xiêng Khoảng” *Tạp chí A Lun May*, (06), tr.57-60.
73. Khăm Xảy Năn Thạ Vông (2009), *Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong phát triển kinh tế ở nước ta*, Nxb Đại học Quốc gia Lào.
74. Phon Xay Chăn Thạ Văn (2015), “*Quản lý vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong lĩnh vực công nghiệp mỏ ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*”, Nxb Viêng Chăn.
75. Quốc hội Lào, *Luật đầu tư nước ngoài của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ban hành năm 1988*.

76. Som Khith Von Pan Nha (2019), “*Quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh Bo Kẹo nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào*”, Luận án tiến sĩ Quản lý kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
77. Văn Xay Sen Nhot (2015), “*Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các tỉnh miền núi phía Bắc ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*”, Luận án tiến sĩ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
78. Seng Phai Văn Seng A-Phon (2012), “*Quản lý nhà nước về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*”, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
79. Viêng Phon Kẹo Khun Sĩ (2009), *Quản lý đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp mỏ ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*, Nxb Đại học Quốc gia Lào, Viêng Chăn.
80. Chăn Tha Sôn Phun Súc (2011), “Chuyển hóa đất đai thành vốn trong sự phát triển khu du lịch ở tỉnh Xiêng Khoảng” *Tạp chí Lý luận Chính trị - Hành chính*, (09), tr.65-70.
81. Phon Xay Vi Lay Suc (2009), “*Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*”, Luận án tiến sĩ học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
82. Ma Nô Thông Pông Sa Văn (2014), “Xúc tiến du lịch ở tỉnh Khăm Muôn”, *Tạp chí Lý luận Chính trị - Hành chính*, (9), tr.40.
83. Mon Xay Lao Mông Sua (2009), “Luông Pha Bang tích cực phát triển du lịch tương xứng với thế mạnh của tỉnh” *Tạp chí A Lun May*, (06), tr.28-31.
84. Sou Kanh Bou Tha Vong (2021), “*Kinh tế du lịch ở các tỉnh Nam Trung Bộ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*”, Luận án tiến sĩ Kinh tế chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
85. Xụ Phăn Kẹo My Xay (2003), “Vài ý kiến về phát triển Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trở thành được giao lưu trong khu vực”, *Tạp chí A Lun May*, (104), tr.18-24.

86. Xôm Xạ At Un Xi Đa (2005), “*Hoàn thiện các giải pháp tài chính trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đến năm 2010*”, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Học viện Tài chính, Hà Nội.
87. Thủ tướng Chính phủ Lào (2011), “*Nghị định số 396/CP, về việc tổ chức và hoạt động của Bộ Thông tin, Văn hóa và Du lịch*,” Viêng Chăn.
88. Thủ tướng Chính phủ Lào (2017), Nghị định số 119/CP, về việc Quỹ du lịch, Viêng Chăn.
89. Thủ tướng Chính phủ Lào (2017), *Nghị định số 315/CP, về việc ăn uống vui chơi giải trí*, Viêng Chăn.
90. Vụ Quản lý du lịch (2017), *Thống kê đầu tư kinh đầu tư du lịch Lào*, Viêng Chăn.
91. Vilayvone Phommachanh (2016), “*Giải pháp tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào CHDCND Lào*,” Tạp chí Kinh tế Học viện Tài chính, Số 12, tr.54.

**\* Tiếng Thái Lan và Tiếng Anh**

92. Chu-pha-thip Yêm-chít-mệt-ta (1991), “*Đầu tư trực tiếp của nước ngoài tại Thái Lan*”, Luận án tiến sĩ, Bang kok, Thái Lan.
93. A-nụ-xa Tộn-xụ-rát (1994), *Các yếu tố tác động đầu tư của Nhật Bản tại Thái Lan và sự tác động đến nền kinh tế của Thái Lan*, Nxb Kinh tế Thái Lan.
94. Lê Nết (2014), “*Thu hút FDI bài học từ Thái Lan*”, tại trang <http://nhipcaudautu.vn/PrinVerson.aspx?id=20061&t1401067570404>.
95. M. Fetscherin, H. Voss, P. Gugler (2010), 30 Years of Foreign Direct Investment to China: An Interdisciplinary Literature Review, *International Business Review*, Vol 16, pp. 235-246.
96. Fei Chen Fei (2009), A research on the Position Factors Guangdong Province Attracting Agriculture FDI, South China Agriculture University.
97. Aviral Kumar Tiwari (2011), “*Tourism, Exports and FDI as a Means of Growth: Evidence from four Asian Countries*”, *The Romanian Economic Journal* June 2011.

98. CanolineeAshley, Peter De Brine, Amy Lehr and Hannah Wilde (2007), TheeRole of Tourism Sector in Expanding Economic Opportunity, Jonh F. Kennedy Scbool off Government, Havard University, Massachusetts.
99. Carolinefunck, Malcolm Cooper (2013), Japanese Tourism: Spaces, Places and Structures, Berghahn Books, New YorK.
100. ClementeA Tisdell (2013), Handbook of Tourism Economics: Analysis, New Applications and Case Studies, World Scientific Publishing Company, New Jersey.
101. Fateme Tohidy Ardahaeye (2011), Economic Impacts of Tourism Industry, International Journal of Business and Management 6((8), pp 206 - 215.
102. Md Abu Barkat Alie (2015), Trevel and Tourism Management, PHI Larning Private limited, Delhi.
103. Martine Oppermann and Kye Sung Chon (1997), Tourism in Developing Countries.
104. Richards, G and Hall, D (2003), Tourism and Sustainable Community Developmentt (Vol. 7). Psychology Press.



## PHỤ LỤC

## Phụ lục 1

*Số lượng dự án FDI đầu tư vào Lào qua các năm từ 2013 - 2023*

Năm	Số dự án	Tổng số vốn đăng ký (đô la)	Tổng số vốn thực hiện (đô la)
2013	11	3.520.585	2.743.500
2014	9	8.657.500	3.840.000
2015	26	19.193.750	9.880.000
2016	28	22.597.356	13.611.907
2017	37	36.199.000	22.295.000
2018	29	24.720.000	19.847.000
2019	33	29.896.870	21.200.600
2020	9	7.200.000	4.200.000
2021	14	14.756.890	6.874.000
2022	16	18.213.571	9.412.895
2023	19	19.312.248	9.875.912
<b>Tổng cộng</b>	<b>231</b>	<b>204.267.743</b>	<b>123.780.814</b>

*Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*

**Phụ lục 2****Phân bổ dòng FDI vào Lào giai đoạn 2010 - 2022**

<b>TT</b>	<b>Lĩnh vực/Ngành</b>	<b>Số dự án đã đăng ký</b>	<b>Giá trị đầu tư (USD)</b>
1	Sản xuất điện	47	4.153.051.585
2	Nông nghiệp	211	1.155.164.225
3	Khai thác mỏ	202	3.162.124.956
4	Công nghiệp và thủ công nghiệp	262	1.025.642.679
5	Dịch vụ	226	1.402.287.005
6	Thương mại	133	312.202.360
7	Xây dựng	43	288.480.951
8	Khách sạn và nhà hàng	85	235.411.245
9	Công nghiệp gỗ	49	118.833.034
10	Ngân hàng	23	165.096.000
11	Viễn thông	5	156.165.978
12	May mặc	40	30.474.920
	<b>Tổng số</b>	<b>1387</b>	<b>12.204.934.938</b>

*Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*

**Phụ lục 3**

***Tổng vốn đầu tư FDI vào phát triển kinh tế - xã hội  
Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào giai đoạn 2010 - 2023***

STT	Năm 2010 – 2023 (Kip)
Dịch vụ	2.555.069.633
Điện lực	8.138.919.243
Mỏ	5.191.002.529
Nông nghiệp	1.848.708.383
Công nghiệp và thủ công	685.870.377
Xây dựng	313.386.000
Thương mại	61.790.980
Tư vấn	184.086.999
Y tế	69.216.483
Ngân hàng	333.732.090
Khách sạn - cửa hàng	212.263.350
Giao thông	1.850.800
Giáo dục	9.770.436
Công nghiệp gỗ	28.606.948
Dệt may	8.840.000
<b>Tổng số</b>	<b>19.643.114.251</b>

*Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, năm 2021*

**Phụ lục 4**

***Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người của  
Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào 2010 - 2023***

<b>Năm</b>	<b>Tốc độ tăng trưởng GDP (USD/người)</b>
2010	1.141
2011	1.379
2012	1.582
2013	1.832
2014	2.000
2015	2.140
2016	2.324
2017	2.455
2018	2.569
2019	2.614
2020	2.609
2021	2.551
2022	2.589
2023	2.640

*Nguồn: Bộ kế hoạch đầu tư nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*